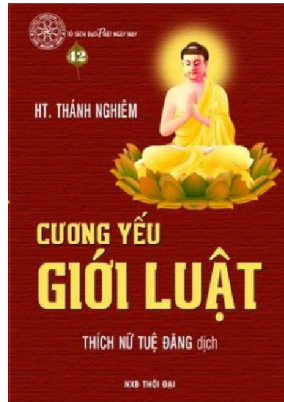


# CƯƠNG YẾU GIỚI LUẬT



**HT Thánh Nghiêm**  
**Ns Tuệ Đăng dịch**  
**Nhà xuất bản Thời Đại 2010**

---o0o---

*Nguồn*

*<http://www.thuvienhoasen.org>  
Chuyển sang ebook 02-12-2014*

***Người thực hiện :***

*Nguyễn Ngọc Thảo - [thao\\_ksd@yahoo.com.vn](mailto:thao_ksd@yahoo.com.vn)*

*Nam Thiên - [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

***[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)***

Mục Lục

Lời Tựa

Thiên thứ nhất : Tự Luận

Chương 1 : Thọ Giới, Học Giới và Trì Giới

Chương 2 : Sự Truyền Thừa Và Hoằng Dương Giới Luật

Thiên thứ hai : Quy Y Tam Bảo

Chương 1 : Tam Bảo Và Quy Y

Chương 2 : Phương Pháp Và Lợi Ích Của Quy Y Tam Bảo

Thiên thứ ba : Ngũ Giới Và Thập Thiện

Chương 1 : Ngũ Giới Và Nội Dung Của Ngũ Giới

Chương 2 : Phương Pháp Cầu Thọ Ngũ Giới Và Công Đức

Thiên thứ tư : Bát Quan Giới Trai

Chương 1 : Bát Quan Giới Trai Và Nội Dung

Chương 2 : Ngày Lục Trai Và Giới Trai Thanh Tịnh

Chương 3 : Điều Kiện Và Cách Thọ Bát Quan Giới Trai

Chương 4 : Sau Khi Thọ Bát Quan Giới Trai Xong

Thiên thứ năm : Sa Di Thập Giới Và Thức Xoa Lục Pháp

Chương 1 : Xuất Gia Và Mục Đích Của Xuất Gia

Chương 2 : Sa Di Giới Và Các Loại Sa Di

Chương 3 : Sa Di Nương Theo Thầy Và Sa Di Xuất Gia

Chương 4 : Sa Di Thọ Giới Và Trì Phạm Oai Nghi

Chương 5 : Thức Xoa Ma Ni

Thiên thứ sáu : Tỳ Kheo Tỳ Kheo Ni Giới Cương Yếu

Chương 1 : Khởi Nguyên Của Tỳ Kheo Và Tỳ Kheo Ni

Chương 2 : Nguyên Do Và Chúng Loại Của Giới Luật Tăng Ni

Chương 3 : Nội Dung Và Sự Đồng Dị Của Tỳ Kheo Và Tỳ Kheo Ni Giới

Chương 4 : Giới Trọng Yếu Của Tỳ Kheo Và Tỳ Kheo Ni

Chương 5 : Pháp Yết Ma Và Pháp Sám Hối

Thiên thứ bảy : Bồ Tát Giới Cương Yếu

Chương 1 : Thứ Lớp Và Cảnh Giới Của Bồ Tát

Chương 2 : Nội Dung Và Phân Biệt Của Bồ Tát Giới

Chương 3 : Giới Trọng Và Giới Khinh Của Bồ Tát Giới

Chương 4 : Truyền Thọ Và Điều Kiện Của Bồ Tát Giới

Chương 5 : Phương Pháp Thọ Bồ Tát Giới

Chương 6 : Sau Khi Thọ Bồ Tát Giới

---o0o---

**Tính chất của sách này, ngoài sự phổ thông nghiên cứu, còn là thực dụng nữa. Nội dung quyển sách này, trừ Thức xoa ma ni giới và Cụ túc giới ra, các giới đều được giới thiệu và ghi rõ về nghi thức thọ giới với tính cách thiết thực, đơn giản, rõ ràng, rất thích ứng với nghi thức thọ giới phổ thông.**

---o0o---

### **Lời Tựa**

Tôi được xuất gia lại, phải trải qua rất nhiều khó khăn mới đạt thành mục đích. Nay tôi xin chân thành tri ân vị ân sư hiện tại thể phát cho tôi là Đông Công Lão Nhân, Ngài đã dốc hết tâm lực giúp đỡ và thành tựu cho tôi, nên trong suốt 10 năm tông quân, niệm niệm tôi chẳng hề quên khôi phục thân phận xuất gia. Tôi cũng xin tỏ lòng cảm kích Nam Đình Trưởng lão, Ngài từ thí chí chung yêu thương ủng hộ và khích lệ tôi.

Chính vì cảm thấy sâu xa nhân duyên xuất gia này là đáng quý, mà tôi lập chí muốn làm một Phật tử thanh tịnh ở địa vị thấp nhất. Muốn được thanh tịnh, trừ việc học giới trì giới ra, không còn phương pháp nào tốt hơn. Vì giới luật là phương thuốc phòng ngừa sự hư đốn duy nhất trong sinh hoạt của người Phật tử. Đây là động cơ khiến tôi học tập giới luật.

Quyển sách này được hoàn thành, tôi xin cảm tạ Trúc Mai Lão Nhân hiện ở Nam Dương. Ngài đã khích lệ tôi rất nhiều. Lúc tôi ở Nam Dương, sau khi cho đăng phần tự luận của sách này trên báo Vô Tận Đăng, tôi nhận được 10 Mỹ kim do Ngài gửi đến và nói hãy ấn hành phần ấy để lưu thông. Tôi còn tiếp nhận được lời Ngài hứa, khi tôi viết xong bộ Giới Luật Học này, nếu không có năng lực xuất bản, Ngài giúp tôi phương tiện để ấn hành.

Đây là một sự khích lệ rất quý báu, từ đó tôi một mạch nghiên cứu và viết quyển sách này. Đồng thời cũng là sự thí nghiệm của tôi, bởi vì giới luật là một môn học vốn khô khan mà lại phiền toái. Đến nỗi từ cận thế đến nay trở thành môn học của Phật giáo không được mọi người để ý đến. Dẫu có người nghiên cứu cũng không thoát khỏi cái không khí cổ xưa, phần nhiều theo lẽ lối cũ khiến cho người ta khó hiểu, thậm chí phê bình lệch lạc.

Nhân đây, tôi muốn làm thử sống lại giới luật bằng phương pháp nghiên cứu mới, không câu nệ theo xưa, dùng lối văn giản dị, đem nội dung của giới luật, phối hợp với quan niệm của bao thời đại trước bằng cách tỷ giải thông thường cho mọi người dễ hiểu.

Đương nhiên, mục đích của tôi khi đem các vấn đề chủ yếu trong giới luật học ra để giới thiệu và khai thông, tuy là cần sự phổ thông, song vẫn không làm cho người nhàm chán. Do đó, trong quyển sách này, khi trưng dẫn các tư liệu trọng yếu của các bộ luật và chú sớ, đều có ghi rõ xuất xứ để tiện cho độc giả nghiên cứu tham khảo. Chỉ e người đọc không hiểu nguyên văn và những danh từ chuyên môn dẫn trong sách, nên chúng tôi có mở dấu ngoặc đơn để ghi chú.

Vì yêu cầu của thực tế, và vì giới hạn của các thiên trong quyển sách, nên quyển sách này trừ các thiên nói về Tam Quy, Ngũ giới, Bát giới, Thập giới rất là tỉ mỉ, còn Cụ túc giới và Bồ tát giới chỉ giới thiệu cương yếu, do đó mà tên sách này có hai chữ cương yếu. Tuy nhiên như vậy, Cụ túc giới và Bồ tát giới cũng chiếm hơn hai phần năm nội dung quyển sách này, đối với giới luật, người đọc cũng có một sự hiểu biết tương đối rõ ràng.

Tính chất của sách này, ngoài sự phổ thông nghiên cứu, còn là thực dụng nữa. Nội dung quyển sách này, trừ Thức xoa ma ni giới và Cụ túc giới ra, các giới đều được giới thiệu và ghi rõ về nghi thức thọ giới với tính cách thiết thực, đơn giản, rõ ràng, rất thích ứng với nghi thức thọ giới phổ thông; cùng nguồn gốc tính chất ý nghĩa

tác dụng của các thứ giới luật, cho đến vì sao cần phải thọ giới? Thọ giới như thế nào? Sau khi thọ giới phải làm sao? Do đó, đối tượng của sách này là các Phật tử đã thọ các giới pháp và cũng là những độc giả đang chuẩn bị thọ các giới pháp.

Có thể nói, trên đại thể thì sách này chịu ảnh hưởng nhiều của hai vị Đại sư là Ngẫu Ích và Hoằng Nhất, song không hoàn toàn theo đường lối của các Ngài, cho đến cũng không hoàn toàn đứng trên lập trường tông Nam Sơn (của Ngài Đạo Tuyên). Bởi vì nhìn từ trên bản chất của giới luật, thì giới luật thuộc về của chung Phật giáo, giới luật là phép tắc cho toàn thể Phật tử cùng nhau tuân giữ, chứ không phải chỉ dành riêng cho một tông phái nào.

Hẳn nhiên, trong bộ sách này có quan điểm cá nhân của tôi, song vấn đề tôi nói, tôi đều cố gắng trình bày một cách khách quan những quan điểm ấy theo yêu cầu của người đọc, và tôi dám khẳng định là những điều trình bày trong bộ sách này đều có căn cứ. Nhưng do trình độ học vấn của tôi thiển cận, nên sự cố gắng cho sách này có hạn, nếu như có một chút giá trị, là quy công về ân đức của Tam bảo và sự khích lệ của Thầy, bạn. Như có hậu quả không tốt, đều là lỗi của tác giả. Kính mong được sự chỉ dạy, tôi vô cùng cảm kích.

*Viết tại Quang Phòng, Chùa Triều Nguyên,*

*Ngày 25 tháng giêng (PL. 2509)*

**HT. THÁNH NGHIÊM**

---o0o---

## **Thiên thứ nhất : Tự Luận**

### **Chương 1 : Thọ Giới, Học Giới và Trì Giới**

#### **I. THỌ GIỚI**

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giới là gốc của Vô thượng Bồ đề”. Do đó, tinh thần căn bản của Phật giáo là ở sự tôn nghiêm của giới luật, tức là đệ tử của Phật phải tôn trọng và tuân giữ giới luật. Vì thế hễ là đệ tử của Phật, bất luận tại gia hoặc xuất gia khi bước vào cửa Phật thì điều trọng đại nhất là phải thọ giới. Bằng không thì dù tự xưng là tin Phật, học Phật, cũng chẳng được Phật giáo thừa nhận. Nói một cách khác: Ấy là người ngoài cửa.

Giới luật của Phật giáo, bởi vì sự bất đồng trên thân phận Phật tử và sự sai biệt của đẳng cấp, do đó cũng chia ra các loại có tên gọi như sau:

**A. Giới tại gia có 4 thứ:**

1. Tam quy giới
2. Ngũ giới
3. Bát quan trai giới
4. Bồ tát giới

**B Xuất gia có 5 thứ:**

1. Sa di và Sa di ni giới
2. Thức xoa ma ni giới
3. Tỳ kheo
4. Tỳ kheo ni giới
5. Bồ tát giới

Ở đây có ba điểm cần phải bàn:

1. Có người cho rằng tam quy không phải là giới. Ngũ giới trở lên mới gọi là giới. Thật ra tam quy cũng là giới, bởi vì nghĩa của giới là cấm ngăn. Sau khi quy y cũng có ba thứ cấm ngăn:

“ Quy y Phật suốt đời chẳng quy y thiên ma ngoại đạo.

“ Quy y Pháp suốt đời chẳng quy y tà thuyết ngoại đạo.

“ Quy y Tăng suốt đời chẳng quy y đồ chúng ngoại đạo.

Vì thế, bản thân của quy y Tam bảo là có bao hàm đặc chất của một loại giới.

2. Bát quan trai giới của người tại gia là 8 giới đầu tiên của hàng xuất gia Sa di, Sa di ni phải thọ. Do cửa ngõ này thông với con đường xuất gia, đóng chặt cửa sanh tử, vì thế gọi là Bát quan. Thêm vào đó, quá Ngọ chẳng ăn gọi là trai, hợp lại là Bát quan giới trai.

3. Bồ tát giới gần đây, tại Trung Quốc thông hành *Phạm Võng Giới bốn*. Giới bốn này có thể thông cho tất cả chúng sanh của tứ thánh lục phàm (chúng sanh địa ngục chẳng thể thọ giới, song cũng có người cho rằng cũng có thể thọ giới), vì thế chẳng phân tại gia hoặc xuất gia. Những năm gần đây ở Đài Loan truyền thọ Bồ tát giới, Tăng tục chia riêng, người xuất gia thọ Phạm Võng giới, người tại gia thọ 6 giới trọng và 28 giới khinh của *Kinh Ưu bà tắc giới*. Kỳ thực, đây là vấn đề cần phải thảo luận, vì trong *Kinh Ưu bà tắc giới* có nói rõ 6 giới trọng, 28 giới khinh là căn bản của giới Bồ tát, chứ không phải chính là Bồ tát giới.

Theo lý mà nói thì giới Bồ tát với Bồ tát giới, bất luận tại gia hoặc xuất gia đều bình đẳng.

Nhưng, Phật pháp tuy nói bình đẳng là nói bình đẳng đứng trên quan điểm tánh thể, chứ không phải nói bình đẳng ở trên sự bình đẳng không có già trẻ, không có tôn ty, không có trước sau. Phật nói mọi người đều có thể thành Phật, vì mọi người đều sẵn đủ Phật tánh, nhưng vì Phật tánh chưa hiện lộ nên họ chưa phải là Phật. Cho nên, ở trên giới luật của Phật giáo cũng có đẳng cấp và tầng lớp, từ Tam quy ngũ giới đến tầng cấp Tăng già, từng lớp tiến lên cao đều lấy Tam quy làm nền tảng, đến Bồ tát Tỳ kheo là đầy đủ. Người thọ Tam quy giới tự nhiên chẳng thể đạt được đến giới hạnh của Bồ tát Tỳ kheo giới. Trái lại, không có một vị Bồ tát Tỳ kheo nào chẳng thọ Tam quy giới. Vì thế nên biết Tam quy chỉ là phương tiện dẫn đạo nhập môn. Bồ tát Tỳ kheo mới là thân phận rốt sau tiến vào cửa Phật. Ba đời chư Phật ở tại nhân gian thành Phật cũng đều hiện tướng Tỳ kheo. Do đó, người thọ Tam quy giới rồi phải tiếp tục phát tâm cầu thọ Ngũ giới. Người thọ Ngũ giới rồi nên tiến thêm một bước, cầu thọ Bồ tát giới. Người thọ Bồ tát giới tại gia rồi như pháp phát tâm xuất gia, ấy là công đức vô lượng, song nếu không dẹp được duyên đời, không thể cạo tóc xuất gia thì nên thọ trì Bát quan giới trai mở một con đường xuất ly ngục tù sinh tử. Điều thiết yếu nhất là chẳng nên cho rằng tin Phật, quy y Tam bảo rồi là việc làm của người Phật tử đã xong.

---o0o---

## II. HỌC GIỚI

Thọ giới cố nhiên chẳng thể không có nghi thức thọ giới. Hoặc ở trước Sư Tăng phát tâm ân cần kính trọng khẩn thiết mà cảm phát giới thể, nhận được giới thể. Hoặc ở trước hình tượng Phật, Bồ tát, lễ bái sám hối thấy được hảo tướng, như

thấy hào quang, thấy bông hoa, thấy Phật, Bồ tát đến xoa đánh mà được thọ giới. Nhưng sự thọ giới đó chỉ là mở đầu cho một giai đoạn từng lớp của thân phận người đệ tử chứ tuyệt đối chẳng phải là giai đoạn hoàn thành, vì thế sau khi thọ giới cần phải học giới.

“Pháp môn vô lượng thế nguyện học” của tứ hoàng thế nguyện là pháp môn gì? Đều là học điều Phật học, hành điều Phật hành, chứng điều Phật chứng. Giới luật của Phật giáo là pháp môn rộng lớn dạy người học điều Phật học, hành điều Phật hành để đi đến chứng điều Phật chứng. Cũng có người chẳng hiểu, cho rằng giới chỉ là ngừa lỗi ngăn ác cũng giống như quy ước của xã hội và luật pháp của quốc gia. Thật ra, giới là cấm ngăn, cấm ngăn Phật tử chẳng làm ác. Nhưng giới điều của Phật giáo hữu hạn, tối thiểu chỉ 3 điều, tối đa là Tỳ kheo ni giới cũng chỉ có 348 điều, làm sao có thể thông nhiếp tất cả pháp môn được? Kỳ thật, giới luật của Phật giáo cấm ngăn chẳng làm ác cũng là cấm ngăn chẳng làm thiện. Điều nên làm phải làm, gọi là Tác trì; điều nên làm mà chẳng làm, là phạm giới. Điều chẳng nên làm thì chẳng làm, giới là Chỉ trì; trái lại, điều chẳng nên làm mà làm, là phạm giới. Có một số người đối với sự nhận thức về Phật giới thì chỉ biết có một mặt tiêu cực là “ngừa lỗi ngăn ác” mà chưa thấy đến mặt tích cực là “làm các điều thiện”. Cho nên trong *Du già Bồ tát giới bốn*, 4 giới trọng, 43 giới khinh, cộng chung là 47 điều giới, trừ 4 điều giới căn bản ra, 43 điều kia, lại có thể đem 32 điều xếp vào lục độ, 11 điều gom vào tứ nhiếp. Cũng có thể nói lục độ, tứ nhiếp gồm hết *Du già Sư đọa giới bốn*. Bốn giới trọng trước chưa phân biệt là phải gom vào đâu, song giới khinh đều do từ căn bản của giới trọng khai triển ra, giới khinh là phân chi của giới trọng, giới trọng là căn bản của giới khinh. Lục độ, tứ nhiếp là môn thiện hạnh lợi tha của Bồ tát Đại thừa. Như suy rộng ra thì lục độ bao trùm vạn hạnh, vạn hạnh thì có thể diễn hoá thành vô lượng pháp môn. *Du già Bồ tát giới bốn* là rút ra từ trong bộ *Luận Du già sư đọa*.

Ngũ giới là giới điều căn bản nhất trong Phật giáo, nhưng cũng là căn bản của tất cả Phật giới, cho nên gọi ngũ giới là căn bản giới. Không luận là Bát giới, Thập giới, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni giới cho đến Bồ tát giới, không có một loại giới nào mà không căn cứ từ Ngũ giới mà sinh ra, cũng không có loại giới nào mà không lấy Ngũ giới làm trọng yếu hơn hết. Ngũ giới học chẳng tốt thì tất cả giới không làm sao vào tay được. Ngũ giới giữ được thanh tịnh thì các giới khác giữ được rất dễ dàng.



Hãy xem 5 điều giới: sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu; đây là việc rất phổ thông, rất giản đơn; song khi nghiên cứu kỹ lưỡng về nội dung của ngũ giới, chúng ta sẽ thấy rằng chẳng phải là việc giản đơn và phóng túng như có một số người lầm tưởng. Đại sư Hoàng Nhất là vị Cao tăng thời cận đại nổi tiếng về luật học và trì luật. Nhưng Ngài tự nghiệm Ngài chẳng những không đủ tư cách của Tỳ kheo, cũng không đủ tư cách của Sa di, thậm chí cũng chẳng đủ tư cách Ưu bà tắc của mãn phần ngũ giới. Chúng ta thử nghĩ: Một vị Cao tăng trì luật nghiêm cẩn còn không dám tự khoe mình là người thanh tịnh mãn phần ngũ giới, thì bọn chúng ta có ai dám nói mình là người hành trì ngũ giới thanh tịnh chẳng? Chỗ này cần phải hiểu rõ sự tự nghiệm của Đại sư Hoàng Nhất, tuyệt đối chẳng phải vì Ngài phá căn bản đại giới, mà là ý nói đến bộ phận vi tế của ngũ giới không làm sao cho được chu toàn. Do đó đủ thấy tính chất trọng yếu và nghiêm trọng của ngũ giới. Bởi vì ngũ giới là căn bản của các giới, các giới phần nhiều do ngũ giới triển khai, các giới có khuyết phạm thì ngũ giới ắt hẳn chẳng tuyệt đối thanh tịnh. Một điểm này, hy vọng người thọ giới rồi thiết thực chú ý chẳng nên tâm cao ý cuồng cho mình đã là Phật tử thanh tịnh. Vậy, nếu thọ giới mà chẳng học giới thì đâu biết được sự nghiêm chỉnh và vi diệu của giới luật!

---o0o---

### III. TRÌ GIỚI

Mục đích của thọ giới và học giới là trì giới. Nếu như học mà không thọ không trì, ấy là nói tên món ăn không no bụng đói, là đếm của báu cho người. Phật chế giới là muốn cho Phật tử tuân theo thực hành, chẳng phải để cho Phật tử tăng trưởng sự hiểu biết giúp cho việc đàm luận để đi phê bình Hoà thượng này phạm giới, ni cô kia chẳng giữ quy cũ. Đây cũng chính là việc rất đau lòng trong cửa Phật ngày nay. Việc xấu trong cửa Phật hơn phân nửa là do Phật tử truyền bá ra, lại còn thêm dầu thêm tương, càng truyền càng xa sự thật. Ông nói việc xấu của tôi, tôi vạch theo của ông, chỉ sợ nói chẳng độc, chỉ sợ vạch chẳng sâu, đến cuối cùng khiến cho người nghe có cảm tưởng rằng thật không có một đệ tử Phật nào kể ra thanh tịnh cả! Đây chẳng những huỷ diệt danh dự của chính Phật tử, là cũng là phá nát tín tâm của thiện tín, ấy là làm tổn hoại sự trang nghiêm của Tam bảo.

Nếu như đệ tử Phật, người nào cũng đều học giới, trì giới, thì người phạm giới chắc chắn giảm bớt, không còn có sự phê bình công kích người phạm giới. Bởi vì

một người chân chính trì giới, không bao giờ muốn mình phạm giới. Nếu người ấy thấy người khác phạm giới, người ấy chỉ đến trước mặt người phá giới khuyên cáo cho đến ân cần khuyên can ba lần. Qua ba lần khuyên can, người phá giới kia nghe thì tốt, bằng không nghe thì làm phép yết ma (Chế độ Tăng đoàn hội nghị). Nếu không có cách làm cho người phạm giới tuân hành, thì trong lòng mỗi người chúng ta rất đau buồn cho người phạm giới. Bằng muốn nói, có thể trong thời tụng giới Bồ tát vì người phạm giới cử tội để đại chúng xử đoán, tuyệt đối chẳng nên thấy đau nói đó, thấy người liền nói chẳng phân trường hợp, chẳng kể thời gian, chẳng cần biết người nghe là ai. Nếu chẳng được như thế, thì người nói lỗi người khác cũng là người phạm giới. Nếu như nói đúng, thì chính người cũng phạm giới “nói lỗi tứ chúng”; nếu nói chẳng đúng sự thật thì còn phạm thêm giới “vọng ngữ”, nếu như người bị nói là người xuất gia thì người nói lại phạm thêm giới “huỷ bang Tam bảo”. Ba điều giới này đều là giới trọng của Bồ tát, không luận là tại gia hay xuất gia đều phạm tội Ba la di. Tội Ba la di là tội lớn, hiện tại mất đi giới thể, sau khi chết bị đọa vào địa ngục một thời gian dài bằng 16 ngàn năm tuổi thọ của trời Tha Hoá Tự Tại, tương đương với 92 vạn 1600 vạn năm của nhân gian. Vì thế, một người trì giới nghiêm cẩn tuyệt nhiên chẳng khinh suất nói người khác phạm giới. Nếu như người thường ưa thích nói người khác phạm giới, thì chính người đó trước tiên là người thường hay phạm giới.

Ở đây có một điểm cần phải chú ý: Đoạn trước có nói qua giới luật của nhà Phật là có thứ lớp giai đoạn, vì thế ở trên thân phận mà nói cũng có sự phân biệt rất nghiêm khắc. Theo sự quy định trong phép yết ma, Phật tử phạm giới nếu chẳng tự phát lồ (vì phạm giới có khinh trọng, nên hoặc ở trước một vị, ba vị, bốn vị Tỳ kheo thanh tịnh phát lồ sám hối, hoặc ở trước đại chúng Tăng phát lồ sám hối), thì người thấy người ấy phạm giới phải khuyên người ấy phát lồ sám hối, phải ba lần can gián, nếu chẳng nghe, nên ở tại đại chúng làm phép yết ma cử tội người ấy để được đại chúng hội nghị bàn về phương thức xử phạt người ấy. Nhưng cử tội cũng có sự hạn chế của thứ lớp loại biệt. Tỳ kheo có thể cử tội của bảy chúng. Tỳ kheo ni thì trừ Tỳ kheo ra có thể cử tội sáu chúng. Chúng xuất gia có thể cử tội chúng tại gia. Chúng tại gia không được cử tội chúng xuất gia. Tuyệt đối chẳng được tùy tiện cử tội của người khác. Đây không phải Phật bày ra để che chở Tỳ kheo, nhưng do vì Tỳ kheo có thể nghiên cứu tất cả giới luật, có thể dạy răn tất cả mọi người, còn các chúng khác đều không có khả năng ấy. Tỳ kheo ni chẳng được nghiên cứu giới Tỳ kheo thì làm sao biết Tỳ kheo phạm giới gì? Hai chúng tại gia chẳng cho

nghe tụng đại giới, đâu biết rõ nội dung của Đại luật mà chỉ trích người xuất gia phạm giới? Người xuất gia có quy chế Tăng đoàn của người xuất gia, người xuất gia phạm giới tự có sự chế tài của Tăng đoàn, người tại gia đâu được vượt bậc phạm thượng cử tội? Đồng thời, một người tại gia chưa thông Đại luật, chưa có nhận thức thông suốt về khai giá trị phạm của Đại luật mà cử tội người xuất gia thì cử tội không đúng. Vì thế nếu người xuất gia phạm giới, chúng tại gia chẳng những không được cử tội, mà ngay cả can gián cũng không đủ tư cách nữa.

---o0o---

#### IV. LẤY GIỚI LÀM THẦY

Nếu như mọi người trì giới, Phật giáo tất nhiên hưng thịnh, Nhưng, đề xướng sự trang nghiêm của luật chế trong xã hội Phật giáo của Trung Quốc lại rất khó khăn. Đoạn trước có nói đến pháp yết ma của Tăng đoàn vốn là biện pháp tốt nhất để đệ tử nhà Phật tự thanh lọc, tự kiểm điểm, nhưng ngặt vì Phật giáo Trung Quốc không đoàn kết. Phật giáo Trung Quốc của thời Đại Lục ( trước năm 1949), các tông lâm lớn có sự chế tài của thanh quy, người phạm trọng giới thì bị đuổi đi. Tông lâm đều tự có thanh quy, còn các chùa tư thì lại chẳng chịu sự cai quản của giáo hội cấp trên, vì thế chỗ này đuổi đi chỗ kia lại dung chứa, ở chỗ này phạm quy cũ nặng, có thể đến chỗ kia tái phạm, cho nên đối với vấn đề phạm giới cũng chẳng được xem trọng. Đồng thời, sự đuổi đi của tông lâm thường thường là do quyền lực của một thiểu số Chấp sự Tăng, chứ không phải hiệu quả từ pháp yết ma của Đại chúng Tăng ra, cho nên khó tránh khỏi không có sự quan hệ ân oán của một thiểu số người. Không giống như tinh thần căn bản của chế độ Tăng đoàn, sự quyết nghị của Tăng đoàn tức là sự quyết nghị của đại biểu mười phương đại chúng. Nếu phạm đại giới sau khi Tăng đoàn chế tài thì cũng đồng như sự chế tài của mười phương đại chúng Tăng, một chỗ tẩn xuất (đuổi đi), thì tất cả chỗ chẳng cho dung thân; bởi vì Tăng phòng ở mọi nơi đều thuộc Tăng đoàn. Thế theo giới luật, sau khi làm phép yết ma là được sự chấp thuận của mười phương Đại chúng Tăng. Sau khi Phật diệt độ, Phật tử lấy giới làm thầy, giới do Phật chế, tôn trọng giới luật tức là tôn trọng Phật; là Phật tử phải tôn trọng giới luật, vì thế, chỉ cần một lần phạm căn bản đại giới tức là đã xả giới hoàn tục. Đây là tinh thần căn bản của Phật chế. Vậy mong chúng ta khôi phục lại tinh thần căn bản này, bằng không chỉ là phê bình người khác phạm giới, thế nên người phạm giới càng ngày lại càng nhiều.

Có lấy giới làm thầy, chúng ta mới có thể chính mình trì giới, cùng trợ giúp và bảo hộ người khác trì giới. Nếu không đa số người chẳng trì giới, người trì giới lại sẽ mất đi sự bảo hộ đáng lẽ ra phải có, ấy thật là pháp nhược ma cường vậy.

---o0o---

## ***Chương 2 : Sự Truyền Thừa Và Hoàng Dương Giới Luật***

### **I. VÌ SAO CẦN CÓ GIỚI LUẬT?**

Chương trước chúng ta đã nói qua những khái niệm có liên quan giới luật. Đến chương này chủ đề nói về những điều có liên quan đến giới luật. Vì đây là một môn học mà trong quá trình phát triển từ lúc sơ khởi đến nay đã cho chúng ta thấy được sứ mạng của nó về mặt tinh thần, nhờ đó mà chúng ta có thể xác định được triển vọng tương lai của nó.

Tục ngữ có nói: “Gươm đao tuy bén, song chẳng chém người vô tội”. Pháp luật của quốc gia đối với người dân tuân giữ pháp luật vốn chẳng có tác dụng, song vì muốn bảo vệ sự an toàn và lợi ích cho người tuân giữ pháp luật nên cần phải có. Lại nữa, pháp luật cần phải thiết lập vì trong xã hội và trong nhân loại, người làm hại quần chúng không thể tuyệt đối không có. Đồng thời, ranh giới thiện ác giữa người tuân giữ pháp luật và người phạm pháp chỉ xê xích ở một niệm. Vì răn nhắc mọi người chẳng nên vượt qua đèn đỏ ở ngã tư đường này, thế nên cần phải có pháp luật. Để bảo hộ mọi người chẳng nên theo một niệm sai lầm mà tạo thành cái hận nghìn đời, vì thế cần phải có pháp luật.

Phật giáo có giới luật, cũng là như thế. Trong mấy năm đầu tiên sau khi Đức Phật thành đạo, vốn không có giới luật. Nhân vì thời kỳ đầu tiên, đệ tử Phật đều là những bậc hảo tâm xuất gia, căn khí của các vị ấy cũng đặc biệt sâu dày, thường thường sau khi nhận được sự khai thị của Phật, chỉ hai ba lời điểm hoá, họ lập tức chứng nhập thánh vị, thánh quả. Tiểu thừa Sơ quả dứt tà dâm, Tam quả dứt tất cả dâm. Sơ quả cày đất, côn trùng lìa lưỡi cày bốn tác, trộm cắp, vọng ngữ đương nhiên chẳng còn có. Vì thế Tăng đoàn của thời kỳ đầu tiên không cần phải chế định giới luật để kiểm thúc đại chúng, đại chúng đều vốn thanh tịnh.

Đến khi Phật thành đạo, 5 năm trở về sau mới có vị Tỳ kheo do sự thúc bách của mẹ ở tục gia đã cùng với người vợ cũ của mình phạm giới dâm. Giới luật của Phật

giáo cũng từ đây lần lượt chế định. Đây là bảo hộ sự thanh tịnh trang nghiêm của Tăng đoàn, cũng là vì bảo hộ giới thể của các Tỳ kheo chẳng mất.

Tuy giới luật của Phật giáo rất nhiều, nhưng đều chẳng rời nguyên tắc cơ bản của ngũ giới. Tất cả giới, phần nhiều đều do trong ngũ giới phân chia, triển khai ra. Mục đích của tất cả giới phần nhiều cũng vì bảo hộ sự thanh tịnh của ngũ giới. Ngũ giới là căn bản đạo đức làm người, cũng là đức tính căn bản của luân lý. Chỗ cứu cánh của ngũ giới lại là chánh nhân của liễu sinh thoát tử. Ngũ giới, nếu trì được tuyệt đối thanh tịnh, thì cách Tịnh độ của chư Phật chẳng còn xa. Còn Tỳ kheo giới là chiếc cầu đưa đến Niết bàn, và cũng là cảnh giới do ngũ giới thăng hoa.

Công năng của giới là dứt hẳn nghiệp duyên, nghiệp nhân trong đường sinh tử. Như nói: Muốn biết đời quá khứ, hãy xem sự hưởng thụ ngày nay; muốn biết đời vị lai, hãy xem những điều tạo tác ở hiện tại! Cần nhất là chúng ta không tạo nhân sinh tử, dù chẳng nghĩ lìa sinh tử, mà trong sinh tử cũng không tìm ra tung tích của chúng ta.

Vì thế, Phật chế định giới luật không phải là để bó buộc đệ tử của mình, mà chính vì con đường giải thoát của Phật tử, và cũng là phương thuốc ngăn ngừa sự hư đốn của Tăng đoàn. Phật tử, nếu không có giới luật, làm tiêu chuẩn phép tắc cho sinh hoạt thì liễu thoát sinh tử không phải dễ đâu. Tăng đoàn như không có giới luật làm cương lĩnh thống nhiếp giáo hoá thì tiền đồ của Phật giáo không những tan rã mà còn đen tối nữa.

Do đó, lúc Đức Phật sắp nhập diệt, Ngài dạy các Phật tử đời sau phải nên lấy giới luật làm thầy. Cũng như một quốc gia, khi một vị nguyên thủ qua đời, có thể chọn vị nguyên thủ thứ hai, thứ ba cho đến một trăm, một ngàn vị nguyên thủ, chỉ cần hiến pháp quốc gia tồn tại, mọi người y theo đó mà làm. Chính chế, chính thể của quốc gia này chẳng những không thay đổi, mà còn đạt đến sự vĩnh cửu. Phật giáo chỉ cần giới luật tồn tại, đệ tử của Phật giáo và bản chất của Tăng đoàn cũng được trường tồn ở thế gian.

---o0o---

## II. SỰ LƯU TRUYỀN CỦA GIỚI LUẬT

Tục ngữ có nói: “Trung ngôn nghịch nhĩ, lương dược khổ khẩu” (lời ngay trái tai, thuốc hay đắng miệng). Phạm quy định một sự câu thúc tuy khiến cho

người ta dùng bước, song một sự hướng thượng để đạt đến cảnh giới cao nhất thì khiến cho mọi người thích hướng đến hơn. Nhưng cũng chưa chắc là giúp cho mọi người bước lên con đường hướng thượng. Hẳn là có một cảnh giới tốt đẹp đang chờ đợi mỗi người, song trước khi đến đó, đầu tiên phải trả một giá đắt là sự gian nan cay đắng. Hãy xem người trượt tuyết, từ trên cao trượt xuống thấp mau chóng dễ dàng. Vì thế, hướng lên cao, tuy có được cảnh giới xinh đẹp, song trước tiên phải chịu gian khổ. Trượt xuống thấp, tuy có cái nguy hiểm mất mạng, mà ngay nơi đó lại rất dễ dàng.

Do đó, ngay sau khi Phật diệt độ, trong chúng đệ tử Phật có ông Tỳ kheo ngu si tên Bạt Nan Đà cảm thấy vô cùng thích thú, ông ta nói: “Lão già ấy chết đi là tốt, lúc lão ấy còn tại thế, quy định điều này phải làm, điều kia không cho làm, nay lão ấy chết rồi chúng ta được tự do” (*Trường A-hàm, Kinh Du Hành*). Lời này truyền đến tai Tôn giả Ca-diếp, Ngài cảm thấy rất đau buồn. Ngài nghĩ: “Nếu quả thật như vậy, tinh thần và công đức cứu thế của Phật giáo, nhân vì Đức Phật nhập diệt mà cũng theo đó kết thúc sao?”. Nhớ lời dạy sau cùng của Đức Phật lúc sắp nhập diệt, mở đầu Ngài nói: “Này các Tỳ kheo! Sau khi ta diệt độ phải nên tôn trọng, trân kính Ba la đề mộc xoa (giới luật) như người đi trong đêm tối gặp ánh sáng, như người nghèo gặp của báu. Phải biết: Giới là thầy của các ông” (*Kinh Di Giáo*). Nhân đó Tôn giả quyết tâm triệu tập các vị đại đệ tử đương thời kết tập Luật tạng.

Đó là lần kết hạ an cư thứ nhất sau khi Đức Thế Tôn Thích Ca nhập diệt, cũng là lần kết tập kinh luật thứ nhất cử hành tại hang Thất Diệp với sự tham gia của 500 vị đại A-la-hán. Ngay sau khi Tôn giả A-nan tụng xong Kinh tạng, thì Tôn giả Ưu-ba-ly tụng Luật tạng. Sau khi được đại chúng ấn chứng thông qua, bộ luật đầu tiên nhất được bố cáo là hoàn thành. Nhưng sự kết tập của thuở ấy dường như không có ghi chép lại thành văn tự, chỉ là thống nhất do miệng tụng, tâm ghi nhớ mà thôi.

Giới luật lưu truyền như thế, nhân vì phạm vi truyền bá của Phật giáo rộng lớn, chủng tộc và ngôn ngữ Ấn Độ lại rất phức tạp; đồng thời, ngay sau khi Phật diệt độ, có một số các trưởng lão Tỳ kheo không nhận lời mời của ngài Ma-ha-ca-diếp, vì thế không tham dự hội kết tập lần thứ nhất ở hang Thất Diệp. Từ đó về sau, Phật giáo dưới sự lãnh đạo của các Trưởng lão Tỳ kheo. Tuy sinh hoạt Tăng đoàn không khác thời Phật bao nhiêu, nhưng vì đã mất trung tâm lãnh đạo nên chưa thể thống nhất, mỗi vị Trưởng lão giáo hoá một phương đều có cách thức riêng. Qua một thời gian dài, do sự bất đồng của hoàn cảnh địa lý, do sự cách ngăn của đây

với kia mà mọi người đối với giáo nghĩa của Phật sinh ra biết bao kiến giải bất đồng. Những kiến giải bất đồng này đưa đến kết quả phân chia bộ phái, đó là việc xảy ra từ một trăm năm đến ba bốn trăm năm sau Phật diệt độ.

Sau Phật diệt độ một trăm năm, có cuộc kết tập lần thứ hai tại Phệ Xá Ly, đây là mở đầu cho giai đoạn phân chia bộ phái. Vì thế, đối với sự lưu truyền của giới luật cũng do sự phân chia bộ phái mà thành giới luật bộ phái.

Mỗi bộ phái đều có giới luật riêng để lưu truyền trong bộ phái mình, đến nỗi Luật tạng kết tập lần đầu tiên, hiện nay đã không còn thấy được bộ mặt bản lai của nó nữa. Nhưng Luật tạng của các bộ phái hiện đang lưu truyền, không luận là *Thiện Kiến Luật* dịch thành văn Tây Tạng, và Tứ bộ *Quảng Luật* của hệ Hán văn thuộc Bắc truyền, dầu mỗi bộ có thêm bớt các tiểu tiết, song tinh thần và nguyên tắc căn bản đại thể vẫn nhất trí. Vì thế, sự tồn tại của Luật tạng là một sự thật không thể hoài nghi, và cũng được các học giả thời gần đây công nhận là một bộ phận Thánh điển trung thực nhất của Phật giáo Nguyên thủy để lại. Giả sử như có sự phân biệt về Luật bộ này xuất hiện, cũng là việc sau Phật diệt độ một trăm năm.

Căn cứ vào truyền thuyết, sau khi kết tập Luật tạng lần thứ nhất, từ Tôn giả Ca Diếp truyền đến Tôn giả A Nan, rồi đến Mạc Điền Địa, Xá Na Ba Đề Ưu Ba Quạt Đa; 5 đời dưới Ngài Ưu Ba Quạt Đa, có 5 vị đệ tử, do mỗi vị đối với nội dung Luật tạng có sự lấy bỏ bất đồng mà Luật tạng phân chia làm 5 bộ:

1. Đàm Vô Đức (Tứ Phần Luật)
2. Tát Bà Đa Bộ (Thập Tụng Luật)
3. Ca Diếp Di Bộ (Giải Thoát Giới Bồn Kinh)
4. Sa Di Tắc Bộ (Ngũ Phần Luật)
5. Bà Thô Phú La Bộ (chưa truyền sang Trung Quốc)

Thuyết phân phái 5 bộ căn cứ theo phẩm *Hư Không Mục Phân Sơ Thanh Văn* trong kinh *Đại Tập* quyển thứ 20. Nhưng trong kinh này, dù nêu 5 bộ mà nói danh mục của 6 bộ, bộ thứ 6 là *Ma Ha Tăng Kỳ Bộ*. Theo truyền thuyết, đây là việc Đức Phật thọ ký trước, vì đức Phật tiên liệu đến sự truyền thừa phân phái. Điều này trong *Kinh Xá Lợi Phất Vấn* cũng có sự thọ ký tương tự, lại phân làm 8 phái. Nhưng căn cứ vào sự khảo cứu sự thật lịch sử, sự phân chia bộ phái Phật giáo trong

khoảng thời sau Phật diệt độ một trăm đến ba trăm năm có thể nói là cực thịnh một thời, do hai bộ phái căn bản là Thượng toạ bộ và Đại chúng bộ chia ra nhiều bộ phái cộng với 2 bộ phái căn bản thành ra 20 bộ phái. Hiện nay tổng hợp các tư liệu của Nam truyền và Bắc truyền để lại thì 18 bộ ấy chưa chắc hoàn toàn là sự thật lịch sử, và cũng chưa chắc là chỉ có 18 bộ, bởi vì dưới các bộ phái lại phân phái, phân rồi lại phân nữa, đến sau cùng có những bộ phái lệ thuộc hệ thống mà bây giờ không làm sao tra cứu rõ ràng được, tỷ như *Bắc Đạo* phái chẳng hạn. Căn cứ vào *Luận Trí Độ* quyển thứ 63 nói, đương thời giáo đoàn phân ra làm 500 bộ, đây cũng chưa chắc là sự thật. Nhưng theo sự nghiên cứu của người thời gần đây, danh mục của các bộ phái Phật giáo nhiều đến ước chừng hơn 40 loại (xem Hải Triều Âm quyển 45 tháng giêng, tháng hai hiệp san). Theo lý mà nói, mỗi bộ phái đều có bản luật riêng để tụng, nhưng trên sự thật thì thấy rằng rất ít bộ phái có bản luật truyền riêng. Bản luật dịch thành Hán văn chỉ có 5 bộ phái, hiện tại phân hệ theo biểu đồ như sau:

|                  |   |                      |  |
|------------------|---|----------------------|--|
| Thượng<br>Toạ Bộ | { | Căn Bản Hữu Bộ       | - Căn Bản Thuyết Nhất Hữu Bộ Luật (Ấn Độ vùng Tây Bắc Ca Diếp Di La, Tân Tát Bà Đa Bộ) |
|                  |   | Hữu Bộ               | - Thập tụng Luật (Trung Ấn Độ Ma Ha Thâu La, Tát Bà Đa Bộ)                             |
|                  |   | Hoá Địa Bộ           | - Ngũ Phần Luật (Sa Di Tắc Bộ)   |
|                  |   | Pháp Tạng Bộ         | - Tứ Phần Phần Luật (Đàm Vô Đức Bộ)  |
|                  |   | Âm Quang Bộ          | - Giải Thoát Giới Bản Kinh (Ca Diếp Di Bộ)   |
| Đại Chúng Bộ     |   | - Ma Ha Tăng Kỳ Luật |  |

Nhân vì *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Luật* đồng dạng xuất phát từ Tát Bà Đa Bộ, cho nên có người nói có lẽ là biệt dịch của *Thập tụng Luật* (như Đại sư Thái Hư), cũng có người nói là Tân Tát Bà Đa Bộ, tuy nói cùng với *Thập tụng Luật* đồng bộ, nhưng thời gian và địa điểm lưu truyền chẳng đồng, nên không có nghi vấn. Lại vì Âm Quang Bộ chỉ dịch ra giới bản, chưa dịch ra Quảng Luật, vì thế tuy có 6 bộ mà ở tại Trung Quốc thường chỉ nói là 4 luật. Bốn luật cùng với



năm luận đồng tên: *Tỳ Ni Mẫu Luận*, *Ma Đắc Lặc Ca Luận* (hai bộ luận này là căn cứ Tân Tát Bà Đa Bộ Luật giải thích ra); *Thiện Kiến Luận* (giải thích Tứ Phần Luật); *Minh Liễu Luận* (của Pháp sư Phật Đà La A Na Hàm thuộc Chánh Lượng Bộ<sup>1</sup>, Ngài y cứ vào Chánh Lượng Bộ Luật tạo ra, luật này chưa sang Trung Quốc). Hợp lại gọi là 4 Luật, 5 Luận của Luận tạng Hán văn. Chính vì thế, trong thế giới Phật giáo hiện hành, Luật tạng của hệ Hán văn là một hệ phong phú hơn hết.

Nhìn trên đồ biểu chúng ta thấy Thượng toạ bộ chiếm đa số, còn Đại chúng bộ chỉ có một bộ luật mà thôi (Tăng Kỳ Luật thuộc Đại Chúng Bộ). Đây là một sự kiện đáng tiếc, vì sự phát triển của Đại chúng bộ phát sinh ra Đại thừa Phật giáo mà Luật và Luận (về luật) của Đại chúng bộ lưu truyền lại quá ít.

---o0o---

### III. LỊCH SỬ LUẬT BỘ TRUYỀN SANG TRUNG QUỐC

Trung Quốc có giới luật bắt đầu từ thời Tam Quốc, đời Tào Ngụy, niên hiệu Gia Bình năm thứ 2 (250 TL), do Ngài Đàm Ma Ca La người Trung Thiên Trúc ở chùa Bạch Mã tại Lạc Dương dịch *Tăng Kỳ Giới Tâm* và *Tứ Phần Yết Ma*.

Ngoài ra, Luật bộ được dịch trải qua các thời đại gian như sau:

1. *Thập tụng Luật*: Đời Diêu Tần, niên hiệu Hoằng Thi, từ năm thứ 6 đến năm thứ 8 (404-406 TL) do Cưu Ma La Thập dịch 58 quyển, rồi lại do Tỳ Ma La Xoa dịch lại thành 61 quyển.
2. *Tứ Phần Luật*: Đời Diêu Tần, niên hiệu Hoằng Thi, từ năm thứ 12 đến năm thứ 15 (410-413 TL) do Phật Đà Da Xá và Trúc Phật Niệm dịch 60 quyển.
3. *Tăng Kỳ Luật*: Đời Đông Tấn, niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 14 (418 TL), do Phật Đà Bạt Đa La và Pháp Hiền dịch 40 quyển.
4. *Ngũ Phần Luật*: Đời Lưu Tống, niên hiệu Phổ Bình, năm thứ I (423 TL), do Phật Đà Thập và Trí Thắng dịch 30 quyển.
5. *Giải Thoát Giới Bốn Kinh*: Đời Nguyên Ngụy, do Bát Nhã Lưu Chi dịch 1 quyển, thời gian ước chừng vào khoảng 538-544 TL.

6. *Nhất Thiết Hữu Bộ Luật*: Đời Đường, từ Võ Tắc Thiên niên hiệu Cửu Thi năm thứ nhất, đến Duệ Tông niên hiệu Cảnh Vân năm thứ 2 (700-711 TL), do Nghĩa Tịnh Tam Tạng dịch, gồm 18 loại, 198 quyển.

Ở trên đã nói địa điểm dịch ra và thời gian thịnh hành, *Thập Tụng Luật* tuy được dịch ra ở Quan Trung từ thời Diêu Tần, nhưng mãi đến thời Lục Triều mới được thịnh hành ở vùng hạ lưu sông Trường Giang. *Tứ Phần Luật* địa điểm khi dịch cũng ở Quan Trung (Thiểm Tây) và được dịch sau *Thập Tụng Luật* chỉ có 7 năm, đến đời nhà Tùy mới có người hoằng dương, và đến đời nhà Đường, do Luật sư Đạo Tuyên cực lực hoằng dương mà thành một phái Luật tông duy nhất ở Trung Quốc. *Tăng Kỳ Luật* dịch sau *Tứ Phần Luật* 5 năm, và được dịch tại chùa Đạo Tràn tại Kiến Khang (Nam Kinh), đến thời Lục Triều mới được hoằng dương ở phương Bắc. *Ngũ Phần Luật* sau khi được dịch ở chùa Long Quang tại Kiến Nghiệp (cũng là Nam Kinh) ít có người hoằng dương. *Giải Thoát Giới Bốn Kinh* so với *Ngũ Phần Luật* trẻ hơn 100 năm, nội dung của *Giải Thoát Giới Bốn Kinh* cùng với *Thập Tụng Luật* tương đồng cho nên không cần phải nói. *Hữu Bộ Luật* dịch ra sau *Ngũ Phần Luật* gần 300 năm, và sau Luật sư Đạo Tuyên (đời Tùy Văn Đế, niên hiệu Khai Hoàng thứ 16, đến Đường Cao Tông niên hiệu Càn Phong thứ 2 (596-667 TL) khoảng 40-50 năm. Luật tông đương thời chính là thời kỳ hưng thịnh của *Tứ Phần Luật*. Vì thế, Ngài Tam Tạng Nghĩa Tịnh tuy tinh thông về Hữu Bộ, nhưng ngặt vì đơn độc nên chẳng làm gì được. Về nội dung của luật, có thể nói Hữu Bộ là nhiều nhất, song đáng tiếc là đến bây giờ vẫn chưa có người tiếp nối hoằng dương.

---o0o---

#### IV. SỰ HOẰNG DƯƠNG GIỚI LUẬT TẠI TRUNG QUỐC

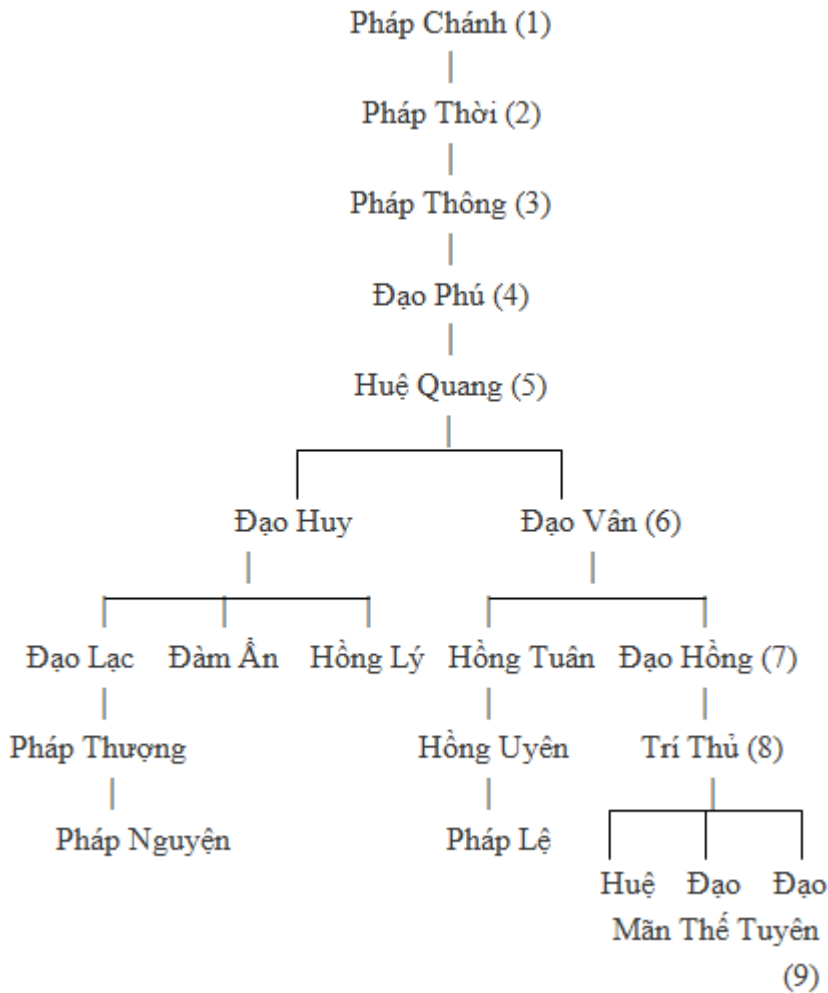
Giáo pháp của Đức Phật thì phát triển đồng bộ, mà Tam vô lậu học (Giới, Định, Tuệ) là cơ sở và cũng là trung tâm của sự phát triển đồng bộ này. Tam vô lậu học như cái đỉnh ba chân, thiếu một chẳng được. Ngay từ thời Đức Phật còn tại thế, đệ tử của Phật cũng đã chia nhau thực hiện sự phát triển đồng bộ này, vì thế mà các vị đại đệ tử mỗi vị đều có sở trường riêng, đều trở thành đệ nhất. Nhưng giới luật lại là cơ sở của Tam học, nếu chẳng trì giới thì sự tiến lên con đường giải thoát trở thành vọng tưởng. Vì thế tất cả đệ tử của Phật đều phải trì giới, song tâm

đắc trong sự nghiên cứu có sâu cạn, cho nên trong đó Tôn giả Ưu Ba Ly là trì giới đệ nhất.

Chính vì sự diễn biến của một xu thế trì giới này, đến khi Trung Quốc có xuất hiện các Tỷ kheo chẳng học giới, người ta mới đặc biệt lập thành danh từ “Luật tông” để gọi các Tỷ kheo học giới. Đây là điều bất hạnh của Phật giáo Trung Quốc. Tiết trên đã nói qua, Trung Quốc đã có giới luật và Tỷ kheo người Trung Quốc từ thời đại Tam Quốc, đương thời do bộ *Tăng Kỳ Giới Tâm* và *Tứ Phần Yết Ma* đã được dịch ra và thỉnh các vị tăng Ấn Độ lập pháp yết ma truyền thọ Tỷ kheo giới. Nhưng vì đại bộ của giới kinh chưa đến cho nên cũng không thể hoàng dương, mãi đến khi *Thập tụng Luật* được dịch ra khoảng 50 năm, đến thời đại Lưu Tống mới có người hoàng dương. Khoảng giữa Tống, Tề cũng có người hoàng dương *Tăng Kỳ Luật*, đến sau đời Tuỳ, Đường, do thế lực mạnh mẽ của *Tứ Phần Luật* mà giới luật đạt đến chỗ cao tốt. Ở Trung Quốc chỉ có *Tứ Phần Luật* là nổi bật hơn hết.

Sự hoàng dương *Tứ Phần Luật* bắt đầu vào thời Nguyên Ngụy Hiếu Văn Đế, từ Luật sư Pháp Thông Đài Bắc truyền xuống Đạo Phú, Huệ Quang. Đệ tử của Huệ Quang có Đạo Vân, Đạo Huy. Đệ tử của Đạo Huy có Hồng Lý, Hồng Ân. Đệ tử của Đạo Vân và Đạo Huy có Hồng Tuân. Ngang với Đàm Ân có Đạo Lạc. Đệ tử của Đạo Lạc có Pháp Thượng. Đệ tử của Pháp Thượng là Pháp Nguyên. Đệ tử của Đạo Vân có Đạo Hồng. Dưới Đạo Hồng có Trí Thủ. Dưới Trí Thủ có Đạo Thế, Đạo Tuyên, Huệ Mãn. Các vị đại đức này đều có Luật số hoặc Luật sao. Đến Luật sư Đạo Tuyên thì sự hoàng dương *Tứ Phần Luật* đạt đến chỗ cao tốt. Luật sư Đạo Tuyên thành tựu sự trừ thuật đối với sách luật đến giai đoạn mà trước kia chưa từng có. Ngài dùng Hoá giáo và Chế giáo để thu nhiếp cả một đời thuyết giáo của Đức Phật. Lại dùng Tam giáo để phán nhiếp Hoá giáo. Tam giáo: Tánh không (bao gồm tất cả pháp Tiểu thừa), Tướng không (bao gồm tất cả Thiên giáo Đại thừa), Duy thức viên giáo (bao gồm tất cả thâm giáo Đại thừa). Như vậy Tam giáo bao gồm hết pháp Đại thừa, Tiểu thừa. Lại nơi chế giáo phân làm Tam tông: Thật pháp tông (căn cứ vào Tát Bà Đa Bộ nhận giới thể là sắc pháp). Giả danh tông (Đàm Vô Đức Bộ, căn cứ vào Thành Thật Luận, nhận giới thể là phi sắc phi tâm). Viên giáo tông (Tuyên Luật sư tự nhận giới thể là thức tạng huân chủng). Vì Luật sư Đạo Tuyên là người rất thông Phật học, Ngài dùng quan điểm của Duy thức học để nghiên cứu *Tứ Phần Luật*, dung thông Đại thừa và Tiểu thừa, cho rằng nghĩa của *Tứ Phần Luật* thông với Phật pháp Đại thừa. Nhân vì có một Luật sư vĩ đại, với tư tưởng trác việt, hành trì nghiêm cẩn, trừ thuật phong phú, hoàng dương tinh nghĩa

của Tứ Phần Luật, mà cơ sở của hệ thống giới luật tại Trung Quốc từ đây được an định. Đó là một phái Tứ Phần Luật có sự truyền thừa. Song, theo Luật sư Linh Chi Nguyên Chiếu thì Luật sư Đạo Tuyên là vị tổ thứ 9 theo biểu đồ sau:



Hệ thống truyền thừa trong biểu đồ này căn cứ vào tư liệu của quyển *Giới Học Thuật Yếu* (tr. 185-187) của Pháp sư Tục Minh. Song hệ thống truyền thừa chưa chắc là cố định như thế.

Như truyện Huệ Quang trong *Đường Cao Tăng Truyện* quyển 27 đặt Hồng Lý cùng với Đạo Vân, Đạo Huy ngang nhau: “Đạo Vân ở đầu, Đạo Huy ở sau, Hồng Lý ở giữa”. Đồng quyển ấy, trong truyện Đàm Ân nói Đàm Ân “là đệ tử của Huệ Quang”. Lại nói đến Hồng Lý trừ tác *Luật Sao* 2 quyển “về sau lại vì Trí Thủ mở rộng chữ nghĩa, khéo bày cương mục hợp thành 4 quyển”. Những điểm này là những quan hệ phức tạp trên hệ thống truyền thừa. Về tên Đạo Lạc, trong phần phụ lục của truyện Đàm Ân, chỉ nói: “Lúc ấy có Sa môn trì luật tên Đạo Lạc, hạnh giải

gồm đủ, cả hai được mọi người ngưỡng mộ ngợi khen”. Lại nói: “Cho nên ở đất Nghiệp có lời nói: thông suốt Luật tông chỉ có Đàm Ân và Đạo Lạc”. Đạo Lạc là đệ tử của ai, trong truyện chưa ghi rõ. Biểu đồ ở trên chỉ ghi đại khái mà thôi.

Cũng y cứ vào *Tứ Phần Luật*, đồng thời với Luật sư Đạo Tuyên gồm có ba phái:

1. Nam Sơn Đạo Tuyên
2. Tướng Bộ Pháp Lệ
3. Đông Tháp Hoài Tố

Luật sư Pháp Lệ là đệ tử của Hồng Uyên. Đạo Tuyên cũng đã từng cầu học nơi Pháp Lệ. Hoài Tố cũng từng cầu học nơi Đạo Tuyên và Pháp Lệ. Nhưng vì kiến giải của các ngài bất đồng vì thế phân làm ba phái. Chỗ bất đồng chủ yếu của các Ngài là chỗ căn cứ: Đạo Tuyên y cứ vào Duy Thức của Đại thừa, Pháp Lệ y cứ vào giáo lý Thành Thật của Tiểu thừa, Hoài Tố y cứ vào giáo lý Câu Xá của Tiểu thừa. Ba phái của các Ngài đều có nhiều đệ tử, đều có nhiều trí thuật, nhưng một tông Nam Sơn là nổi bật hơn hết. Luật của tông Nam Sơn thông cả Đại thừa, Tiểu thừa, đặc biệt được người Trung Quốc có căn khí Đại thừa hoan nghinh, vì thế trải qua thời gian lâu dài chẳng suy, đến đời Nam Tống mới kết thúc một giai đoạn.

Đệ tử nổi tiếng của Luật sư Đạo Tuyên có Đại Từ, Văn Cương, Danh Khác, Châu Tú, Linh Nga, Dung Tế và Trí Nhân (người xứ Tân La); đệ tử thọ giới có Hoàng Cảnh, Đạo Ngạn, Hoài Tố. Đệ tử của Văn Cương có Đạo Ngạn, Chuẩn Nam. Đệ tử của Đạo Ngạn có Hành Siêu, Huyền Nghiễm.

Nhưng trên hệ thống truyền thừa, Luật Tông lấy Châu Tú làm Tổ thứ hai của Nam Sơn Luật tông. Hệ thống truyền thừa như sau:

Từ Châu Tú trở xuống, theo thứ tự nối tiếp như sau: Đạo Hằng, Tĩnh Cung, Huệ Chánh, Huyền Sướng, Nguyên Biểu, Thủ Ngôn, Nguyên Giải, Pháp Vinh, Xử Hằng, Trạch Ngộ, Duẩn Kham, Trạch Kỳ, Nguyên Chiếu, Trí Giao (hoặc lập Đạo Tiêu), Chuẩn Nhất, Pháp Chánh, Pháp Cửu Diệu Liên, Hành Cư, tất cả là 21 vị Tổ. Truyền xuống đến triều nhà Nguyên, Luật tông suy vi, sự truyền thừa không rõ.

Đây là hệ thống truyền thừa của Nam Tông Luật tông, đến sau Ngài Nguyên Giải, tức là vào thời kỳ Nam Tống. Từ Ngài Đạo Tuyên trở xuống, có hơn 60 nhà giải về luật của tông Nam Sơn, soạn thuật nhiều đến mấy ngàn quyển.

Trong đó, phái của Luật sư Nguyên Chiếu ở chùa Linh Chi tại Tiền Đường là hưng thịnh bậc nhất. Nhưng Tông Nam Sơn lúc truyền đến Ngài Linh Chi Nguyên Chiếu lại phân thành hai phái:

1. Dẫn Kham ở chùa Chiêu Khánh tại Tiền Đường.
2. Nguyên Chiếu ở chùa Linh Chi tại Thiên Đường.

Trong hai phái này, ảnh hưởng của phái Linh Chi rất lớn.

Sau khi nhà Nguyên làm chủ Trung Quốc, Phật giáo Trung Quốc đã trải qua đến cuối thời nhà Nguyên, Luật tông lại suy vi một cách đáng thương xót. Người thông *Tứ Phần Luật*, chỉ có Ngài Pháp Vân ở chùa Đại Phổ Khánh, nơi kinh thành mà thôi. Đồng thời, do vì Thiên tông thịnh hành một thời, từ đời Nam Tống trở về sau mà các tác phẩm của các nhà Luật học soạn thuật vào khoảng Đường, Tống đã không có người cầu học nên cũng mất mát gần hết.

Đến cuối triều nhà Minh, các vị Đại đức hoàng luật nối tiếp nhau xuất hiện, như Liên Trì, Ngẫu Ích, Hoàng Tán, Nguyên Hiền...đều có trứ thuật về luật học để lại hậu thế. Đồng thời với Đại sư Liên Trì, có Luật sư Như Hinh Cổ Tâm chuyên hoàng giới pháp. Đệ tử của Như Hinh có Tánh Tướng, Vĩnh Hải, Tịch Quang, Trùng Phương, Tánh Kỳ. Đệ tử nổi tiếng của Luật sư Tịch Quang (Tam muội) có Hương Tuyết và Kiến Nguyệt (Độc Thể).

Nhưng từ sau Hương Tuyết và Kiến Nguyệt, suốt triều nhà Thanh 210 năm, môn đình Luật tông, trừ các hình thức truyền giới, quỳ xuống, đứng dậy và tấn hương ra, không còn có người hoàng luật chân chính. Thời gần đây, có hai vị Đại sư Hoàng Nhất và Từ Hàng hoàng luật mà thôi (Xin lưu ý: tấn hương là đốt sọ trên đầu hoặc cánh tay để cúng dường khi thọ giới xong, là một tập tục tệ lậu của Phật giáo Trung Quốc thời gần đây, không có quan hệ gì đến việc thọ giới).

Thật ra, từ sau đời Nam Tống, các tác phẩm về luật đều bị mất mát. Cuối triều nhà Minh, các Đại đức tuy muốn hoàng luật, song sự nối tiếp không rục rờ bằng ngày xưa, và những thành tựu cũng không tốt đẹp bằng đời Đường, Tống. Nhưng may mắn cho chúng ta, vì tác phẩm về luật học bị mất trước kia, ngày nay Nhật Bản hãy còn bảo tồn. Tôi hy vọng từ nay về sau sẽ có một không khí hoàng luật mới mẽ xuất hiện.

## V. NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA SỰ HOÀNG DƯƠNG GIỚI LUẬT

Hoàng dương giới luật, tuy chúng ta hy vọng nó sẽ xuất hiện được một không khí mới, nhưng nhìn trên lịch sử thì chẳng lạc quan lắm, vì theo sự ghi chép trong bộ *Lịch sử Phật giáo Trung Quốc* thì sự hoàng dương giới luật chiếm một tỷ lệ rất nhỏ.

Chúng ta thử kiểm thảo: Giới luật đã là căn bản của Phật pháp, vì sao Phật giáo Trung Quốc đối với giới luật không cảm thấy hứng thú? Nguyên lai, giới luật của Phật giáo cũng như pháp luật trong một quốc gia. Nếu như trong quốc gia bỏ hiệu dụng của pháp luật, thì xã hội của quốc gia ấy sẽ phát sinh ra sự khủng bố và đen tối không thể tưởng tượng. Phật giáo nếu không có sự câu thúc của giới luật, thì sự đoạ lạc của Phật tử và sự hư đốn của Tăng đoàn cũng là việc có thể đoán ra được. Phật giáo Trung Quốc tuy chẳng đúng như luật thực hành, nhưng vẫn kéo dài liên tục đến nay là vì trong các kinh luận của Phật giáo chỗ nào cũng có đề cập đến sự quan trọng của giới luật, như trong *Luận Đại Trí Độ*, *Luận Du Già Sư Địa*, *kinh Niết Bàn*, *kinh Hoa Nghiêm*, *kinh Pháp Hoa*, *kinh Lăng Nghiêm*, *kinh Di Giáo* v.v... Vì thế, Phật giáo Trung Quốc tuy chẳng tuân giữ nghiêm căn giới chế, nhưng lại không chống với nguyên tắc trọng yếu của giới luật, đây là điều đáng mừng. Song, cũng vì Phật giáo Trung Quốc chưa thiết thật thực hành đúng như luật, nên trạng thái Phật giáo Trung Quốc càng ngày càng đi xuống. Nguyên lai, tinh thần căn bản của Phật giáo là y pháp chẳng y người, chỉ cần y theo luật chế hành trì, Phật pháp mới tự có thể trải qua thời gian lâu dài mà vẫn thường mới mẻ. Nhưng Phật giáo Trung Quốc từ xưa đến nay thường thường y người mà chẳng y pháp, như xuất hiện được vài vị Đại Tổ sư để mọi người hành theo thì lấy Tổ sư làm trung tâm Phật giáo, kết đoàn xung quanh Tổ sư, Phật giáo nhân đó mà được hưng thịnh. Nếu trong mấy mươi năm hoặc mấy trăm năm không có một vị Tổ sư xuất hiện, thì Phật giáo cũng theo đó suy vi. Phật giáo vốn lấy Phật pháp làm trung tâm, mà Phật giáo Trung Quốc lại lấy Tổ sư làm trọng tâm. Vì thế, cục diện trên Phật giáo sử đều là thăng trầm thịnh suy bất định, không có cách nào cứu vãn cho nó được bình ổn lâu dài.

Nếu muốn cứu vãn cái khuyết điểm này, chúng ta chỉ có thể bắt đầu bằng sự kiến lập chế độ giới luật, nhưng hoàn cảnh và bối cảnh Phật giáo Trung Quốc đối với sự

hoàng dương giới luật lại có rất nhiều khó khăn trong quá khứ như vậy, thì từ nay về sau cũng là như vậy. Nay phân tích như sau:

### **1. Luật bốn quá nhiều, tổng hợp chẳng phải dễ**

Giới luật truyền đến Trung Quốc có 4 luật, 5 luận; trong đó, nhân duyên chế giới và điều văn giới tướng của các bộ *Quảng Luật* đã sai biệt nhau biết bao nhiêu. Nhưng các bộ luận giải thích về luật, khi giải thích các điều văn, mỗi luận đều làm sáng tỏ tông nghĩa của bộ phái mình có nhiều điểm khác nhau, có luận yêu cầu rất nghiêm, có luận yêu cầu hơi nhẹ. Nếu như theo bộ đọc xem mà tự cho là phải, thì cũng không thể khẳng định rằng mình đã trải qua đến trình độ nào.

Do vì Luật sư Nam Sơn Đạo Tuyên không xem qua luật văn của Hữu Bộ (bản Tân dịch), nên quan điểm của Ngài có nhiều chỗ bất đồng của bộ luật này, Hữu Bộ Luật tuy xuất hiện sau, nhưng do Ngài Tam Tạng Nghĩa Tịnh lưu học ở Ấn Độ hơn 20 năm, khảo cứu khắp các luật chế Ấn Độ đương thời và trứ tác *Ký Quy Truyện* để thuyết minh. So với Ngài Nam Sơn thì quan điểm của Ngài Nghĩa Tịnh chính xác hơn. Nhưng nếu đem Hữu Bộ mà chỉ trích Nam Sơn thì cũng chưa nên. Lại như các Ngài Ngẫu Ích, Kiến Nguyệt ở cuối triều Minh đầu triều Thanh, vì các Ngài ấy chưa được học hết các tác phẩm về luật học của phái Nam Sơn trứ tác vào thời Đường, Tống, nên tuy các ngài theo tông chỉ Nam Sơn, nhưng vẫn chưa hoàn toàn hợp với quan điểm của Nam Sơn. Người ngày nay như muốn tu chỉnh và hoàng dương giới luật trước cần phải xung phá cửa ải khó khăn này.

### **2. Giới tướng phiền phức, chẳng dễ gì ghi nhớ rõ hết**

Mọi người đều biết trong Phật pháp danh tướng của Tông Duy Thức quá nhiều, rất khó mỗi mỗi đều ghi nhớ rõ ràng, mà chẳng biết Luật tông cũng khó khăn như thế. Mọi người chỉ biết giới luật, tối thiểu là 5 điều của ngũ giới, tối đa là 348 điều của Tỳ kheo ni giới. Song, đây không chỉ là điều văn mà thôi. Một người nếu như chỉ học thuộc lòng điều văn của Hiến pháp thì chẳng thành chuyên gia Hiến pháp học được. Bởi vì gần như trong mỗi điều giới tướng, phần nhiều đều có phân biệt khai, giá, trì, phạm, mỗi điều giới đều có đẳng cấp khinh, trọng. Đồng phạm một điều giới do động cơ, phương tiện, kết quả v.v... chẳng đồng, thì phạm tội khinh, trọng và phương thức sám hối cũng chẳng đồng. Điều văn của giới luật cố nhiên là giới, và dù không có ghi trong điều văn, nhưng điều gì làm trái với nguyên tắc Phật pháp cũng đều coi là phạm giới. Phạm giới là gì? Phải có biện



pháp nào? Điều phải phân biệt rõ ràng như chỉ vật trong lòng bàn tay mới được gọi là thông hiểu giới luật. Hơn nữa, một Tỳ kheo không những chỉ biết về phạm giới tướng khinh, trọng và phương thức sám hối, là còn cần phải thông hiểu tất cả giới luật Đại thừa, Tiểu thừa mới được xem là hiểu rõ giới luật. Vì thế, nghiên cứu giới luật cần phải trước tiên có tâm nhẫn nại và khắc khổ, từ trong danh mục giới tướng khô khan bồi dưỡng ra tinh thần trì giới và bí nguyện hoằng giới.

### ***3. Học giới, hoằng giới cần phải trì giới***

Người học giới, hoằng giới tuy chẳng cần mọi việc đều hành trì đúng như luật, nhưng tối thiểu cũng phải là tín đồ trung thực của giới luật. Người ấy tuy chưa chắc trì luật cẩn nghiêm, nhưng ít ra cũng là người nói theo luật mà thực hành, bằng không thì sự nghiệp hoằng luật của người ấy cũng khó thu đạt được hiệu quả lý tưởng.

Học thiền có thể chẳng câu chấp tiểu tiết, học luật mọi việc đều phải cẩn thận. Pháp sư học giáo giảng kinh có thể lên đại toà thuyết pháp, có thể thu nhiều đồ chúng, có thể được cả danh lợi. Luật sư trì giới hoằng luật không có Tăng đoàn đại quy mô, giảng giới chẳng câu lên đại toà hoặc có đại tông lâm. Người học giới, trì giới, tuyệt đối chẳng dám lạm thu đồ chúng, bằng không tức là phạm giới. Do đó nếu muốn lập chí hoằng giới, trước tiên cần phải chuẩn bị cam chịu tịch mặc. Đương nhiên, nếu hoằng giới được thành công, lúc ảnh hưởng lan khắp mọi người thì những vấn đề này cũng chẳng thành vấn đề. Nhưng bản thân làm một người hoằng giới, sinh hoạt của người ấy chắc chắn phải là một thầy Tỳ kheo khắc khổ, vật dụng nuôi thân chẳng dám quá tốt, bằng không sẽ thành phạm giới. Vì thế, người muốn phát tâm hoằng giới trước tiên phải có tinh thần chẳng sợ khắc khổ.

### ***4. Hoàn cảnh Phật giáo Trung Quốc chẳng quý chuộng luật chế***

Nhân vì Phật giáo Trung Quốc, nhất là Phật giáo Trung Quốc từ đời Nam Tống đến nay vốn đánh mất cái tập quán quý chuộng giới luật. Vì thế, chúng ta đề xướng hoằng dương giới luật nhưng gặp phải hoàn cảnh chẳng quý chuộng luật chế này, đó là sự chướng ngại lớn nhất của việc hoằng dương giới luật. Đa số người chẳng quý chuộng luật chế, cũng ghét luôn cả người quý chuộng luật chế, vì họ sợ người đem lý do của luật chế ra để câu thúc hoặc phê bình đã kích họ, cho nên họ không được an tâm. Tôi đã từng nghe người nói: Đại sư Hoằng Nhất hoằng luật, rất nhiều nơi chẳng hoan nghinh Ngài, thậm chí có người coi Ngài như quái vật.

Kỳ thật, họ đều là những quái vật mà chẳng tự biết, lại đem cái chẳng phải quái vật cho là quái vật. Thử hỏi Tỳ kheo xuất gia mà chẳng sinh hoạt theo hạnh Tỳ kheo thì chẳng cho đó là quái vật, trái lại cho thầy Tỳ kheo sinh hoạt đúng hạnh Tỳ kheo là quái vật, chẳng phải kỳ quái lắm sao? Nhưng dù nói thế nào, ở trong hoàn cảnh chẳng quý chuộng luật chế này, đã có sự tự do hoàng dương giới luật thì cũng có sự tự do phản đối việc hoàng dương giới luật. Đã chẳng tiện phỉ báng công khai, lại chẳng thể thủ tiêu thì chẳng cho người khác tự do hợp tác. Thế nên cuối triều nhà Minh, ngài Ngẫu Ích hoàng giới mấy lần giảng, mấy lần đình, người nghe giảng tối đa không hơn mười mấy người. Thời gian gần đây, ngài Hoàng Nhất hoàng giới, ban đầu vài lần chẳng như ý nguyện, về sau lấy: “Chẳng lập danh mục, chẳng thu kinh phí, chẳng hợp nhiều chúng, chẳng định địa chỉ” làm phương án hoàng luật.

### ***5. Luật văn chế định mà thời đại biến đổi***

Điều văn của giới luật là chết, còn sự diễn biến của xã hội là sống. Muốn đem những điều văn chết cứng đặt lên đầu mỗi đệ tử Phật của mỗi thời đại một cách sống động, thật là một sự kiện khó khăn, cũng là một việc chẳng hợp lý. Nhưng, sau khi Phật nhập diệt, Tôn giả Ca Diếp đã đề xuất ra nguyên tắc thế này: “Điều Phật đã chế chẳng được phép bỏ, điều Phật chưa chế chẳng được chế thêm”. Do đó, những vị Đại đức của nhiều đời đều chẳng dám làm cho giới luật có được sự linh hoạt thích ứng, mà vẫn đem cái quan niệm của người Ấn Độ đến phạm vi của người Trung Quốc, đem cái phạm vi cùng quan niệm của thời đại Tuỳ, Đường đến phạm vi của người hiện đại thì đâu nên trách giới luật mà bỏ nó qua một bên, và cũng đâu nên chẳng mong muốn làm cho giới luật thích ứng với trào lưu thời đại. Vì thế, có rất nhiều người cho rằng trì giới là hành vi thủ lậu. Thật ra, nếu như cứ vâng theo toàn bộ điều văn để tuân hành, thì thật là có chút lãng phí, bởi vì trong *Ngũ Phần Luật* quyển 22 có nói: “Phật dạy: Tuy là điều giới ta chế, nhưng phương khác chẳng cho là thanh tịnh đều chẳng nên dùng. Tuy chẳng phải điều ta chế, nhưng phương khác cần phải làm thì chẳng được chẳng làm”. Đủ thấy giới luật đều không cố định, chỉ cần chẳng trái với nguyên tắc của luật chế; tức là có thể tùy theo địa phương cùng trào lưu của thời đại mà ứng dụng. Còn việc ứng dụng như thế nào, thì phải cần phải học tập nhuần nhuyễn giới luật rồi sau mới có thể linh hoạt viên dung, mới không trái với nguyên tắc luật chế. Thời đại có mới, tinh thần của luật chế là trải qua thời gian dài lâu nhưng vẫn thường mới mẻ, chẳng nên nệ cổ mà chẳng canh tân, cũng chẳng nên vì mắc nghẹn mà bỏ ăn, nhưng đây cũng là một chương ngại ngại của việc hoàng dương giới luật. Năm điểm kể trên là

nhân tố chủ yếu khiến cho giới luật chẳng được hoằng dương. Nhưng chúng ta chẳng nên vì sự khó khăn chướng ngại mà đình đốn nhiệm vụ hoằng dương giới luật. Chúng ta phải tìm ra nguyên nhân của sự khó khăn nằm tại chỗ nào rồi tìm cách giải quyết, đáng khắc phục thì khắc phục, nên khai thông thì khai thông. Tôi ước mong mọi người cùng khích lệ nhau ra sức hoằng dương giới luật.

---o0o---

## VI. BỒI DƯỠNG PHONG TRÀO HỌC LUẬT

Muốn cho Phật giáo Trung Quốc từ nay về sau có tính chất ổn định, có hệ thống tổ chức và có sức đoàn kết, ắt hẳn cần phải phát huy sự tiên triển của luật chế. Muốn cho Tăng đoàn của Trung Quốc có tính thống nhất, có quyền chế tài, có sức hoạt động, chúng ta cần phải tiến hành sự giáo dục của luật chế. Muốn các Phật giáo đồ từng lớp lớp làm nhân cho nhau, tiết chế lẫn nhau, bảo trì thân tâm thanh tịnh, đạt đến cảnh ly dục, ắt cần phải giáo dục tất cả mọi người thọ giới, học giới và trì giới.

Công tác hoằng dương giới luật xây dựng nền tảng trên sự thọ giới, học giới và thọ giới của mọi người. Trước chẳng thọ giới thì không thể học giới. Nếu chẳng học giới, trì giới thì không có giới để hoằng. Vì thế, Phật quy định tân Tỳ kheo xuất gia năm hạ đầu tiên phải y chỉ học luật. Nếu chẳng hiểu biết về trì, phạm, khinh, trọng của giới luật thì chẳng được lia thầy và cũng chẳng được làm thầy người khác.

Trước mắt muốn học luật, khó khăn hãy còn rất nhiều, đó là không có đạo tràng lý tưởng cho người học tập và cũng không có đầy đủ sách luật cho người đọc. Có nhiều bộ luật sao, Luật số trong bộ Tục Tạng chữ VẠN, nhưng vì trong nước không có in Tục Tạng chữ VẠN cũng chưa có in riêng các sách luật để lưu thông, cho nên muốn mượn xem chẳng phải dễ.

Theo Đại sư Hoằng Nhất, nếu người nào đem bộ *Tứ Phần Tỳ kheo Giới Bản Tướng Biểu Ký* của chính Ngài biên tập và bộ *Tứ Phần Luật Hàm Chú Giới Bản* cùng bộ *Tứ Phần San Bổ Tuy Cơ Yết Mac* của Luật sư Đạo Tuyên, nghiên cứu hoàn tất ba bộ này thì có thể biết đại cương về luật học, nhưng đó chỉ là *Tứ Phần Luật* mà thôi, còn các bộ khác vẫn không biết.

Do đó, tôi cảm thấy chúng ta còn thiếu một bộ sách nhập môn về giới luật. Một bộ sách nhập môn phải có tính phổ thông, đồng thời cũng phải có tính thời đại và tính

thực dụng. Đó là động cơ tôi viết sách này. Đáng tiếc tôi tài hèn sức mọn, hơn nữa, tôi cũng chẳng phải là người đem tinh thần giới luật tử trong sinh hoạt của tôi biểu đạt toàn bộ, những lời viết ra đây đều là không biết lượng sức mình, hà huống sách luật tôi được đọc cũng rất là hữu hạn. Vì thế sách này tuy mang tên GIỚI LUẬT CƯƠNG YẾU, thật ra chỉ là một điểm tâm đắc của sự học tập giới luật trong hơn hai mươi năm của tôi mà thôi.

---o0o---

## **Thiên thứ hai : Quy Y Tam Bảo**

### **Chương 1 : Tam Bảo Và Quy Y**

#### **I. VÌ SAO CẦN QUY Y TAM BẢO**

Chúng ta nhận thấy rằng trong hàng ngũ Phật giáo đồ có một số đông không có quy y. Vì người quy y Tam bảo rồi, dĩ nhiên thường đốt hương lễ Phật. Song, người đốt hương lễ Phật chưa hẳn là đã thọ Tam quy. Tuy chưa từng quy y Tam bảo, những người này vẫn tự xưng là tín đồ Phật giáo, chúng ta cũng chẳng cần phủ nhận tín ngưỡng của họ.

Có người chủ trương: “Tin Phật chỉ cần tâm thành, hà tất nhất định cần phải quy y”. Quan niệm mới nghe qua dường như có lý, thật ra thì chẳng hợp yêu cầu. Ví như học sinh muốn học, trước tiên phải làm thủ tục đăng ký nhập học, bằng không thì trong trường không có học tịch, nên chỉ được miễn cưỡng dự thính, đến cuối niên học không có văn bằng. Một học sinh thông thường nhất định là phải chiếu theo học niên, học trình để lên lớp, lên cấp, từ Tiểu học qua Trung học rồi đến Đại học. Đầu tiên vào Tiểu học, trước hết phải đăng ký, khi lên Trung học và Đại học, ngoài việc đăng ký ra còn phải thi cử xem có đủ năng lực theo học hay không. Còn như chẳng học Tiểu học, mà muốn lấy văn bằng Đại học, cho đến lấy bằng Bác sĩ thì không thể nào được. Do đó, muốn quy y Phật phải bắt đầu từ quy y Tam bảo. Quy y Tam bảo là bước thứ nhất tiến vào cửa Phật. Nếu chẳng đi bước thứ nhất này, đâu thể nào bước được bước thứ hai, thứ ba. Muốn đi bước thứ hai, thứ ba ắt phải bắt đầu bằng bước thứ nhất. Cấp bậc của đệ tử Phật lấy theo thứ lớp thọ giới để quy định. Quy y Tam bảo là lớp cơ bản đầu tiên, lên trên còn có ngũ giới, bát giới, thập giới, Tỳ kheo giới, Tỳ kheo ni giới, Bồ tát giới, tất cả các giới đều lấy

quy y Tam bảo làm căn bản. Phật giáo chẳng bỏ chúng sinh, đặc biệt mở rộng đối với mọi người thỉnh cầu quy y Tam bảo. Chúng sinh trong lục đạo, trừ chúng sinh trong địa ngục bị khổ quá lớn, quá nhiều, không có cơ hội quy y Tam bảo, còn thì bất luận người, trời, thần, quỷ, súc sinh, chỉ cần phát tâm quy y là Phật giáo tiếp nhận. Điều này cũng giống như trẻ em đủ tuổi đi học, bất luận giàu, nghèo, sang, hèn, trí, ngu, đẹp, xấu không phân biệt, đều được nhập học trong trường Tiểu học. Như muốn tiến thêm một bước thì cần phải qua sự kiểm tra sát hạch về tư chất.

Có người cho rằng mình đã có năng lực xem kinh thì tự mình có thể trực tiếp hướng vào trong kinh Phật tìm ra con đường thành Phật, vì thế chẳng cần quy y cũng có thể được sự thọ dụng của việc học Phật. Điều này nói trên lý thì dường như thông, nhưng ở trên quy chế của sự tướng thì đó là sai lầm. Kinh Phật là do đức Phật thuyết (cũng có thể do đệ tử Phật thuyết), lại do đệ tử xuất gia của Phật kết tập truyền cho hậu thế. Như nói chỉ biết kinh Phật, tức là chỉ quy y Pháp bảo mà bỏ qua Phật bảo là người thuyết pháp và Tăng bảo là người lưu truyền Pháp bảo, đây là một hành vi vong ân. Phật giáo tuy lấy Pháp bảo làm chủ, đạo giải thoát đều do Pháp bảo sinh ra, nhưng sự sinh ra của Pháp bảo phải do Phật bảo và Tăng bảo mới được hoàn thành, vì thế Tăng bảo chẳng tách rời nhau.

Nếu giảng đến chế độ hoặc nghi thức tin Phật mà chẳng quy y Tam bảo, thì cũng như một người ngoại quốc yêu mến phong thổ và vạn vật Trung Quốc. Người ấy đến cư trú ở Trung Quốc, nhưng không đăng ký đổi quốc tịch của mình, mà lại tự xưng là người dân Trung Quốc. Người ấy dù được người Trung Quốc hoan nghênh, nhưng rốt cuộc chẳng phải là người Trung Quốc. Người ấy có thể làm hết nghĩa vụ của người dân Trung Quốc, nhưng cuối cùng cũng chẳng hưởng được quyền lợi của công dân Trung Quốc. Cũng vậy, một người chẳng thọ Tam quy lại tự xưng là Phật giáo đồ, người ấy tuy có thể được chút ít chỗ hay của Phật pháp, nhưng cuối cùng chẳng được ấn chứng. Đây chẳng phải là điều quá chấp trước mà là thủ tục cần phải có. Cho nên trong kinh Phật nói: “Người đời tuy làm điều thiện, nhưng chẳng phá được ác nghiệp đời trước. Nếu hay thọ Tam quy giới thì phá hoại được ác nghiệp đời trước”.

Thọ Tam quy chẳng phải chỉ là vấn đề trên hình thức, mà còn là vấn đề trên tâm tính nữa. Lúc thọ Tam quy, chẳng những trong miệng niệm, thân thể lễ lạy, mà trong tâm còn phải quán tưởng nữa. Chủ yếu là sự lãnh thọ ở tại tâm lấy giới thể quy y. Giới thể phải do người trước đã thọ quy giới, sư sư truyền nhau, đây là pháp

thống một mạch truyền thừa. Hạng phàm phu chẳng thể không thầy tự chứng, vì thế Tam quy chẳng được ở trước tượng Phật, Bồ tát tự thệ tự thọ. Do đây có thể biết tính cách trang nghiêm và trọng yếu của sự thọ Tam quy.

Như nói chẳng thọ Tam quy mà muốn thành một tín đồ Phật giáo chánh tín, đó là điều không thể được. Nếu như chỉ tin Phật pháp nhưng chẳng lễ Tam bảo, người ấy trước tiên đã trái với Phật pháp rồi. Trong Phật pháp, Tam bảo chẳng thể tách rời nhau. Nếu tách rời nhau là phá hoại Phật pháp. Một người trái với Phật pháp và lại phá hoại Phật pháp mà đạt đến thiện quả của sự học Phật, đó là điều không bao giờ có. Bằng không, đã tin tưởng Tam bảo, tại sao chẳng quy y Tam bảo?

Có một ít người còn chưa tin Phật, song đối với Phật giáo cũng có chút cảm tình, họ chẳng chịu quy y Tam bảo liền, vì sợ rằng sau khi quy y sẽ bị câu thúc, hoặc sau khi quy y không có cách nào gỡ ra. Vì thế họ có thái độ để chờ xem. Họ xem ý nghĩa quy y đồng như hôn nhân giữa nam nữ, lúc chưa hiểu nhau chẳng dám kết hôn. Sợ rằng: Nếu như tính tình hai bên chẳng hợp thì khó tránh khỏi tạo thành nỗi đau khổ suốt đời. Thật ra quy y Tam bảo và vấn đề hôn nhân giữa nam nữ là hai việc hoàn toàn khác nhau. Tỷ như chúng ta muốn học một môn kỹ nghệ nào cũng đều phải có thầy. Nếu không như vậy thì khó thành một chuyên gia bậc nhất. Chỗ hay của học thầy là nhận lấy sở học, sở trường của thầy. Thầy mình cũng là học nơi từ thầy của thầy, thậm chí kinh nghiệm tích lũy từ trăm, ngàn năm nơi bản thân của thầy, chúng ta theo thầy học tập cũng là kế thừa kinh nghiệm quý báu của mấy trăm, ngàn năm ấy. Sau khi học xong một môn kỹ nghệ là chúng ta có thể dùng đến. Nếu như trong thời gian học tập cảm thấy không thích hợp với mình thì nên thôi học. Nếu đã học thành tài, chẳng ngại gì theo thầy cho đến suốt đời, song cũng có thể lìa thầy để làm ăn độc lập. Quy y Tam bảo cũng giống như vậy.

Muốn hiểu chút ít Phật pháp, phải bắt đầu từ quy y Tam bảo. Nếu như chỉ đợi xem xét tình hình rồi sẽ quyết định quy y, rốt cuộc vẫn là người đứng ngoài cửa mà mong hiểu chút ít về Phật pháp, đó chỉ là vọng tưởng. Cửa Phật chẳng phải là tù ngục, mà là con đường thênh thang giải thoát. Sau khi quy y mà bị câu thúc, thì cửa Phật cũng chẳng thể gọi là con đường giải thoát. Phật giáo cố nhiên hy vọng mọi người quy y Tam bảo, và từ khi bắt đầu quy y là đi một mạch thẳng đến thành Phật. Nhưng do căn khí sai biệt mà có một số người chẳng thể tiếp thọ thẳng nghĩa của Phật pháp, chẳng thể tuân hành đúng như pháp, sau khi quy y lại đi tin tôn giáo khác hoặc chẳng tin tôn giáo nào. Đối với những người này, Phật giáo đặc biệt chú

trọng hơn, là sau khi họ ra khỏi Phật giáo, cửa từ bi của Phật giáo luôn luôn mở rộng, tùy thời vui vẻ đón tiếp đưa con hoang quay đầu trở về.

Do đó, tôi kính khuyên tất cả người đời đều nên quy y Tam bảo. Dù ông đã tin Phật giáo, hoặc chuẩn bị tin, hoặc còn do dự đứng ngoài cửa Phật giáo, cho đến dù ông là một tín đồ của tôn giáo khác, cũng chẳng ngại gì mời ông tạm thời buông bỏ thành kiến hoặc tín ngưỡng vốn có của ông để thử đến quy y Tam bảo, chắc chắn ông sẽ được lợi ích thực tiễn và cũng chẳng mất tự do của ông. Nếu như thật sự quy y Tam bảo rồi, trừ phi ma chướng che tâm, ông chẳng bao giờ thoái lui ra cửa Tam bảo.

---o0o---

## II. QUY Y TAM BẢO LÀ GÌ?

Từ trên mặt chữ giải thích, thì Quy y quay về hoặc là quay đầu, y là nương tựa hoặc là tin cậy. Hành vi quay về nương tựa, hoặc hướng về tin cậy là quy y. Vì thế hai chữ quy y cũng chẳng phải là từ ngữ chỉ có Phật giáo chuyên dùng.

Bé con sà vào lòng mẹ của nó, nương tựa mẹ nó, tin cậy mẹ nó, vì thế nó có cảm giác an toàn. Sự sinh ra cảm giác an toàn này phát xuất từ sức mạnh của sự quy y. Do đó, phạm do nơi hành vi hướng về tin cậy sinh ra cảm giác an toàn đều có thể gọi là quy y.

Theo đây có thể nói, con cái tin cậy cha mẹ, học sinh tin cậy thầy giáo, xí nghiệp tin cậy dự toán, thuộc hạ tin cậy trưởng quan, người theo tức mạng luận tin cậy mạng vận, cho đến người bạo ngược tin cậy vào mưu lược, người tham lam tin cậy vào tài sản v.v...đều có phần nào hoặc ít, hoặc nhiều cái nghĩa quy y. Nói một cách khác, thông thường là do tín ngưỡng mà hiểu được sự lý đều có thể xem là thuộc về quy y. Thế nên tín ngưỡng Phật giáo cố nhiên có thể gọi là quy y, hoặc là tín ngưỡng tôn giáo khác cho đến tín ngưỡng sùng bái cúng tế yêu thần quỷ quái cũng đều có thể gọi là quy y.

Nhưng giảng đến chân nghĩa của quy y, phạm sự tin cậy cùng tín ngưỡng chẳng cứu cánh, chẳng chân thật, chẳng thế nương cậy, đều chẳng được gọi là chân quy y. Ví như bị tai nạn nước lụt lớn, người ta có thể leo lên ngọn cây, trèo lên nóc nhà, chạy lên gò nhỏ, nhưng thế nước lớn, sóng gió to, nước dâng cao làm cho cây ngã nhà sập, gò nhỏ bị ngập. Vì thế, trong hoàn cảnh ấy, nếu như gần đấy có một trái

núi cao, mọi người có thể chẳng leo lên núi cao hay không? Tôi tin rằng trừ kẻ quá ngu si ra, chứ không ai bỏ đi cơ hội được sống còn. Bởi vì núi cao đem đến cái hiệu quả an toàn, nó cao chẳng phải ngọn cây, nóc nhà, gò nhỏ có thể so sánh được.

Vậy người nào nhận thức được thế sự vô thường, tất cả tướng thế gian đều do nhân duyên đối đãi với nhau mà thành, người ấy có thể hiểu rõ ràng cha mẹ, thầy giáo, dự toán, trưởng quan, mạng vận cho đến vũ lực, tài sản v.v... tuy có thể sinh ra hiệu quả an toàn tạm thời, nhưng rốt cuộc chẳng thể tuyệt đối vĩnh cửu để nương tựa. Cha mẹ sẽ chết, tri thức của thầy giáo sẽ lạc hậu, dự toán sẽ tiêu ngách, trưởng quan sẽ bị điều động đổi đi, mạng vận dựa không chắc, cho đến vũ lực, mưu lược cùng tài sản... lại là như huyễn, như khói. Ngày hôm nay làm vua, ngày mai có thể làm tù nhân, ngày hôm nay là phú ông trăm vạn, ngày mai có thể là kẻ ăn mày trong ngõ hẻm.

Đến như tín ngưỡng các tôn giáo khác có thể sinh lên trời, song do hấn do nơi tín ngưỡng mà quyết định được sinh lên cõi trời. Tỷ như Cơ Đốc giáo, người tin có thể được cứu, song cũng chưa ắt được cứu. Thượng đế chẳng sủng ái, dù cho ông tin khẩn thiết như thế nào cũng chẳng dễ gì được tuyển làm dân của Thiên quốc. Nhìn trên tầng lớp của Phật giáo, trừ Phật giáo ra, tất cả các tôn giáo khác, dù là tôn giáo cao cấp nhất của họ cũng đều chẳng vượt ngoài phạm vi sinh lên cõi trời. Nhưng, cõi trời ở trong Phật giáo, giả sử có sinh lên cõi trời cao nhất đi nữa, vẫn còn ở trong sinh tử luân hồi. Thọ mạng của trời tuy dài hơn người thế gian, song cũng có giới hạn, phước trời hưởng hết, sau khi chết lại bị đọa, cho nên rốt cuộc chẳng phải là chỗ quy y đáng để nương tựa. Chỉ có quy y Phật giáo mới có thể khiến cho người ta dần dần tiến lên đạo giải thoát cứu cánh lìa khổ được vui. Tổng thể của Phật giáo là Tam bảo: Phật, Pháp và Tăng.

Trên thực tế, khuynh hướng của quy y trước tiên phải bắt đầu từ quy y Tam bảo ở ngoài thân, với sự khai mở và chỉ dẫn của sự hướng về Tam bảo, nương cậy Tam bảo để đi vào con đường đại giải thoát đưa đến thành Niết bàn. Nhưng đường đi và thành Niết bàn (giải thoát) ngay nơi tự thân cũng là lý thể Tam bảo. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, do vì nghiệp chướng mê hoặc nên chẳng thấy được Phật tánh, mục đích của chúng ta quy y Tam bảo chính là muốn cho Phật ta hiển hiện. Chúng ta vốn đồng với Phật, vốn đồng với Tam bảo, chỉ do mê mờ quên mất bản tánh mà trôi nổi trong đường sinh tử, chẳng biết đường trở về nhà, vì thế gọi là



chúng sanh. Nếu từ hôm nay chúng ta bắt đầu quay về Tam bảo thì cũng chỉ là đưa con lư lạc quay đầu bước trở về nhà cũ của mình mà thôi.

Do đó, chỉ có con đường trở về nhà mới được xem là quy y chơn chánh. Còn như chỉ có thể cho người cái chỗ tạm thời để nghỉ chân thì tuyệt đối chẳng phải là chỗ cho chúng ta quy y suốt đời. Bằng không, cũng giống như cưỡi trâu đất qua sông, vừa mới xuống nước hoặc có chút cảm giác sai lầm đã cho là an toàn; song một phen xuống nước, chính tự thân của trâu đất cũng khó bảo toàn, lại có thể làm công cụ qua sông cho người được ư!

Tam bảo là gì? Tại sao gọi Phật, Pháp, Tăng là Bảo? Đây là điều rất quan trọng. Một người muốn tin Phật trước tiên cần phải quy y Tam bảo. Nhưng trước khi quy y cần phải hiểu rõ đại ý của Tam bảo. Bằng không, chẳng hiểu chỗ hay đẹp của Tam bảo thì không được gọi là chơn chính quy y. Cũng giống như chúng ta muốn thi vào trường Đại học để cầu học, nếu như chẳng biết tên của trường Đại học ấy, quả thật đáng tức cười. Nhưng chúng ta có thể nói, ngày nay đệ tử của Tam bảo lúc tiếp thọ quy y chưa hẳn đã hiểu qua đại ý của Tam bảo, các thầy truyền thọ quy y chưa ắt đã khai thị qua về đại ý của Tam bảo. Nói ra đây là điều đáng xấu hổ.

Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng; bởi vì từ Phật, Pháp, Tăng sinh ra công đức vô lượng, phát huy diệu dụng vô tận, và lấy đó chẳng cạn, dùng nó chẳng hết, vô cực, vô hạn, vô bến, vô bờ. Thế gian cho vàng bạc châu báu giá trị cao, công dụng lớn, vì thế gọi là bảo (quý báu). Công đức và diệu dụng của Phật, Pháp, Tăng thì thông cả thế gian lẫn xuất thế gian, vì thế đáng gọi là Bảo. Do sự giáo hoá của Tam bảo khiến cho người ta sống bình an nơi nhân gian và làm cho con người ở nhân gian lìa khổ được vui. Vì thế, Tam bảo là quý báu, lại còn vượt hơn sự quý báu của các thứ báu tốt bực.

Về chủng loại của Tam bảo, xưa nay có nhiều cách phân biệt. Từ trên đại thể mà nói, chẳng ngoài do sự bất đồng của sự tướng và lý thể. Nay phân làm hai loại lớn:

1. Từ trên sự tướng có Trụ trì Tam bảo và Hoá tướng Tam bảo.
2. Từ trên lý thể có Nhất thể Tam bảo và Lý thể Tam bảo.

Trước khi giải thích chủng loại của Tam bảo, đầu tiên cần phải biết hàm ý của Tam bảo. Phật là người giác ngộ: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Pháp là phép

tắc có khuôn khổ khiến người ta hiểu và có khả năng gìn giữ tự tánh chẳng mất. Tăng là hoà hợp chúng, hoà hợp nơi sự lý ở chung với nhau.

### **1.Trụ Trì Tam Bảo**

- Dùng ngọc chạm, đá khắc, vàng đúc, đồng nấu, đất đắp, gỗ chạm, dầu sơn, mực họa, thêu trên vải, vẽ trên giấy hình tượng Phật, ấy là Phật bảo.

- Tam tạng kinh điển hoặc trừ thuật về Phật giáo của chư vị Đại đức xưa nay, ấy là Pháp bảo.

- Tỳ kheo, Tỳ kheo ni cạo tóc mặc áo nhuộm, ấy là Tăng bảo.

Do vì Phật giáo sau khi đức Phật nhập diệt nương tựa vào một loại Tam bảo này để nối tiếp huệ mạng Phật, bảo trì tinh thần Phật giáo và truyền bá giáo nghĩa Phật giáo, vì thế gọi là Trụ trì Tam bảo.

### **2.Hoá Tướng Tam Bảo**

- Trong giai đoạn Phật Thích Ca Mâu Ni tại Ấn Độ thành đạo cho đến nhập diệt, Đức Phật Thích Ca là Phật bảo.

- Các thứ giáo pháp đương thời Đức Phật dạy đệ tử như các đạo lý: Tứ thánh đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên..., ấy là Pháp bảo.

- Đệ tử phạm thánh đương thời theo Phật xuất gia, ấy là Tăng bảo.

Đây là tướng trạng chỉ có lúc đức Phật trụ thế ứng hoá, vì thế gọi là Hoá tướng Tam bảo.

### **3.Nhất Thể Tam Bảo**

Tức là trong Tam bảo Phật, Pháp, Tăng mỗi mỗi đều riêng có công đức của Tam bảo.

- Phật có khả năng giác chiếu, vì thế gọi là Phật bảo. Phật hay thuyết pháp, tự tại đối với pháp, cho nên có cái khả năng quý trị, vì thế gọi là Pháp bảo. Phật không có cái lỗi tranh cãi, vì thế gọi là Tăng bảo.

- Bản thể của Pháp có đủ cái tánh năng sinh chư Phật, vì thế là Phật bảo. Bản thân của Pháp có công năng quý trị, vì thế gọi là Pháp bảo. Phật pháp bình đẳng chẳng chướng ngại nhau, vì thế gọi là Tăng bảo.

- Tăng có cái trí quán chiếu, là Phật bảo. Tăng có cái dụng quý trị, là Pháp bảo. Tăng có cái thể hoà hợp, là Tăng bảo.

#### **4.Lý Thể Tam Bảo**

Là nói Tam bảo sẵn có của tất cả chúng sinh, mọi người đều đủ. Ở đây có hai loại:

- Từ trên sự tu chứng: Phạm phu đều vì Hoặc, Nghiệp, Khổ mà lưu chuyển sinh tử, cho nên có thể chuyển mê thành ngộ: Hoặc, tức thành Bát nhã; Nghiệp, tức thành giải thoát; Khổ, tức thành Pháp thân. Bát nhã là Phật bảo, Giải thoát là Pháp bảo, Pháp thân là Tăng bảo.

- Từ trên lý thể (chân như): Lý năng quán là Phật bảo, sự sở quán là Pháp bảo, sự lý nhất như là Tăng bảo.

Kỳ thật, Tam bảo tuy phân làm bốn loại, nhưng chỉ có hai thứ tính chất là sự và lý. Sự tướng Tam bảo là hiện thực, vì thế dễ hiểu. Lý thể Tam bảo là trừu tượng, vì thế chẳng dễ gì hiểu được, trừ phi đã khai ngộ, đã chứng được tự tánh chân như, bằng không đều là cảm thấy xa lạ, nhưng đó lại là chỗ cứu cánh quy y của chúng ta. Để cho độc giả dễ hiểu hơn, chúng tôi xin ghi lại một đoạn giới thiệu về vấn đề này của Pháp sư Ấn Thuận để tham khảo:

Luận đến chỗ chân thật quy y là công đức chân thật của Tam bảo, điều này xưa nay có nhiều sự phân biệt, nay chỉ nói sơ lược hai loại:

1. Công đức vô lậu của Phật là Phật bảo, nói theo Thanh Văn thừa, đó là Ngũ phần pháp thân (Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến); nói theo Đại thừa, đó là tất cả công đức vô lậu nhiếp vào Vô thượng (Tứ trí) Bồ đề. Chánh pháp, hoặc Niết bàn là Pháp bảo. Công đức vô lậu của hữu học, Vô học là Tăng bảo. Theo Thanh Văn thừa nói Tăng bảo tức là công đức vô lậu của Tứ song bát bối (Tứ hướng, Tứ quả của Tiểu thừa).

2. Đại thừa giáo nói pháp giới thanh tịnh nhất như được hiển hiện bởi cứu cánh viên mãn (nhiếp được thể tướng nghiệp dụng) là Phật bảo. Pháp giới (hoặc gọi là chân như; thật tướng.v.v...) trùm khắp mười pháp giới chẳng thêm, chẳng bớt,

không hai, không khác, là Pháp bảo. Chút phần hiển hiện pháp giới thanh tịnh là Tăng bảo. Bình thường nói nhất thể Tam bảo, Lý thể Tam bảo đều chẳng qua là sự giải thuyết bất đồng về một ý nghĩa này (Thành Phật Chi Đạo, trang 21).

Xem qua đoạn văn trên, nếu như chúng ta không có một chút nền tảng Phật học thì vẫn không hiểu. Nhưng chúng ta còn là phàm phu, nếu lý giải được Lý thể Tam bảo đương nhiên là tốt. Nếu chẳng lý giải được chỉ cần tin Sự tướng Tam bảo, sau khi tin đến một giai đoạn nào đó, Lý thể Tam bảo cũng tự hiển hiện. Cũng giống như khi chúng ta chưa du hành qua không gian, đối với cảnh tượng của không gian dù cho người đã du hành không gian nói rõ như thế nào đi nữa, chúng ta cũng chỉ biết mờ mờ, cho đến mất sự thật; chỉ có người đích thân du hành không gian một phen mới biết rõ được. Vì thế, phàm phu chúng ta nếu chỉ tin ngưỡng Trụ trì Tam bảo cũng là được rồi. Nhưng chúng ta phải nên hiểu rõ: Không có trụ trì Tam bảo thì cũng không làm sao hiển hiện được Lý thể Tam bảo; không có Lý thể Tam bảo thì Trụ trì Tam bảo không làm sao an lập. Trụ trì Tam bảo là đại dụng của Lý thể Tam bảo, Lý thể Tam bảo là toàn thể của Trụ trì Tam bảo. Tín ngưỡng Phật giáo bắt đầu từ tín ngưỡng Trụ trì Tam bảo, mục đích của tín ngưỡng của Trụ trì Tam bảo là làm hiển hiện (phát minh) Lý thể Tam bảo.

Ngày nay, có đệ tử tại gia của Phật tự mình chưa chứng Lý thể Tam bảo, chỉ tin Lý thể Tam bảo rồi lấy đó làm lý do để chẳng kính Trụ trì Tam bảo, ấy là đảo ngược gốc ngọn, là hành vi muốn lên cao trái lại bị rơi xuống thấp.

Điều phàm phu chúng ta có thể thấy đến chỉ có Sự tướng Tam bảo, còn Hoá tướng Tam bảo là tướng trạng chỉ lúc đức Phật còn trụ thế mới có. Sau khi Phật nhập diệt chỉ có Trụ trì Tam bảo. Trong Tam bảo, tuy Phật bảo là tôn quý nhất, Pháp bảo cao hơn hết, nhưng địa vị Tăng bảo là trọng yếu nhất. Sau khi đức Phật nhập diệt, đạo tràng của Phật giáo phải do Tăng bảo trụ trì, kinh điển của Phật giáo phải do Tăng bảo bảo tồn, văn hoá của Phật giáo phải do Tăng bảo truyền bá, tín đồ của Phật giáo phải do Tăng bảo tiếp dẫn. Do đó, lúc đức Phật còn tại thế, Phật giáo lấy Phật làm trọng tâm. Còn ngày nay nói tín ngưỡng của Phật giáo, phải lấy Tăng bảo làm chỗ quy y; cung kính Tam bảo phải cung kính Tăng bảo.

Trong hàng ngũ Tăng sĩ hẳn có rờng rần lẫn lộn, chúng ta quy y chẳng ngại gì chọn người lành noi theo, song với tâm cung kính cúng dường phải nên bình đẳng như

nhau. Trong kinh Phật nói: Tuy là Tỳ kheo phá giới vẫn đủ tư cách làm thầy trò người, vì thế chẳng được phân biệt cao thấp và chẳng được phê bình tốt xấu.

Đoạn trước đã nói qua quy y Tam bảo là nền tảng của sự tin Phật, học Phật. Nhưng sau khi bước lên nền tảng để vào cửa Phật, cũng chẳng được bỏ nền tảng này, bởi vì từ đây mới dần dần tiến lên, từng từng mở rộng. Tam quy là viên đá đầu tiên kiến trúc đạo nghiệp này. Chung loại của quy y Tam bảo có 5 bậc:

1. Phiên tà tam quy: Đầu tiên tiến vào cửa Phật.
2. Ngũ giới tam quy: Sau khi tin Phật, thọ thêm ngũ giới.
3. Bát giới tam quy: Ngày lục trai thọ trì Bát quan trai giới.
4. Thập giới tam quy: Sa di, Sa di ni thọ mười giới.
5. Cụ túc giới tam quy: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni vâng thọ Đại giới.

Bởi vì khi thọ giới, chắc hẳn là có Tam quy; đầu tiên vào cửa Phật, cố nhiên phải có Tam quy; thọ thêm Ngũ giới, Bát giới, Thập giới đều nhờ Tam quy làm đặc giới và nhận được giới thể; Thức Xoa ma ni giới, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni giới, tuy dùng pháp yết ma thọ giới, song trong khi thọ giới đều có cử hành tam quy. Do đó, tuy nói tam quy chẳng phải giới mà nó lại là căn bản của tất cả giới (Kỳ thật, trong tam quy có hàm nghĩa giới).

Tam quy chẳng những là căn bản của tất cả giới mà còn là căn bản của sự tu trì hằng ngày của tín đồ Phật giáo, hai thời khoá tụng sớm chiều trong tự viện đều có tam quy, chung kết tất cả Phật sự cũng đều lấy tam quy làm tông bản. Cho nên Phật giáo Tiểu thừa lấy tam quy làm trọng, họ xưng tam quy để hành trì và cũng xưng tam quy để khấn nguyện cho người.

---o0o---

## ***Chương 2 : Phương Pháp Và Lợi Ích Của Quy Y Tam Bảo***

### **I. QUY Y TAM BẢO NHƯ THẾ NÀO?**

Sau khi chúng ta đã có khái niệm về quy y Tam bảo rồi thì phải nên quy y Tam bảo.

Về nghi viết quy y Tam bảo, lúc đức Phật còn tại thế, nhân vì căn khí của người thọ quy y sâu dày, thế nên cũng không có dùng nghi tiết gì. Như đệ tử Tam bảo đầu tiên của đức Phật Thích Ca là cha của Da Du Già ở trước Phật nói: “Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, cúi xin Thế Tôn nhận cho con làm Ưu bà tắc”. Nói như thế, được xem là thọ tam quy rồi.

Nói theo thực tế, trước khi đức Phật chưa độ 5 Tỳ kheo, trên đời không có Tỳ kheo Tăng bảo, Phật truyền tam quy cho hai người lái buôn, Long vương, và xướng tam quy, là muốn họ quy y vị lai Tăng.

Điều đó đủ biết Tam bảo là một thể; quy y Phật, quy y Pháp mà chẳng quy y Tăng thì cũng chẳng thành quy y.

Câu nói quy y tam bảo thật rất đơn giản, nhưng trước khi quy y, tốt hơn hết là học cho thuộc. Từ trước đến nay người thọ quy y đều ở ngay lúc quy y do vị thầy truyền quy y nói một câu thì nói theo một câu. Có người do vị thầy truyền quy y nói chẳng rõ, hoặc do trong lòng mình rối rắm, nên sau khi quy y rồi lại chẳng biết nội dung của những lời quy y là gì. Quy y như thế chẳng thành quy y.

Lời nói quy y có tam quy, tam kết như sau: Con là...(tên tục) suốt đời quy y Phật, suốt đời quy y Pháp, suốt đời quy y Tăng (nói 3 lần). Quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi (cũng nói 3 lần). Trước nói quy y 3 lần chánh thọ tam quy y giới, sau là tam kết của quy y. Chỗ trọng yếu của quy y là lúc nói ba lần chánh thọ tam quy, nhận lấy giới thể vô tác của tam quy cũng ở chỗ này chánh thọ. Tốt hơn hết là ngay lúc chánh thọ tam quy phải quán tưởng: Lúc nói văn quy y lần thứ nhất, do công đức phát tâm của mình cảm nhận mười phương đại địa chấn động và có mây công đức từ mười phương đại địa bay lên. Lúc nói văn quy y lần thứ hai, mười phương nổi mây công đức từ từ kết tập trên đỉnh đầu thành hình lọng hoa. Lúc nói văn quy y lần thứ ba, lọng mây bằng mây này liền thành hình cái phễu từ từ rơi xuống đánh của mình, thấm khắp toàn thân và từ trong thân tỏa ra khiến cho thân tâm của mình tùy theo sự toả rộng của mây công đức mà đầy khắp mười phương thể giới. Đến đây tự mình đã nhận xong giới thể của tam quy, thân tâm của mình cũng theo công đức của giới thể cùng vũ trụ đồng một thể lượng. Thử nghĩ, quy y như vậy thì thiêng liêng và trang trọng biết bao!

Nếu như không quán tưởng được như thế, thấp nhất cũng phải nghe lời nói quy y rõ ràng, nói ra cho rõ ràng, đây là tuyệt đối chẳng thể lười thôi. Vì thế Đại sư Hoàng Nhất đã có nói qua một đoạn rất khẩn thiết như sau:

Dù là người xuất gia hay tại gia, lúc thọ Tam quy, trọng yếu nhất có hai điểm: Thứ nhất là chú ý đến ý nghĩa của quy y Tam bảo. Thứ hai là ngay lúc thọ tam quy, vị thầy phải nói thật là rõ ràng. Nếu lời thầy giảng toàn là văn ngôn không thể hiểu được, như vậy quyết chẳng đắc tam quy; hoặc cách quá xa nghe không rõ, cũng chẳng đắc tam quy. Hoặc tuy nghe hiểu hết, nhưng trong ấy có một hai chỗ nghi, cũng không đắc tam quy. Lúc chánh thọ, tức là ba lần nói: Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Đây là điều quan trọng nhất cần phải hết sức chú ý. Tiếp theo quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, là tam kết không quan trọng. Vì thế các vị phát tâm thọ giới trước tiên phải biết rõ ý nghĩa tam quy, và đương lúc thọ phải chú ý ba câu: “Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng”, mới đắc tam quy. (Luật học yếu lược)

Do đó tam quy tuy đơn giản, song muốn thực sự đắc giới thể của tam quy y cũng chẳng phải dễ. Chúng ta thấy hiện tại đệ tử tam quy có nhiều người không đắc tam quy. Nếu như đệ tử không biết tam quy, thì chẳng ngại gì thỉnh Bồ sư hoặc thỉnh thầy khác thọ quy y một lần nữa. Trong nghi thức quy y đại quy mô của tập thể mấy chục người hoặc mấy trăm, mấy ngàn người là chẳng thể tin cậy được, chỉ là gieo trồng căn lành mà thôi.

Từ trên sự bồi dưỡng của tinh tự tôn giáo mà nói, nghi thức thọ giới càng long trọng thì càng kích phát long chí thành, sự yêu cầu của thọ giới càng nghiêm khắc thì càng khiến cho người ta cảm thấy thiêng liêng, trang trọng. Cầu thọ tam quy vốn chỉ cần thỉnh cầu một vị thầy quy y ở trước Phật ba lần và nói tam quy, tam kết là được. Để thấy sự trịnh trọng của việc này, cuối đời nhà Minh, Luật sư Kiến Nguyệt ở núi Bảo Hoa, Nam Kinh, có biên tập bộ Tam Quy Ngũ Giới Chánh Phạm. Bộ này chiếu theo nghi thức truyền thọ Bồ tát giới cho đến Cụ túc giới mà biên tập thành, bộ sách này vẫn còn lưu thông, được đa số các thầy quy y dùng làm y cứ.

Trong Tam Quy Chánh Phạm có 8 tiết mục:

1. Trái toà thỉnh sư: Do người thọ quy y bày pháp toà, dâng cúng hương hoa, đèn đuốc chỉnh tề, rồi đi lễ thỉnh vị thầy quy y lên toà.

2. Khai đạo: Khai thị ý nghĩa của tam quy y.
3. Thỉnh Thánh: Nghinh thỉnh mười phương Tam bảo chứng minh thọ quy y và Hộ pháp Long thiên giám đàn hộ giới.
4. Sám hối: Sám hối nghiệp chướng để cầu ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh, nhận được giới thể tam quy không tạp không uế.
5. Thọ quy: Tam quy, tam kết và phát tam thệ.
6. Phát nguyện: Phát tâm vô thượng Bồ đề, nguyện độ tất cả chúng sanh.
7. Hiền ích khuyến chúc: Nói tam đức của tam quy thù thắng và dạy y theo lời dạy vâng làm.
8. Hồi hướng: Đem công đức thọ tam quy này hồi hướng cho tất cả chúng sanh chìm đắm mau thoát sinh tử, sớm về cõi Phật.

Thọ tam quy như thế mới kể là trang trọng và viên mãn cứu cánh. Nhưng bộ Tam Quy Chánh Phạm này hiện tại cũng chẳng thực dụng cho lắm, vì văn tự dùng trong sách này đều là văn ngôn. Tuy lối hành văn điển lệ, cao nhã, nhưng nếu như vị thầy quy y không khéo ứng dụng, lúc giảng tòa thuyết quy y, người thọ tam quy không làm sao hiểu được, đã không hiểu được thì cũng không đắc tam quy. Vì thế Đại sư Hoàng Nhất phê bình bộ sách này như sau: “Bộ Tam Quy Ngũ Giới Chánh Phạm do Luật sư Kiến Nguyệt ở núi Bảo Hoa biên tập, khai thị phần nhiều dùng văn biên ngẫu, người nghe không làm sao hiểu được, nên cũng đồng như văn rỗng vô ích mà thôi. Tốt nhất là nên thỉnh vị thầy dịch thành tiếng phổ thông” (*Luật học yếu lược*).

Nếu đứng về mặt thực dụng mà nói, tám tiết mục ghi trong bộ Tam Quy Ngũ Giới Chánh Phạm thật ra có thể nói là thiếu một điều chẳng được. Tỳ kheo chẳng được đứng thuyết pháp cho cư sĩ nghe, cho nên cần phải trải tòa. Dạy cho biết ý nghĩa của Tam Bảo, vì thế cần phải khai đạo. Vị thầy quy y là đại biểu Tam bảo truyền quy y cho người cho nên phải thỉnh thánh. Vì muốn đời mới con người cho nên phải sám trừ tội lỗi quá khứ. Tam quy, tam kết và tam thệ là trọng tâm của sự thọ tam quy cho nên cần phải thực hành. Tam quy phân làm ba phẩm: Phát tâm độ mình độ người là Thượng phẩm, chỉ độ mình tự thoát sinh tử là Trung phẩm, chỉ cầu chẳng đọa tam đồ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) mà vẫn sinh ở cõi trời người là



Hạ phẩm. Vì thế, khuyên phát tâm là điều tất yếu và để làm tăng thêm tâm tinh tấn và chí kiên cố, nên mục Hiến ích khuyến chúc (nói lên sự lợi ích và dặn dò khuyên nhủ) cũng là điều phải có. Để nuôi dưỡng lòng từ bi chẳng riêng tư nên đem công đức hồi hướng cho tất cả chúng sanh cũng là đúng.

Ở đây tôi muốn chỉ ra một điểm: Phật giáo Nguyên thủy không có phân biệt Đại thừa, Tiểu thừa; song giới luật thì thiên về hình thái Tiểu thừa, vì thế tam quy ở trong luật rất đơn giản, trừ lời nói tam quy ra, không có gì khác. Phật giáo Trung Quốc tất cả đều quy về Đại thừa, tất cả giới đều chiếu theo Đại thừa thọ trì cho nên thêm rất nhiều tiết mục. Nhưng những điều thêm vào này đều tốt, chứ không phải xấu. Ngày nay, nếu như chẳng lấy quy y làm bước đầu của hạnh môn Đại thừa, thì cũng có thể chẳng dùng đến các tiết mục phát nguyện và hồi hướng.

Nếu như bị hạn chế của thời gian và hoàn cảnh, cũng chẳng ngại gì đơn giản hóa nghi thức tam quy. Nay tôi xin đề nghị một nghi thức giản đơn như sau:

Sau khi vị thầy lễ Phật xong ngồi yên, người thọ quy y quỳ gối chắp tay. Vị thầy quy y sau khi khai thị sơ lược về ý nghĩa của quy y Tam bảo, dạy người thọ quy y đọc kệ sám hối:

*Trước kia con tạo bao nghiệp ác*

*Đều do vô trí tham sân si*

*Từ thân miệng ý mà sinh ra*

*Nay đối trước Phật xin sám hối.*

Đọc ba lần, mỗi lần lạy một lạy, tiếp theo là chánh thọ tam quy và tam kết.

- Con tên là...suốt đời quy y Phật, suốt đời quy y Pháp, suốt đời quy y Tăng.

Nói ba lần, mỗi lần lạy một lạy rồi đọc:

- Con tên là...quy y Phật rồi, thà bỏ thân mạng chứ chẳng bao giờ quy y thiên ma ngoại đạo.

- Con tên là... quy y Pháp rồi, thà bỏ thân mạng chứ chẳng bao giờ quy y tà thuyết ngoại đạo.

- Con tên là... quy y Tăng rồi, thà bỏ thân mạng chứ chẳng bao giờ quy y đồ chúng ngoại đạo.

Đọc ba lần, mỗi lần lay một lay, rồi dạy phát tứ hoằng thệ nguyện:

*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*

*Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*

*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*

*Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.*

Đọc ba lần, mỗi lần lay một lay. Vị thầy quy y dạy sơ lược công đức của sự quy y và sách tấn y theo lời dạy vâng làm rồi dạy đọc kệ hồi hướng:

*Quy y công đức thù thắng hạnh*

*Vô biên thắng phước đều hồi hướng*

*Nguyện khắp các chúng sanh chìm đắm*

*Chóng được sinh về Phật tịnh độ*

*Thập phương tam thế tất cả Phật*

*Chư tôn Bồ tát Ma ha tát*

*Ma ha Bát nhã Ba la mật.*

Đến đây công đức quy y viên mãn. Sau khi vị thầy quỳ xuống tòa lễ Phật, người thọ giới lay tạ vị thầy quy y ba lay, thật ra là lễ Phật, lễ Tăng, song có một lễ cũng được.

Nghi thức quy y giản đơn đề nghị ở trên chẳng cần phải xướng lên, chỉ cần đọc mỗi chữ rõ ràng để người quy y lãnh thọ là được.

Trong đây, cũng có điều phải nói là tam thệ sau tam quy, tam kết: “Chẳng quy y thiên ma ngoại đạo, chẳng quy y tà thuyết ngoại đạo, chẳng quy y đồ chúng ngoại đạo”. Do sự kết lập của tam thệ này, tam quy cũng có tính chất và tác dụng của giới. Đây chẳng phải tính chất bài xích tôn giáo khác của Phật giáo, mà nhân vì ngoại đạo (tất cả tôn giáo, học thuyết ngoài Phật giáo) tuy cũng có đạo lý riêng của

họ, song đều không phải cứu cánh. Phật là đấng đại giác, phước huệ đầy đủ, vì thế quy y Phật chẳng cần phải quy y thiên ma ngoại đạo nữa. Pháp là kho báu của trí tuệ, quy y vâng làm chắc chắn có thể lìa khổ được an lạc, vì thế chẳng cần quy y tà thuyết của ngoại đạo nữa. Tăng là thầy của trời người, có khả năng truyền thọ đạo thanh tịnh, vì thế chẳng cần quy y đồ chúng của ngoại đạo nữa. Mục đích của ba lời thệ này là phòng ngừa cho người đã tiến vào con đường chính, chẳng còn đi lầm vào lối tà nữa. Sau khi thọ tam quy rồi, như nếu vì muốn được bảo hộ nhà cửa, tài sản, đất nước, nhân dân và thân mạng an toàn mà cúng tế và lễ bái nếu không có tâm quy y quý thân, thiên thân, vẫn không mất quy y Tam bảo. Nếu có tâm quy y thiên thân, quý thân, thì mất quy y Tam bảo.

Nói đến vấn đề giới, sau khi quy y Tam bảo đích xác có một ít điều giới cấm. Thượng phẩm quy y các giới quy y Tam bảo tự nhiên đầy đủ. Hạ phẩm quy y cũng chỉ được ăn năm thứ tịnh nhục (chẳng nghi vì mình mà giết, chẳng thấy giết, chẳng nghe giết, tự tử, chim thú ăn còn dư) và chẳng được làm các nghề ác như: nghề đồ tể, nghề làm rượu, bán rượu, nghề mãi dâm, nghề cờ bạc. Mỗi năm vào tháng giêng, tháng năm, tháng chín, mỗi tháng sáu ngày chay (mùng 8, 14, 15, 23 và 2 ngày cuối tháng) nên ăn chay, nếu được như thế, người này trong hội đầu tiên của đức Phật đương lai Di Lặc sẽ có thể giải thoát.

Quy y Tam bảo còn có một điểm trọng yếu cần phải hiểu rõ là sau khi chúng ta quy y Tam bảo, tức là quy y thập phương tam thế tất cả Tam bảo. Vì thế, trong bài kệ hồi hướng có mấy câu: “Thập phương tam thế tất cả Phật. Chư tôn Bồ tát Ma ha tát, Ma ha Bát nhã Ba la mật”. Câu thứ nhất là tất cả Phật bảo, câu thứ hai là tất cả Tăng bảo, câu thứ ba là đại biểu Pháp bảo vô thượng. Trong ba câu này bao quát lý thể Tam bảo và sự tướng Tam bảo. Chúng ta hiện tại lấy sự tướng làm chủ yếu, vì thế cần phải nên cung kính cúng dường thánh tượng của tất cả chư Phật, Bồ tát, tất cả kinh điển của Phật giáo, tất cả người xuất gia của Phật giáo. Nhưng, Phật bản sư của chúng ta là Thích Ca Mâu Ni, Tăng bản sư của chúng ta là vị thầy quy y; vì báo ân nên chúng ta thiên trọng về Phật bản sư và Tăng bản sư cũng là chuyện thường tình của con người. Như nếu chỉ lấy Phật bản sư làm Phật, còn các đức Phật khác chẳng phải là Phật, ấy là trái với Phật giáo. Cũng vậy, nếu chỉ kính vị thầy quy y mà chẳng kính tất cả các vị Tăng khác thì cũng chẳng đúng. Cũng giống như phủ định ngàn vạn điều thiện mà chỉ khẳng định một điều thiện, chỉ trồng một khoảnh ruộng mà bỏ hoang ngàn vạn khoảnh ruộng, ai chẳng nói là việc làm ngu si!

---o0o---

## II. LỢI ÍCH CỦA QUY Y TAM BẢO

Sự lợi ích của quy y Tam bảo thật ra rất nhiều, có thể cầu được cái vui hiện đời, có thể cầu được cái vui đời sau, lại cũng có thể do đây mà đạt đến cái vui cứu cánh của Niết bàn tịch tịnh. Tóm lại, có tám điểm lợi ích:

1. Thành đệ tử Phật.
2. Là nền tảng của sự thọ giới.
3. Giảm khinh tội chướng.
4. Chứa nhóm phước đức rộng lớn.
5. Chặng đọa ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh).
6. Người và loài chẳng phải người (phi nhân) đều chẳng thể nhiễu loạn.
7. Tất cả việc tốt đều sẽ thành công.
8. Được thành Phật đạo.

Như muốn phân biệt nêu ra, trong kinh Phật nói rất nhiều, xin chỉ chọn ra năm điều như sau:

1. Nếu người quy y Tam bảo tương lai sẽ được phước báo chẳng thể cùng tận, ví như có một kho tàng châu báu nhân dân toàn cõi nước gánh chở bảy năm cũng chẳng hết, công đức quy y so với kho tàng này còn lớn hơn gấp ngàn vạn lần (Kinh Ưu bà tắc giới).
2. Có một vị Thiên tử ở cõi trời Đao lợi, phước trời hưởng hết, thọ mạng sắp chấm dứt, chỉ còn bảy ngày nữa sẽ chết, thân thể của vị Thiên tử ấy đang suy hoại. Nhưng vị ấy biết sau khi chết sẽ đầu thai vào bụng heo, vì thế vị ấy vô cùng sợ hãi liền đến thỉnh giáo Thiên chủ, Thiên chủ cũng không có cách cứu vớt, mới bảo vị ấy đến cầu cứu đức Phật. Đức Phật dạy vị ấy quy y Tam bảo sau khi chết chẳng những khỏi đọa vào thai heo, lại được sanh làm người gặp ngài Xá Lợi Phất thỉnh Phật thuyết pháp mà chứng được thánh quả (Kinh Chiết Phục La Hán)

3. Quá khứ có vị Thiên tử ở cõi trời thứ ba mươi ba, hưởng hết phước trời, còn bảy ngày nữa phải chết, những sự hoan lạc ngày trước đều ly khai vị ấy, thiên nữ xinh đẹp không còn lân cận vị ấy, tướng mạo đường đường oai vệ nay biến thành không có khí sắc, thân thể suy nhược hôi hám khó chịu, hai nách suốt ngày đổ mồ hôi dơ. Vị ấy biết mình sẽ đầu thai vào bụng heo, do đó vị ấy khóc than thảm thiết. Việc này làm cho Thiên chủ hay biết, Thiên chủ bèn dạy vị ấy thành tâm quy y Tam bảo, dạy vị ấy đọc thầm: “Quy y Phật lưỡng túc tôn, quy y Pháp ly dục tôn, quy y Tăng chúng trung tôn”. Vị ấy theo lời khuyên dạy của Thiên chủ quy y Tam bảo. Qua thời hạn 7 ngày, vị ấy chết. Thiên chủ muốn biết sau khi chết vị ấy sinh về đâu, song Ngài không có năng lực xem thấy chỗ sinh của vị Thiên tử này, Ngài đến hỏi đức Phật. Phật nói: “Vì nhờ công đức quy y Tam bảo, chuyển đọa thành thăng lên đến cõi trời Đâu Suất Đà, thiên nhân các ông có thể thấy xuống bậc dưới chứ chẳng thể thấy lên tầng trên”. (*Kinh Sai Miệt Năng Pháp Thiên Tử Thọ Tam Quy Y Hoạch Miễn Ác Đạo*).

4. Nếu như trong bốn đại bộ châu Đông, Tây, Nam, Bắc toàn là thánh quả vị Nhị thừa, có người cúng dường suốt đời cho đến tạo tháp cho mỗi vị công đức của người ấy lớn chẳng thể tính lường, nhưng chẳng bằng công đức quy y Tam bảo (*Kinh Giáo Lượng Công Đức*).

5. Quá khứ có một vị Tỳ kheo tên Sa Đầu chuyên tụng danh hiệu Tam bảo suốt mười năm bèn chứng được sơ quả Tu đà hoàn, hiện nay ở thế giới Phổ Hương làm Bích Chi Phật (*Kinh Mộc Hoạn Tử*).

Do điều ghi ở trên chúng ta đủ biết quy y Tam bảo là việc rất quý báu. Đồng thời đức Phật cũng đã từng nói: Người quy y Tam bảo được Tứ thiên vương sai 36 vị thiện thần đi theo ủng hộ.

Nhưng chúng ta phải biết: Quy y Tam bảo tuy có thể cầu sự bình an và sung sướng ở hiện đời, nhưng mục đích cuối cùng của quy y Tam bảo là phải hướng về Tam bảo và làm cho chính mình cũng thành Tam bảo, nghĩa là đều có thể thành Phật; song điều thiết yếu là chẳng nên tự phụ mình, hoặc bỏ quên mình.

---o0o---

**Thiên thứ ba : Ngũ Giới Và Thập Thiện**

## ***Chương 1 : Ngũ Giới Và Nội Dung Của Ngũ Giới***

### **I. NGŨ GIỚI LÀ GÌ?**

Một đoàn thể có tổ chức, có lý tưởng, có thành viên, phải có quy ước hoặc hiến chương của tổ chức ấy. Một tổ chức kiện toàn hay không chỉ cần xem các nội dung của quy ước hoặc hiến chương của nó có kiện toàn hay không. Một tổ chức có thành tích biểu hiện trác việt hay không, cũng do lý tưởng ở trong quy ước hoặc hiến chương định đoạt. Tất cả xã hội đều y theo lý tưởng riêng chế định quy ước hoặc hiến chương, nhưng muốn biết quy ước hoặc hiến chương có sinh ra được hiệu lực hay không còn phải xem nhân viên trong tổ chức đối với quy ước hoặc hiến chương kia có bảo vệ hoặc tuân hành hay không.

Trường học có học quy, đảng phái có đảng quy (điều lệ đảng), học sinh có công ước tự trị. Cơ cấu huấn luyện có phép tắc học viên phải giữ, đảng phái có phép tắc đảng viên phải giữ; quân nhân, trừ quân pháp quân kỷ ra còn có phép tắc quân nhân phải giữ, thiếu sinh quân cũng có tín điều của thiếu sinh quân. Suy ra các công ước của quốc tế cho đến Hiến Chương Liên Hiệp Quốc đều đồng một tính chất. Mục đích chẳng ngoài nói về quyền lợi, nghĩa vụ và lý tưởng chung cùng theo đuổi của các phần tử hợp thành tổ chức.

Nhưng trên thế gian, dù công ước nào hiến chương nào cũng chẳng tồn tại mãi, cũng chẳng vĩnh cửu bất biến. Chỉ có giới luật của tín đồ tôn giáo là ngoại lệ. Tính chất của giới luật, tuy cũng tương tự như hiến chương công ước hoặc phép tắc phải giữ của tất cả các tổ chức xã hội, nhưng một tôn giáo có thể chẳng suy và càng truyền càng rộng cũng phải xem nội dung giới luật của tôn giáo ấy mà định. Từ khi có lịch sử đến nay, nhân loại trên thế giới đã trải qua không biết bao nhiêu tôn giáo. Nhưng, tôn giáo được nhân loại công nhận chỉ một số ít có thể đếm được. Bởi vì công dụng của giới luật chẳng những phòng ngừa sự hư hỏng của tín đồ, mà lại còn tăng tấn hạnh phúc của nhân loại đại chúng cho đến tất cả chúng sinh. Bằng không, tự nhiên cũng bị đào thải.

Tuy nhiên trừ Phật giáo ra, không có một tôn giáo nào khác có thể thích dụng với ý nghĩa của giới luật như nội dung của Phật giáo, song chúng ta lại không thể phủ nhận bộ phận giới luật của tôn giáo khác cũng có tác dụng.

Hai chữ Giới Luật là chữ Trung Quốc, ý nghĩa của hai chữ Giới Luật cũng khác nhau. Giới là điều chẳng nên làm. Luật là điều nên làm. Giới là chẳng nên. Luật là phải nên. Như vậy, Giới là sự gìn giữ của mỗi người, Luật là hoạt động của đoàn thể. Vì thế trong Phạm văn, Giới gọi là Thi la (Si la), Luật gọi là Tỳ nại da (Vinaya). Nhưng có lúc cũng đem hai nghĩa giới luật dùng chung, cho nên cũng không cần cắt đôi hai chữ giới luật ra định nghĩa.

Trước tiên ta cần giảng chữ giới. Chữ giới nghĩa là điều không nên làm thì đừng làm, cho nên cũng là một thứ hạn chế thuộc tiêu chuẩn đạo đức. Như thông thường nói giới cờ bạc, giới hút sách, giới uống rượu v.v... là một thứ hành vi câu thúc.

Chúng ta đã biết giới không phải là điều Phật giáo riêng có, các tôn giáo khác cũng có giới quy hoặc giới mệnh. Nhưng giới của Phật giáo cùng giới của tôn giáo khác chẳng hoàn toàn đồng nhau.

Chúng ta cần phải hiểu rõ một nguyên tắc là bất cứ tôn giáo cao cấp nào hữu ích cho nhân loại, tôn giáo ấy đều chẳng thể trái với tiêu chuẩn đạo đức của nhân loại. Do đó, giới luật được chế ra cũng không sai biệt nhiều. Tuy nhiên, giới luật của Phật giáo có nhiều cấp bậc từ thấp đến cao, dù là cấp bậc thấp nhất cũng vượt lên trên tất cả tôn giáo. Trong đó, ngũ giới là nền tảng của tất cả giới luật, nhưng giới mục của ngũ giới không có xa lạ gì với sinh hoạt bình thường của con người. Thời cổ đại ở Ấn Độ, các tôn giáo đều có ngũ giới nên đại thể đều tương đồng, như 5 giới sau trong 10 giới của Cơ Đốc giáo cũng vậy. Nay phân biệt nêu ra như sau:

1. Ngũ giới của Phật giáo: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu
2. Ngũ giới của Ma na Pháp điển: Không sát sinh, không vọng ngữ, không trộm cắp, không phi phạm hạnh (không dâm), không tham sân.
3. Ngũ giới của Bao đạt dạ na Pháp điển: Không sát sinh, không vọng ngữ, không trộm cướp, nhẫn nại, không tham.
4. Ngũ giới của Tiên Đa Khư Da, Áo Nghĩa Thư: Khô hạnh, từ thiện, chánh hạnh, không sát sinh, thật ngữ.
5. Ngũ giới của Kỳ na giáo: không sát sinh, không trộm cướp, không vọng ngữ, không dâm, ly dục.

6. Ngũ giới của Du già phái: không sát sinh, không vọng ngữ, không trộm cướp, không tà dâm, không tham.

7. Năm giới sau của Cơ Đốc giáo: Đừng giết, đừng trộm, đừng dâm, đừng vọng chứng, đừng tham của cải người khác.

Do sự so sánh ở trên có thể biết điểm đặc sắc của ngũ giới Phật giáo là không uống rượu, các tôn giáo khác không có giới rượu, vì Phật giáo trọng trí huệ, uống rượu khiến cho người ta say sưa hôn mê (tai hại của rượu, tiết thứ 2, điều thứ 5 sẽ nói kỹ) vì thế không cho uống rượu. Tham dục, tham sân của các tôn giáo khác nêu ra, không phải hành vi mà là hiện tượng tâm lý, trong ngũ giới của Phật giáo thật đã bao gồm hết (sẽ nói kỹ ở tiết thứ 2, điều thứ 5).

Từ xưa đến nay ở Trung Quốc có nhiều người chủ trương thuyết Nho Thích Đạo tam giáo đồng nguyên, sớm nhất là thấy trong Lý Hoặc Luận của Mâu Tử đời Hậu Hán đem ngũ giới của Phật giáo phối hợp với ngũ thường. Sự phối hợp này có những ý kiến bất đồng như:

1. Thiên thai Nhân Vương Kinh Sớ phối hợp không sát sinh với nhân, không trộm cắp với trí, không tà dâm với nghĩa, không uống rượu với lễ, không vọng ngữ với tín.

2. Chỉ Quán quyển 6 phối hợp không sát sinh với nhân, không trộm cướp với nghĩa, không uống rượu với lễ, không vọng ngữ với trí, không tà dâm với tín.

3. Cách phối hợp thông thường là không sát sinh phối hợp với nhân, không trộm cướp phối hợp với nghĩa, không tà dâm phối hợp với lễ, không vọng ngữ phối hợp với tín, không uống rượu phối hợp với trí.

Nhưng ở đây, phương pháp phối hợp ngũ giới của Phật giáo với ngũ thường của Nho giáo chỉ có thể nói về tiêu chuẩn đạo đức của nhân gian có một xu thế tiếp xúc tương đối gần gũi, chứ chẳng nên nói là tuyệt đối thích đáng. Chẳng nói giới nào khác, chỉ nói một giới không uống rượu thôi, tuy gồm có tinh thần lễ và trí, song lễ và trí của Nho giáo chẳng đồng với giới không uống rượu của Phật giáo, bởi trên thực tế Nho giáo không cấm uống rượu.

Nói đến chỗ này, chúng ta có thể phân biệt sự ưu liệt cao thấp của giới. Qua cái nhìn của Phật giáo, giới có thế giới (giới của thế gian chế) và đệ nhất nghĩa giới



(giới của Phật chế) chẳng đồng. Trừ giới của Phật chế ra, tất cả đều là giới của thế gian chế. Sự bất đồng của Phật giới và giới của thế gian là tại điểm xuất phát và mục đích khác nhau. Các tôn giáo khác giữ giới là tuân theo ý chí của Thượng đế hoặc thánh thần, như tín đồ Cơ Đốc giáo vâng theo 10 giới, bởi vì đó là mệnh lệnh của Thượng đế tuyên bố, nên chẳng tuân giữ là chống lại Thượng đế, làm cho Thượng đế nổi giận. Phật giáo không phải như vậy Phật giới tuy do Phật chế, song tuân giữ là ở tại mỗi người, Đức Phật chế giới cũng là căn cứ vào ý chí của chúng sinh chứ chẳng ép buộc người nào, giữ giới chẳng phải vì Phật mà là ý chí tự do mỗi người muốn giữ. Như ăn cơm là việc chính của mỗi người, ăn xong tự mình no, không ăn tự mình đói, không quan hệ chút nào với người khác. Nhưng Đức Phật với tấm lòng đại trí đại bi, dù chẳng thay thế chúng sinh ăn cơm được, Ngài cũng khuyên nhủ và hướng dẫn chúng sinh ngu si đói khát đi ăn cơm (dụ cho giữ giới). Đây là điểm bất đồng thứ nhất giữa Phật giới và giới của thế gian.

Thông thường, giới của thế gian, hơn phân nửa là thiên về một mặt. Như tín đồ Cơ Đốc giáo giữ giới (giới là giới của nghi thức giáo huấn) là vì cầu được sự sủng ái của Thượng đế và hy vọng sau khi bỏ thân này, được vào Thiên Quốc của Thượng đế. Mục đích giữ giới của họ chẳng vì tạo thành hạnh phúc an lạc của nhân gian mà vì đạt ý muốn sinh lên trời, vì thế thiên về hành vi bi thương hoặc nói là xuất thế (theo Phật pháp nói giả sử họ được sinh lên trời cũng thật chưa là xuất thế). Do đó, họ luôn luôn vì lý do Thiên Quốc mà phủ định sự hòa bình an lạc của nhân gian, cho nên chiến tranh tôn giáo cũng do đây mà ra. Còn như Nho giáo (thật ra Nho gia chẳng phải là Nho giáo, vì Nho giáo vốn chẳng thành tôn giáo) đối với sự tuân giữ cương thường luân lý là tạo thành hạnh phúc và hòa bình an lạc của nhân gian, song lại chẳng hướng về hình nhi thượng hoặc xuất thế, vì thế nó thiên về hiện thực. Chỉ có sự tuân giữ Phật giới của tín đồ Phật giáo vừa là tạo phước nhân gian cũng là tìm cầu cảnh giới xuất thế, vì thế trên Phật giáo sử chỉ có ghi chép nhấn nhủ và hy sinh chứ không có việc chiến tranh và đẫm máu, đây là điểm bất đồng thứ hai của Phật giới và giới thế gian.

Thông thường giới thế gian chỉ có sự tuân giữ về hình thức nhưng không có nhận được giới thể, thế nên không có phân biệt được giới tội và tánh tội. Như 10 giới của Cơ Đốc giáo chẳng phải chỉ tín đồ Cơ Đốc giáo có, Cơ Đốc giáo cho rằng Thượng đế chế ước cho nhân loại, bất luận tin hay không tin đều ở trong phạm vi của chế ước này, người tin cố nhiên phải giữ, người chưa tin cũng chẳng thể chẳng giữ; nếu chẳng giữ, tội lỗi cũng đồng với người đã tin. Phật giới không như vậy.

Phật giới là do Phật chế, sự thọ giới của đệ tử Phật phải là sự truyền thọ. Xét về sự truyền thừa và nạp thọ giới thể, chỉ có người đã thọ giới rồi mới đem giới truyền cho người khác được. Giới thể này là trực tiếp truyền từ Đức Phật, thọ giới mà nhận được giới thể là nạp thọ Pháp thân Phật vào trong tâm tánh của chính mình, vì Pháp thân Phật tiếp thông với Pháp thân sẵn có của mọi người, vì dẫn đạo sự phát minh hoặc chứng ngộ tự tánh là Phật của mỗi người. Thọ Phật giới rồi mà lại phá giới là đồng với phá Pháp thân Phật, vì thế tội lỗi rất lớn. Người không có thọ giới tuy làm ác nhưng chẳng phải phá giới, bản thân làm ác tuy là tội lỗi mức độ tội lỗi lại không to, không nặng bằng người thọ giới phá giới. Đây là biết pháp, phạm pháp thì tội hơn một bực, tánh tội của làm ác (vốn là tội) lại thêm giới tội của phá giới. Trong Phật pháp, phá giới là phá Pháp thân Phật (Tam thể chư Phật và tự tánh là Phật), vì thế mức độ của giới tội lớn hơn tánh tội rất nhiều. Đây là điểm bất đồng thứ ba của Phật giới và giới thể gian.

Thường thường, giới thể gian chỉ dạy người trừ bỏ hành vi phải ngăn cấm mà chẳng hình thành được một hệ thống luận lý. Phật giới được xếp vào một tạng trong Tam tạng của Phật giáo, cùng với Kinh tạng, Luận tạng đứng vững như cái đánh ba chân và lấy Luật tạng chuyên môn nói về giới làm then chốt cho Phật pháp trụ thế. Vì thế, có một hệ thống hoàn bị. Tỷ như đem sự cấu thành của giới phân làm 4 khoa mục lớn là giới pháp, giới thể, giới hạnh, giới tướng, nếu thiếu một thì chẳng được gọi là trì giới. Giới pháp là pháp quy của Phật chế. Giới thể là một mạch truyền thừa vô biểu sắc pháp của các sư truyền thọ cho nhau, đó là công đức sở huân. Giới hạnh là do hành vi trì giới biểu hiện ra. Giới tướng là hiện tượng sai biệt của hành vi trì giới biểu hiện ra. Nếu như chẳng đầy đủ được 4 điều kiện (thường gọi là 4 khoa), thì tuy không sát sinh, không trộm cướp, cho đến không uống rượu, cũng chỉ được xem là giữ giới thể gian mà chẳng phải là Phật giới, công đức giữ gìn giới thể gian là hữu hạn. Đây là điều bất đồng thứ tư của Phật giới và giới thể gian.

Ở đây xin hỏi: Tin Phật, tại sao cần thọ giới?

Trong thiên quy y Tam Bảo đã nói về tính chất trọng yếu của tam quy. Người tin Phật có quy y Tam bảo giống như sự ghi tên đăng ký của học sinh nhập học, nhưng ghi tên đăng ký chẳng bằng đi học. Sau khi quy y Tam bảo, nhận được Phật giới mới là bước đầu của con đường thành Phật. Quy y Tam bảo chỉ là công đức chuẩn bị của sự học Phật, thành Phật mà thôi. Lại vì trong quá trình học Phật là xa xôi

diệu vợi, trình độ phát tâm học Phật có cao thấp, vì thế chúng ta tin Phật và thọ Phật giới cũng có nhiều thứ lớp. Thứ lớp của Phật giới tuy nhiều nhưng đều lấy ngũ giới làm nền tảng. Ngũ giới tuy là tầng lớp thấp nhất của Phật giới, song như cát lều trước chằng xây móng thì ý muốn cát lều rớt cuộc chỉ là mộng tưởng. Vì thế có người nói :”Pháp ngũ giới là cha của ba đời chư Phật, y ngũ giới mà sinh ra thập phương tam thế tất cả chư Phật”.

---o0o---

## II. NỘI DUNG CỦA NGŨ GIỚI

Mục đích chế giới của Đức Phật là hi vọng đệ tử trì giới đúng như pháp, tác dụng của sự trì giới đúng như pháp là làm tăng trưởng công đức, nhưng công đức này được phát khởi, đều là do bi tâm nung đúc và trưởng dưỡng. Xem mặt ngoài của ngũ giới thì thấy chỉ là tiêu cực chẳng làm ác, mà không có tác dụng tích cực làm thiện. Thật ra chẳng phải vậy. Nếu xét kỹ hơn, chúng ta sẽ thấy giữ gìn ngũ giới thật đã là bao hàm vô hạn bi tâm; bi tâm có thể hiểu là sự mở rộng của tâm đồng cảm; đây là tâm đồng cảm suy từ mình đến người và đến tất cả chúng sinh. Nhân vì mình không chịu bị người khác sát hại cho nên có giới không sát sinh. Nhân vì chẳng chịu của cải tài sản của mình bị người trộm cướp, vì thế biết người khác cho đến tất cả chúng sinh đều có tâm chẳng chịu bị trộm cướp cho nên có giới không trộm cướp. Ba giới sau, cũng theo đây suy ra mà biết. Do đó, chúng ta có thể nói công đức trì giới cố nhiên là do tín ngưỡng và cũng do bi tâm nung đúc và trưởng dưỡng, công đức của Phật lớn vô cực. Bi tâm của Phật cũng lớn vô cùng, ấy là đồng thể đại bi vậy.

Vì thế ở trong kinh Phật thường gọi ngũ giới là ngũ đại thí, trì ngũ giới nếu trì đến triệt để chẳng những ngăn nơi “chỉ ác” mà còn làm đến “hành thiện”: Không sát sinh mà phải hộ sinh phóng sinh, không trộm cướp mà phải hành bố thí. Ba giới kia theo đây có thể biết. Nhưng bản ý của ngũ đại thí là thí cái tâm không sợ hãi cho tất cả chúng sinh. Do ta trì giới sát nên chúng sinh chẳng sợ giết hại. Do ta trì giới không trộm cướp nên chúng sinh chẳng sợ ta trộm cướp. Do ta trì giới tà dâm nên chúng sinh chẳng sợ ta dâm ô thân thuộc của họ. Do ta trì giới vọng ngữ nên chúng sinh chẳng sợ ta lường gạt. Do ta trì giới không uống rượu nên chúng sinh không sợ ta uống rượu mà điên cuồng quậy phá. Cho nên gọi ngũ giới là ngũ đại thí.

Người sống trong thế giới hiện tại, không ai có uy lực tuyệt đối nắm được cái không bị tai họa do sát, đạo, dâm, vọng gây ra. Chính vì thế mà chúng ta đề xướng sự thọ trì ngũ giới; nếu như thêm nhiều người thọ trì ngũ giới, nhân loại xã hội bớt đi một phần sự uy hiếp của tai họa; mọi người đều thọ trì ngũ giới, thế giới chúng ta sẽ trở thành Tịnh độ nhân gian.

Điều quan trọng là ngũ giới của Phật giáo có thể mở rộng tâm đồng cảm đến tất cả chúng sinh. Thọ trì ngũ giới có thể ban cho nhân loại sự vô úy (không sợ), cũng tăng cho tất cả chúng sinh sự vô úy đây là điều mà giới của thế gian chẳng bì kịp. Tỷ như giới không sát sinh của Cơ Đốc giáo chỉ không giết người, mà chẳng cấm giết các động vật ngoài nhân loại. Nho gia Trung quốc chủ trương mở rộng lòng nhân đến vật, nhưng lại chẳng ngăn giết sinh vật khác. Sự lớn lao của công đức thọ trì Phật giới là ở chỗ này, bởi vì trì một giới sát, thì ở trên phần của tất cả chúng sinh đều được công đức bất sát. Cho nên, nếu nhân loại đều thọ trì ngũ giới, chẳng những nhân loại được hòa bình an lạc, mà tất cả chúng sinh cũng giải trừ được tai họa do loài người gây ra.

Ngũ giới là nền tảng của tất cả Phật giới, Phật tử tại gia sau khi tiến vào cửa Phật đều phải nên thọ trì, vì thế thông thường gọi là Ngũ giới tại gia.

Ngũ giới tuy chỉ có 5 điều, song về chỗ vi tế của nó rất là phiền phức. Như muốn được ngũ giới thanh tịnh, ta nên nghiên cứu thêm. Nay lược thuật như sau:

Sự hủy phạm ngũ giới đều có khinh trọng. Tội trọng (nặng), chẳng cho sám hối, vì thế gọi là bất khả hối. Tội khinh (nhẹ) cho sám hối, lại phân làm 2 loại gọi là trung khả hối và hạ khả hối. Theo Đại thừa Bồ tát giới, khi phạm tội trọng, nên thực hành Thủ tướng sám, nghĩa là ở trước Phật lễ sám, được thấy hảo tướng, thấy hào quang, thấy bông hoa, thấy Phật, Bồ tát đến xoa đầu, tội liền trừ diệt. Song, sám hối trừ tội, chỉ trừ được tội phạm giới mà chẳng trừ được tánh tội, như phạm giới giết người, giới tội đáng lẽ bị đọa tam đồ, nhưng nợ người một mạng vẫn phải bồi thường, nhân duyên thành thực chắc chắn phải trả nợ báo. Nếu chẳng nhập Vô dư Niết bàn, giả sử chứng quả A la hán, vẫn phải bồi thường người một mạng, cho đến giết một con kiến, tánh tội vĩnh viễn chẳng diệt. Giới trộm cướp cũng giống như vậy, giới tội của giới trộm cướp tuy giống như giới sát sinh, nhưng tánh tội giới trộm cướp chỉ cần bồi thường đúng giá đã trộm là có thể giải quyết xong.

Trong ngũ giới, bốn giới sát, đạo, dâm, vọng, đều có khả hối và bất khả hối, một giới uống rượu dù phạm trong bất cứ trường hợp nào, đều là khả hối. Bốn giới trước của ngũ giới đều có giới tội và tánh tội, giới uống rượu chỉ có giới tội mà không có tánh tội. Vì thế gọi 4 giới trước là tánh giới, giới uống rượu là giá giới. Tánh giới là trong Phật pháp và thế pháp đều công nhận. Dù Phật chẳng chế giới, khi phạm sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ là hành vi thuộc bản tánh, đều là tội ác, vì thế chỉ có người thọ ngũ giới Phật giáo rồi chẳng được phạm.

Nói đến chỗ này cũng có người hoài nghi, chẳng thọ Phật giới làm việc xấu chỉ có một lớp tánh tội, thọ Phật giới lại thêm một giới tội lớn hơn. Vậy đâu cần thọ giới? Kỳ thật, thọ giới là vì trừ ác nghiệp, chẳng lẽ sau khi thọ giới lại chuẩn bị tạo ác sao? Giả sử thật muốn tạo ác, cũng có thể tùy thời xả giới, vạn nhất chưa kịp xả giới mà tạo ác nghiệp, tuy sẽ bị đọa tam đồ, song rốt cuộc cũng có thể thành Phật. Nếu như vĩnh viễn chẳng thọ giới, cũng sẽ vĩnh viễn không có khả năng thành Phật, hạt giống nhân duyên nếu gieo thuận thực, chắc chắn sẽ có thu hoạch. Xin đem sự trì phạm của ngũ giới trình bày như sau:

## 1. GIỚI SÁT SINH

Giới sát lấy giết người làm trọng, giết chúng sinh dị loại là khinh. Giết người đủ 5 điều kiện thành tội thì không thể sám hối (bất khả hối):

1. Là người: Bị giết là người, chứ chẳng phải dị loại bàng sinh.
2. Tưởng là người: Có ý giết người mà chẳng tưởng giết dị loại bàng sinh.
3. Có tâm giết: Có tâm giết người chứ chẳng phải cố ý ngộ sát hoặc vô tâm giết lầm người.
4. Lập phương tiện: Vận dụng phương pháp giết người.
5. Người chết: Người bị giết chắc chắn đã chết.

Thủ đoạn giết người nhiều vô cùng, nếu phân loại chẳng ngoài tự tay giết, khuyến người tự sát, bảo người đi giết người. Hậu quả của giết người có ba loại:

1. Ngay lúc giết người liền chết, phạm tội bất khả hối.
2. Ngay lúc giết không chết, về sau nhân đó mà chết cũng phạm tội bất khả hối.

3. Ngay lúc giết không chết, về sau cùng chẳng nhân đó chết, phạm tội trung khả hối.

Giết người chẳng hạn cuộc dùng dao, dùng súng, mà dùng bất cứ thủ đoạn nào làm cho người chết đều gọi là giết người, đều mang tội giết người.

Động cơ sát sinh chẳng ngoài 4 thứ, phạm tội cũng có sai biệt:

1. Vì giết người mà làm các phương tiện (như đào hầm, bỏ thuốc độc, phóng hỏa, nhận nước, v.v...) khiến cho người chết, phạm tội bất khả hối, phi nhân (người biến hóa) chết phạm trung khả hối, súc sinh chết cũng phạm trung khả hối.

2. Vì giết phi nhân mà làm các phương tiện khiến cho phi nhân chết, phạm trung khả hối; khiến cho người chết và súc sinh chết đều phạm tội khả hối.

3. Vì giết súc sinh mà làm các phương tiện khiến cho người chết, phi nhân chết, súc sinh chết đều phạm tội hạ khả hối.

4. Làm phương tiện bất định: Chuẩn bị gặp ai giết nấy, khiến cho người chết, phạm tội bất khả hối; phi nhân chết, phạm tội trung khả hối; súc sinh chết, phạm tội hạ khả hối.

Bốn thứ động cơ đã nêu ở trên đều lấy bên đối tượng của động cơ đắc tội, không lấy bên đối tượng bị giết đắc tội, tỷ như giết người lại giết làm phi nhân là tội trung, giết làm súc sinh cũng là tội trung, là từ phương tiện của sự giết người mà đắc tội. Nếu như làm phương tiện giết người mà chưa đạt đến mục đích giết người, cũng chưa giết làm phi nhân và súc sinh, đắc tội trung khả hối.

Lấy đây suy ra, làm các phương tiện giết phi nhân và giết súc sinh, đều phạm tội hạ khả hối.

Phật cấm sát sinh, cho nên cũng cấm phá thai. Nếu giết thai nhi bằng cách phá thai, thai nhi chết, phạm tội bất khả hối; thai không chết mà mẹ chết, phạm tội trung khả hối (cũng từ bên thai nhi làm phương tiện giết mà đắc tội); mẹ con đều chết, phạm tội bất khả hối; mẹ con đều không chết, phạm tội trung khả hối. Nếu vì giết mẹ mà phá thai, đắc tội ngược lại với những điều nói trên.

Nhân vì giết người, người chết phạm tội bất khả hối; giết phi nhân, phi nhân chết, phạm tội trung khả hối. Cho nên, đại sư Ngẫu Ích nói:” Giết người tương là người,

phạm tội bất khả hối. Giết người nghi là người, cũng phạm tội bất khả hối. Giết người tưởng là phi nhân, phạm tội trung khả hối. Giết phi nhân tưởng là người, phạm tội trung khả hối. Giết phi nhân nghi là người, phạm tội trung khả hối. Giết phi nhân tưởng là phi nhân, phạm tội trung khả hối”.

Giết cha mẹ, giết A la hán là phạm tội nghịch phải đọa địa ngục vô gián. Cho đến tội cực trọng trong giới sát sinh cũng có phân biệt: Giết cha mẹ tưởng là cha mẹ, phạm tội nghịch; giết cha mẹ nghi là cha mẹ, cũng phạm tội nghịch; giết cha mẹ tưởng là chẳng phải cha mẹ (như người từ thuở bé xa cách cha mẹ chẳng biết cha mẹ sinh ra mình là ai), chẳng phạm tội nghi nhưng phạm tội bất khả hối. Như người bị giết chẳng phải cha mẹ mà tưởng là cha mẹ (như từ thuở bé làm con nuôi của người mà không biết) hoặc hoài nghi là cha mẹ thì chẳng phạm tội nghịch, nhưng phạm tội bất khả hối. Giết A la hán cũng chiêu theo giết cha mẹ mà biết. Song, cũng có thuyết nói dầu chẳng tưởng là A la hán, giết cũng phạm tội nghịch. Nếu như kẻ giết người tự mình chết trước, người bị giết chết sau, thì phạm tội khả hối chứ chẳng phải bất khả hối. Bởi vì người chết giới thể cũng xả (ngũ giới thọ trì suốt đời này thôi), cho nên chỉ trước lúc chưa chết đắc tội phương tiện giết người, chẳng đắc tội đã toại ý giết người, sau khi chết là đã xả giới cũng không có giới tội, người bị giết tuy do kẻ kia giết chết song lại chết sau hung thủ thì hung thủ không có giới tội giết người.

Sát sinh lấy tâm làm chủ, vô ý giết chẳng phạm tội trọng, vì thế đùa giỡn đánh người, người bị đánh nhân đó mà chết, chẳng phạm tội trọng, chỉ phạm tội khả hối. Giết làm ngoài ý muốn không phạm. Nếu chẳng cẩn thận để đến nỗi giết làm người khác chết thì phạm tội trung khả hối. Nếu si cuồng tâm loạn, đau khổ quẫn trí, chẳng tự chủ được mà giết người, không phạm.

Trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, giết phi nhân rất ít thấy, ít nghe; giết người chẳng phải là việc tầm thường; nếu chẳng phải là đồ tể thì mỗi ngày cũng không giết heo, giết bò. Giới sát sinh chúng ta dễ phạm nhất là đối với loài bàng sinh, động vật nhỏ bé như trùng kiến.

Có người viết thư hỏi tôi: Trong nhà có trùng kiến phải xử trí thế nào? Lúc quét tước chắc chắn là giết hại chút ít, giết hại như thế có bị coi là phá giới sát sinh hay không? Hay là quy lỗi về nghiệp báo của trùng kiến phải chịu như thế? Đây thật là một vấn đề lớn, vì bảo vệ tài sản sinh sống của tự thân con người nên phải đuổi trừ

trùng kiến phá hoại, vì hộ trì giới thể thanh tịnh lại chẳng được cố ý giết hại trùng kiến. Nhưng trùng kiến tổn hại đối với người, cần phải đuổi trừ, lúc đuổi trừ chẳng được có tâm sát hại, phải làm cẩn thận, nếu đã làm hết khả năng hộ sinh rồi, lỡ có giết lầm hại lầm, phải tự trách tâm mình, sinh lòng hối hận, phát bi nguyện, nguyện cho chúng nó sinh vào loài thiện, nguyện cho chúng nó sẽ được thành Phật thì mới có thể khỏi tội sát sinh. Điều này có nói trong luật, như Thập tụng Luật quyển 11 ghi chép Đức Phật đích thân trừ côn trùng nơi giường nệm của chư Tăng. Theo Thập tụng Luật quyển 37, nhân vì trong nhà tắm ẩm thấp sinh trùng, Phật nói: "Phải quét dọn cho sạch". Nhưng điều quan trọng nhất là không cho trong nhà cửa sinh trùng kiến, thường phải giữ cho khô ráo sạch sẽ, vừa hư phải sửa ngay, những lỗ dưới chân tường phải lấp lại sớm, chỗ dễ sinh trùng trước lúc chưa sinh phải xịt thuốc sát trùng phòng ngừa. Nếu sau khi đã sinh trùng, vì trì giới phải cẩn thận đuổi trừ, chẳng được dùng thuốc sát trùng để giết hại. Bằng không, giết một côn trùng đắc một tội hạ khả hối, giết ngàn vạn côn trùng thì đắc ngàn vạn tội hạ khả hối. Nhưng muốn được giới sát sinh tuyệt đối thanh tịnh phải đến Sơ quả Tiểu thừa trở lên, vì Sơ quả cày đất, côn trùng cách lưỡi cày 4 tấc, phàm phu làm chẳng được.

Do vì trì phạm của giới hoàn toàn ở nơi tâm, cho nên đối với tội sát trùng phân biệt ra sáu trường hợp : Có trùng, tưởng có trùng, phạm tội căn bản tiểu khả hối; có trùng nghi có trùng, cũng phạm tội căn bản tiểu khả hối; không trùng tưởng có trùng, phạm tội phương tiện tiểu khả hối; không trùng nghi có trùng, cũng phạm tội phương tiện tiểu khả hối; có trùng, tưởng không trùng, không phạm; không trùng, tưởng không trùng, không phạm. Ngoài ra, chẳng được đánh người, chẳng được đánh súc sinh, cho đến trùng kiến đem tâm giận hờn đánh đập đều đắc tội.

Chỗ này người đọc còn có một nghi vấn đó là giữ giới sát có cần phải ăn chay hay không? Theo luật chế, từ ngũ giới đến Tỳ kheo giới không bắt buộc phải ăn chay. Chẳng ăn cá thịt là quy định của Đại thừa Bồ tát giới, trì giới không sát sinh của ngũ giới chẳng được tự mình sát sinh, chẳng được khuyên người hay bảo người sát sinh. Cho nên chính mình chẳng được giết gà, vịt, cá, tôm nếu như mua đồ đã làm rồi thì chẳng bị sự cảm đoán của ngũ giới.

Đương nhiên, nếu như có thể phát tâm ăn chay lại càng tốt. Ăn chay là đức tính tốt đẹp của Phật giáo Đại thừa, ăn chay là sự biểu hiện cụ thể của tinh thần giới sát



tiến thêm một bước, cho nên tôi hy vọng người thợ ngữ giới rồi tốt nhất là ăn chay, bằng không thì cũng chẳng ngại gì.

## 2. GIỚI TRỘM CƯỚP

Giới trộm cướp, nếu như giới thiệu tường tận thì đó là một giới phiền phức hơn hết trong ngũ giới. Ở đây chúng ta chỉ nói đại yếu.

Trộm cướp là hành vi chẳng cho mà lấy.

Sự hủy phạm của giới trộm cướp có chia khinh trọng. Đủ 6 điều kiện sau đây thành tội bất khả hối:

1. Tài vật của người khác.
2. Biết rõ tài vật của người chẳng phải của mình.
3. Tâm trộm: Khởi niệm trộm cướp, cũng là trước có dự mưu trộm cướp.
4. Tìm cách lấy: Nhờ các phương pháp đạt thành mục đích trộm cướp.
5. Giá trị 5 tiền: Vật trộm cướp trị giá 5 tiền. Đây là Đức Phật chiếu theo quốc pháp của nước Ma Kiệt Đà ở Ấn Độ đương thời mà chế, quốc pháp định trộm cướp 5 tiền trở lên thì phạm tội chết. Vì thế, Phật chế định Phật tử trộm cướp 5 tiền trở lên cũng thành tội trọng bất khả hối. Năm tiền có giá trị bao nhiêu thật là khó định, căn cứ theo sự biên khảo của Đại sư Độc Thê cuối đời nhà Minh, 5 tiền tương ứng với 3 phân 1 ly, 2 hào bạc; căn cứ theo sự nghiên cứu của Đại sư Ngẫu Ích, 5 tiền là 8 phân bạc.
6. Lìa chỗ cũ: Dời tài vật đã trộm cướp ra khỏi vị trí cũ của nó. Nhưng trong đây gồm có: Di động vị trí, biến đổi hình trạng, thay đổi màu sắc v.v... Hễ đem tâm trộm cướp khiến cho chủ của tài vật khởi ra ý tưởng mất tài vật thì đều gọi là ly bản xứ (lìa chỗ cũ).

Bất luận người ta không cho mà tự mình lấy hoặc bảo người khác lấy, đều là trộm cướp; lấy được tang vật 5 tiền trở lên thành tội bất khả hối.

Nếu như chủ tài vật không đồng ý, bất luận thủ đoạn nào, gạt lấy, trộm lấy, cướp lấy, dùng sức mạnh chiếm, bòn rút, hễ đủ 6 điều kiện kể trên đều thành tội trọng bất khả hối. Trừ lợi nhuận hợp lý ra (Ngũ giới Ưu bà tắc trừ các ác luật nghi như:

chẳng được chài lưới, săn bắn, bán rượu, đồ tể, bán thuốc độc, buôn lậu, mại dâm, cờ bạc, v.v..., có thể buôn bán hoặc canh tác), chẳng được âm mưu lấy tài vật của người.

Không luận là trên hay dưới mặt đất, mặt nước, trong nước, chỗ cao, chỗ thấp, trên cây, trong không, động vật, thực vật, khoáng vật, trong hành động, trong tinh chỉ, tất cả tài vật bất luận thuộc chủ quyền của quốc gia, của tư nhân, của tôn giáo đều chẳng được trộm cướp. Trừ phi là vật phẩn tạo (vật ném bỏ, như rác) không có chủ, lấy không tội. Nếu đem tâm trộm cướp trộm người, mang người trên vai, hai chân rời đất, phạm tội bất khả hối; có tâm dụ dỗ người đem bán, khiến cho người đó đi qua hai bước, cũng phạm tội bất khả hối.

*Thử nêu ra vài trường hợp:*

Nếu đem tâm trộm cướp, trộm cướp động vật bốn chân như trâu, bò, lừa, ngựa dùng dây dắt đi, đi qua bốn bước, phạm tội trọng bất khả hối.

- Trong nước có bè gỗ, có tâm trộm cướp muốn giữ lại một phần khiến cho nó lìa bè trị giá 5 tiền, phạm tội bất khả hối.

- Vật trong nước, trộm lấy lìa mặt nước, hoặc nhận chìm xuống đáy, trị giá 5 tiền, thành tội bất khả hối.

- Không trung nếu chim có chủ ngậm vật của người khác bay, có tâm trộm cướp chờ lấy, phạm tội trung khả hối; lấy được trị giá 5 tiền, phạm tội bất khả hối.

Nếu có chim rừng ngậm vật bay, có tâm trộm cướp chờ lấy, phạm tội hạ khả hối; lấy được, phạm tội trung khả hối (đây chẳng phải là vì một vật đặc tội, mà vì có tâm trộm cướp nên bị kết tội).

- Có tâm trộm cướp xá lợi, phạm tội trung khả hối (vì xá lợi không tính được trị giá). Tâm cung kính lấy xá lợi không phạm (trong Luật và Kinh A Hàm, nguyên nghĩa của Xá lợi là hài cốt. Ngày nay tương truyền hài cốt thiêu rồi được hạt cứng chắc gọi là hạt Xá lợi).

- Kinh sách, pháp khí, tất cả đồ dùng của Tam bảo, tài vật trang nghiêm đều không được trộm, nếu trộm trị giá 5 tiền đều phạm tội bất khả hối.

- Tất cả thuế chẳng được lậu, nếu lậu thuế trị giá 5 tiền thành tội bất khả hối. Nói chung, các thứ thuế được pháp lệnh của nhà nước quy định cho đến trong các buổi kiện ngày nay, thư tín gửi kèm trong vật ấn loát hoặc dùng vật ấn loát để đạt thành mục đích thư tín, hoặc gửi tiền trong thư tín bình thường, đều gọi là trốn thuế, đều phạm giới trộm cướp, giá trị 5 tiền thành tội bất khả hối.

Đại sư Hoàng Nhất giỏi về thư pháp, người đến cầu xin chữ viết của Ngài rất đông. Có một lần đệ tử tại gia của Ngài gửi Ngài một tập giấy, xin Ngài viết chữ, Ngài viết xong những chữ phải viết, giấy còn dư, Ngài không biết phải xử lý thế nào để khỏi phạm giới chẳng cho mà lấy. Ngài bèn viết thư hỏi vị đệ tử tại gia ấy. Do đây có thể thấy được sự trì giới nghiêm cẩn của Đại sư Hoàng Nhất.

Trong mười pháp giới, chỉ có Phật mới là trì giới rốt ráo thanh tịnh, đến Sơ quả Tiểu thừa mới đoạn hẳn được tội cố trộm cướp.

Phạm vi của giới trộm cướp bao quát ở trong sự tổn hại tài vật của người khác, đây là loại ác tác “tổn người chẳng lợi mình”. Nếu như có tâm làm cho tổn thất tài vật của kẻ khác đang mong được, bất luận là dùng thủ đoạn nào, chỉ cần trở thành sự thật, nếu tài vật tổn hại trị giá 5 tiền thì đắc tội trọng bất khả hối.

Sự khinh trọng của giới trộm cướp được phân biệt như sau: Trộm tài vật trị giá 5 tiền hoặc quá 5 tiền, phạm tội trọng bất khả hối. Trộm chẳng đủ 5 tiền, phạm tội trung khả hối. Làm phương tiện trộm cướp mà chưa đạt thành mục đích trộm cướp, phạm tội hạ khả hối. Lậu thuế hoặc tổn hại, tội đồng với trộm cướp.

Theo Phật pháp, chẳng được viện lý do như đói khát, tật bệnh, thiên tai, hoạn nạn, hiếu dưỡng cha mẹ, cung cấp vợ con để làm trộm cướp. Nếu làm trộm cướp đều thành tội. Như có khó khăn, có thể cầu xin nhận của người bố thí thì không tội. Mượn mà không trả cũng phạm tội trộm cướp.

Nhưng trong giới trộm cướp cũng có khai duyên như tưởng là vật của mình mà lấy, được đối phương đồng ý, hoặc vì tình cảm thân thiết biết người kia ắt đồng ý mà lấy, tạm thời dùng mà lấy, cho rằng người ta bỏ mà lấy, hoặc nhân tâm si cuồng đau khổ quẩn trí mà lấy thì không tội.

### **3. GIỚI TÀ DÂM**

Trừ sự quan hệ nam nữ giữa vợ chồng, tất cả những sự quan hệ nam nữ không được pháp luật quốc gia hoặc đạo đức xã hội thừa nhận đều gọi là tà dâm.

*Kinh Viên Giác nói: "Như các thế giới tất cả chúng sinh, loài sinh bằng trứng, loài sinh bằng thai, loài sinh bằng sự ẩm thấp, loài hóa sinh đều do dâm dục mà chánh tính mạng".* Đủ biết sự tồn tại của chúng sinh đều do dâm dục. Nếu muốn phàm phu chúng sinh đều đoạn dứt dâm dục, ấy là điều chẳng thể được. Chúng sinh tu chúng đến tam quả A na hàm mới dứt hẳn được dâm dục. Tu thiên định, nhập Sơ thiên trở lên mới phục được dâm dục. Chúng sinh Dục giới, dù đến cõi trời thứ sáu vẫn còn ở trong dâm dục, tại thế giới loài người rất khó ngăn tuyệt. Đức Phật thiết lập giáo pháp cố nhiên mong muốn tất cả chúng sinh đều ly dục, song đây là việc không thể hoàn toàn được. Vì thế, Ngài khéo bày phương tiện cho đệ tử tại gia sinh hoạt vợ chồng một cách chính đáng.

Thật ra, sự an lập của thế gian do sự hòa hợp nam nữ vợ chồng. Sinh hoạt vợ chồng bình thường chẳng mang đến bi kịch xã hội. Vấn đề quan hệ nam nữ bất bình thường tạo thành bi kịch xã hội. Nếu như mọi người đều an phận trong sinh hoạt gia đình một vợ một chồng, thì báo chí của chúng ta chẳng nêu lên những trường hợp như: Gian dâm bị giết, giết nhau vì tình, hiếp dâm, dụ dỗ, thông dâm, đồng lòng thông dâm phá hoại gia đình, v.v... Vì tạo thành sự hòa bình an lạc cho nhân gian nên Đức Phật chế định tà dâm cho nam nữ tín đồ tại gia.

Giới tà dâm đủ 4 điều kiện thành tội trọng bất khả hối:

1. Không phải vợ chồng: Chẳng phải vợ chồng mình đã kết hôn.
2. Có tâm dâm: Thích hành dâm như đói được ăn như khát được uống. Bằng không, phải như lưới sắt nóng quán thân, hoặc cổ đeo tử thi sinh thú.
3. Đúng chỗ là ở miệng, đường tiểu tiện (âm đạo) và đường đại tiện mà hành dâm.
4. Sự toại: Tạo thành sự thật hành dâm. Hai căn (bộ sinh dục) của nam nữ tiếp xúc và nhập vào nhau một chút như hạt mè, thành tội trọng bất khả hối.

Nếu ngũ giới nam trừ vợ mình ra, đối với người nữ, chẳng phải người nữ, súc sinh cái ở ba chỗ (tức là miệng, âm đạo, đường tiểu tiện) hành dâm; hoặc đối với người dâm chẳng phải người nam, súc sinh dục và huỳnh môn (người bị thiếu), hoặc người hai tánh âm dương bất toàn ở hai chỗ (miệng và đường đại tiện) hành dâm,

người hai hình (có lúc biến thành nam có lúc biến thành nữ) phi nhân hai hình, súc sinh hai hình, ở ba chỗ hành dâm, phạm tội trọng bất khả hối. Hai thân hòa hợp mà chưa hành dâm, nửa chừng ngưng lại phạm tội trung khả hối. Trừ ba chỗ của nữ tánh, hai chỗ của nam tánh, ở các bộ phận khác hành dâm tội đều khả hối.

Trong lúc ngủ say, ba chỗ của nữ tánh, hai chỗ của nam tánh hành dâm cùng phạm tội trọng bất khả hối. Nơi ba chỗ của người nữ chết, hai chỗ của người nam chết mà hành dâm, nếu tử thi chưa hoại hoặc hơn phân nửa chưa hoại cũng phạm tội trọng bất khả hối. Nếu tử thi hoại phân nửa hoặc hơn phân nửa, hoại tất cả, cho tới chỉ còn bộ xương mà hành dâm, đều phạm tội hạ khả hối.

Trong Kinh Ưu bà tắc Ngũ Giới Tướng nói: "Nếu Ưu bà tắc cùng dâm nữ hành dâm không trả tiền, phạm tà dâm bất khả hối, trả tiền thì không phạm". Đây là nói người nam tại gia thọ ngũ giới bỏ tiền ra hành dâm với dâm nữ chẳng phạm giới. Đây là do ở Ấn Độ, đối với quan hệ nam nữ rất tùy tiện, người nam bỏ tiền ra hành dâm với người nữ là việc thông thường, vì thế không cấm. Song, trong Đại thừa Bồ tát giới, nếu chẳng phải là Bồ tát Địa thượng (bậc Sơ địa trở lên) vì nhân duyên nhiếp hóa chẳng được có hành vi này. Trong quan niệm tập tục của người Trung Quốc hiện nay, hành vi bỏ tiền ra hành dâm với dâm nữ chẳng phải là gương tốt của các bậc thánh nhân quân tử. Chúng ta đã tin Phật, học Phật, lại là người đã thọ ngũ giới, ta cũng nên coi đó là tà dâm.

Người thời nay vì lý do ngừa thai hoặc phòng độc, có dùng bao cao su và vòng an toàn, tuy bộ sinh dục của nam nữ không tiếp xúc trực tiếp nhau, song cũng hưởng thụ được cái khoái lạc của hành dâm, nên nam nữ không phải là vợ chồng mà hành dâm cũng coi là đồng với tà dâm. Trong luật có ghi rõ : Bất luận có ngăn cách (như dùng bao cao su hoặc vòng an toàn ) hoặc một bên có ngăn cách, hoặc hai bên đều có ngăn cách, chỉ cần hai bộ sinh dục nhập vào nhau một chút như đầu sợi lông (cũng gọi là như hạt mè) tức thành tội trọng bất khả hối. Bất luận là làm bên trong xuất tinh bên ngoài, hoặc làm bên ngoài xuất tinh bên trong, đều phạm tội trọng bất khả hối.

Người nữ đem ba chỗ (miệng, âm đạo, đường đại tiện) thọ nhận người nam, chẳng phải người nam, súc sinh đực, người hai hình, phi nhân hai hình, súc sinh hai hình và huỳnh môn hành dâm mà có cảm thọ khoái lạc đều phạm tội trọng bất khả hối. Bất luận lúc ngủ hay lúc thức, cho đến bị sức mạnh cưỡng hiếp, ba chỗ thọ nhận

hành dâm hễ có một niệm cảm thọ khoái lạc đều thành tội trọng bất khả hối. Người nữ do phiền não dâm dục, ở trên tử thi của người nam hành dâm, nếu tử thi chưa hoại hoặc hoại hơn phân nửa, phạm tội trung khả hối. Người nữ do phiền não dâm dục lợi dụng khí vật đút vào trong nữ căn (âm đạo) (người đời nay gọi là thủ dâm) cảm thọ khoái lạc, phạm tội hạ khả hối.

Có ngăn cách cùng không ngăn cách theo trên có thể biết.

Phạm giới đều tại nơi tâm, nếu như không có tâm tà dâm thì không chủ động đi phạm giới tà dâm, rủi bị cưỡng lực cưỡng bức mà bị gian ô, nếu lúc đó không có chút cảm thọ khoái lạc thì không phạm giới. Điều này ở thời Đức Phật có mấy vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni đắc quả A la hán, hoặc nhân lúc ngủ say hoặc nhân trong bệnh khổ cũng bị dâm nữ hoặc bọn dữ hiếp dâm, nhưng vì A la hán đã ly dục nên hẳn là không thọ khoái lạc, vì thế chẳng phạm giới.

Do đó giới dâm cũng có khai duyên. Nếu bị oan gia bức bách mà không cảm thọ khoái lạc thì không phạm.

Phạm vi của tà dâm không những chẳng được cùng nam nữ ngoài vợ chồng phát sinh quan hệ không chính đáng, giả sử là vợ chồng cũng có sự hạn chế: Ngày kỷ niệm Phật, Bồ tát, mỗi tháng 6 ngày trai chẳng được hành dâm, ngày sinh nhật của cha mẹ, ngày chết của thân thuộc như cha mẹ, anh em, chị em v.v...chẳng được hành dâm. Trong thời kỳ kinh nguyệt, thời kỳ mang thai trước khi sinh, sau khi sinh chẳng được hành dâm ở chỗ khác.Trừ ban đêm ở trong phòng ngủ ra, chẳng được hành vào lúc khác, nơi khác. Tốt nhất là phải làm cho được điều này: Lúc con cái thành niên phải thực hành tiết dục; sau khi con cái được dựng vợ gả chồng, phải thực hành cấm dục.

Do đó, tội lỗi của tà dâm, phân làm 3 phẩm: Cùng với lục thân (mẹ con, chị em, cha con, anh em) hành dâm, là phạm thượng phẩm tội. Cùng tất cả nam nữ ngoài vợ chồng tà dâm là phạm trung phẩm tội. Cùng với vợ mình hành dâm chẳng phải lúc chẳng phải đạo là phạm hạ phẩm tội. Theo sự khinh trọng của ba phẩm này phân biệt bị đọa tam đồ. Nhưng trong tất cả giới tà dâm, phá phạm hạnh của người tịnh giới là tội nặng hơn hết. Người tịnh giới tức đệ tử Phật đã thọ giới Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa di, Sa di ni, cho đến người thọ trì Bát quan giới trai, trong ngày trai của họ phá tịnh giới cũng gọi là ô phạm hạnh, song phải là lần thứ nhất phá. Nếu đã từng thọ giới, mà trước đã bị người khác phá hủy rồi sau lại cùng

người hành dâm, thì chẳng thành tội phá giới tịnh giới mà là tội tà dâm. Nếu chẳng thọ ngũ giới lại phá tịnh giới của người khác, tuy chưa thọ Phật giới nên không có phạm giới tội, song vĩnh viễn không được cầu thọ tất cả Phật giới, vĩnh viễn bị bỏ ra ngoài biển lớn Phật pháp, vì thế gọi phá tịnh giới là Biên tội.

Giới tà dâm vốn cũng phiền toái, như chẳng được nói lời thô ác dâm dục và các chi tiết nhỏ nhặt phòng ngừa không thể kể hết, chỉ mong mọi người tự nhiếp tâm tự trọng. Thông thường, nam nữ đã kết hôn, đã có sinh hoạt bình thường của vợ chồng, trì giới tà dâm rất dễ.

#### **4. GIỚI VỌNG NGŨ**

Vọng ngữ là lời nói dối trá thiếu thành thật. Ngày nay trong thế giới của chúng ta, xã hội của chúng ta, và ngay cả cá nhân chúng ta đều đầy dẫy sự vọng ngữ.

Thời cổ đại, vọng ngữ chỉ truyền trong một phạm vi giới hạn, người bị gạt chẳng đến nổi nhiều. Nhân loại ngày nay có các phương tiện truyền thông như : báo chí, điện thoại, truyền thanh, truyền hình làm công cụ truyền bá, chỉ cần vận dụng khéo léo, thì sức mạnh của vọng ngữ không còn giới hạn, chỉ một lời nói dối cũng có thể dối gạt loài người toàn thế giới.

Sự vọng ngữ của thời xưa chỉ hạn cuộc nơi lời nói, ngày nay trừ ngôn ngữ tiếp xúc ra, còn có văn tự của kỹ thuật ấn loát mới phát minh sau này làm môi giới. Ngôn ngữ nói ra liền tiêu mất, văn tự chẳng những dối gạt người một thời, một nơi, mà còn tung hoành vượt cả thời gian và không gian nữa.

Chúng ta có thể nói chắc rằng: Mỗi ngày mở báo ra, trong báo có rất nhiều vọng ngữ, từ sự đàm thoại của người hiện đại đến sự quảng cáo của thương nghiệp, ai bảo chúng được ý hướng của họ có bao nhiêu phần chân thật? Đặc biệt là sự thêu dệt của báo chí dưới ngòi bút của ký giả, tuy chẳng nói là hoàn toàn bịa đặt, song có rất nhiều tình tiết đặt ra từ sự tưởng tượng và suy diễn của bộ óc thông minh của loài người

Vì thế ngày nay đề xướng giới trừ vọng ngữ là điều tuyệt đối cần kíp.

Trong Phật giáo, chia vọng ngữ ra làm 3 loại: Đại vọng ngữ, tiểu vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ. Trọng yếu hơn hết chính là phạm tội đại vọng ngữ. Đại vọng ngữ hội đủ 5 điều kiện, thành tội trọng bất khả hối:

Nói với người: Đối với người đại vọng ngữ.

Tương là người: Nhận định đối phương là người chứ chẳng phải là phi nhân hoặc súc sinh.

Có tâm dối gạt: Có ý muốn đối phương bị gạt.

Nói đại vọng ngữ: Tự mình chưa chứng thánh quả thánh pháp, mà tự nói đã chứng thánh quả, cho đến thật chưa đắc tứ thiền định lại nói đã đắc, thật chưa thấy thiên đến, long đến, thần đến, quý đến, mà nói thấy thiên đến, long đến, thần đến, quý đến.

5. Người dối diện hiểu: Đối phương hiểu được nội dung đã nói. Nếu như đối phương là người điếc, người si, người chẳng hiểu lời nói, và hướng về phi nhân, súc sinh nói đại vọng ngữ, chẳng phạm tội trọng.

Định nghĩa của vọng ngữ là không biết nói biết, biết nói không biết, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không hay nói hay, hay nói không hay, không nghe nói nghe, nghe nói không nghe.

Các cách vọng ngữ là tự vọng ngữ, bảo người vọng ngữ, sai sử vọng ngữ, viết thành văn tự vọng ngữ, hiện tướng vọng ngữ (hiện tướng lạ để gạt mọi người, thân làm oai nghi để biểu thị mình chẳng phạm phu, lại như im lặng nhận thàm, chỉ gật đầu ra dấu).

Hễ có tâm dối gạt người, bất luận dùng phương pháp nào khiến cho người bị dối gạt hiểu được, dù dối gạt có đạt được mục đích hay không (như cầu danh tiếng lợi dưỡng), đều phạm tội vọng ngữ.

Có ý tâng bốc lẫn nhau, như A nói B là thánh nhân, B nói A là thánh nhân, để mong được người thứ ba cung kính cúng dường mà thật chẳng thánh nhân, cũng là tội đại vọng ngữ. Nếu như chẳng dùng đại vọng ngữ dối gạt người, tất cả sự dối gạt đều gọi là tiểu vọng ngữ. Nếu vì cứu độ chúng sinh, Bồ tát có thể làm phương tiện vọng ngữ, tỷ như kẻ say rượu muốn giết người, nếu thật thấy người kia lại nói gạt kẻ say rượu là không thấy thì không tội.



Đại vọng ngữ đầy đủ 5 điều kiện kể trên thành tội trọng bất khả hồi. Tuy nói đại vọng ngữ mà ngôn từ chẳng rõ ràng, hoặc đối phương không hiểu, phạm tội trung khả hồi. Hướng về súc sinh nói đại vọng ngữ phạm tội hạ khả hồi. Muốn nói đắc quả A la hán, nói làm đã đắc quả A na hàm, hễ tâm miệng chẳng hợp nhau, dù nói đại vọng ngữ khiến cho người hiểu, đều đã đắc tội trung khả hồi. Nói thế gian vọng ngữ dối gạt người, đều phạm tội khả hồi.

Trong vọng ngữ còn gồm có lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ; khi phạm, tuy chẳng mất giới thể nhưng phạm tội khả hồi. Lưỡng thiệt là khiêu khích ly gián, đến người này nói người kia, đến người kia nói người này. Ác khẩu là nói những lời chê bai bôi mót, chửi rủa, nói mát, châm biếm, khắc nghiệt. Ý ngữ là những lời trau chuốt khiến người sa vào vòng trụy lạc, lời ca tình tứ, văn chương trữ tình, chuyện tiêu lâm, nói chuyện vô bổ, lời chẳng đúng nghĩa. Người thọ ngũ giới phải luôn luôn kiểm điểm, bằng không, phạm lỗi còn tự chẳng biết.

Trong giới vọng ngữ, trừ người chẳng biết hổ thẹn, chẳng hiểu nhân quả mới phạm đại vọng ngữ, thường thường dễ phạm nhất là tiểu vọng ngữ, khó ngăn nhất là ý ngữ, còn cơ hội phạm lưỡng thiệt và ác khẩu không nhiều lắm. Như có bốn người bạn họp lại một chỗ cao hứng cười nói, chắc chắn là họ có phạm tội ý ngữ (nếu như họ đã thọ ngũ giới). Vì thế, người tu hành phải nên “thủ khẩu như bình”.

Nam nữ tại gia phải hết sức chú ý đến vấn đề bình luận về đệ tử Phật, nhất là đối với người xuất gia. Người tại gia chẳng được nói lỗi xấu của người xuất gia, như thật có lỗi xấu, cũng chẳng được thấy người bèn nói. Nếu như không phải do chính mình thấy nghe, có tội chứng xác thực, mà chỉ nghe người ta nói, mình nói theo, hoặc nói càn người nào có phạm giới, người nói đó trước tiên phạm tội phỉ báng người không có căn cứ (thấy, nghe, nghi là ba căn cứ để chứng tội). Phỉ báng càng nặng, chính mình bị tội phỉ báng càng nặng.

Nhưng muốn dứt hẳn vọng ngữ phải sau khi chứng Sơ quả. Phạm phu thật khó giữ hoàn toàn thanh tịnh giới vọng ngữ, hễ biết kiểm điểm thì vừa phạm lỗi nơi miệng lập tức hối cải, mới có thể chẳng mất tư cách của người Phật tử học Phật.

## **5. GIỚI ƯƠNG RƯỢU**

Giới uống rượu là giới đặc biệt của nhà Phật. Từ ngũ giới cho đến Đại thừa Bồ tát giới cấm uống rượu. Tỳ kheo Tiểu thừa không giữ giới ăn thịt nhưng vẫn

giữ giới uống rượu. Điều này ở Trung Quốc tình hình có chút bất đồng, có nhiều Phật giáo đồ ăn chay trường nhưng lại chẳng giữ giới rượu, họ cho rằng uống rượu có thể dưỡng sinh, họ quan niệm “uống rượu mà không cho say”, tham luyến vật trong ly, kỳ thật là hành vi phạm giới.

Bản thân của rượu vốn không gây tội ác, vì thế uống rượu là một giới duy nhất của ngũ giới thuộc giá giới. Nhưng vì sau khi uống rượu có thể tạo thành tội ác vì muốn ngăn ngừa nhân uống rượu tạo thành tội ác phạm giới, cho nên chẳng cho uống rượu. Uống rượu tuy chẳng chính là phạm tội, nhưng rượu lại hay khiến người phạm tội hơn hết, ba ly đổ vào bụng, do sự kích thích của chất men rượu khiến cho hệ thống thần kinh hưng phấn, mặt to xung động, mờ mắt, mất đi sự khống chế của lý trí, có thể mắng người, đánh người, giết người, hiếp dâm, phóng hỏa v.v...

Trong kinh luật Đại thừa, Tiểu thừa đều chủ trương giới rượu, đồng thời có lưu truyền một sự tích như sau: Thời Đức Phật Ca Diếp Ba, có một người thợ ngũ giới luôn luôn trì giới thanh tịnh, một hôm, từ bên ngoài trở về nhà, quá khát nước, ông ta thấy trên bàn có một chén rượu màu trong như nước. Ông ta tưởng là nước, uống một hơi vào bụng, nào ngờ lúc tính chất rượu phát tác khiến ông ta phạm giới một cách liên tục. Thấy gà hàng xóm, ông ta bèn bắt trộm làm thịt ăn, vợ của hàng xóm mất gà sang tìm, thấy vợ người hàng xóm đẹp, ông liền cưỡng gian. Sau việc đó, bị bắt đến công đường, ông ta chối cãi không nhận tội. Vì uống nhầm một chén rượu mà ông ta liên tục phạm đủ 5 điều giới, tội ác của rượu rất là lớn vậy.

Vào thời Đức Phật còn tại thế, có một vị A la hán tên là Sa Đà Đà, thần lực của Ngài có thể hàng phục độc long, sau khi khát thực, Ngài nhận lầm chén rượu có màu nước do tín đồ cúng dường, uống xong, Ngài đi về bị say té ngã dọc đường. Đức Phật thấy bèn hỏi các đệ tử: “Sa Đà Đà trước kia có thể hàng phục độc long, bây giờ hàng phục con cóc có được không?”

Rượu là gì? Trong Tứ Phần Luật nói: “Rượu là rượu nước trái cây, rượu nếp, rượu đại mạch và các thứ rượu khác”.

Thế nào là phạm giới uống rượu? Trong Tứ Phần Luật nói: “Màu rượu, mùi rượu, vị rượu chẳng nên uống”. Trong Thập Tụng Luật nói: “Uống rượu thù tạc, uống rượu say hoặc men rượu hoặc hèm rượu, tất cả thứ nào có thể làm cho người say, hễ nuốt vào là phạm Ba dật đề. Nếu chỉ có màu rượu mà không có mùi rượu, vị

rượu, không làm người say, uống không phạm”. Nhưng trong Tứ Phần Luật nói: “Không phạm như lấy rượu làm thuốc, lấy rượu rửa vết thương. Song phải do thầy thuốc dặn bảo, chứ chẳng được tự chủ trương giả danh lấy rượu làm thuốc mà hưởng sự thích thú uống rượu. Bằng không, thì uống vào phạm tội Khả hối”.

Tội báo của uống rượu rất đáng sợ, trong Tứ Phần Luật nói có 10 lỗi, lỗi thứ 10 là khi chết rồi đọa vào ba đường ác. Ngoài ra còn có 36 lỗi (Tứ Phần Luật và Kinh Phân Biệt Thiện Ác Báo Ứng có ghi). Đã biết rượu là món không nên uống, nhưng phải đủ ba điều kiện mới thành tội khả hối:

1. Là rượu: Đồ uống làm cho người say.
2. Tưởng là rượu: Biết rõ đồ uống làm người say.
3. Vào miệng chẳng được cho một giọt dính môi, vào miệng nuốt xuống một hớp phạm tội khả hối.

Trên sự trì phạm của ngũ giới, một giới uống rượu rất là dễ trì, song muốn vĩnh viễn không phạm giới uống rượu cần phải đến bậc thánh A la hán mới có thể không phạm.

---o0o---

### **III. NGŨ GIỚI PHỐI VỚI THẬP THIỆN CỦA BA NGHIỆP**

Nội dung của ngũ giới nói đến đây đại khái cũng đầy đủ. Thông thường có người đem Ngũ giới Thập thiện ra phân biệt giải thích, cũng có người cho thập thiện là thập giới. Nhưng trong Phật giới chưa sắp xếp thập thiện làm giới phẩm, như nói thọ giới là chỉ cho Sa di thập giới, nội dung của Sa di thập giới khác hẳn với thập thiện. Thật ra, thập thiện có thể bao hàm trong ngũ giới; vì thế, ngũ giới thập thiện thông thường được đặt liền nhau. Tu ngũ giới, thập thiện đồng được quả báo trời người. Thập thiện tức là sự phân hóa của ngũ giới, chứ không riêng có thập thiện, điều này có rất nhiều căn cứ trong kinh điển.

Nội dung của thập thiện là: Không sát sinh, không trộm cướp, không tà hạnh (cũng gọi là tà dâm, trong tà hạnh bao quát tất cả chỗ phóng dật của cảnh ngũ dục), không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ý ngữ, lìa tham dục, lìa sân nhuế, lìa tà kiến. Phân loại mà nói, thập thiện thuộc ba nghiệp thân, ngữ, ý, cho

nên cũng gọi là thập thiện nghiệp. Tu trì hạnh thập thiện là hạnh sinh vào đường lành, vì thế gọi nó là thập thiện nghiệp đạo.

Tiết thứ 2 điều thứ 4, lúc giảng về giới vọng ngữ đã nói một giới vọng ngữ là bao gồm 3 điều thiện: Không lường thiệt, không ác khẩu, không ý ngữ; đủ biết ngữ giới thật đã khái quát 7 chi thiện giới của 2 nghiệp thân, ngữ của thập thiện; đến 3 chi tham dục, sân nhuế, tà kiến thuộc ý nghiệp, nếu chẳng nhờ sự biểu hiện của hai nghiệp thân, ngữ thì chẳng tạo tác thành thiện ác. Thật ra, 3 chi của ý nghiệp là do 7 chi của thân, ngữ nhiếp thọ; ý nghiệp chi phối 2 nghiệp thân, ngữ mà có tạo tác. Hai nghiệp thân, ngữ, nếu không có ý nghiệp làm chủ tế tạo tác, ác nghiệp được tạo cũng chẳng thành tội trọng, thậm chí còn vô tội. Vì thế, bàn đến ngữ giới tức là đã đầy đủ thập thiện... Nếu trái với thập thiện là thành thập ác, trái với ngữ giới là ngữ bất giới.

Sự phối hợp của ngữ giới với thập thiện đại khái có thể dùng hai biểu đồ sau đây để thuyết minh:

Hai biểu đồ trên cần phải nói rõ thêm một chút:

Trong biểu đồ thứ nhất, giới uống rượu phối hợp với ba chi của ý nghiệp là tham, sân, tà kiến dường như gượng ép. Thật ra không phải gượng ép đâu vì y theo Phật pháp nói rượu có phân ra sự tửu và lyù tửu. Phổ thông uống rượu là sự tửu, có hình thái vật chất; nhân vì tính chất của rượu làm cho người ta say sưa mất đi lý trí, vì thế phạm là hiện tượng tâm lý tham, sân, si cũng đều gọi là uống rượu, đó là lý tửu của vô minh phiền não, phải đợi đến sau khi thành Phật mới có thể vĩnh viễn không còn uống. Cho nên ba thứ ý nghiệp tham, sân, tà kiến này phối hợp với một giới uống rượu cũng không lầm.

Biểu đồ thứ hai đem ba thứ của ý nghiệp phối hợp với ngữ giới tuy có tính chất của Thập thiện mà lại chẳng phải hình thái của Thập thiện, vì trong chi mục của Thập thiện không có giới uống rượu. Nhưng đem ba thứ của ý nghiệp phối hợp với hành vi tạo tác của ngữ giới là tuyệt đối chính xác.

### 1. *Sát sinh có 3 thứ*

a- Do tham dục mà giết, vì tham vị ngon của thịt, vì tham lợi nhuận mà sinh ra sự sát sinh bán thịt, vì tham giá cao hoặc vì đền đáp ân huệ mà sát sinh.

b- Do sân nhuế mà giết, vì báo cừu rửa hận, vì buồn thẹn phản nộ, vì trừ khử chướng ngại.

c- Do tà kiến mà giết, vì cầu phước báo, vì cầu công đức, vì cầu bình an, vì cầu phồn thịnh như là giết các loài súc sinh để tế thần cúng quý, thậm chí có dân tộc đã man bắt người chặt đầu để tế lễ tạ ơn thần linh.

Loại nghiệp sát này đều thuộc tri kiến tà ác cho nên gọi là Tà kiến sát.

## **2. Trộm cướp có 3 thứ**

a- Tham dục trộm cướp: Thấy lợi quên nghĩa, vì cầu phát tài, vì cầu hưởng lạc, vì cầu sinh hoạt được tốt hơn, vì cầu thỏa mãn tâm tham.

b- Sân nhuế trộm cướp: Tật đổ sự giàu sang của người khác, bắt măn người khác phát tài, hoặc vì báo thù người mà làm cho người bị tổn thất tài vật, hoặc vì bị kích thích, nhân đó mà phản nộ đến nổi trộm cướp và làm tổn thất của người.

c- Tà kiến trộm cướp: Vì cầu bình an, vì cầu nguyện vọng thành đạt; như trong lang tội, phụ nữ mới lấy chồng, hoặc phụ nữ lấy chồng lâu năm không có con, thích đến tự viện trộm cướp giày dép của người xuất gia và đồ cúng trang nghiêm ở điện Phật đem về nhà ép dưới gối ngủ, họ cho rằng làm như thế sẽ được sinh con trai, đây có thể coi là một loại tà kiến trộm cướp.

## **3. Tà dâm có 3 thứ**

a- Tham dục tà dâm: Vì tham hưởng thụ khoái lạc dâm dục, bất luận là đồng lòng thông dâm, dụ dỗ thông dâm, hoặc hiếp dâm, cho đến mại dâm, vì thích khoái lạc dâm dục nên cùng với nam nữ ngoài vợ chồng sinh ra quan hệ dâm dục, đều gọi là tham dục tà dâm.

b- Sân nhuế tà dâm: Vì cừu oán gian dâm với mẹ, con, chị, em, vợ chính, nàng hầu của người. Tôi còn nhớ trong thời kỳ chiến tranh kháng Nhật, hễ vài người lính Nhật vào làng thường thường bị đội du kích Trung Quốc giết. Quân Nhật hay tin đem lính càn quét, thấy nhà liền đốt, đàn ông liền giết, thấy đàn bà con gái thì hãm hiếp hoặc luân phiên hãm hiếp, sau khi hiếp dâm rồi chém một nhát. Đây là một thứ sân nhuế tà dâm.

c- Tà kiến tà dâm: Vì cầu công đức, vì cầu phước báo, vì cầu con cái, vì cầu trường sinh, cho đến vì cầu giải thoát mà hành tà dâm. Thuở xưa có nhiều tôn giáo mê tín, như Đạo giáo của Trung Quốc có thuyết “Phòng Trung Thuật”, cho rằng lấy âm để bổ dương, lấy dương để bổ âm, nam nữ giao cấu là pháp tu luyện trường sinh bất lão. Tương tự, trong Ấn Độ giáo, quan điểm tà kiến này cũng cho rằng có thể giải thoát ở trong sự khoái lạc dâm dục giữa nam và nữ, nói là “tánh mạng song tu”, “thân tâm song tu”. Còn có một thứ tà kiến là một số nam nữ kết hôn với nhau lâu năm không có con, có hành vi mượn thai mượn giống. Kỳ thật, muốn từ trong phương pháp phóng túng dâm dục để được trường sinh, thiên định, giải thoát, công đức, phước báo, con cái, ấy là việc tuyệt đối hoang đường.

#### **4. Vọng ngữ có 3 thứ**

a- Tham dục vọng ngữ: Vì tham danh tiếng lợi dưỡng, vì tham tử sắc, thế lực.

b- Sân nhuế vọng ngữ: Vì là cho oan gia bị gạt, vì khiến cho người cùng phi nhân cho đến súc sinh náo loạn mình và chướng ngại mình bị sự tàn hại cho nên vọng ngữ. Vì giận hờn mà ác khẩu và lưỡng thiệt là điều rất phổ biến.

c- Tà kiến vọng ngữ: Cho rằng nói dối có thể tránh được nạn, mắng người có thể tiêu tai. Tỷ như người dân quê ở Trung Quốc khi cảm mạo có người dùng tờ giấy viết mấy chữ: Xuất mại trọng thương phong, nhất niệm tự thành công” dán ở trên cây bên đường hoặc trên vách tường, ấy cũng là một loại tà kiến vọng ngữ.

#### **5. Uống rượu có 3 thứ**

a- Tham dục uống rượu: Vì muốn thỏa mãn cái miệng, cái bụng, tham sự kích thích của men rượu, vì cầu sự hưng phấn dẫn khởi cho sắc dục (uống rượu và người đẹp thường thường không thể tách rời nhau).

b- Sân nhuế uống rượu: Như nói: “Mượn rượu giải sầu”, người ta lúc phẫn nộ hoặc thất ý thường dùng rượu để giải sầu, kỳ thật, đâu phải không nghe nói “Mượn rượu để giải sầu càng thêm sầu” hay sao?

c- Tà kiến uống rượu: Vì cầu dưỡng sinh, vì cầu đắc đạo thành thần tiên, vì cầu sinh lên trời mà uống rượu. Tỷ như có một số người cho rằng uống rượu hữu ích cho rự tráng kiện. Có người cho rằng Lý Thái Bạch uống rượu rất cuộc thành tửu tiên. Có tôn giáo cho rằng rượu có khả năng thông thần, trong các vị thần cũng có

tửu thần. Ngoại đạo lỏa thể ở Ấn Độ thậm chí cho rằng uống rượu giúp cho sự giải thoát. Những thuyết này đều là tà kiến, đều là kiến điên đảo. Tôi xin can quý độc giả. Quý vị thấy một người say rượu mặt đỏ gay, mắt đầy tia máu, mùi rượu nực nồng, quý vị có cảm tưởng gì? Cho là đáng ghét hay đáng yêu?

Ngũ giới phối hợp thập thiện, đã thuyết minh như trên, sau khi hiểu rõ nội dung của ngũ giới, chúng tôi có thể giới thiệu về sự nạp thọ giới thể của ngũ giới như thế nào ở chương sau.

---o0o---

## ***Chương 2 : Phương Pháp Cầu Thọ Ngũ Giới Và Công Đức***

### **I. NẠP THỌ NGŨ GIỚI NHƯ THẾ NÀO?**

Thiên trước đã nói người thọ tam quy rồi, nếu muốn tiến thêm một bước để được sự lợi ích thiết thực của sự tin Phật học Phật, cần phải cầu thọ ngũ giới mới được coi là bắt đầu học điều Phật học, hành điều Phật hành. Quy y Tam bảo chỉ là vào cổng thôi, nếu như sau khi vào cổng, dừng chân ở dưới hành lang mà không lên nhà trên, không vào phòng ốc, không lên lầu tham quan, không lên mỗi tầng cho đến tầng cao nhất, thì chỉ có thể coi là đệ tử Tam bảo kiểu “tài tử” (không chuyên nghiệp), ngày nay gọi là “nghiep dư”. Do đó, xin khuyên người đã quy y Tam bảo tốt nhất là nên thọ ngũ giới để thành người Phật tử tại gia đúng tiêu chuẩn (Ưu bà tắc và Ưu bà di). Nghe thuyết Phật pháp có thể kiến đạo, thọ trì ngũ giới có thể chứng đạo, cao nhất là chứng được tam quả A na hàm, tiến vào vị Bất hoàn, sinh lên Tịnh cư thiên tu thành quả A la hán. Vì thế, công năng của ngũ giới ít nhất là bảo đảm được sinh lên loài người, loài trời, cao nhất là làm chiếc bè báu vượt khỏi biển cả sinh tử. Đã tin Phật học Phật sao chẳng cầu thọ ngũ giới? Nếu chẳng thọ ngũ giới mà chỉ thọ tam quy là chẳng phải chân thật Ưu bà tắc (Kinh Tỳ Ni Mẫu quyển 1).

Nhưng nếu chẳng biết nội dung của ngũ giới, thì tuy thọ giới cũng không đắc ngũ giới. Vì thế trước tiên nói về ý nghĩa và nội dung của ngũ giới, nay đã hiểu đại khái rồi, có thể cầu thọ ngũ giới.

Song, việc cầu thọ ngũ giới cũng chẳng giản đơn. Căn cứ quy định của Kinh Ưu bà tắc giới, cần phải thọ tam quy từ 6 tháng trở lên, sau khi đã khảo hạch về tư cách

rồi mới chấp nhận truyền cho ngũ giới. Cũng có người chủ trương sau khi quy y phải có 3 năm hoặc 1 năm, ít nhất là 4 tháng, mới nhận thọ ngũ giới. Nhưng thời Đức Phật còn tại thế, đệ tử tại gia sau khi tin Phật, tam quy ngũ giới được thọ tiếp liền theo nhau. Tỷ như người đệ tử Ưu bà tắc đầu tiên của Đức Phật là cha của Da Du Già, sau khi tin Phật bèn nói như vậy: “Con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, cúi xin Thế Tôn cho con được làm Ưu bà tắc. Từ nay về sau cho đến suốt đời con không sát sinh cho đến không uống rượu”. (Tứ Phần Luật, Kiền Độ Thọ Giới, phần II). Nhân đây đủ thấy sau khi thọ tam quy không cần phải trải qua thời gian 4 tháng, 6 tháng cho đến 3 năm. Nhưng cũng có người nói thời Phật con người lợi căn đâu có thể như vậy. Trên thực tế, thông thường chúng ta không xét đến vấn đề này. Có người quy y Tam bảo mà không cầu thọ ngũ giới; có người vừa vào cửa Phật, gặp được cơ hội truyền giới bèn thọ Tam quy ngũ giới một lượt. Điều này tại nước Thái Lan có sự bất đồng, đệ tử tại gia người Thái, nhằm ngày vía Phật, mỗi lần họ vào tự viện đều thọ Tam quy ngũ giới. Tôi nghĩ, ấy là làm cho giới phẩm càng kiên cố, chứ chẳng phải vì mất giới mà thọ lại. Điều này, Trung Quốc cũng nên bắt chước, bởi nó có quan hệ với sự tu trì pháp lục niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên. Lục niệm phải thường niệm, vì thế tam quy ngũ giới phải thường thọ trì.

Theo trong Luật nói về thọ ngũ giới đều hướng về thầy nói (như cha của Da Du Già) chẳng phải nói theo sự hướng dẫn của thầy. Như muốn thành ngũ giới Ưu bà tắc hoặc ngũ giới Ưu bà di, chỉ cần hướng về một vị A xà lê nói một lần là được, không có phô trương nghi thức nào hết. Nhưng các tổ sư Trung Quốc như Đại sư Độc Thể cho rằng: “Hiện nay đương thời mật pháp khác xa với thời đức Phật, cần phải nhờ thánh duyên giúp cho sinh chánh tín” (Tam Quy Ngũ Giới Bát Giới Chánh Phạm), vì thế Ngài biên soạn một bộ Tam Quy Ngũ Giới Bát Giới Chánh Phạm đến nay vẫn là bộ sách căn cứ cho sự truyền thừa giới pháp của Phật giáo Trung Quốc thời cận đại lúc giới pháp chẳng thịnh hành.

Sự truyền thọ giới pháp có nhiều thuyết bất đồng. Có thuyết nói: Có thể tự nói, tự thọ. Có thuyết nói: Có thể hướng về người chẳng phải Phật tử thọ (như trong Kinh Phật Thuyết Tiêu Tai, có vợ của một con quỉ ăn thịt người, nói tam quy ngũ giới cho con quỉ ăn thịt người nghe, quỉ ấy thọ trì đắc giới). Có thuyết nói: Có thể ở trước năm chúng xuất gia (Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa di, Sa di ni) thọ; cho đến chỗ không có người xuất gia, có thể hướng về người bạch y (cư sĩ) thọ ngũ giới. Có thuyết cho rằng cần phải có nghi thức ít nhất cũng phải được ở trước



một vị Thượng tọa Tỳ kheo thọ. Ý kiến chiết trung hơn hết là có Thượng tọa trưởng lão Tỳ kheo, phải hướng về trưởng lão Tỳ kheo thọ. nếu không có, phải hướng về một vị Tỳ kheo thanh tịnh thọ. Nếu không có Tỳ kheo thanh tịnh, có thể hướng về Thức xoa ma na thanh tịnh thọ (Phật giáo Trung Quốc không có chúng này). Nếu không có Thức xoa ma na thanh tịnh, có thể hướng về Sa di thanh tịnh. Nếu không có Sa di thanh tịnh, có thể hướng về Sa di ni thanh tịnh thọ. Nếu không có Sa di ni thanh tịnh, có thể hướng về bạch y cho đến chẳng phải đệ tử Phật và chúng sinh loài khác mà thọ.

Hiện tại ở Trung Quốc vẫn còn rất nhiều Tỳ kheo, ngũ giới phải nên ở trước Tỳ kheo thọ.

Tùy phần thọ và toàn bộ thọ ngũ giới cũng có những thuyết bất đồng. Trong phẩm thọ giới của Kinh Ưu bà tắc giới nói: “Nếu thọ tam quy rồi, thọ trì hai giới gọi là thiếu phần. Đã thọ tam quy, thọ trì hai giới rồi, nếu phá một giới gọi là vô phần. Nếu thọ tam quy, thọ trì 3, 4 giới gọi là đa phần; thọ trì đủ ngũ giới gọi là mãn phần (vì giới do tâm quy mà đắc, cho nên đều có nói tam quy). Đây là cho phép tùy phần thọ trì ngũ giới, song phải xem năng lực của mỗi người có thể thọ bao nhiêu giới thì cho thọ bấy nhiêu, chẳng nên ép buộc họ, vì hễ thọ rồi, nếu phá một giới gọi là vô phần”. Thật ra, nếu trì ngũ giới, hễ phá một giới cũng gọi là vô phần. Nếu như chỉ trì một giới kiên trì không phạm, được gọi là nhất phần Ưu bà tắc hoặc Ưu bà di. Nhưng, trong Tát Bà Đa Tỳ Ni Bà Sa quyển 1 nói về Tùy phần thọ giới, ý kiến lại bất đồng. Hỏi: “Người thọ Ưu bà tắc giới giả sử chẳng thể thọ đủ 5 giới cho đến 4 giới, có đắc giới chăng?”. Đáp: “Không đắc”. Hỏi: “Nếu không đắc tại sao có kinh nói có thiếu phần Ưu bà tắc, đa phần Ưu bà tắc, mãn phần Ưu bà tắc. Nghĩa này như thế nào?”. Đáp: “Sở dĩ như thế là có ý nói công đức trì giới nhiều ít, chứ chẳng phải nói có pháp thọ giới như thế”. Thật ra, trong các bộ Quảng Luật khó tìm ra căn cứ của sự có thể tùy phần thọ trì ngũ giới, đệ tử tại gia của thời Đức Phật còn tại thế phạm thọ ngũ giới đều nói như vậy: “Từ nay trở đi suốt đời không sát sinh cho đến không uôn rượu”. Nhưng, tùy phần thọ trì ngũ giới lại được đa số Tỳ kheo chủ trương. Đại sư Hoàng Nhất ở thời cận đại cũng có nói trong quyển Luật Học Yếu Lược: “Nếu không thọ được hoàn toàn thì thọ một hoặc hai hoặc ba hoặc bốn điều có thể tùy ý. Thà có thể chẳng thọ, chứ không nên thọ mà không trì”. Đây thật là xuất phát từ tấm lòng từ bi muốn hộ trì giới pháp. Ngày nay chúng ta cũng chẳng ngại gì theo chủ trương của Kinh Ưu bà tắc giới để cho người thọ giới đối với giới pháp có tâm trang nghiêm đúng đắn. Bằng không thì lạm

truyền giới pháp. Chẳng những không đề xướng được tinh thần của giới luật mà còn đem giới pháp làm theo nhân tình khiến cho mất hết sự trang nghiêm. Theo Đại sư Hoàng Nhất nói: “Trong ngũ giới, dễ trì hơn hết là không tà dâm, không uống rượu, quý vị nên thọ hai giới này trước là ổn đáng nhất”.

Thời hạn thọ trì ngũ giới cũng có nhiều thuyết bất đồng. Trong Luật Thành Thật nói: “Ngũ giới, bát giới tùy ngày tháng dài ngắn, hoặc một năm, một tháng, cho đến nửa ngày, nửa đêm”. Điều này có thể tìm căn cứ ở trong bộ Quảng Luật. Thập tụng Luật quyển 25 có ghi chép một câu chuyện như sau: “Có một người tên Úc Nhĩ đi tìm châu báu ở ngoài biển cả thoát hiểm trở về. Một đêm trên đường về, người ấy ngủ dưới một gốc cây to, thấy có một cái giường xuất hiện, người nam xuất hiện, người nữ xuất hiện, hai người đều xinh đẹp và mặc áo tốt cùng nhau hưởng lạc. Song đến khi trời sáng, chiếc giường biến mất, người nữ mất, có bày chớ lại ăn thịt người nam này, hết thịt còn tro xương. Đêm thứ hai cũng vậy. Úc Nhĩ hỏi ra mới biết người nam kia lúc còn sống làm nghề đồ tể, ban ngày sát sinh tạo tội không rảnh làm thiện. Sau đó Tôn giả Ca Chiên Diên dạy anh ta: “Ban đêm thọ ngũ giới có thể được chút thiện”. Tiếp theo đó, ban ngày, Úc Nhĩ ở dưới cội cây to, thấy có hai giường xuất hiện, người nam xuất hiện, người nữ xuất hiện; cho đến chiều tối, thấy hàng trăm con trùng xuất hiện ăn thịt người nam này, thịt hết còn tro xương. Úc Nhĩ hỏi ra mới biết người nam này lúc còn sống tà dâm với vợ người khác, đam mê khoái lạc chẳng tự ức chế. Sau đó Tôn giả Ca Chiên Diên dạy anh ta ban ngày thọ ngũ giới có thể được chút thiện. Đây nói ngũ giới có thể một ngày thọ, một đêm thọ, có thể chỉ thọ ban ngày hoặc chỉ thọ ban đêm, chỉ cần thọ rồi là có công đức, là có thiện báo. Nhưng trong Tát Bà Đa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa quyển nói: “Nếu thọ ngũ giới phải suốt đời thọ”. Trong Tứ Phần Luật cũng chủ trương ngũ giới phải thọ suốt đời đến già chết mới thôi, thọ một lần là vĩnh viễn thọ. Nhưng có một giải thích chiết trung: Giới có pháp thọ cũng có pháp xả, thọ rồi lại xả, xả rồi lại thọ cũng được. Sau khi thọ giới cần phải trì giới. Nếu như xả giới, tuy làm nghiệp ác cũng không có phạm tội giới mà công đức trì giới trước kia vẫn còn. Do đó, chúng thọ ngũ giới nên nghĩ tưởng là suốt đời. Nếu chẳng trì được thì tùy thời có thể xả từng giới hoặc xả toàn bộ. Trong Luật Tát Bà Đa nói: Gặp nhân duyên ác bức bách muốn xả giới, không cần ở trước 5 chúng xả, xả trước một người cũng được. Muốn xả giới, tùy thời tìm người hiểu được lời mình nói, nói một lần “Tôi xả giới nào đó”, liền thành xả giới. Như sau khi xả muốn thọ giới lại cũng không khó. Trong bộ Nghĩa Sao có nói nếu tự nhiên tâm muốn sắp phạm

giới, thà nên xả về sau sám hối thọ lại cũng được. Theo đây có thể biết thời hạn ngắn dài của sự thọ ngũ giới chẳng phải là vấn đề nghiêm trọng, chỉ cần hiểu rõ quy cũ đạo lý của thọ và xả mà làm là được.

Trước khi thọ ngũ giới, cũng có sự hạn định về tư cách. Trong Luận Tát Bà Đa quyển 1 nói: “Phàm đấng Ba la đề mộc xoa giới, trung ngũ đạo (trời, người, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục) chỉ có loài người đấng giới”. Lại nói: “Tuy trong kinh có nhiều chỗ nói rằng thọ trai pháp..., thọ công đức lành, song chẳng đấng trai”. Từ ngũ giới cho đến Bồ tát giới gọi là Ba la đề mộc xoa, dịch nghĩa là: Biệt giải thoát; trì một giới có công đức giải thoát của một giới; biệt biệt trì, biệt biệt giải thoát, cho nên gọi là Biệt giải thoát giới. Trừ loài người ra, chúng sinh ở các loài khác đều chẳng thể đấng giới. Nhưng nói theo Đại thừa Bồ tát giới, chúng sinh trong ngũ đạo, chỉ trừ địa ngục, người thọ giới hiểu được lời nói của Pháp sư tất cả đều đấng giới. Trong các bộ Luật cũng đều có ghi chép Long vương thọ ngũ giới và thiên nhân thọ ngũ giới, nhưng điều này không quan trọng lắm so với loài người chúng ta.

Điều quan trọng ở trong loại người là cũng có người không đủ tư cách cầu thọ ngũ giới, đó là người phạm tội ngũ nghịch và tự phá tịnh giới hoặc phá tịnh giới của người khác. Người làm Ngũ giới A xà lê (Quỹ phạm sư) trước khi truyền giới cho người phải hỏi rõ có phạm tội ngũ nghịch không? Có tự phá tịnh giới hoặc phá tịnh giới của người khác không? Nếu như chẳng hỏi mà truyền, người thọ giới cần thọ giới, tuy cầu giới cũng không được đấng giới.

Tội ngũ nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu. Trên thực tế trong tội ngũ nghịch người thế tục ngày nay chỉ có thể phạm hai tội ngũ nghịch là giết mẹ và giết cha. Không được sống đồng thời với Phật, vì thế không thể làm thân Phật chảy máu được (trong Phật giáo sử chỉ có một người là ông Đề Bà Đạt Đa phạm tội này). Người đời không thể phá Tăng, phá Tăng có hai thứ: Phải có tám thầy Tỳ kheo hoặc Tỳ kheo ni trở lên mới có thể phá yết ma Tăng. Phải có chín thầy Tỳ kheo trở lên, một người tự xưng là Phật, mới có thể phá chuyển pháp luân Tăng. Người nữ cũng không thể phá Pháp luân tăng, nhân vì người nữ cũng không thể ngay nơi thân này thành Phật, vì thế không thể tự xưng là Phật (Trong Phật giáo sử chỉ có một người là ông Đề Bà Đạt Đa phạm tội ngũ nghịch phá chuyển pháp luân tăng). Vào thời mạt pháp rất khó có A la hán xuất thế, muốn giết các Ngài đâu phải là việc tầm thường!

Tự phá tịnh giới và phá tịnh giới của người khác là việc có thể xảy ra. Sau khi thọ giới phạm tội trọng bất khả hồi gọi là tự phá tịnh giới. Người khác trì giới mà lần đầu tiên làm cho người ấy phá giới, gọi là phá tịnh giới của người. Điều này ở trên đã có nói.

Theo quy cũ, ngũ giới, bát giới đều phải thọ riêng từng người, chẳng được thọ tập thể đông người, nhưng trường hợp truyền giới hiện nay phần nhiều là tập thể. Xét về lý do của sự thọ riêng từng người là vì muốn cho tâm chẳng duyên bên ngoài, trong khung cảnh yên tĩnh thì sự khai đạo của Giới sư và nạp thọ giới thể tam quy ngũ giới có thể được nhất tâm nhất ý, thọ đắc thượng phẩm giới thể. Bằng không, người đông đảo ồn ào, tâm chẳng yên tịnh cũng chẳng chuyên nhất ấy là sai rồi, thậm chí không thể đắc giới. Do đó, giới phẩm phân làm thứ hạng:

1. Nếu ngay lúc thọ giới, vừa nghe pháp ngữ của Giới sư tâm liền khai thông phát, tâm rộng lớn tối thượng duyên khắp pháp giới tất cả hữu tình vô tình, đều nguyện đoạn trừ tất cả tội ác, đều nguyện tu trì tất cả thời hạnh, đều nguyện rộng độ tất cả chúng sinh, đắc thượng phẩm ngũ giới.

2. Nếu ngay lúc thọ giới, tuy nghe Giới sư khai đạo cùng duyên tất cả cảnh hữu tình, vô hình, song tâm nguyện không lớn, chỉ cần tự thoát sinh tử, hoàn toàn không có tâm độ chúng sinh, đắc trung phẩm ngũ giới.

3. Nếu ngay lúc thọ giới cũng nghe Giới sư khai đạo hoặc vì tánh trí kém cỏi hoặc vì tâm ý tán loạn cho nên duyên cảnh chẳng khắp, chỉ đắc giữ gìn giới tướng không thể phát huy công dụng của giới thể, đắc hạ phẩm ngũ giới.

Nếu như tâm ý tán loạn, hoặc giả nghe không rõ lời của Giới sư, hoặc giả nghe như không nghe không biết gì hết, chỉ theo chúng quý xuống đứng lên, như thế chỉ có gieo căn lành nhưng không đắc giới. Nhưng lúc truyền ngũ giới tập thể, tình hình này xảy ra rất nhiều. Vì thế nếu có phương tiện, tốt nhất là nên thọ giới riêng từng người.

Căn cứ vào việc bộ Ngũ Giới Chánh Phạm của Đại sư Độc Thể biên soạn gồm có mười mục nghi tiết trừ nội dung bất đồng, còn phương thức tương tự với nghi tiết thọ tam quy. Mười mục nghi tiết như sau:

1. Trái tòa thỉnh sư: Do người xuất gia đã rành nghi thức chỉ dẫn.

2. Giới sư khai đạo: Giới sư diễn nói về ý nghĩa của ngũ giới, nói về tính cách trọng yếu của việc thọ ngũ giới đối với sự tin Phật, học Phật.

3. Thỉnh Thánh: Phụng thỉnh Phật, Pháp, Hiền Thánh Tăng chung minh thọ giới; phụng thỉnh Phạm Thiên, Đế Thích, Hộ pháp, quỷ thần giám đàn hộ giới.

4. Sám hối: Sám trừ tất cả tội nghiệp từ vô thủy đến nay để cầu thân tâm thanh tịnh nạp thọ giới thể, đổi mới con người cũ (Phật cũng từ trong loài người mà thành Phật).

5. Vấn giá nạn: Hỏi người thọ giới trong đời này, từ trước đến nay có tạo những tội lỗi lớn mà Phật pháp chẳng chấp nhận chăng? Nếu có làm tức thành giá chướng khó được thọ giới, cho nên gọi là giá nạn. Đại sư Độc Thể nêu ra 7 điều cũng là tội nghịch, đoạn trên tôi đã nói và thêm vào sự triển khai tội phá tịnh giới “(1) Trộm vật của chúng Tăng. (2) Hành dâm với nam nữ trong lục thân. (3) Phá phạm hạnh của Tăng Ni. (4) Lúc cha bệnh bỏ đi chẳng ngó ngàng. (5) Lúc mẹ bệnh bỏ đi chẳng ngó ngàng. (6) Lúc Sư trưởng bệnh bỏ đi chẳng ngó ngàng. (7) Giết hại chúng sinh phát tâm Bồ đề.

6. Thọ tam quy: Ngũ giới lấy lúc truyền đọc văn tam quy tức là nạp thọ giới thể, tam quy tam kết cùng với tam nghi tam quy tương đồng.

7. Khuyên giới tướng: Trước tiên hỏi người thọ giới có thể trì được bao nhiêu phần giới, sau đó tuyên đọc giới tướng của ngũ giới suốt đời không sát sinh cho đến không uống rượu. Mỗi giới đều đáp rõ trì được hay không (nhưng trong khoa văn dường như làm chuyên vì người mãn phần thọ mà làm).

8. Phát nguyện: Khai thị người thọ giới phát đại Bồ đề tâm.

9. Khuyên chúc: Khuyên cáo người thọ giới đã phát tâm thọ giới, phải nên y theo lời dạy vâng làm.

10. Hồi hướng: Dem công đức thọ giới này hồi hướng pháp giới chúng sinh.

Đối với nghi thức truyền thọ ngũ giới, Đại sư Độc Thể có nói trong điều lệ quy giới: “Nay theo nghi thức của bộ Chánh Phạm này, phải ở trước vị Trưởng lão Tỳ kheo thọ”. Lại, vì vị Trưởng lão trong chùa đều là Phương trượng Hòa thượng, cho nên đối với Giới sư không gọi là A xà lê mà gọi là Hòa thượng, đến như “Nếu là Trưởng lão chưa từng thống lãnh chúng, không nhận chức Phương trượng, hoặc

hai ba vị đồng tu, hoặc ở một mình không có bạn, nếu bỗng gặp thiện tín phát tâm đến cầu giới, cũng có thể khai đạo và cho thọ giới. Phát nguyện mà thôi, còn các mục khác chẳng cần dùng hết”.

Từ nội dung của nghi thức thọ giới do Đại sư Độc Thể biên soạn, chúng ta thấy từ tam quy đến Bồ tát giới đều là dùng quy mô của Đại thừa giới. Thật ra, trong Kinh Ưu bà tắc Giới cùng với ngũ giới phổ thông chẳng hoàn toàn giống nhau. Đây là điều mà Đại sư Ngẫu Ích cuối đời nhà Minh và Đại sư Thái Hư của thời cận đại đều có bàn đến. Đương nhiên, nếu có thể cho làm được tất cả giới toàn bộ chuẩn theo Đại thừa Bồ tát giới, đó là điều rất tốt, không có lỗi làm gì. Song vì căn cơ và hoàn cảnh bất đồng nên bắt tất phải làm cho mọi người một khi vào cửa Phật đều muốn họ thành bậc đại Bồ tát thực hành đạo Bồ tát được.

Đại sư Ngẫu Ích biên tập phương pháp thọ ngũ giới đơn giản rõ ràng thực tế hơn, tôi xin phép lại như sau để cùng tham khảo:

Con là ... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời làm (nhất, hoặc thiếu, hoặc đa, hoặc mãn) phần Ưu bà tắc, Như Lai chí chân Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con (3 lần).

Con là ... quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, suốt đời làm (nhất, hoặc thiếu, hoặc đa, hoặc mãn) phần Ưu bà tắc, Như Lai chí chân Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con (3 lần).

Nếu là thiện nữ thì xưng là Ưu bà di.

Như chư Phật suốt đời không sát sinh, con là ... suốt đời cũng không sát sinh.

Như chư Phật suốt đời không trộm cướp, con là ... suốt đời cũng không trộm cướp.

Như chư Phật suốt đời không dâm dục, con là ... suốt đời cũng không tà dâm.

Như chư Phật suốt đời không vọng ngữ, con là ... suốt đời cũng không vọng ngữ.

Như chư Phật suốt đời không uống rượu, con là... suốt đời cũng không uống rượu.

Dem công đức thọ giới này hồi hướng vô thượng Bồ đề, bốn ân đều báo, ba cõi đều nhờ, cùng khắp chúng sinh đồng sinh tịnh độ.

Người tại gia thọ ngũ giới vốn là việc rất phổ thông, chỉ cần đối trước một vị Giới sư (tiếng Phạn gọi là A xà lê) có thể tự nói mà thọ. Nếu như mình không biết cách thọ và nội dung của ngũ giới, thỉnh Giới sư chỉ dạy lời thọ giới cũng được. Thời gian gần đây mọi người đều coi việc truyền ngũ giới là một đại Phật sự; bày biện phô trương làm nhọc Giới sư và làm động chúng. Điều này tuy làm trang nghiêm cho giới pháp, nhưng lại đem giới pháp nhận chìm trong hình thức rườm rà vô ích.

Do đó, tôi hy vọng Phật giáo Trung Quốc ngày nay đề nghị về cách truyền thọ ngũ giới phổ biến, trừ trường hợp có tính cách tập thể, cần phải tham khảo Ngũ Giới Chánh Phạm của Đại sư Độc Thể, ngoài ra đều có thể bỏ bớt những tiết mục rườm rà. Tôi xin đề nghị một nghi thức thông thường thọ ngũ giới có 5 tiết mục như sau:

1. Thỉnh sư khai đạo nội dung ngũ giới (nói chỗ trọng yếu), dạy người thọ ngũ giới nói lời phát nguyện thọ giới (nếu người thọ giới đã biết, khỏi phải dạy).
2. Vấn giá nạn (thông thường chỉ hỏi giết cha, giết mẹ, tự phá tịnh giới và phá tịnh giới của người khác là được)
3. Tam quy tam kết (theo nghi thức của Đại sư Ngẫu Ích ở đoạn trên).
4. Tuyên đọc hoặc tùy phần tuyên đọc giới tướng ngũ giới (theo nghi thức của Đại sư Ngẫu Ích đã nêu ở đoạn trên).
5. Phát nguyện hồi hướng (Dùng kệ hồi hướng thông thường cũng được, hoặc mỗi người tự bạch vài lời phát nguyện của mình cũng được).

Một lần thọ giới mất thời gian tối đa không quá 15 phút. Thọ ngũ giới giản đơn như thế so với trường hợp bày biện lớn lao thì thực tế và dễ đắc giới hơn. Đồng thời, Giới sư cũng có thể trong một ngày truyền giới riêng cho nhiều người mà chẳng mất sức khỏe, và cũng có thể tùy chỗ, tùy nơi mà truyền giới cho người.

---o0o---

## II. CÔNG ĐỨC CỦA SỰ THỌ TRÌ NGŨ GIỚI

Nói đến giá trị cứu cánh của Phật giáo là nói đến “Tam luân thể không”, nghĩa là người làm, công việc được làm, tác dụng do việc làm sinh ra, cả ba hoàn toàn không, chẳng chấp có không, mới là mục đích cuối cùng của sự học Phật. Vì

thế tất cả thiện hạnh tự không có công đức để nói. Nhưng tại phàm phu mà nói, muốn làm đến một bước công phu này chẳng được; bằng không, người đó đã chẳng phải là phàm phu.

Người đi thuyền mục đích không phải là ở tại đi thuyền, nhưng đi thuyền cốt làm cho người ta đạt đến mục đích họ mong muốn, thuyền chỉ là công cụ mà thôi. Cũng vậy, người thọ ngũ giới mục đích không phải ở tự bản thân của sự thọ giới, nhưng thọ giới lại khiến cho người ta đạt đến mục đích của sự học Phật, giới chỉ là phương tiện mà thôi. Từ trong pháp thế gian lợi dụng công cụ hoặc lợi dụng phương pháp, ắt hẳn sẽ sinh ra được lợi ích hoặc tội lỗi. Thọ ngũ giới là phương pháp làm thiện, cho nên cũng chắc chắn sinh ra công đức.

Tu trì ngũ giới thập thiện, nếu phát tâm xuất ly có thể do đây chứng được Sơ quả cho đến Tam quả (Tứ quả cần phải xuất gia), như Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da quyển 1 có ghi: Tỳ kheo Tiểu Lộ khéo dùng thí dụ nói nửa bài tụng về pháp thập thiện, nói chưa xong nửa bài tụng thì trong chúng liền có một vạn hai ngàn hữu tình xa lìa trần cấu đắc pháp Nhãn tịnh, mắt thấy chân đi, hoặc đắc Noãn pháp, cho đến hoặc có người nhân đây xuất gia rồi chứng quả A la hán. Do đó mà biết ngũ giới thập thiện là bước đầu học Phật và cũng do đây mà bước vào lĩnh vực Thánh Hiền liễu sinh thoát tử.

Nếu chỉ cầu phước báo nhân thiên, hoặc người có sức trì giới bạc nhược, cũng có thể nhân đây chẳng bị đọa tam đồ, cuối cùng nhân duyên thành thực, phát tâm xuất ly vượt ra tam giới (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới). Nếu như toàn bộ ngũ giới không thể thanh tịnh, chỉ kiên trì được một giới cũng có thể giữ được thân người. Sự trì giới nhiều ít và giới lực mạnh yếu (chỉ cho đối với tội khinh khả hồi trì phạm nhiều ít mà nói), có thể quyết định sau khi bỏ một thân này sinh vào cảnh giới nhân thiên. Cao nhất của trì ngũ giới là có thể sinh lên cõi trời thứ sáu (theo thứ tự kể xuống), ít nhất cũng có thể làm một thân người bình thường. Nếu muốn lên trời Sắc giới cho đến cõi trời Vô sắc giới phải tu thiền định đạt đến sơ thiền trở lên mới có thể tiến vào cõi trời Sắc giới. Đồng thời, Sắc giới, Vô sắc giới chẳng do ngũ giới được, mà phải do thiền định tiến thủ. Vì thế ngoại đạo chẳng trì Phật giới, nếu như công phu thiền định đủ cũng có thể tiến vào cõi trời Sơ thiền trở lên. Từ trong Kinh luật chúng ta thấy công đức tu phước báo nhân thiên, hơn phân nửa là sinh lên cõi trời Tứ Thiên Vương và cõi trời thứ Ba mươi ba (Đao Lợi).



Nhưng từ trên quan điểm Phật pháp mà nói, sinh lên trời không tốt bằng sinh lên tại nhân gian. Tuổi thọ ở cõi trời từ cõi trời Tứ Thiên Vương trở lên, mỗi tầng mỗi nhiều hơn. Trời Tứ Thiên Vương lấy 50 năm của nhân gian làm một ngày, bình quân tuổi thọ là 500 năm. Đến cõi trời thứ sáu Tha Hóa Tự Tại lấy 1600 năm của nhân gian làm một ngày, bình quân tuổi thọ là 16.000 năm. Đối với sự hưởng thọ ngũ dục, mỗi tầng trời cao hơn lại thù thắng hơn, nhưng Thiên nhân rốt cuộc cũng phải chết, phước trời cũng có lúc cùng tận. Đến cõi trời chỉ là hưởng phước, khó có tâm cầu phước, cũng ít có cơ hội để cầu phước. Phước trời hết, sau khi chết vẫn bị đọa, có thể chẳng còn được thân người mà lại vào tam đồ. Trong Luật có ghi: Đệ tử tại gia của Tôn giả Mục Kiền Liên là ông Kỳ Bà, là một vị danh y đương thời, sau khi quy y Tam bảo trị bệnh miễn phí cho Tăng Ni, nhờ công đức sau khi chết sinh lên cõi Trời thứ 33. Một hôm, Tôn giả Mục Kiền Liên có một đệ tử bệnh không biết trị liệu thế nào, Ngài bèn dùng thần túc bay lên cõi trời 33 hỏi Kỳ Bà. Lúc ấy, gặp các vị Thiên nhân đang đi xe du ngoạn ở hoa viên, không có ai để ý đến Tôn giả Mục Kiền Liên đang đứng bên cạnh, Kỳ Bà trông thấy cũng chỉ giơ tay vẫy chào rồi vẫn cho xe chạy nhanh. Tôn giả Mục Kiền Liên dùng thần lực dừng xe ấy lại và trách Kỳ Bà: “Ông thấy ta sao chẳng xuống xe kính lễ?”. Kỳ Bà thưa: “Cần kíp hưởng lạc nên không tự chủ được”, và nói “Tôi giơ tay vẫy chào cũng là khá lắm, chứ các Thiên nhân kia, không ai ngó ngang gì đến Ngài”. Câu chuyện này đủ cho ta thấy sau khi sinh lên Trời, mê đắm trong sự hưởng thụ dục lạc quên mất sự học Phật tu hành, cũng không có tâm kính lễ Tam bảo.

Nhân gian là khổ, nhưng ở trong ngũ đạo chỉ có loài người nhân vì thọ khổ mà hành thiện cầu phước. Vì thế đoạn trên có nói chỉ có loài người thọ giới đặc giới Phật giáo là Phật giáo của nhân gian, học Phật trì giới tuy có thể được quả báo sinh lên trời, nhưng người chân chính học Phật chẳng cầu sinh lên trời. Điều này trong Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da quyển 49 có ghi một sự tích: Có một thầy Tỳ kheo trì giới, ban đêm ngồi trên một cái giường thấp nhập định. Trong định bị một con rắn độc cắn trên trán, tuy trúng độc thân chết mà vẫn chưa biết, vì thầy chưa chứng đạo nên chưa ra khỏi tam giới. Lúc xuất định, thầy thấy có 500 thể nữ vây quanh trước sau, hỏi ra mới biết mình sinh lên cõi Trời thứ 33. Các thiên nữ mời thầy ra mắt vua Trời là Đế Thích, song thầy chưa nhiếp dục lạc trái lại thầy còn cho rằng thiên nữ phá thầy cho nên thầy cảm thấy khó chịu và nói : “Tôi chỉ lễ Phật đà chẳng lễ Thiên Đế và muốn Thiên Đế đến lễ kính tôi!”. Thiên nữ hỏi lý do, Thầy đáp: “Chỉ cần vào trong vườn đẹp này xuất gia, có thể được

Thiên Đế Thích kính lễ”. Nhân đây, thầy mạnh dạn bỏ sự hưởng thụ phước Trời, trở lại cuộc sống xuất gia. Qua chuyện này đủ thấy người có tâm học Phật chẳng cần cầu hưởng phước Trời.

Tất cả nghiệp lực có thể do nguyện lực của mỗi người chuyển biến, nếu như nhận công đức thọ trì ngũ giới có thể được quả báo sinh lên cõi trời, nguyện đem công đức này sinh trở lại nhân gian đời đời kiếp kiếp thấy Phật nghe pháp, hoặc làm trưởng giả, cư sĩ hộ trì Phật pháp, hoặc làm Tăng bảo thanh tịnh hoằng pháp lợi sinh. Nếu như không chịu như thế hoặc do chí nguyện bất đồng cũng có thể nguyện đem công đức trì giới này hồi hướng vãng sinh Tây phương Tịnh độ, tăng trưởng phẩm vị của đài sen, đến lúc mạng chung Phật đến tiếp dẫn, hoa nở thấy Phật, được bất thoái chuyển.

Công đức của ngũ giới, tùy theo người mà có khác. Người tại gia có thể do Bồ thí cầu phước, nhưng công đức của thọ ngũ giới còn vượt lên tất cả công đức Bồ thí tài vật. Tôi xin cầu mong nam nữ tại gia phát tâm thọ ngũ giới, thọ ngũ giới rồi chẳng cần cầu sinh lên cõi trời, tốt nhất là nương nơi nguyện lực trở lại nhân gian; bằng không, cũng nên vãng sinh Tây phương Tịnh độ.

Ngay nơi hiện đời, người trì ngũ giới có thể giảm bớt những phiền não và tai nạn hiểm nghèo, ít nhất là không còn nhân vì sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu mà sinh tại họa.

Lại, theo Kinh nói: Trì mỗi một giới có 5 vị thiên thần thường theo bên mình bảo vệ. Nếu trì ngũ giới có 25 vị thiên thần theo bên mình bảo hộ, khiến cho cuộc sống đều được an ổn, gặp dữ hóa lành.

Phật pháp chẳng những làm cho người ta được an lạc vĩnh cửu mà còn làm cho người ta an lạc ở hiện đời. Thọ trì ngũ giới là viên ngói gõ cửa để cầu lấy hai thứ báu an lạc này.

Xã hội lý tưởng của Phật giáo nhân gian là dùng thập thiện làm tiêu chuẩn. Ngũ giới nếu được mọi người hành trì rộng rãi thì thế giới đại đồng của Nho gia đề xướng liền trở thành hiện thực.

---o0o---

**Thiên thứ tư : Bát Quan Giới Trai**

## ***Chương 1 : Bát Quan Giới Trai Và Nội Dung***

### **I. LỜI MỞ ĐẦU**

Con đường học Phật là tiến từng giai đoạn, là từng lớp tiến lên. Quy y Tam bảo chỉ là bước đầu tiên vào cửa của sự tin Phật, học Phật. Ngũ giới thập thiện mới là sự mở đầu đi vào con đường học Phật. Trong luật điển thời Đức Phật tại thế, hễ thọ tam quy ắt thọ luôn cả ngũ giới. Vì thế, tam quy ngũ giới từ trên sự yêu cầu căn bản mà nói, là phân ra không được. Người đời sau chỉ thọ tam quy không thọ ngũ giới, chỉ là kế thích nghi tạm thời tiếp dẫn chúng sinh mà thôi.

Thọ tam quy ngũ giới chỉ cầu vâng làm đúng như pháp, tuyệt đối có thể bảo đảm không đọa tam đồ (súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục). Công đức của ngũ giới có thể bảo đảm sinh ở loài người, cho đến có thể sinh lên Trời thành thiên nhân.

Nhưng mục đích cuối cùng của Phật pháp là dạy người liễu sinh thoát tử, quy y Tam bảo là làm cho chúng sinh không bị đọa vào tam đồ, cũng chỉ là một kế thích nghi tạm thời của sự liễu sinh thoát tử. Trước tiên khiến cho người chẳng bị đọa, sau khi chân đứng vững vàng còn phải tiến lên một tầng và đi trên đường vào cửa liễu sinh thoát tử, Bát quan giới trai là một con đường vào cửa liễu sinh thoát tử này.

Đương nhiên, Bát quan giới trai chỉ là khởi điểm của con đường liễu sinh thoát tử, chỉ là một cái cửa lớn, chỉ là một con đường vào cửa, lên đường rồi còn có cảnh giới cao hơn chờ đợi chúng ta. Vì thế trong kinh đều nói thọ Bát quan giới trai là chúng sinh gieo trồng chánh nhân xuất thế, mà chẳng phải quả xuất thế. Nhân vì người trì ngũ giới thanh tịnh sinh lên Trời, chỉ ở trên trời, nhưng không nhất định liễu sinh thoát tử. Bát giới sinh lên Trời ,cuối cùng sẽ được kết quả Niết bàn liễu sinh thoát tử. Đây là chỗ khác nhau giữa ngũ giới sinh lên Trời và bát giới sinh lên Trời.

---o0o---

### **II. BÁT QUAN GIỚI TRAI LÀ GÌ?**

Giới, trong Phật giáo, trên đại thể, gồm có 2 loại khác nhau:

1. Tiệm thứ giới.

## 2. Đốn lập giới.

Tiệm thứ giới là chỉ tam quy ngũ giới của tại gia; Sa di, Sa di ni, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni giới của xuất gia. Không thọ tam quy ngũ giới sẽ không thọ được thập giới Sa di, Sa di ni; không thọ thập giới Sa di, Sa di ni sẽ chẳng thọ được Tỳ kheo, Tỳ kheo ni giới. Trong quá trình từ Sa di ni tiến vào Tỳ kheo ni còn có lục pháp của Thức xoa ma na. Do vì cần phải tuân tữ tiến lên tầng cấp cho nên gọi là Tiệm thứ giới. Hai chúng tại gia cộng thêm 5 chúng xuất gia thành ra 7 chúng đệ tử Phật, đều lấy tiệm thứ giới để được danh phận theo thứ tự.

Đốn lập giới chỉ cho Bát giới và Bồ tát giới của Kinh *Phạm Võng* và *Kinh Anh Lạc*. Hai thứ giới này là giới biệt giải thoát ở ngoài thất chúng giới. Giới này và giới kia tuy đồng là Phật giới, nhưng không thọ tam quy ngũ giới cũng có thể thọ ngay Bát giới và Bồ tát giới (Du già Bồ tát Giới vẫn là tiệm thứ giới). Như vậy, chúng ta nói hiện tại Bát giới đã chẳng phải là một thứ giới của tiệm thứ giới của thất chúng, tại sao lại đặt bát giới ở sau ngũ giới mà giảng? Nhân vì trong Bát giới bao quát toàn bộ ngũ giới và gồm phần lớn của thập giới Sa di. Vì muốn cho dễ hiểu nên tôi đặt Bát giới ở sau ngũ giới và trước thập giới.

Nội dung của Bát quan giới trai như sau:

1. Không sát sinh.
2. Không trộm cướp.
3. Không phi phạm hạnh (không dâm).
4. Không vọng ngữ.
5. Không uống rượu.
6. Không đeo tràng hoa hương thơm, không xoa dầu thơm, không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, không cố đến xem nghe.
7. Không ngồi nằm trên giường lớn cao rộng.
8. Không ăn phi thời.

Chúng ta xem qua có thể biết trong Bát giới này, trừ ba điều giới 6, 7, 8, ra, 5 điều giới trước đồng với ngũ giới, nhưng điều giới thứ ba “không tà dâm” đổi lại là “không dâm”.

T hật ra, 8 điều giới này là 9 điều giới trước của thập giới Sa di, trừ điều giới thứ 10 :”Chẳng cầm giữ vàng bạc vật báu “ra, hoàn toàn giống với Sa di giới, chỉ đem hai điều 6, 7 của Sa di giới ở đây hợp lại thành một điều giới thứ 6. Vì thế, cũng có người đem bát giới này theo Sa di giới mà phân làm 9 điều, vì trong điều giới cuối cùng: Giới “ăn phi thời” chẳng phải là giới mà là trai. Không ăn phi thời gọi là trai, quá giữa Ngọ (12 giờ trưa) không ăn gọi là trì trai (trì trai chẳng phải là ăn chay), quá giữa Ngọ mà ăn gọi là ăn phi thời. Bát quan giới trai cũng lấy sự trì trai này làm thể, làm chủ, làm gốc, làm trọng yếu, cho nên 8 điều trước gọi là giới, một điều sau gọi là trai. Trai có nghĩa là thanh tịnh, từ trên sự tướng nói, quá giữa Ngọ mà ăn tức là tạp loạn bất định, vì thế ba đời chư Phật đều không ăn quá giữa Ngọ, nhưng từ trên căn bản mà nói thì ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh là trai.

Chỗ khác biệt lớn nhất giữa Bát quan giới trai và Sa di thập giới là chỉ thọ trì một ngày một đêm trong sáu ngày trai, chẳng giống như Sa di giới phải thọ trì suốt đời. Vì Sa di suốt đời thọ trì thập giới nên có thể chứng quả cao nhất là A la hán. Bát quan giới trai chỉ thọ một ngày một đêm, tuy gieo trồng được chánh nhân xuất thế, nhưng chẳng thể ngay nơi thân này chứng quả A la hán. Đức Phật từ bi, nhưng vì trên đời mặc dù có rất nhiều người hy vọng tin Phật, học Phật để mong ra khỏi đường sinh tử, nhưng do những nhân duyên sai biệt bất đồng khiến cho nhiều người không có cách ra khỏi con đường sinh tử này. Có người vì chức nghiệp khiến cho họ không thể tự do quyết định phương thức sinh hoạt của mình nhắm đến, có người vì sự bó buộc của xã hội, có người vì sự ràng buộc của vợ, con v.v... Vì thế, người mong muốn đi trên con đường xuất thế thì rất đông, mà người đi được trên con đường xuất thế lại rất ít. Do đó, Đức Phật mở ra một con đường phương tiện để cho một người mong muốn đi trên con đường xuất thế mà không có cách đạt đến mục đích cũng có cơ hội đi qua sinh hoạt xuất thế để gieo trồng thiện căn xuất thế. Bát quan giới trai là pháp môn phương tiện rộng lớn này.

Bát quan giới trai đã là 9 điều trước của Sa di thập giới, cho nên phân mục thọ trì cũng gần với Sa di thập giới. Sinh hoạt xuất thế lấy sinh hoạt của Sa di làm cơ sở. làm mở đầu, phân mục thọ trì 9 giới trước của 10 giới cũng gần với phân mục của sinh hoạt xuất thế phải thọ trì. Bát quan giới trai là một ngày một đêm thọ trì, thọ

thêm một lần là được lợi ích nhiều thêm một lần. Thông thường lấy các ngày mùng 8,14, 15, 23, và 2 ngày cuối tháng âm lịch gọi là 6 ngày trai. Trong 6 ngày này mỗi ngày đều thọ cố nhiên là tốt, nếu như vì sự hạn chế của hoàn cảnh chỉ thọ 5 ngày cho đến một ngày cũng tốt.

---o0o---

### III. VÌ SAO CẦN PHẢI THỌ BÁT QUAN GIỚI TRAI?

Ý nghĩa đại khái, đoạn trước đã nói qua là gieo trồng thiện căn xuất thế, thọ trì Bát quan giới trai tuy chỉ một ngày một đêm, nhưng rốt cuộc ắt nhờ công đức này được đến quả Niết bàn. Tại sao Bát quan giới trai lại có đủ công đức như thế?

Điểm này chúng ta cần nên chú ý: Trọng tâm của Bát quan giới trai là lập ra phương pháp đóng chặt cửa sinh tử của chúng sinh. Tác dụng của Bát quan giới trai là do từ quan ải này mà chúng sinh chạy ra khỏi cửa sinh tử. Hai nguồn đại họa dâm dục và ăn uống là gốc của sinh tử. Nho gia nói: “Âm thực, sắc dục là tánh. Nguyên nhân căn bản khiến chúng sinh thành chúng sinh.” Theo quan điểm Phật pháp nói: “Ăn uống là trợ duyên tăng thượng của sinh tử, dâm dục là nguyên nhân căn bản của sinh tử.” Tất cả chúng sinh đều do chẳng đoạn dâm dục, vì thế chẳng lìa sinh tử. Tất cả chúng sinh đều tham luyến các khoái lạc dâm dục, thành trợ duyên cho sự sinh tử của con cháu đời sau, tự thân cũng bị sợi dây sinh tử trói buộc. Chúng sinh có dâm dục là bảm sinh. Sự giao tiếp của hai tánh (nam, nữ) hình thành sự dâm dục phải sau khi được no ấm. No ấm thuộc về ăn mặc, ăn so với mặc còn trọng yếu hơn. Có ăn không có mặc, có thể no cũng có thể ấm. Có mặc không có ăn, rốt cuộc phải bị đói mà chết. Vì thế, dâm là căn bản của sinh tử, ăn là trợ duyên sinh tử. Nếu vượt ra ngoài dâm dục và ăn uống, ắt đã liễu thoát sinh tử. Trong tam giới, dầu đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng của Vô sắc giới không còn có niệm dâm dục, nhưng cũng chẳng lìa thức thực, cho nên vẫn không ra khỏi sinh tử. Vì đã vượt ra sinh tử nên giới dâm. Vì ức chế dâm dục nên trì trai. Sinh hoạt xuất thế bắt đầu thực hiện từ giới dâm và trì trai. Ăn uống là trợ duyên của sinh tử. Dâm dục lại do ăn uống đầy đủ mà nổi dậy. Chính vì thế, trì trai tuy chẳng phải giới, nhưng lại là thể của giới.

Đến đây, người đọc sẽ hoài nghi nội dung của Bát quan giới trai rõ ràng có 8 điều hoặc 9 điều, tại sao chỉ nói dâm dục và trì trai mới là trọng tâm của Bát quan giới trai ?

Vì 5 giới đầu của Bát quan giới trai, trừ giới thứ ba “không tà dâm” đổi thành “không dâm”, ngoài ra đều giống ngũ giới, đủ thấy điểm trọng yếu của nó ở tại giới dâm, cho nên cùng ngũ giới bất đồng.

Đến điều thứ 6 “Không đeo tràng hoa thơm, không xoa dầu thơm, không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, không cố đến xem nghe”, và điều thứ 7: “Không ngồi nằm trên giường lớn cao rộng”, mục đích cũng là gián tiếp giới dâm. Đeo hoa, xoa dầu, biểu diễn nghệ thuật, ngồi tòa báu, nằm giường lớn, bất luận tự mình làm hay thấy người khác làm, đối với người tu hành chẳng thích nghi. Đây đều là môi giới phóng túng dâm dục, cho nên các điều giới ấy vẫn thuộc vào phạm vi giới dâm.

Đến giới thứ 8 là “trì trai” thì không cần phải giải thích nữa. Chính nhân vì Bát quan giới trai là đặt nặng ở sự giới trừ và tiết chế dâm dục cùng ăn uống; vì thế trì Bát quan giới trai là gieo trồng công đức của chánh nhân xuất thế. Người thế tục tại gia muốn gieo trồng công đức của chánh nhân xuất thế phải thọ trì Bát quan giới trai. Bất luận ông đã thọ tam quy rồi cũng tốt, thọ ngũ giới rồi cũng tốt, thọ Bồ tát giới rồi cũng tốt, đều nên thọ trì Bát quan giới trai. Vì Bát quan giới trai không có xung đột với sự thọ trì tam quy ngũ giới và Bồ tát giới. Đây chỉ là một ngày một đêm thọ, hôm nay thọ đến sáng hôm sau không còn bị sự hạn chế của giới trai này nữa. Nếu như lần sau muốn thọ trì phải thọ giới lại. Đây thật là Ba la đề mộc xoa (giới Biệt giải thoát) hết sức phương tiện mà công đức rất lớn, không giống như ngũ giới thọ trì suốt đời và Bồ tát giới thọ trì đến tận đời vị lai.

---o0o---

#### **IV. NỘI DUNG CỦA BÁT QUAN GIỚI TRAI**

Nội dung của Bát quan giới trai, đoạn trước đã giới thiệu sơ qua rồi, nay xin giải thích thêm một chút.

Từ giới thứ nhất đến giới thứ năm (trừ giới dâm ra không hoàn toàn tương đồng với ngũ giới), chúng tôi không giải thích nữa, độc giả nên xem lại chương thứ nhất của thiên Ngũ giới Thập thiện, giả sử một điều giới dâm, ở trong đây đã có đề cập đến “Sáu ngày trai của mỗi tháng không được hành dâm”. Nhưng người chỉ trì ngũ giới mà không trì Bát quan giới trai, tuy nói 6 ngày trai không được hành dâm, nhưng nếu có hành chánh dâm của vợ chồng cũng không kể là phạm giới. Trong

điều thứ 30 của kinh cầu tội trong *Kinh Phạm Võng Bồ tát Giới cũng có quy định như vậy*: “Vi hàng bạch y làm mai mối cho nam nữ giao hội dâm sắc gây thành ác nghiệp kiết phược. Sáu ngày trai trong mỗi tháng, ba tháng trường trai (tháng giêng, tháng năm, tháng chín) trong mỗi năm, làm việc sát sinh, trộm cướp, phá trai phạm giới, Phật tử này phạm kinh cầu tội. Đây là nói người thọ Phạm Võng Bồ tát giới rồi cũng phải trong 6 ngày trai của mỗi tháng và ba tháng trường trai của mỗi năm đều chẳng được có những hành vi sát sinh, trộm cướp, dâm dục, ăn phi thời. Bằng không thì giống như người thọ Bát quan giới trai, thành tội phạm giới. Điều này ở trong Kinh Phạm Võng Giới gọi là Bất kính hảo thời giới, tuy chẳng phạm giới song cũng chẳng phải là việc tốt. Trong Bát giới, nếu như phạm Bất kính hảo thời giới thành phạm giới, đây là chỗ bất đồng với ngũ giới.

Đồng thời, giới “không dâm” của Bát giới còn có yêu cầu tiến lên một tầng nữa, như trong Kinh Phật *Thuyết Trai nói: Một ngày một đêm gìn giữ tâm như Chân Nhân* (Nhu Lai), không có ý dâm, chẳng nhớ nghĩ đến việc phòng thất (ân ái), tu trì phạm hạnh, chẳng làm tà dục, tâm không tham sắc, như giới thanh tịnh, nhất tâm tu tập”. Điều trọng yếu nhất ở đây là phải giống như Phật, tuy chỉ một ngày một đêm cũng được hy vọng giữ phạm hạnh thanh tịnh như vị Tỳ kheo trăm tuổi, thân chẳng phạm dâm hạnh, miệng chẳng nói lời dâm, tâm chẳng khởi ý dâm. Trong một ngày một đêm này hoàn toàn phải tự mong sống được với thân tâm ly dục xuất thế. Hễ khởi một niệm dâm dục hiện tiền, hoặc giả nhớ lại cảnh dâm quá khứ, hoặc giả tưởng tượng lạc thú dâm dục vị lai đều kể là trai chẳng thanh tịnh. Điều này so với “Bất kính hảo thời giới” của Bồ tát giới lại nghiêm khắc hơn nhiều. Nhưng Bồ tát phải trì lục trai, cho nên trong *Ưu bátắc Giới Kinh có quy định trì lục trai giới*.

Bây giờ bắt đầu trì giới thứ 6, chúng ta phân ra từng điều để nghiên cứu:

*Điều thứ 6: Không đeo tràng hoa thơm, không xoa dầu thơm, không ca múa biểu diễn các bộ môn và có đến xem nghe.*

Bát quan giới trai đặt nặng ở chỗ dạy người xuất ly thế gian, gieo trồng chánh nhân xuất thế, vì thế từ trên sự tướng, chúng ta thấy nó thuộc pháp môn Tiểu thừa, tự cầu giải thoát sinh tử (nhưng nên không khinh thị Tiểu thừa, vì nếu không có hạnh Tiểu thừa làm nền tảng, hạnh Đại thừa không làm sao thực hiện). Tự mình không tự chủ được đối với sinh tử, mà nói: “Ta chẳng vào địa ngục, ai vào địa ngục?”. Những người nói như vậy đồng phạm tội đọa địa ngục, chớ chẳng phải thừa



nguyện cứu địa ngục. Phải biết, người có năng lực tự chủ mạnh mẽ mới có được phạm vi hóa độ sâu rộng. Cho nên cũng không nên nói: “Vì tiếp dẫn chúng sinh, Bồ tát Nhất sinh Bồ xứ cũng dùng tràng hoa anh lạc để làm trang nghiêm”. Phải biết, tiếp dẫn chúng sinh là một chuyện, cầu liễu sinh tử lại là một chuyện.

Đeo vòng hoa là vòng trang sức làm đẹp ở Ấn Độ, dùng hoa thơm kết thành mào hoa, xỏ thành vòng hoa, dây hoa, hoặc dùng vàng bạc châu báu kết dính lại, đội lên đầu, đeo trước ngực, mang trên vai cho đến đeo lòng thòng trên thân hoặc trên hoặc dưới. Như ngày nay nói dây chuyền, vòng đeo cổ, bông tai, kẹp tóc, đồ trang điểm trên nón, trâm cài tóc, vòng đeo tay, cà rá, hột xoàn, nhẫn... của người nữ; đồng hồ đeo tay, nhẫn vàng, vật trang sức đeo trên cổ của người nam, đều đồng một tính chất với vòng hoa thơm. Vì thế, Nam truyền Tiểu thừa, Tỳ kheo và Sa di không đeo đồng hồ tay nguyên nhân là do đây. Hiện nay, các nơi theo Phật giáo Đại thừa, Tỳ kheo đi ra nước ngoài được đón tiếp và được quàng vòng hoa theo thể thức Hạ Uy Di lên cổ, đây là việc không phù hợp với người xuất gia. Theo nghĩa rộng, “không đeo tràng hoa thơm” ở đây bao quát cả nghĩa không mặc y phục hoa lệ cao quý và màu sắc tươi đẹp, điều này cần phải chú ý. Người xuất gia mặc cà sa (y hoại sắc) là việc của suốt đời. Người tại gia trong 6 ngày Trai trì Bát quan giới trai cũng nên mặc y phục mộc mạc. Vào thời Đức Phật, có một bà quyền uy có tiền tài địa vị lớn lao tên là Tỳ Xá Khư Mẫu. Có một lần bà đi bái kiến Đức Phật, đi đến gần cửa Tịnh xá Kỳ Viên, bà mới nhớ ra những đồ trang sức trên thân đều là vòng hoa anh lạc chiếu sáng ngời. Bà biết rằng đi bái kiến Đức Phật không nên như thế, nhưng trở về nhà cởi đồ trang sức cũng không tiện, bà liền tùy tiện cởi vòng hoa anh lạc bỏ dưới gốc cây trong tịnh xá, mộc mạc không trang sức đi bái kiến Đức Phật. Do đây đủ thấy đệ tử vì cung kính Đức Phật, nên chẳng dám trang sức xinh đẹp đến bái kiến Ngài. Chúng ta vì liễu thoát sinh tử mà thọ Bát quan giới trai, không nên trang sức đẹp đẽ vậy.

Dùng dầu thơm xoa thân vốn cũng là tập tục ở Ấn Độ. Xứ Ấn Độ thuộc miền nhiệt đới, da cần phải luôn luôn trơn ướt, vì thế người có tiền bất luận là nam hay nữ đều có thói quen xoa dầu. Cho nên xoa dầu cũng là làm cho thanh khiết. Tỳ kheo và Tỳ kheo ni vốn không được phép xoa dầu, nhưng khi bệnh Phật cũng cho xoa dầu, điều này thường thấy ở trong luật, cho nên biết dùng dầu xoa thân là việc bình thường. Nhưng người thế tục, hơn nữa là người có tiền đều dùng dầu có chất trơn thượng đẳng. Người đã sống cuộc đời xuất gia chẳng nên dùng chất thơm (hương liệu) xoa thân. Ngày nay trên thị trường có bán nước hoa, xà bông thơm, phấn

thơm, son thơm, sáp thơm, dầu thơm, ở ngay ngày thọ Bát quan giới trai tất cả những thứ đó chẳng nên sử dụng (nếu như Tỳ kheo, Tỳ kheo ni dùng chất thơm xoa thân, ấy là hiện tượng trì giới không thanh tịnh) Hai điểm kể trên người nam so với người nữ dễ trì hơn. Tâm lý thích đẹp của người nữ là do bẩm sinh, nhưng chẳng nghe nói:”Người nữ trang điểm cho đẹp là vì muốn cho người nam yêu mình”. Người nữ làm đẹp dung mạo của mình là vì cầu sự ái mộ và quan tâm của người nam, trong đó có ý khêu gợi dẫn dụ dâm dục bên trong, vì thế Đức Phật dạy hàng đệ tử tại gia trong ngày thọ Bát quan giới trai phải buông bỏ toàn bộ những thứ ấy. Nếu nói vì lý do giao tế và thù tạc mà không bỏ được, thì ông cứ lựa ngày không có giao tế và thù tạc mà thọ Bát quan giới trai, chớ không nên thọ rồi lại phạm, bởi công đức thọ giới đã lớn, mà tội phạm giới còn lớn hơn.

Vì thế người tại gia ở nước Thái Lan gọi 6 ngày trai là ngày “Phật nhật thọ bát quan giới trai”. Một ngày một đêm ấy họ chẳng về nhà, ban đêm quán y ngủ ở bốn phía Phật điện (xem Thái Tăng An Cư Ký của Pháp sư Tịnh Hải).

Đôi với sự vận dụng chất thơm (hương liệu), trong luật cũng chỉ dạy bôi ở trong Phật điện, bôi ở trong Tăng phòng, hoặc vì trong phòng có mùi hôi thúi cũng có thể xông đốt các loại hương thơm. Như bệnh mắt, bệnh ghẻ, thầy thuốc ra toa bảo phải dùng chất thơm làm thuốc và nếu chẳng dùng chất thơm thì không trị lành bệnh được thì mới có thể dùng. Ngày này gần như rất ít dùng chất thơm thoa ghẻ, cho nên cũng không cần thiết khai giới này.

Ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, nói theo pháp thế gian là vui chơi, con người đối với sự vui chơi không thể thiếu được. Loài người từ thời Thượng cổ đã có ca hát và nhảy múa giản đơn. Vì sự vui chơi là một thứ sản vật làm quân bình sinh hoạt của loài người, cho nên từ xưa đến nay các dân tộc trên thế giới đều coi trọng sự vui chơi. Nhưng phạm vi của sự vui chơi rất rộng, có thiện và bất thiện. Vì thế, xã hội hiện nay cần đề xướng sự vui chơi chính đáng mà hạn chế sự vui chơi không chính đáng. Sự vui chơi có ích cho thân tâm con người là chính, là thiện; có hại cho thân tâm con người là tà, là ác. Cho nên cổ Thánh tiên Hiền ở Trung Quốc phải chế lễ làm nhạc :”Lễ là dưỡng vậy”. Mục đích của lễ là để bồi dưỡng tánh trung chính, hòa bình cho quốc dân, là vì phát dương nhân tính, đề cao nhân cách mà thiết lập. ”Nhạc là vui vậy, vui thì an, an ắt lâu dài”. Mục đích của nhạc là để hỗ trợ đào luyện tính hòa bình an lạc cho quốc dân, là vì trên dưới hòa kính, lớn nhỏ hòa thuận, làng xóm hòa thân nên thiết lập. Thật ra hai môn lễ nhạc dùng xen

lẫn nhau mới có thể sinh ra hiệu quả kính thuận, hòa lạc. Có nhạc có lễ thì tuy nhạc mà không đi vào dâm loạn. Có lễ có nhạc thì tuy lễ mà không kẹt vào cứng nhắc. Nhân đây, giá trị của sự vui chơi có thể đạt thành mục đích cải thiện dân tộc. Như thế, tại sao Phật giáo chúng ta lại dạy người “không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật”?

Lý do là vì hướng về xuất thế. Đã hướng về xuất thế thì không còn tâm tình gì để hưởng thụ sự vui chơi của thế gian. Thái độ của người xuất thế không để cho tâm thuận với thế tục hoành hành, bằng không thì cũng chẳng thành thái độ của người xuất thế. Đã cầu xuất thế, không nên lại đem lý do rộng độ chúng sinh ra để tùy thuận thế tục. Nếu chưa chứng nhập Thánh quả, Thánh vị, chỉ khoác lác nói tùy thuận thế tục rộng độ chúng sinh thì ông sẽ bị thế tục cuốn trôi. Trôi xuôi theo dòng thế tục đó là sự thật, còn việc rộng độ chúng sinh quyết chắc là khó làm đến. Vì thế trong Du già Bồ tát giới, Bồ tát vì độ chúng sinh có thể khai mở 7 chi tội, tuy phạm giới mà vẫn có công đức, song vẫn có quy định rõ: “Bồ tát xuất gia vì hộ trì Thanh văn khiến cho lời răn dạy của Phật không bị hoại diệt”. Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Bồ tát Địa thượng, (từ Sơ địa trở lên) vì độ chúng sinh có thể khai thập ác, tuy phạm thập ác nhưng vẫn nhiều công đức”. Trong Căn Bản Tọa Sự quyển 38 nói: “Đức Phật vì muốn độ nhạc thần Càn thác bà Vương Thiện Ái, Ngài cũng đi lên Trời tấu đàn không hầu lưu ly ngàn dây”. Bát quan giới trai đã là giới xuất thế (bản chất giống như giới xuất gia). Chúng ta đã chẳng phải là Thánh vị Bồ tát Địa thượng, vì cầu giải thoát sinh tử, thì ngày trì trai không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, không hưởng thú vui thanh sắc, ai nói là không nên?

Đương nhiên, Đức Phật cũng không ngăn cấm sự ca múa và biểu diễn các môn nghệ thuật của đệ tử tại gia. Vì cúng dường Tam bảo, người thế tục có thể ca múa để phụng hiến, điều này ở trong Kinh điển Đại thừa, Tiểu thừa đều có ghi chép. Chỉ lấy sự tán dương công đức Tam bảo làm điều kiện tiên quyết bằng không thì chẳng được diễn tấu trước Tam bảo. Người thời này Phật hóa điện ảnh, Phật hóa ca khúc, Phật hóa hí kịch để hoằng dương Phật pháp, tuy chẳng trái với Phật chế, nhưng người xuất gia quyết không nên tham dự diễn xuất. Nếu trong tự viện, do người thế tục trình diễn ca múa thuộc về tán dương công đức Tam bảo và lúc trình diễn dành riêng cho người xuất gia xem thì Đức Phật cho xem. Nếu đến nơi rạp để xem ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, đức Phật tuyệt đối ngăn cấm. Các lý do như sau:

1. Sự ca múa ở rạp hát tốt xấu không đồng, người lấy sự vui chơi làm thương nghiệp, vì giá vé vào cửa mà diễn xuất theo thị hiếu tình ái thấp hèn là điều rất bình thường.
2. ÔU rạp hát người đến xem gồm có nam nữ lẫn lộn đủ hạng người.
3. Sinh hoạt của người xuất gia phải lấy nhiếp tâm nhàn tịnh làm chức nghiệp và chí nguyện phải lấy thiền định, tụng kinh, thính pháp làm việc chính yếu.
4. Người xuất gia phục sức hình dạng khác với người thế tục để bị người thế tục chú ý, chê bai.

Với bốn lý do này, người tu hành có nên đi vào rạp hát không? Người thợ Bát quan giới trai có thể không quan hệ đến điểm thứ tư song rất mật thiết quan hệ với ba điểm trước. Nhưng tôi xem thấy Pháp sư Tịnh Hải nói về sinh hoạt của các thầy Tỷ kheo nước Thái Lan, họ có thể xem truyền hình, có thể nghe ca hát trong máy thu âm. Căn cứ vào Phật chế, truyền hình cho họ xem phải có quan hệ đến tiết mục giáo hóa của Phật giáo, họ nghe ca hát trong máy thu âm, cũng phải là ca hát để tán tụng Tam bảo. Nước Thái thật tình như thế nào? Tôi chẳng được biết.

Liên quan đến nội dung của “Ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật”, giới khinh cầu thứ 33 của Phạm *Võng Bô tát* Giới nói “*Chẳng được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng v.v...cho đến bói xù*”.

Đại sư Ngẫu Ích trong Sa Di Thập Giới Oai Nghi Lục *Yếu chú thích rằng*: “*Xương khúc ngâm thơ gọi là ca, tay chân nhảy múa gọi là vũ. Thổi tiêu, đàn cầm, chơi cờ, đánh bạc, nghề thuốc, nghề bói, xem sao, bắn tên, đua ngựa, đánh kiếm đều gọi là xướng kỹ (biểu diễn các bộ môn nghệ thuật)*”.

Từ đó có thể rõ nội dung của không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật là bao quát, tất cả ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật chẳng có đến xem nghe là nói chỉ cần không có ý đi xem, đi nghe; nếu như ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật đi ngang qua trước mắt thì không phạm giới. Nhưng chẳng được nhân vì ngẫu nhiên ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật đi ngang qua trước mắt lại dừng chân xem nghe hoặc đi theo xem nghe. Ở đây phải chú ý là cũng không được đi xem cảnh náo nhiệt ở đầu đường hoặc trong hẻm.

Điều thứ 7: Không được ngồi nằm trên giường lớn cao rộng.

Chữ giường (sàng) dùng trong luật, người Trung Quốc có thể không hiểu rõ. Vì giường của người Trung Quốc là chuyên dùng để nằm ngủ, còn ở Tây Vực (Ấn Độ) nghĩa của chữ giường rất rộng, dùng để ngồi cũng gọi là giường. Giường có lớn, nhỏ, cao, thấp, bất đồng, có cái cao lớn đến nỗi phải nhờ người khiêng, có cái thấp nhỏ chỉ cần dùng một tay cũng dời đi chỗ khác được. Do đó, giường có thể hai người cho đến vài người dùng ngồi nằm, có giường chỉ có ngồi mà không nằm được. Cho nên chữ sàng (giường) và chữ tòa trong kinh Phật thường dùng chung, như nói thân làm sàng tòa khắp đại thiên thế giới. Trong kinh thường nói Đức Phật “trải tòa ngồi” nhưng cũng có chỗ nói “trải tòa nằm” như trong Tỳ Nại Da quyển 4: “Bây giờ Đức Thế Tôn xếp làm tư cái y Bích ưu đa tăng (y thất điều) trải trên giường (tòa), dùng y Tăng già lê (y cửu) gói đầu, nằm nghiêng bên hông phải trên tòa sư tử, hai chân duỗi thẳng chùng lên nhau”. Lại như “tòa sàng đại điện” của Đạt Lai Lạt ma và Ban Thiên Lạt ma ở Tây Tạng thật ra cũng là “thăng tòa đại điện”, gọi là “kim sàng” cũng tức là bảo tòa.

Sau khi rõ được nghĩa chữ sàng, chúng ta có thể giải thích là “giường lớn cao rộng”. Đại sư Ngẫu Ích trong *Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu* chú thích rằng: “Giường chân cao 6 thước 4 tấc (tàu), lúc ngồi chân phải chấm đất, quá lượng này gọi là cao. Chỉ có thể cho thân nghiêng qua nghiêng lại, nếu quá lượng này gọi là rộng. Đã cao lại rộng gọi là lớn”.

Đây là căn cứ điều 84 của Pháp Đơn Tuỳ trong Tứ Phần Tỳ kheo giới mà ra.

Chỉ có hưởng thụ vật chất đạm bạc mới có thể đề cao lãnh vực tinh thần. Chỉ có sinh hoạt vật chất giản đơn mới có thể dưỡng dưỡng tinh tấn nơi đạo nghiệp. Đã hướng về cảnh giới xuất thế, tự nên buông bỏ sự tham đắm của cảm quan. Vật dụng nuôi thân càng tốt đẹp, chúng ta càng bị nó chi phối, thậm chí còn tha thiết yêu thích giữ gìn nó hơn đạo tâm của mình. Vật dụng nuôi thân càng cao quý, tâm chúng ta càng vì nó mà sinh ra kiêu căng ngã mạn. Một khi tâm kiêu căng ngã mạn xuất hiện, đạo tâm chạy mất không còn tung tích. Vì thế, Ngài Quốc sư Ngộ Đạt đời Đường, nhân thọ toà báu trầm hương, một niệm tâm danh lợi nổi dậy mà phải chịu quả báo ghê mặt người.

Lại nói, trên giường chạm trổ sơn vẽ, màn trướng lụa là, gói thêu, mền gấm... đều kể là cao quý. Nếu lại thêm giường rộng rãi cao lớn, thử hỏi thứ đó đối với người

tu hành có thích hợp không? Một người ngủ trên chiếc giường vừa đẹp vừa lớn như thế thì có những phản ứng tâm lý nào, cũng có thể tự suy nghĩ biết.

Người tại gia ngày thọ Bát quan giới trai, nam nữ vợ chồng phải ngủ riêng giường, riêng phòng. Nếu trong nhà chỉ có cái giường đôi to lớn, không có giường nhỏ cho một người nằm, phải sắm cái giường nhỏ một người nằm để chuẩn bị cho 6 ngày trai.

Năm chúng xuất gia đối với điều này còn có quy định chặt chẽ hơn, ở đây không nêu ra.

*Điều 8: Không ăn phi thời.*

Đoạn trước đã nói một điều quá giữa ngo không ăn rất quan trọng trong Bát quan giới trai và cũng là điều chủ yếu. Thọ Bát quan giới trai mà chẳng trì “không ăn phi thời” thì chẳng thể vì người thế tục làm Bát giới A xà lê (sư). Người chẳng suốt đời trì “không ăn phi thời” thì không được làm Bát giới A xà lê truyền Bát quan giới trai cho người thế tục, và cũng chẳng được làm Hoà thượng Sa di giới cho đến Hoà thượng Tỳ kheo giới. Sa di chẳng trì “không ăn phi thời” chẳng được thọ Tỳ kheo giới, đây là điều rất nghiêm chính.

Ở Ấn Độ vào thời đức Phật tại thế, ngoại đạo Bà la môn đều trì “không ăn phi thời”.

Xá Lợi Phất vấn, Đức Phật nói các Bà la môn không ăn phi thời, ngoại đạo Phạm Chí cũng không tà thực. Sau giữa ngo không ăn, thân tâm đều được nhẹ nhàng sáng khoái, tạp tưởng vọng niệm cũng được giảm bớt.

Không ăn phi thời là nói qua sau giữa ngày, trừ uống nước ra, không được ăn vật gì nữa. Người thế tục không quen sau giữa ngày không ăn, đến chiều tôi bị đói khó chịu mà thêm phiền não, thậm chí thành ra bệnh đau bao tử. Về điểm này tôi xin khuyên: Nếu vạn bất đắc dĩ, bạn có thể ăn đường cho đỡ đói, có thể uống nước trái cây, nhưng trước tiên phải lóng trong hoặc lọc cho sạch cặn, không được ăn cái của trái cây. Nếu bạn chịu đựng nổi, một tháng chỉ có sáu ngày, vì sao chẳng dừng cảm chịu đựng một phen! Như nói dinh dưỡng chẳng đủ, ấy là quá lo xa, quân nhân Trung Quốc lúc ở Đại Lục mỗi ngày chỉ ăn hai bữa, cũng chưa thấy ai chết đói. Nói đến tình hình và lý do của vấn đề này một cách rõ ràng kỹ lưỡng, tôi có

viết một thiên “Quy chế ăn uống của Phật giáo” trong quyển Phật giáo Chế Độ và Sinh hoạt (từ trang 106-150) độc giả có thể tham khảo.

---o0o---

## ***Chương 2 : Ngày Lục Trai Và Giới Trai Thanh Tịnh***

### **I. NGÀY LỤC TRAI LÀ GÌ?**

Đoạn trước đã nói, các ngày mùng 8, 14, 15, 23 và 2 ngày cuối tháng âm lịch là ngày lục trai. Trong 6 ngày này, người thế tục nên thọ trì Bát quan giới trai.

Không ăn phi thời là điều Phật giáo và ngoại đạo cùng thực hành, ngày lục trai cũng là điều Phật giáo và ngoại đạo cùng thủ trì. Ở đây chúng ta cần phải hiểu rõ Phật pháp và ngoại đạo trong nhiều quan niệm về pháp nhân thiên có thể tương đồng. Ngoại đạo tuy không sâu rộng bằng Phật pháp, nhưng nhận thức của ngoại đạo trong pháp nhân thiên có nhiều điểm Phật giáo có thể thừa nhận. Chỉ cần là đúng chánh pháp, thì dù ngoại đạo nói vẫn phải được tôn trọng. Nếu như không đúng, tuy là Phật tử nói cũng không thể tin. Đây là chỗ vĩ đại của Phật giáo.

Ngày lục trai, Phạn ngữ gọi là Bô sa tha (Posadha), cùng với Bồ tát của Phật giáo (mỗi nửa tháng Bồ tát thuyết giới) đồng một nghĩa là trưởng tịnh, nghĩa là trưởng dưỡng thiện pháp, thanh tịnh phạm hạnh. Kỳ thật, Tỳ kheo nửa tháng Bồ tát thuyết giới cùng với 6 ngày trai có quan hệ rất sâu xa, như Tát Bà Đa Bộ Tỳ Ni Ma Đắc Lạc Già quyển 6: “Các ngoại đạo ở thành Vương Xá ngày mùng 8, 14, 15, tập họp một chỗ tụng Kinh được nhiều lợi dưỡng, quyền thuộc thêm đông. Bình Sa Vương tin Phật pháp Tăng đi đến chỗ Phật... Phật nói cho các Tỳ kheo ngày mùng 8, 14, 15, tập họp một chỗ tụng kinh thuyết pháp”. (Ấn Độ đương thời đem một tháng chia làm 2 tháng gọi là bạch nguyệt và hắc nguyệt, mỗi tháng chỉ có 15 ngày từ 1 đến 15, không có 16 đến 30). Đến việc Bồ tát, nguyên nhân cũng vì “các ngoại đạo Phạm chí ở thành Vương Xá mỗi tháng 3 lần tập họp, những người quen biết quây quần cúng dường thức ăn uống. Phật khuyên Bình Sa Vương đặt pháp chế, có Tỳ kheo thuyết pháp cho bạch y, bạch y thí thực cho Tỳ kheo, nguyên mỗi tháng 2 lần, dần dần tăng lên 6 ngày trai, 8 ngày trai (xem Phật học Đại Từ điển, trang 862 của Đinh Phúc Bảo) cho đến tăng lên 10 ngày trai.

Đủ thấy việc nửa tháng Tỳ kheo Bồ tát 1 lần và nửa tháng 3 lần thọ bát của Bát giới đồng phát xuất từ một nguyên nhân.

Vậy vì sao phải chọn 6 ngày này làm ngày trai?

Kinh Đại Bát Nhã quyển 14: “Sáu ngày trai trong tháng là mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30, chư thiên hội họp”. Kinh Tứ Thiên Vương ghi: “Ngày trai chư Thiên xem xét người thiện ác: Tu Di Thiên Vương tức là đệ nhị thiên, Thiên đế tên Thích Đề Hoàn Nhân phước đức vòi vọi, Đỉnh chủ tứ thiên, Tứ thiên Thần vương, tức là Nhân Tứ Trấn Vương mỗi người quản một phương, thường thường mỗi tháng vào ngày mùng 8 sai sứ giả xuống đi khắp thiên hạ dò xét đế vương, thần dân, long quy, các loài côn trùng, tâm nghĩ miệng nói thân làm thiện ác. Ngày 14, sai Thái tử xuống; ngày 15, Tứ Vương xuống; ngày 23, Sứ giả xuống; ngày 29, Thái tử lại xuống; ngày 30, Tứ vương tự xuống”.

Luận Đại Trí Độ quyển 13, hỏi: “Vì sao ngày lục trai phải nên thọ giới, tu phước đức?”

Đáp: “Những ngày ấy ác quỷ theo người muốn đoạt mạng người, tật bệnh hung suy khiến người không an, cho nên từ kiếp sơ, Thánh nhân dạy người trì trai tu phước để tránh hung suy”.

Về nguyên do của 6 ngày trai có nhiều truyền thuyết, trong các bộ kinh phần nhiều nói giống nhau, Luận Đại Trí Độ nêu ra rõ ràng nhất; nếu thích, bạn có thể tham duyệt Đại Chánh Tạng tập 25 trang 60.

Luận Tỳ Bà Sa quyển 41: “Thường thường vào ngày 14, hoặc ngày 15 của bạch nguyệt, hắc nguyệt mỗi tháng, Tam thập tam thiên tập họp ở Thiên Pháp đường đánh giá thế gian thiện ác nhiều ít. Thấy người làm thiện ủng hộ, thấy người ác làm thì cùng nhau ghét bỏ”.

Chúng ta không cần nêu ra thêm nữa, thật ra mục đích ta trì giới trai chẳng phải sợ thiên thần đến dò xét thiện ác, chẳng phải sợ bệnh tật hung suy, cũng chẳng sợ thiên thần ghét bỏ, mà là vì gieo trồng cái nhân xuất thế. Nhưng trong mỗi tháng đã có 6 ngày này là trọng yếu hơn các ngày khác, vì thế Đức Phật cũng chọn 6 ngày này làm ngày trai của Bát quan trai giới. Tuyệt chẳng phải nói chỉ có 6 ngày này mới có thể làm ngày trai. Và cũng chẳng phải nói: chỉ có 6 ngày trai này phải nên trì giới trai, các ngày khác chẳng nên làm ngày giới trai.

Nhân vì thọ trì giới trai, mỗi ngày thọ trì, mỗi ngày đều có công đức. Sáu ngày trai chỉ trì một ngày cũng có công đức một ngày. Nếu chẳng trì giới trai, lại tạo ác



nghiệp, bình thường làm ác còn phải chịu khổ báo, huống chi 6 ngày trai làm ác, cố nhiên đắc tội. Đức Phật cũng dùng 6 ngày như ngoại đạo Ấn Độ, nhưng lại khuyên đệ tử tại gia thọ trì giới trai. Đây cũng là một thứ phương tiện khéo léo.

---o0o---

## II. THẾ NÀO LÀ GIỚI TRAI THANH TỊNH?

Bát quan trai giới chỉ có 8 điều, song muốn thọ trì thanh tịnh thật cũng chẳng phải dễ. Thân chẳng làm ác: Không sát sinh, không trộm cướp, không dâm dục, không đeo tràng hoa thơm, không xoa dầu thơm, không ca múa và biểu diễn các môn nghệ thuật cũng không cố đến xem nghe, không nằm giường lớn cao rộng. Miệng chẳng làm ác: Không vọng ngữ, không uống rượu, không ăn phi thời. Những điều này chỉ cần quyết tâm làm thì cũng có thể làm được. Đến như muốn cho ý không nghĩ ác mới rất là khó. Rất khó không chế vọng niệm cuộn cuộn nổi dậy bất duyệt, tâm chí lơ lửng một chút không tập trung, vọng niệm liền thừa kẽ hở xen vào. Trong vọng niệm có thiện, có ác, có vô ký; thiện thì không hại, vô ký cũng không tổn bao nhiêu, chỉ có ác niệm như niệm sát sinh, niệm trộm cướp, niệm dâm dục, niệm vọng ngữ, niệm uống rượu, cho đến niệm ăn phi thời, chỉ cần một niệm khởi, bất luận quá khứ, niệm vị lai đều là trai không thanh tịnh, chỉ vì chưa phát ra hai nghiệp thân miệng nên chưa phải là phá giới.

Nếu có người chuẩn bị ngày mai thọ trì Bát quan trai giới cho rằng ngày mai chẳng thể làm các việc sát sinh, trộm cướp, dâm dục cho đến chẳng thể ăn phi thời, nên hôm nay cố ý phóng túng một phen. Người như thế, ngày mai tuy có thể thọ trì giới trai thanh tịnh cũng không kể là thanh tịnh. Hoặc có người hôm nay thọ trì Bát quan trai giới thanh tịnh lại cố ý ngày mai làm các việc sát sinh, trộm cướp, dâm dục cho đến chuẩn bị ăn phi thời, cũng không kể là thanh tịnh. Người trì giới trai quý ở tâm là niệm xuất ly thế gian, quý ở sự buông bỏ ràng buộc của ngũ dục. Nếu tâm không thanh tịnh, trai sẽ không thanh tịnh, đâu có thể ôm tâm tham đắm ngũ dục thọ trì giới trai!

Do đó, Phật ở trong kinh Ưu bà Tắc giới quyển 5 có nói: “ Nếu muốn thọ trai, trước hết phải dạy ngăn các điều ác mới được thành tựu. Nếu trước chẳng ngăn điều ác mà thọ trai thì không gọi là đắc trai”. Đủ thấy trước khi thọ trai, chẳng những phải chuẩn bị thân tâm thanh tịnh, lại còn phải chính miệng mình nói với người khác để cho người khác cũng biết mình thọ trì giới trai.

Làm thế nào để được giới trai thanh tịnh?

Đại sư Ngẫu Ích ở cuối quyển Ưu bà tắc Ngũ Giới Tướng Kinh Tiên Yếu nói: “Ngày trai giới không được đánh chúng sinh, không được thân miệng làm việc mất oai nghi, không được khởi các phiền não tham dục, sân nhuế, tà ác, lại cần phải tu lục niệm. Bốn điều cấm kể trên nếu phạm, tuy không phá trai nhưng trai giới cũng không thanh tịnh”.

Sáu ngày trai thọ Bát quan giới trai vì đề phòng vọng niệm sinh tử, vì tăng công đức giới trai, phương pháp tốt nhất là chuyên trì lục niệm.

1. Niệm Phật: Phật là đấng Đạo sư từ bi, pháp môn niệm Phật trừ được ngu si. Niệm thật tướng Phật trừ được ác ý. Niệm tướng hảo Phật trừ được thói quen giận hờn.

2. Niệm Pháp: Pháp là mẹ của chư Phật, pháp của Phật nói ra vô lượng vô biên, dùng 37 đạo phẩm có thể tuần tự tiến lên hoàn thành sự tu chứng, vì thế nên niệm 37 đạo phẩm, nội dung như sau:

- Tứ niệm xứ: Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.

- Tứ chánh cần: Ác chưa sinh không cho sinh, ác đã sinh phải diệt, thiện chưa sinh phải làm cho sinh, thiện đã sinh phải làm cho tăng trưởng.

- Tứ như ý túc: Dục (hâm mộ pháp tu trì), niệm (nhất tâm chánh trụ niệm sở quán), tinh tấn (tu tập không biếng nhác), huệ (tư duy tâm không tán loạn).

- Ngũ căn: Tín (tin vào chánh đạo), tinh tấn (siêng năng cầu đạo không dừng), niệm (nhất tâm quán tưởng), định (nhất tâm tịch định), huệ (tánh bên trong tự chiếu soi)

- Ngũ lực: Do ngũ căn mà phát sinh ra 5 thứ lực lượng phá trừ năm chướng: Tín lực phá trừ phiền não, tấn lực phá trừ biếng nhác, niệm lực phá trừ tà tưởng, định lực phá trừ vọng tưởng, huệ lực phá trừ tất cả tà ngoại.

- Thất giác chi: Niệm (suy niệm tu các đạo pháp để cho định huệ quân bình), trạch pháp (dùng trí giải trạch sự chân ngụy của pháp), tinh tấn (dùng tâm đồng mãnh liệt tà hạnh, hành chánh pháp), hỷ (tâm được pháp thiện liền sinh hoan hỷ), khinh

an (đoạn trừ sự thô trọng của thân tâm, thân tâm nhẹ nhàng thơ thới), định (tâm trụ một cảnh), hành xả (xả bỏ các sai lầm, xả bỏ tất cả pháp).

- Bát chánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh định, chánh niệm, chánh mạng.

3. Niệm tăng: Căn cứ vào Kinh Phật Thuyết Trai, Tăng là phước điền của Trời, người, ở nay nói niệm Tăng là niệm Chân thật Tăng hoặc Thắng nghĩa Tăng là Thánh Tăng tứ song bát bối chứng đắc được tứ quả và Tứ hướng quả. Nhưng đối với Tỳ kheo phạm phu Tăng, cũng phải cung kính cúng dường. Ở đây nói niệm là niệm công đức của Tăng. Vì thế, muốn niệm Thắng nghĩa chân thật Tăng, ngày thường y chỉ học tập vẫn phải lấy thế tục Tăng trì giới biết hổ thẹn làm chủ. Nhân vì Phạm ngữ: Tăng già (Sangha) nghĩa là Hòa hợp chúng, hoặc dịch là chúng. Ở Ấn Độ, 4 người trở lên gọi là chúng; vì thế, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni từ 4 người trở lên có thể gọi là Tăng già. Người thế tục, từ 4 người trở lên cũng có thể gọi là Tăng già, do đó đệ tử Phật nói chung phân ra làm 7 chúng cho đến 9 chúng. Vì thế Kinh A Hàm có đem “quy y Tăng” dịch thành “quy y chúng”. Nhân đây có người cho rằng: Đã gọi là quy y chúng đâu cần quyết định quy y người xuất gia? Thật ra, đây là một lập luận sai lầm, mang tội rất lớn. Vì Đức Phật chưa từng nói quy y Tăng tức là quy y chúng tại gia, mà lúc nào cũng nói: “Quy y Tỳ kheo Tăng”. Khi mới thành đạo, Phật chưa độ Tỳ kheo Tăng, nhưng khi độ đệ tử tại gia, Ngài cũng dạy cho họ quy y Tỳ kheo Tăng vị lai. Đây chính là điều chứng minh quan trọng hơn hết. Vì có nơi hiểu lầm định nghĩa của chữ Tăng, nên ở đây tôi nói thêm cho rõ.

4. Niệm thiên: trên cõi trời sống lâu an lạc, nhân vì thọ trì công đức ấy cảm được thọ báo sinh lên đệ lục thiên của Dục giới, nếu nhất tâm niệm, được quả báo sinh lên trời sống lâu an lạc.

5. Niệm giới: Trì giới ba nghiệp được thanh tịnh. Bát quan trai tuy chỉ 8 điều, nhưng phạm vi của sức giới có thể lớn đến vô cùng vô cực, trì một giới sát là có thể ở trên một phần tất cả chúng sinh được công đức không sát sinh; ngoài ra, các giới khác cũng có thể theo đây đoán biết. Cứu cánh của Bát giới cũng gồm đủ Định cộng giới (do Định khai phát nên gọi là Thiên giới, do định lực tự nhiên không phạm gọi là Định cộng giới), Đạo cộng giới (chứng được thánh quả lên thánh vị, tuy không thọ giới, trì giới cũng có thể cùng giới tương ưng là luôn luôn thanh tịnh, cho nên gọi là đạo cộng giới). Nhân vì ngũ giới là nền tảng của tất cả giới cho

nên công đức lớn nhỏ tùy theo sự phát tâm mà được, nếu dùng tâm Bồ tát trì ngũ giới; ngũ giới tức thành đại thừa giới, còn nếu cầu phước báo nhân thiên mà trì Bồ tát giới thì Bồ tát giới cũng đồng như ngũ giới.

6. Niệm thí: Cứu giúp tất cả người nghèo. Nghèo nàn có 3 thứ: Nghèo nàn về của cải, nghèo nàn về phương pháp tu phước tu đạo, nghèo nàn về kiến thức làm người xuất thế. Vì thế, Bồ thí cũng có 3 thứ: Bồ thí tài vật, bồ thí pháp, bồ thí vô úy. Tài vật làm cho sinh hoạt vật chất chúng sinh cải thiện. Phật pháp làm cho sinh hoạt tinh thần của chúng sinh sung mãn. Vô úy làm cho chúng sinh kê vai gánh vác đạo nghĩa, chọn thiện mà theo, dũng mãnh tiến tới. Căn cứ vào sự giải thích của Luận Trì Độ: “Người trì giới không phạm tài vật của người còn đem tài vật của mình thí cho người khác gọi là Tài thí; hay vì người khác thuyết pháp khiến họ khai ngộ đắc đạo gọi là Pháp thí; tất cả chúng sinh đều có tâm sợ chết, người trì giới không có tâm sát hại, hay khiến cho chúng sinh không sợ hãi gọi là Vô úy thí”.

Đoạn văn trên giới thiệu nhiều danh tướng khô khan vô vị, đối với người mới vào cửa Phật mà nói, thì thật là khó khăn. Chỉ đem nội dung của lục niệm phân biệt rành rẽ đã chẳng phải dễ, lại thêm cần phải nhất tâm nhất ý niệm pháp lục niệm này lại càng khó hơn. Nhưng đây là một thứ quy định của pháp môn tu Bát quan trai giới, nếu có thể làm đúng như pháp thì tốt lắm. Nếu như dụng công phu lục niệm không nổi thì nên dùng phương pháp trì danh niệm thánh hiệu Phật trong kinh Tiểu thừa, tức là niệm công đức tướng hảo của Phật; hay là niệm Phật trong tông Tịnh độ, đó là chuyên tâm trì niệm thánh hiệu Phật A Di Đà. Nếu có phương tiện khác, tỷ như trì chú, tụng kinh, lễ sám cũng được. Như trong Kinh Địa Tạng Bồ tát Bản Nguyện nói: “Nếu chúng sinh đời vị lại, mỗi tháng vào ngày mùng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30, trong 10 ngày trai này đối trước tượng Phật, Bồ tát, chư Hiền Thánh đọc Kinh Địa Tạng này một lần thì Đông, Tây, Nam, Bắc trong trăm do tuần không có tai nạn, ngay trong gia đình hoặc lớn hoặc nhỏ, hiện tại, vị lai trong trăm ngàn năm hằng lìa đường ác!”. Chúng ta thấy 10 ngày trai là ngoài 6 ngày trai ra còn thêm 4 ngày mùng 1, 18, 24, 28. Mười ngày này nên đọc tụng Kinh Địa Tạng thì 6 ngày trai cũng nên đọc tụng Kinh Địa Tạng.

Trong Kinh Dược Sư cũng nói: “Thọ bát phần trai giới lại phải nên niệm công đức bản nguyện của đức Như lai (Dược Sư), đọc tụng kinh (Dược Sư) này, tư duy nghĩa lý, diễn nói khai thị”. Do đây chứng minh ngày thọ trì bát giới có thể tụng

kinh. Nguyên do của 6 ngày trai là Bình Sa Vương thỉnh Phật thuyết pháp trong 6 ngày này để thấy trung dẫn ở trên.

---o0o---

### ***Chương 3 : Điều Kiện Và Cách Thọ Bát Quan Giới Trai***

#### **I. CHỈ CÓ LOÀI NGƯỜI MỚI ĐƯỢC THỌ GIỚI**

Trong Tát Bát Đa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa quyển 1 nói: “Phạm đặc giới Ba la đề mộc xoa, trong ngũ đạo chỉ có nhân đạo (người) đặc”. Bát giới cũng là giới Ba la đề mộc xoa, cho nên trừ loài người ra, chúng sinh loài khác cho đến thiên nhân cũng không đặc giới. Tuy nhiều chỗ trong kinh có nói: Long (loài rồng) thọ trai pháp với thiện tâm công đức, nhưng không đặc giới. Lại nói: “Trong bốn loài người, một là nam, hai là nữ, ba là huỳnh môn, bốn là người hai căn, chỉ có nam, nữ đặc giới”. Đó là muốn nói ở trong loài người, chỉ có nữ, nam sinh lý bình thường mới có thể đặc giới.

---o0o---

#### **II. NGƯỜI PHẠM TỘI NGŨ NGHỊCH, PHÁ TỊNH GIỚI KHÔNG ĐẶC GIỚI**

Trong Tát Bà Đa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa quyển 1 nói: “Trong nam nữ như vậy, nếu người giết cha, giết mẹ, giết A la hán, làm thân Phật chảy máu, phá chuyển pháp luân Tăng (5 điều trên là ngũ nghịch), ô Tỳ kheo ni, tặc trụ (người phi pháp mà trụ trong Tăng), việt tế nhân (người xuất gia vì sinh hoạt chứ chẳng phải vì Phật pháp), đoạn thiện căn, những người này thường không đặc giới”.

Trong Kinh Bồ tát Ngũ Giới Tướng nói: “Người phạm đến người tịnh giới của đệ tử Phật, tuy không có tội phạm giới, nhưng sau đó vĩnh viễn không được thọ ngũ giới cho đến xuất gia thọ Cụ túc giới”. Người tịnh giới là chỉ cho người chủ trì giới không dâm. Nếu dụ dỗ cưỡng bức người kiên trì giới không dâm cùng hành dâm gọi là phá tịnh giới người. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa ma, Sa di, Sa đi ni, Ưu bà tắc và Ưu bà di trong các ngày thọ trì Bát quan giới trai đều chẳng nên làm cho các vị ấy phá giới. Bằng không, chính mình vĩnh viễn không có tư cách thọ bất cứ Phật giới nào. Nhưng thông thường đều lấy phá tịnh giới nữ ni làm trọng yếu, nhưng phá tịnh giới của người nam cũng không phải là tầm thường. Trong Thập

Tụng Luật quyển 40 có ghi một đoạn như vầy: Lúc Phật ở nước Xá Vệ, có một người Bà la môn sinh một người con gái diện mạo xinh đẹp tên là Diệu Quang, về sau cô nói với vị Sa môn Bà la môn khát thực ở nhà cô rằng: “Hãy cùng tôi hành dâm”. Do vì tội của lời nói này mà khi chết cô bị đọa ác đạo ở phương Bắc của nước kia sinh làm dâm long (con rồng nhiều dâm dục). Đây mới chỉ dụ dỗ Sa môn Bà la môn cùng nàng hành dâm, chứ chưa thật sự phá tịnh giới người khác; mà còn bị đọa làm dâm long.

---o0o---

### III. THỜI HẠN THỌ TRÌ

Về thời hạn thọ trì Bát quan trai, trong các Kinh Luật nói không giống nhau. Trong Tát Bà Đa Tỳ Ny Tỳ Bà Sa quyển 1 nói: “Hỏi: Pháp thọ Bát giới được 2 ngày, 3 ngày, thọ cho đến 10 ngày, thọ một lần một được không?. Đáp: Phật vốn chế định một ngày một đêm không được quá hạn. Nếu có sức muốn thọ nữa thì một ngày qua rồi lần lượt thọ lại, như vậy tùy sức nhiều ít chẳng kể số ngày. Lại hỏi: Nếu chỉ muốn thọ trai pháp ban ngày không thọ ban đêm có đắc bát trai không? Nếu chỉ muốn thọ ban đêm mà không thọ ban ngày, có đắc bát trai không? Đáp: Không đắc. Vì Phật vốn cho pháp một ngày một đêm đã có hạn định không thể trái vậy”. Đây là nói Bát giới chỉ có một ngày một đêm, không được mấy ngày liên tiếp thọ, cũng không được chỉ ban ngày thọ mà ban đêm không thọ, hoặc chỉ thọ ban đêm mà không thọ ban ngày. Tuy ở trong Căn Bản Bộ Bì Cách Sự có ghi chuyện Ưc Nhĩ ở đồng nội thấy quả báo của người chỉ thọ trai ban ngày và người chỉ thọ trai ban đêm, nhưng trong Tát Bà Đa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa quyển 1 lại giải thích rằng: “Có người nói đây là vì Ngài Ca Chiên Diên muốn độ Ưc Nhĩ cho nên biến hóa ra để cảm ngộ tâm Ưc Nhĩ chứ chẳng phải là sự thật”.

Nhưng trong Luật Thành Thật nói: “Ngũ giới, Bát giới tùy theo ngày tháng dài ngắn hoặc một năm, một tháng cho đến nửa ngày, nửa đêm, muốn thọ thêm hay giảm bớt đều được”.

Trong Kinh Dược Sư cũng nói: “Có người hay thọ trì bát phần trai giới hoặc 1 năm, hoặc 3 tháng thọ trì học xứ”. Lại nói: “Vì cúng dường Dược Sư Như Lai trước tiên phải tạo lập hình tượng Đức Dược Sư Như Lai, phải 7 ngày 7 đêm thọ Bát phần trai giới”. Đây là nói Bát phần trai giới không nhất định thọ trì vào 6 ngày

tra, thời hạn thọ trì có thể hoặc 1 năm, hoặc 3 tháng, hoặc 7 ngày 7 đêm liên tục thọ trì.

Nhưng chiếu theo văn tự thọ giới của Bát giới mà nói, thì lấy một ngày một đêm làm tiêu chuẩn bình thường là chánh là chủ. Nếu như hoàn cảnh không cho phép, hoặc giả phát tâm liên tục thọ trì, ở gần lại không có người có thể làm Thọ giới sư và để khỏi phải nhọc nhằn qua lại mỗi ngày, cũng có thể thọ trì trong thời hạn 1 năm, 1 tháng, mười ngày, vài ngày.

---o0o---

#### IV. PHƯƠNG THỨC CẦU THỌ GIỚI

Trong Kinh Ưu bà tắc giới quyển 5 nói: “Bát giới này không được hai người cùng thọ một lượt”. Bát giới chỉ được từng người một hướng về Giới sư cầu thọ, nguyên nhân của điều đó căn cứ vào sự giải thích của Luật sư Linh Chi: “Không được nhiều người, đông người lộn xộn tâm chẳng chuyên nhất. Luận rộng về quy giới, thọ riêng từng người là tốt nhất, vì tâm không duyên cảnh khác, pháp không bị lạm dụng”. Đại sư Hoàng Nhất cũng nói: “Ngày nay đông người thọ, đối với lý tuy thông, nhưng rất cuộc thành ra bất lợi”.

Trong Tát Bà Đa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa quyển 1 nói: “Pháp thọ trai phải từ người khác thọ, vậy thọ từ người nào? – Từ bên 5 chúng xuất gia mà thọ”. Kinh Ưu bà tắc giới quyển 5 cũng nói: “chẳng được ở bên tượng Phật thọ, cần phải từ người khác thọ”. Dù thấy Bát giới phải ở trước chúng xuất gia: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa di, Sa di ni cầu thọ. Nhưng trong Luật Thành Thật và Luận Trí Độ cho phép tự thọ. Luận Thành Thật nói: “Nếu khi không có người, chỉ cần tâm nghĩ miệng nói tôi thọ Bát giới cũng được thành thọ”. Nhưng tự thọ cũng phải có điều kiện, như Phạm Võng Bồ tát Giới có thể tự thọ, nhưng cần phải: “ Nếu trong vòng ngàn dặm không có Thọ giới sư, được ở trước hình tượng Phật, Bồ tát thọ giới, nhưng phải thấy hảo tướng (Phật đến rờ đầu, thấy ánh sáng, thấy hoa, các thứ tướng lạ). Nếu như trường hợp có 5 chúng xuất gia truyền Bát giới, đương nhiên phải hướng về 5 chúng xuất gia cầu thọ Bát giới mới tốt.

Thọ Bát giới có thể đến tự viện cầu thọ, cũng có thể thỉnh Giới sư đến tại nhà truyền. Đại sư Ngẫu Ích nói: “Ưu bà tắc thọ trai đến chùa là tiện, Ưu bà di thọ tại

nhà là tiện”. Người nam đi tự viện, người nữ ở tại nhà, song đây không có quy định bắt buộc, chỉ nhìn tình cảnh thực tế tùy duyên cầu thọ bát giới là tốt.

---o0o---

## V. CHUẨN BỊ NGÀY TRAI

Bát giới tuy lấy 6 ngày trai làm lệ thường, song gặp ngày vía Phật, Bồ tát, ngày sinh của mình, ngày chết của cha mẹ, hoặc vì ngày lục thân quyến thuộc làm công đức, và tất cả những ngày kỷ niệm, nhớ ân, tu phước, cầu nguyện, đều nên phát tâm thọ trì Bát giới. Nho gia mỗi khi gặp ngày lễ tế tự lớn cũng có công phu chuẩn bị “Trai giới tắm gội”, như Lễ ký nói: “Trai giới để cáo quỷ thần”. Mạnh Tử cũng nói: “Trai giới tắm gội mới có thể tế tự Thượng đế”. Yù nghĩa trai giới của Nho gia có thể tương thông với Phật giáo, song nội dung lại bất đồng.

Trước khi thọ trì Bát giới, ba nghiệp thân miệng ý phải thanh tịnh, cho nên trong Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Nếu thọ Bát giới, trước tiên phải sám hối”. Tát Bà Đa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa quyển 1 nói: “Nếu người muốn thọ Bát giới mà trước đó phóng túng nữ sắc hoặc đàn hát, hoặc tham ăn uống, các thứ vui đùa, những việc phóng dật như thế tận tâm làm, rồi sau thọ trai, không luận trung tiền (trước ngọ), trung hậu (sau ngọ), đều chẳng đắc giới. Nếu không có tâm thọ trai, làm các việc phóng dật, sau gặp thiện tri thức liền thọ trai. Nếu vốn không có tâm thọ trai, không luận trung tiền, trung hậu, tất cả đều đắc giới. Nếu muốn thọ trai, vì sự chướng nạn ngăn trở nên chẳng được tự tại, khi chướng nạn giải quyết xong liền thọ trai, không luận trung tiền, trung hậu, tất cả đều đắc giới”.

Văn trên nói: “Trung tiền, trung hậu”, ở đây cần phải giải thích: Thời gian cầu thọ Bát quan giới trai, phải lấy từ sáng sớm của ngày trai làm quy tắc chính, ít nhất cũng phải trước ngọ. Ngày nay ở nước Thái Lan đều thọ từ buổi sáng. Thường thường, gặp ngày Phật nhật và ngày Chúa nhật, từ 7, 8 giờ sáng đã có rất nhiều nam nữ Phật giáo tay cầm hoa tươi, nhang đèn và đồ dùng đơn giản của mỗi người, cùng nhau tới chùa dự khóa lễ buổi sáng và nghe chư Tăng thuyết pháp... trước khi thuyết pháp, chư Tăng vì tín đồ thuyết tam quy ngũ giới. Trong tín đồ có người thọ Bát quan trai giới, hoặc thọ ngũ giới và bát giới cùng một lúc. Nhưng lúc chư Tăng nói đến giới thứ 6, 7, 8, người thọ ngũ giới chẳng cần đáp “trì” (Thái Tăng An Cư Ký của Pháp sư Tịnh Hải). Nhưng nếu gặp nghịch duyên làm trở ngại, chỉ cần có tâm niệm thọ trai chậm trễ đến giữa ngọ về sau thọ giới trai cũng được.



Nhưng trong Luận Câu Xá cũng nói: “Nếu trước tác ý vào ngày trai thọ bát giới, tuy ăn xong rồi thọ giới trai cũng được”.

---o0o---

## VI. NẠP THỌ GIỚI THỂ NHƯ THẾ NÀO?

Những điều quan hệ đến nội dung và yêu cầu của Bát quan giới trai giới thiệu đến đây đại khái cũng đã đầy đủ, bây giờ xin giới thiệu đến phương pháp nạp thọ giới thể.

Tam quy, ngũ giới, bát giới, thuyết giới, cách thọ giới đều rất giản đơn, chỉ cần có sự chuẩn bị kỹ càng trước khi thọ giới, thì lúc thọ rất dễ dàng. Nhưng trong các tự viện lớn ở Trung Quốc đều hay biểu hiện hình thức long trọng bên ngoài. Vì thế, Đại sư Độc Thể cũng có biên soạn một thiên “Thọ Bát Giới Chánh Phạm” nói về cách truyền thọ bát giới nghi thức phân ra làm 8 tiết, cương mục như sau:

1. Trái tòa thỉnh sư: Do Dẫn lễ sư hướng dẫn nghinh thỉnh Hòa thượng thăng tòa.
2. Khai đạo: Khai thị sơ lược về ý nghĩa của Bát giới và phương pháp trì trai.
3. Thỉnh Thánh: Nghinh thỉnh Phật, Pháp Tăng và Hộ pháp Long Thiên.
4. Sám hối: Sám trừ các ác nghiệp quá khứ, ăn năn dứt ác nghiệp vị lai.
5. Thọ Quy: Dùng tam quy nạp thọ giới thể của Bát giới.
6. Tuyên giới tướng: Truyền nói điều văn giới tướng của Bát giới.
7. Phát nguyện: Phát nguyện đem công đức này nhiếp thủ tất cả chúng sinh khiến thành vô thường Bồ đề, đồng tại Long Hoa tam hội của Đức Di Lặc liễu thoát sinh tử, giáo hóa hữu tình, đồng sinh cực lạc.
8. Khuyên chúc hồi hướng: Nói công đức thọ trì Bát giới và khuyên đem công đức này hồi hướng tất cả chúng sinh.

“Thọ Bát Giới Chánh Phạm” này tuy rất hay, nếu làm theo thì biểu hiện hình thức bên ngoài rất long trọng trang nghiêm. Nhưng phải mất thời gian dài, lúc thọ giới, ngoài Giới sư ra, còn cần phải có Dẫn lễ sư. Nếu Giới sư chẳng phải là vị Trụ trì phương trượng thì sự thực hành theo nghi thức này sẽ không phải dễ. Do đó, Đại

sư Hoằng Nhất căn cứ vào Kinh Phật Thuyết Bát Chung Trưởng Dưỡng Công Đức biên soạn một thiên “Thọ Bát Quan Giới Trai Pháp”. Nay tôi xin ghi lại như sau:

Quy mạng tất cả Phật, duy nguyện tất cả Phật, Bồ tát chúng nhiếp thọ con:

Con nay quy mạng Thắng Bồ đề

Tôi thượng thanh tịnh Phật, Pháp, Chúng

Con phát tâm Bồ đề rộng lớn

Mình người lợi ích đều thành tựu

Sám trừ tất cả nghiệp bất thiện

Tùy hỷ vô biên công đức uẩn.

Trước tiên sẽ không ăn quá no, sau tu pháp bát chung công đức (nói 3 lần).

Con tên là... duy nguyện A xà lê nhiếp thọ con. Từ giờ này con phát tâm tịnh tín cho đến ngôi Bồ đề tràng thành Đẳng chánh giác, thệ quy y Phật nhị túc tôn, thệ quy y Pháp ly dục thắng tôn, thệ quy y Tăng đều phục thắng tôn. Tam bảo như thế là chỗ quy hướng của con (nói 3 lần).

Con là... tịnh tín Ưu bà tắc (Thọ Bát giới chính thuộc về hai chúng tại gia, cũng gồm cả chúng xuất gia nhưng trong Kinh Dược Sư nói, văn này chỉ nói căn cứ người tại gia cho nên xưng là Ưu bà tắc. Nếu người xuất gia nên tùy nghi xưng) duy nguyện A xà lê nghĩ nhớ hộ niệm, con từ giờ này hôm nay phát khởi tịnh tâm, từ đêm nay đến sáng sớm hôm sau lúc mặt trời mọc, trong khoảng thời gian này phụng trì Bát giới: 1. Không sát sinh, 2. Không trộm cướp, 3. Không phi phạm hạnh, 4. Không vọng ngữ, 5. Không uống rượu, 6. Không ăn phi thời, 7. Không đeo hoa để trang nghiêm thân và ca múa v.v... 8. Không ngồi nằm giường lớn cao rộng. Con này lia bỏ các việc như vậy, thệ nguyện chẳng xả bỏ thanh tịnh cấm giới bát chung công đức (nói 3 lần).

Con trì giới hạnh trang nghiêm tâm mình khiến tâm vui vẻ rộng tu tất cả thắng hạnh tương ưng cầu thành Phật quả cứu cánh viên mãn (nói 3 lần), lại đọc bài kệ tụng:

Con phát tâm tôi thắng không hai

Vì các chúng sinh làm bạn hữu  
Khéo hành hạnh Bồ đề thù thắng  
Thành Phật lợi ích khắp thế gian  
Nguyện con nương nhờ nghiệp thiện này  
Đời này không lâu thành Chánh giác  
Thuyết pháp lợi ích cho thế gian  
Giải thoát chúng sinh khổ ba cõi.

Đoạn văn trên là nguyên văn của Đại sư Hoằng Nhất. Còn về chủ trương các chúng xuất gia cũng trì Bát giới rất cần phải nói thêm. Căn cứ vào yêu cầu của luật chế, Bát giới là 8 điều trước của Sa di thập giới, chỉ cần thọ Sa di giới thì suốt đời phải trì Bát giới; đến Tỳ kheo giới chẳng cần nói nữa vì đã bao quát cả Bát giới. Vì thế, các chúng xuất gia tự nhiên là phải suốt đời thọ trì Bát giới. Nhưng, Đại sư Hoằng Nhất sở dĩ nói các chúng xuất gia cũng nên thọ Bát giới là chính, vì các chúng xuất gia hiện nay ít người y theo luật tuân hành. Đa số người xuất gia nói riêng Tỳ kheo giới hoặc Sa di giới cũng chưa trì được Bát giới. Nay xin ghi lại “Thọ Bát Quan Giới Trai Pháp” trong Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập quyển 4 để cùng tham khảo như sau:

Trước tiên phải dạy pháp thọ tam quy:

Con là... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng một ngày một đêm là tịnh hạnh Ưu bà tắc (hoặc Ưu bà di), Như lai chí chân Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con ( nói 3 lần).

Con là... quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, một ngày một đêm là tịnh hạnh Ưu bà tắc (Ưu bà di), Như lai chí chân Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con (nói 3 lần).

Kế đến phải dạy thọ pháp giới trai: Con là... hoặc thân nghiệp bất thiện, hoặc khẩu nghiệp bất thiện, hoặc ý nghiệp bất thiện vì tham dục, sân nhuế, ngu si. Hoặc đời này đời trước có tội như thế, hôm nay thành tâm sám hối, thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh thọ hành Bát giới:

- Như chư Phật suốt đời không sát sinh, con một ngày một đêm không sát sinh.
- Như chư Phật suốt đời không trộm cướp, con một ngày một đêm không trộm cướp.
- Như chư Phật suốt đời không dâm dục, con một ngày một đêm không dâm dục.
- Nhưng chư Phật suốt đời không vọng ngữ, con một ngày một đêm không vọng ngữ.
- Như chư Phật suốt đời không uống rượu, con một ngày một đêm không uống rượu.
- Như chư Phật suốt đời không đeo tràng hoa, không xoa hương vào thân, con một ngày một đêm không đeo tràng hoa, không xoa hương vào thân.
- Như chư Phật suốt đời không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, không cố đến xem nghe, con một ngày một đêm không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, không cố đến nghe xem.
- Như chư Phật suốt đời không ngồi nằm giường lớn cao rộng, con một ngày một đêm không ngồi nằm giường lớn cao rộng.
- Như chư Phật suốt đời không ăn phi thời, con một ngày một đêm không ăn phi thời.
- Nay con đem công đức thọ giới Bát quan trai này bốn ân đều báo, ba cõi cùng nhờ, cùng các chúng sinh đồng sinh Tịnh độ (Nếu như mỗi người tự có nguyện cầu, đều có thể thêm vào phần hồi hướng).

Một thiên “Thọ Bát Quan Trai Pháp” này so với nghi thức do Đại sư Hoàng Nhất y theo Kinh Phật Thuyết Bát *Chủng Trưởng Dưỡng Công Đức thì giản đơn và thiết yếu hơn*, trong 15 phút có thể làm xong thọ Bát giới. Ở đây đem Bát giới và một trai phân biệt làm 9 điều gọi là “giới trai pháp” mà không gọi là “trai giới pháp”. Kỳ thật, dùng hai chữ “trai giới” là chịu ảnh hưởng của “trai giới để cáo quỷ thần” và “trai giới tắm gội của Nho gia. Y theo thứ tự của Bát giới trai phải gọi là “giới trai” chứ chẳng phải “trai giới”. Vì thế, bút giả hành văn trong thiên này đều dùng “giới trai”, còn khi trưng dẫn văn của sách khác y theo nguyên văn sao lục, nên có

khi ghi là “traí giới”. Hoặ giả có người cho rằng: Bát giới lấy chữ “traí” làm thể, vì thế gọi là traí giới, điều đó cũng hợp lý.

Ở chỗ này nói: “Nhu chur Phật” thọ trì giới traí; trong A Hàm, Kinh Trì Traí nói chiếu theo “A la ha” thọ trì.

---o0o---

## **Chương 4 : Sau Khi Thọ Bát Quan Giới Traí Xong**

### **I XẢ GIỚI**

Sự thọ trì của Bát quan giới traí chỉ một ngày một đêm, cho nên cũng không nói xả giới. Đã thọ rồi, chẳng nên xả giới cũng không cầu xả giới. Nhưng vì phòng trường hợp đặc biệt, trong Tát Bà Đa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa quyển 1 cũng có cho xả giới: “Nếu thọ traí rồi muốn xả traí, phải do 5 chúng mà xả traí; nếu lúc muốn ăn, đến nói với một người, traí liền xả”. Cũng nói: “Nhu vì nạn duyên, hoặ vì phiền não, hoặ vì lúc đói khó chịu, chỉ cần nói với một người hiểu sự việc, hiểu lời nói, được kể là xả giới”. Trong Nghĩa Sao cũng nói: “Nếu có nhiễm tâm sắp muốn phá giới, thà xả giới rồi làm, về sau sám hối cũng được”. Ngũ giới, thập giới cũng đồng như vậy. Đây là nói nếu chẳng thể thủ trì nên xả giới, về sau muốn thọ, sám hối sẽ được thọ lại.

---o0o---

### **II. XUNG HỒ**

Đoạn trước đã nói, Bát giới là Đón lập giới ở ngoài giới của tất chúng. Người thọ tam quy ngũ giới rồi có thể thọ thêm Bát quan giới traí một ngày một đêm, người chưa thọ tam quy ngũ giới cũng có thể thọ Bát quan giới traí. Nhưng ở đây có một vấn đề trên sự xung hồ. Người thọ Tam quy ngũ giới rồi xung là Ưu bà tắc (cận sự nữ) thọ thêm Bát giới cho đến Bồ tát giới vẫn xung là Ưu bà tắc và Ưu bà di.

Nếu như người chẳng thọ tam quy ngũ giới, ngày traí chỉ thọ bát giới, thì xung là gì?

Trong Bát Bà Đa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa nói xung là “người trung gian”; cũng nói: Ngày thọ trì giới trai xung là Ưu bà tắc, Ưu bà di; ngày thường chẳng được gọi là Ưu bà tắc, Ưu bà di.

Lại nói chỗ nói nam nữ tại gia thọ Bát giới xung là cận sự nam, cận sự nữ, đây là nói: Bát quan giới trai là chánh nhân xuất thế, còn cứu cánh xuất thế (chẳng phải cứu cánh của Bồ tát) là quả A-la-hán. Gọi “cận trụ” là chỉ cảnh địa sở trụ tiếp cận A la hán, hoặc giả chỉ cho trụ thân cận A la hán do vì tâm người ấy thích xuất ly thế gian. Cho nên “cận trụ” so với “cận sự” ưu thắng hơn một tầng. Như trong Luận Bà Sa nói: “Người thọ Bát giới gọi là cận trụ, nghĩa là gần A la hán trụ”. Trên thực tế cũng nên như thế, thông thường người thọ Bát giới phần nhiều là người trước đã thọ Tam quy ngũ giới, người không thọ Tam quy ngũ giới mà chỉ thọ Bát quan giới trai rất là ít có.

---o0o---

### III. CÔNG ĐỨC

Thọ trì Bát quan giới trai tuy chỉ là một ngày một đêm, nhưng nếu thọ trì được thanh tịnh, công đức ấy lớn lao không thể hạn lượng. Trong Kinh Phật Thuyết Trai nói: “Phụng trì Bát giới tập ngũ tu niệm (tức lục niệm) làm Phật pháp trai và thiện công đức, diệt ác sinh thiện, về sau sinh lên cõi trời, rốt cùng đắc Nê hoàn”. Thọ trì bát giới tuy sinh lên cõi trời, nhưng chắc chắn sẽ đắc nê hoàn (Niết bàn) và được liễu sinh thoát tử, đây là công đức quả báo rất lớn.

Trong Kinh Ưu bà tắc giới quyển 5 nói: “Người thọ Bát giới trừ tội ngũ nghịch, tất cả tội khác thảy đều tiêu diệt”. Lại nói: “Nếu có thể thanh tịnh như thế thọ trì Bát giới trai, người này sẽ được vô lượng quả báo, đến vô thượng lạc”. Lại nói: “Thời Phật Di Lạc xuất thế, trăm năm thọ trai không bằng ở đời ta (Thích Tôn) một ngày một đêm thọ trai”. Lại nói: “Thiện nam tử! Bát quan giới trai này tức là anh lạc (ngọc báu) trang nghiêm Vô thượng Bồ đề”.

Trong Kinh A Hàm nói: “Nếu trong sáu ngày trai phụng trì Bát giới một ngày một đêm phước không kể xiết”.

Trong Kinh Niết bàn ghi chuyện tên đồ tể Quảng Ngạch mỗi ngày giết vô lượng dê, về sau gặp Ngài Xá Lợi Phất liền phát tâm thọ Bát giới, qua một ngày một đêm mạng chung được sinh lên cõi trời.

Trong Kinh Bồ Tát Xử Thai nói: “Bát quan giới trai là mẹ của Chư Phật”.

---o0o---

#### IV. PHỔ KHUYẾN THỌ TRÌ BÁT QUAN GIỚI TRAI

Thọ trì Bát quan giới trai đã có công đức như thế, sự yêu cầu của Bát quan giới trai tuy nghiêm, nhưng cũng chưa chắc làm đúng như pháp. Mục đích học Phật của chúng ta tuyệt đại đa số là hy vọng xuất ly sinh tử, nhưng đối với đệ tử tại gia nếu chẳng gieo trồng cái nhân xuất thế thì khó được cái quả xuất thế. Đồng thời người thọ ngũ giới rồi mỗi tháng sáu ngày trai thì thêm Bát giới không phải là một việc quá khó. Trong mỗi tháng chỉ có 6 ngày không ăn cơm chiều (quá giữa Ngọ không ăn), ấy là việc dễ làm. Trong Bát giới trai, chủ yếu là tại điều trai giới không ăn phi thời này. Điều này giữ rồi thì 8 giới kia giữ theo ngũ giới cũng không khó bao nhiêu. Vì thế, đệ tử tại gia ở thời đại Đại Lục (trước năm 1949) thọ Bát giới rất nhiều; tại các quốc gia Nam truyền, thọ Bát giới lại càng phổ biến. Ngày nay, ở Đài Loan và hải ngoại, phong trào thọ Bát giới rất thấp, giả sử có những người thọ, cũng không đúng như pháp. Do đó, tôi rất hy vọng đề xướng phong trào thọ Bát giới, cho nên không ngại rườm rà mà viết ra bài văn này, chỉ ước mong người đọc bài văn này rồi hưởng ứng và đôn đốc thành một phong trào thọ trì Bát giới. Đồng thời, Đại sư Hoàng Nhất cũng nói: “Nếu e mỗi tháng 6 ngày quá nhiều, có thể bớt xuống còn 1 ngày, 2 ngày cũng được” (Luật Học Yếu Lược).

Đoạn này cũng như trong Kinh Ưu bà tắc giới nói: “Trai như thế đã là dễ làm mà có thể được vô lượng công đức. Nếu có điều dễ làm mà không làm, thì bị coi là phóng dật”.

---o0o---

### **Thiên thứ năm : Sa Di Thập Giới Và Thức Xoa Lục Pháp**

#### ***Chương 1 : Xuất Gia Và Mục Đích Của Xuất Gia***

##### **I. XUẤT GIA LÀ GÌ?**

Trong văn Bát giới đã có nói đến Bát giới là thọ trì từng ngày của giới xuất gia Sa di, nhưng thọ trì Bát giới lấy người tại gia làm chủ yếu, vì thế so với Sa di giới thiếu một điều giới “cầm giữ tiền bạc” nên vẫn là một thứ giới tại gia. Giới

xuất gia chân chính mở đầu từ Sa di thập giới, Sa di không thọ thập giới không được kể là người xuất gia hợp cách; vì thế, Sa di thập giới là cơ sở của xuất gia. Mục đích của giới xuất gia là cầu đắc đạo Niết bàn giải thoát sinh tử. Ba đời chư Phật ở tại nhân gian thành Phật đều là hiện tượng xuất gia, không có Đức Phật nào không xuất gia mà thành Phật, vì thế Sa di giới lại là cơ sở của đạo Giải thoát. Xuất gia chẳng phải là điều Phật giáo phát minh trước nhất, cũng chẳng phải chỉ Phật giáo mới có. Ở Ấn Độ, trước khi Đức Thế Tôn Thích Ca giáng sinh đã có nhiều thứ ngoại đạo. Sa môn (Samana) có nghĩa là dứt tâm, hoặc tịnh chí, là tên gọi chung của Ấn Độ đối với các loại người xuất gia. Sau khi Phật giáo sáng lập, để phân biệt với Sa môn ngoại đạo (như Sa môn Bà la môn) cho nên gọi người xuất gia của Phật giáo là Sa môn Thích Tử, nghĩa là đệ tử xuất gia của Phật Thích Ca.

Quan niệm về hình thái tu hành gần như là hiện tượng chung của các tôn giáo cao cấp trên thế giới. Mục đích tối cao của tôn giáo đều là tìm cầu sự giải thoát ra khỏi nhục dục và sự tự tại của tâm linh. Vì thế, một tôn giáo được gọi là tôn giáo, bất luận là thủ đoạn và phương pháp như thế nào, sự tìm cầu của nó tất nhiên cũng là xuất thế.

Chính vì sự yêu cầu xuất thế, nên sinh hoạt xuất gia trên tinh thần cấm dục vẫn là trình tự tất nhiên của sự tu hành.

Do đó, trừ Hồi giáo ra, các tôn giáo cao cấp Đông phương, Tây phương đều có bao hàm ít nhiều sắc thái xuất thế hoặc tư tưởng cấm dục.

Hình thái xuất gia, tuy các tôn giáo đều có, song xuất gia mà được thật sự đạt đến cảnh giới giải thoát sinh tử thì chỉ có Phật giáo. Do vì hình thái xuất gia tuy gần giống nhau, nhưng nội dung xuất gia hoàn toàn bất đồng. Xuất gia theo các tôn giáo khác dù có lý do và phương pháp tu trì của họ, song đó là điều dường như đúng mà sai, vì tu luyện mù quáng, tự tìm khổ cực, không có căn cứ, cho đến xuất phát từ sự chấp trước cuồng nhiệt và sự mê tín vô lý. Còn sinh hoạt tôn giáo của Phật giáo là đặt nền móng trên nhân tánh từng cấp thăng hoa, là xuất phát từ lý trí phán đoán quyết trạch, là từ trong cảnh giới đích thân chứng ngộ của Phật lần lượt lưu xuất, chứ không phải là cấm dục cực đoan, mà là căn cứ vào suối nguồn lý tánh thuận với sự đề cao nhân tánh mà tiếp thông thấu suốt với sinh hoạt xuất gia. Vì thế, sinh hoạt xuất gia của Phật giáo là đặt nền tảng quan hệ của nhân luân để làm thăng hoa từng bậc, từ sinh hoạt tại gia của ngũ giới, bát giới, đến sinh hoạt xuất



gia của Sa di thập giới và Tỳ kheo giới. Ngũ giới đặt nền móng từ quan niệm luân lý của xã hội loài người. Do đây, Phật giáo dù mong muốn mọi người đều tin Phật, học Phật, nhưng tuyệt nhiên không ép buộc mọi người đều phải xuất gia. Muốn biết người nào đã có thích nghi với sự xuất gia ở trong Phật giáo hay không, chỉ cần xem người đó có tiếp thọ được tinh thần của giới luật hay không (do quan niệm luân lý thăng hoa mà thành). Giới luật xuất gia do quan niệm luân lý thăng hoa làm thành, đó là đạo Niết bàn giải thoát sinh tử. Đây chẳng phải là sự siêu xuất sinh tử một cách đột nhiên, mà là do nhân tánh của luân lý nhân gian hoặc sự thăng hoa từng cấp của lý tánh hoàn thành. Vì nơi đây chẳng phải là vô căn cứ, mà là đặt trên nền móng thăng hoa sinh hoạt tại gia của cái nhân sinh tử; cuối cùng, do sự thoát xác để đạt đến cảnh giới Niết bàn siêu thoát sinh tử. Điều này hoàn toàn bất đồng với hình thức và quan niệm của thần giáo dựa vào lực lượng của Thượng đế cứu chuộc. Thượng đế cứu thế của ngoại đạo là tổ cáo sự mê tín của thần bí, cho đến tương tự như ma thuật hoặc ma túy của tính chất thô miên, có thể chân chính đạt đến mục đích giải thoát sinh tử được ư?

---o0o---

## II. TÍNH CHẤT VÀ TÁC DỤNG CỦA SỰ XUẤT GIA

Trong Phật giáo, người xuất gia phân làm 5 hạng là Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni. Năm hạng này là 5 đẳng cấp, hoặc 5 loại. Người nam thọ thập giới rồi gọi là Sa di. Người nữ thọ thập giới gọi là Sa di ni. Người nam thọ toàn bộ giới của giới xuất gia gọi là Tỳ kheo ni. Thức xoa ma na là một quá trình của giai đoạn giữa, từ Sa di ni đến Tỳ kheo ni. Mỗi một Sa di ni cần phải trải qua quá trình hai năm Thức xoa ma na, mới có thể thọ giới Tỳ kheo ni và trở thành Tỳ kheo ni. Đây chủ yếu là để phòng người nữ lúc ở thế tục mang thai rồi đi xuất gia nên mới quy định như thế, nhân vì thời gian của Sa di ni không hạn định. Nếu người xuất gia lúc 18 tuổi thọ Sa di ni thập giới xong liền thọ pháp Thức xoa ma na, trải qua 2 năm không có hiện tượng mang thai, tập quen sinh hoạt xuất gia, đến 20 tuổi có thể thọ Tỳ kheo ni giới.

Về tính chất xuất gia, Phật giáo phân làm ba loại:

1. Thân tâm đều xuất gia: Thân thể trụ ở rừng núi, tự viện, là thân xuất gia. Trong tâm không còn luyến, mộ khoái lạc của ngũ dục thế tục, chẳng kể danh lợi được

mất, là tâm xuất gia. Đây là phép tắc xuất gia chân chính, cũng là bổn phận của người xuất gia.

2. Thân xuất gia, tâm chẳng xuất gia: có người tuy cạo tóc mặc tăng phục, trụ tự viện, không cưới vợ, không lấy chồng, hoặc cũng giữ được thân thanh khiết; song nội tâm của họ lại khao khát tưởng nhớ đến ngũ dục. Họ vì sinh hoạt cho đến vì danh vọng và địa vị xã hội mà xuất gia. Đối với phương thức sinh hoạt của xuất gia tuy họ không cảm thấy hứng thú, nhưng vì vấn đề sinh hoạt và sự bó buộc của quan hệ xã hội nên miễn cưỡng xuất gia. Những hạng người này thật đáng thương xót, họ không được cái thú vị của sinh hoạt hiện thực, cũng không được sự lợi ích của Phật pháp, họ lại sẽ bị quả báo đời vị lai rất đáng sợ, do vì họ đối với tín ngưỡng Phật giáo có vấn đề, nên sinh hoạt xuất gia của họ cũng không thể hoàn chỉnh và có lỗi lầm. Vì thế, đây là một loại người xuất gia bị Phật quả trách, rất thường thấy ở thời mạt pháp.

3. Tâm xuất gia, thân chẳng xuất gia: Đây là Bồ tát đã chứng thánh vị, các Ngài không tham luyến cái vui ngũ dục, vì hóa độ chúng sinh nên thường hóa hiện thân phận người tại gia có vợ sinh con, như các Ngài: Duy Ma, Hiền Hộ. Các Ngài tuy ở tại gia có vợ con, nhưng tâm các Ngài không nhiễm, không đắm, không tham, không dục, thanh tịnh sáng suốt. Nhưng đây không phải là phép tắc thông thường của xuất gia, nên chẳng thể thành phương thức của sinh hoạt xuất gia.

Phương thức sinh hoạt xuất gia của Phật giáo cũng có tác dụng nhiều tầng:

1. Vì lý do liễu sinh thoát tử mà có: Đây là đặt nặng sự hướng về tinh thần xuất thế mà có yêu cầu của sinh hoạt xuất gia.

2. Vì lý do cảnh tỉnh và dẫn dắt thế tục mà có: Đây là vì đối trị những người mê luyến trong trần đồ thanh sắc, chìm đắm say sưa trong biển ngũ dục mà mở ra pháp môn thức tỉnh và giải độc.

3. Vì lý do Phật pháp trụ ở thế gian mà có: Đây là để ý vào sự kiến lập Tăng đoàn mong có quy luật để vĩnh cửu triển khai và nối tiếp nhiệm vụ hoằng dương Phật pháp.

Nhưng đã xuất gia trong Phật pháp, tuyệt đại đa số phải có toàn bộ tác dụng của ba thứ: Đối với chính mình là cầu giải thoát sinh tử, đối với người khác là vì cảnh tỉnh dẫn dắt thế tục, đối với Phật giáo là vì trụ trì hoằng dương. Ba điều này thiếu một

thì không hoàn mỹ, xuất gia mà không tự cầu thoát sinh tử thì chẳng cần xuất gia. Xuất gia mà không cảnh tỉnh dẫn dắt thế tục, ấy là trái với tinh thần Phật pháp giáo hóa thế gian. Xuất gia mà chẳng trụ trì Phật pháp, ấy là cô phụ lớn lao cái ân của Phật.

---o0o---

### III. MỤC ĐÍCH CỦA XUẤT GIA

Có người quan niệm ý nghĩa của xuất gia gần như đồng với tự sát. Ở trên sự nghiệp tình ái kim tiền, danh vị bị đã kích quá nặng, gặp sự thất bại chẳng thể vãn hồi, vì thế tâm ý lạnh lẽo, không còn có dũng khí đối diện với hiện thực. Lúc không còn muốn phấn đấu nữa, thì con đường thứ nhất rất giản đơn là dùng phương pháp tự sát kết thúc cái sinh mạng không biết phải làm sao. Con đường thứ hai tuy không giản đơn nhưng cũng rất dễ là lánh vào cửa Phật, cạo tóc xuất gia làm bạn với mõ chuông cho qua kiếp sống tàn. Quan niệm này tuyệt đối không phải là Bản lai diện mục của xuất gia Phật giáo, nhưng cũng không thể phủ nhận thật có những nhân vật như thế đi vào cửa Phật xuất gia. Những nhân vật này đi vào cửa Phật không có sự kiến lập lớn lao và cũng không đến nỗi có sự phá hoại lớn lao, nhưng trên xã hội, sự kỳ thị đối với Tăng lữ của nhà Phật là do những người này mà ra. Thật ra, đệ tử xuất gia thời Phật còn tại thế đa số là Tỳ kheo ở nhân gian, chỉ một thiểu số ở núi rừng là Tỳ kheo A lan nhã chuyên trì giới và tu thiền. Tỳ kheo ở nhân gian là người xuất gia lấy sự hành hóa nhân gian làm chủ yếu. Người xuất gia vốn giải thoát sinh tử cố nhiên phải tu thiền, tu thiền cố nhiên là liễu sinh thoát tử, song nếu tham đắm cái vui thiền định thế gian thì trái lại, nhân vì tu tập thiền định mà làm chướng ngại pháp môn giải thoát sinh tử.

Vì thế, người xuất gia Phật giáo lấy sự cầu trí huệ làm mục đích thứ nhất, đem trí huệ giáo hóa nhân gian làm nhiệm vụ chủ yếu bậc nhất. Đến như trì giới làm một phương pháp đoạn tuyệt cái nhân sinh tử; song, chỉ trì giới mà chẳng nhằm lìa sinh tử, thì công đức trì giới chỉ có thể được quả báo nhân thiên, chớ chẳng thể liễu sinh thoát tử. Như chỉ cầu tự mình giải thoát mà không trợ giúp cho người khác giải thoát, tối đa thành A la hán chứ không thể thành Phật. Trong phương pháp tu trì của Phật giáo, ba môn học Giới, Định, Huệ đều được coi trọng. Mục đích của trì giới và tu định là để sinh huệ. Công dụng của huệ là chỉ đạo tự mình tu giới, định, và độ người khác giải thoát, vì thế trong ba môn không thể thiếu một môn và lấy

huệ làm trung tâm. Đây là một điểm sẽ được thảo luận kỹ càng trong văn nói Bồ tát giới thiên thứ bảy.

Người xuất gia buông bỏ tất cả thấy suốt tất cả, không tranh thị phi, không phân biệt nhân ngã, trường đoản, vì thế rất khó được. Nhưng cũng vì thế mà bị một số người hiểu lầm cho rằng đây là biểu hiện của tư tưởng tiêu cực. Kỳ thật, người xuất gia của Phật giáo chính mình buông bỏ, thấy suốt, và dạy người khác buông bỏ, thấy suốt, ấy là tích cực. Tội ác và họa loạn của nhân gian đâu chẳng phải toàn là do người buông không xuống, thấy không suốt mà tạo ra ư? Người xuất gia chúng ta một bên dạy chính mình và một bên dạy người khác buông bỏ, thấy suốt, đồng thời cũng dạy chính mình và người khác lập tức đắm đương. Danh lợi, tư dục, cần phải buông bỏ, thấy suốt; cứu người giúp người cần phải lập tức đắm đương. Đây có thể kể là tiêu cực được ư?

Vì thế, mục đích xuất gia của Phật giáo: Một là tự mình cầu giải thoát, hai là trợ giúp người khác giải thoát, và lấy việc tự cứu mình cứu người đồng được giải thoát làm mục đích.

Phật giáo có một câu cổ huấn: “Xuất gia là việc của bậc đại trượng phu, chẳng phải việc quan tướng có thể làm được”. Tôi xin giải thích như vậy: Quan tướng là điển hình của hào kiệt, đại trượng phu là điển hình của Thánh Hiền. Hào kiệt dựa vào khí thế mà thành. Thánh Hiền bám vào khí chất mà thành. Khí chất của Thánh Hiền có thể hàm dung khí thế của hào kiệt, trong khi khí thế của hào kiệt chưa chắc có khí chất của Thánh Hiền. Người xuất gia của Phật giáo lấy Phật làm điển hình để noi theo. Phật vì giải thoát cái khổ sinh tử của chúng sinh và giải đáp câu đố sinh tử cho chúng sinh mà xuất gia tu chứng. Mục đích của người xuất gia trong Phật giáo, trên nguyên tắc là giống như Phật: Ra khỏi nhà thế tục, lìa bỏ vợ con, là đi ra khỏi cái nhà khổ hải của cái khổ sinh tử và cũng là vì trợ giúp người khác cho đến tất cả chúng sinh cũng ra khỏi được cái nhà khổ hải của cái khổ sinh tử. Vì thế trong Phật giáo, tốt nhất là nên xuất gia vào lúc tuổi trẻ, sức lực còn cường tráng. Nếu vì thất bại trên đường tình ái và sự nghiệp mà xuất gia, Phật giáo tuy không cự tuyệt song cũng không cố động và không thể nào nhiệt liệt hoan nghinh những kẻ ấy.

## **Chương 2 : Sa Di Giới Và Các Loại Sa Di**

### **I. TẠI SAO GỌI LÀ SA DI, SA DI NI?**

Người xuất gia trong Phật giáo gồm có 5 hạng, trong thiên này chỉ nói 3 hạng: Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma ni. Trong luật điển thông thường gọi ba hạng này là tam tiểu chúng (ba chúng nhỏ). Do vì từ trên đại thể nam nữ xuất gia 20 tuổi trở xuống không được thọ Tỳ kheo giới và Tỳ kheo ni giới, tuy nhiên tuổi tác của tam tiểu chúng cũng không hạn định phải dưới 20 tuổi. Do đó, một là tuổi nhỏ, hai là đẳng cấp của giới cũng nhỏ, vì thế gọi là tiểu chúng.

Trước hết, chúng ta nói về vấn đề của Sa di. Giới của Sa di và Sa di ni có 10 điều giống nhau. Còn điểm khác nhau của Sa di và Sa di ni giới là oai nghi tùy đại chúng học: Sa di phải học theo luật nghi Tỳ kheo, Sa di ni phải học theo luật nghi của Tỳ kheo ni. Tỳ kheo và Tỳ kheo ni giới có những phần bất đồng, nên luật nghi của Sa di, Sa di ni theo học vì thế cũng có sự khác nhau. Nhưng trên thập giới căn bản của Sa di và Sa di ni thì hoàn toàn đồng, chỉ cần hiểu rõ Sa di giới thì sẽ hiểu rõ Sa di ni giới, vì thế khi giảng thập giới, chúng tôi chỉ giảng Sa di giới.

Sa di là dịch âm chữ Phạn: Sràmanera. Chữ này ở Trung Quốc có hai cách dịch tân và cựu. Cựu dịch là “tức từ” nghĩa là dứt ác hành từ. Tân dịch là “cần sách”, nghĩa là tiếp thọ sự khuyến khích siêng gắng của đại Tỳ kheo Tăng. Trong các tác phẩm của Ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng dịch, thường lấy nghĩa “cầu tịch” để gọi Sa di, nghĩa là cầu lấy đạo Niết bàn và quả viên tịch. Viên tịch là viên mãn tịch tịnh, cũng là đạo cứu cánh của Niết bàn. Xuất gia là vì tự cầu giải thoát vừa lại giúp người khác giải thoát. Sa di là cấp bậc thứ nhất của đạo xuất gia. Vì thế, một người làm Sa di được gọi là “cầu tịch” “cần sách” và “cầu tịch”, thì nghĩa “cầu tịch” thì thích đáng hơn hết. Nhưng trong Phật giáo, khi gọi hàng đệ tử xuất gia và tại gia của Phật, phần nhiều thường dùng âm dịch của Phạn văn làm chuẩn.

Sa di ni nghĩa là “cầu tịch nữ”. Trong sự phiên dịch của kinh Phật, phần nhiều dùng âm “ni” để đại biểu cho nữ tánh, như Thức xoa ma ni (có chỗ dịch là Thức xoa ma na), thật ra là lấy âm “ni” đại biểu cho nữ tánh. Chúng ta lại thấy trong Thiện Kiến Luật quyển hai đem Dạ xoa nữ dịch thành Dạ xoa ni, trong *Kinh Tạp A Hàm quyển 4* cũng đem Bà la môn nữ gọi là Bà la môn ni, đủ thấy một âm “ni” là tiếng gọi thông thường trong sự phiên dịch kinh Phật dùng để đại biểu cho nữ tánh.

## II. NỘI DUNG CỦA SA DI THẬP GIỚI

Sa di thập giới trong văn của Bát giới chúng tôi đã giới thiệu 9 điều, trong đó chỉ có một điều “giới cầm giữ vàng bạc châu báu” còn phải giới thiệu thêm. Nhưng điều văn giới tướng của thập giới ở đây vẫn cần phải liệt kê lại để hoàn thành hình thái của Sa di thập giới.

Sa di thập giới là:

1. Không sát sinh.
2. Không trộm cướp.
3. Không phi phạm hạnh (không dâm).
4. Không vọng ngữ.
5. Không uống rượu.
6. Không đeo tràng hoa thơm, không dùng dầu thơm xoa thân.
7. Không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, không cố ý đến xem nghe.
8. Không ngồi nằm giường lớn cao rộng.
9. Không ăn phi thời.
10. Không cần giữ sanh tượng vàng bạc vật báu.

Ý nghĩa nội dung của 10 điều giới này đã có giảng qua trong Bát giới, ở đây không giảng lại. Chỉ có sự bất đồng giữa chín giới trước và bát giới là thời gian thọ trì. Bát giới là một ngày một đêm thọ trì. Sa di giới là suốt đời thọ trì. Còn có một điểm bất đồng là hai giới là thứ 6 và thứ 7 hợp lại hay phân ra khác nhau. Bát giới đem hai điều thứ 6 và thứ 7 của Sa di giới hợp thành một điều thứ 6, Sa di giới thì đem giới thứ 6 của Bát giới phân làm hai giới thứ 6 và thứ 7.

Nay chúng ta giảng về giới thứ 10: “Không cầm giữ sanh tượng vàng bạc vật báu” của Sa di giới. Điều này thông thường là giới tiền bạc. Người xuất gia vì phá trừ tâm tham, phá trừ cái thói quen người ta nói là “có người chết vì của cải”, lại nói “có người không sống được ngàn năm, mà lo tính chuyện vạn năm”. Sự ham muốn

và súc tích của cái của con người có thể nói là bẩm sinh, có một trăm mong muốn một ngàn, có một ngàn mong muốn một vạn, cho đến thành phú ông trăm vạn ngàn rồi lại mong muốn lũng đoạn kinh tế thế giới, muốn cả thế giới này đều thuộc sở hữu của mình. Thật ra điều này ở trong xã hội tư bản chủ nghĩa của công thương nghiệp thì được cổ vũ nhưng ở trong thế giới đại đồng của dân sinh chủ nghĩa lại không được hoan nghênh, trong Phật giáo của chúng ta lại càng không chấp nhận. Của cái có thể tạo phước cho nhân quần, là sự thật không thể phủ nhận. Nhưng, của cái có thể thành chủ nhân của người và người trở thành nô lệ cho của cái cũng là sự thật không thể phủ nhận. Của cái là vật ở ngoài thân là điều ai cũng biết, nhưng xem của cái là vật ở ngoài thân lại là điều rất khó làm. Vì thế, của cái là thứ có khả năng lớn nhất sai khiến con người, cho nên người xuất gia trong Phật giáo chủ trương không súc tích của cái, cho đến nói rằng cầm giữ của cái đều là hành vi phạm giới. Đức Thế Tôn Thích Ca thấy thấu suốt tính chất trói buộc của cái đối với con người và sự ham muốn chiếm hữu mãnh liệt của con người đối với của cái, cho nên Ngài muốn giải trừ cho đệ tử xuất gia việc cầm giữ của cái. Bằng không thì bị vấn đề của cái làm động cân não khởi tham đắm, đâu thể “thấy được suốt, buông được xuống”, đâu thể nhất tâm ý vì đạo nỗ lực!

Xem của cái như đồ vô dụng, lúc Phật giáo mới khai sáng thì có thể làm được, giữa ngày ăn một bữa sau khi đi từng nhà khát thực, ngủ một đêm dưới gốc cây là chỗ có thể an thân. Ấn Độ là miền nhiệt đới thân cây cao lớn, nhánh lá sum sê, ngủ dưới gốc cây gần như ở trong một cái lọng thiên nhiên. Khí hậu của Ấn Độ rất nóng, giả sử đêm đông lạnh nhất, Đức Phật thí nghiệm cũng chỉ cần ba y là có thể đủ ấm. Đồng thời, phong tục của Ấn Độ đương thời, người chết phần nhiều đem bỏ vào thi lâm (tương đương như nghĩa địa ngày nay) để lộ thiên cho tan rã, cho đến cứ để mặc cho chim thú ăn, quần áo của người chết, người xuất gia nhặt lấy chế thành bay để mặc. Quyển thuộc của người chết đưa người chết đến thi lâm thì thường bỏ tang phục của người chết trên mộ. Vì thế, nguyên lai “phần tảo y” của Tỳ kheo Phật giáo cũng là lấy “y của gò mả”. Vấn đề ăn ở mặc giải quyết xong. Còn vấn đề đi lại đương thời cũng rất đơn giản, trừ khi qua sông thì cho đi thuyền, còn voi ngựa xe cộ trên đất liền phần nhiều là đồ dùng của thương gia hoặc quân đội tác chiến, người bình dân thông thường ít có cơ hội được cưỡi, lữ hành đi buôn bán ra nước ngoài dùng xe chở hàng hóa, còn người thông thường đều đi bộ. Người xuất gia lấy việc hành cước du hóa làm bản phận, vì thế cũng không dùng đến tiền xe, tiền đồ, cho đến qui định “không được không bệnh mà đi xe”. Người

xuất gia sinh hoạt ở trong hoàn cảnh và tình hình như thế, còn dùng của cải để làm gì? Vì thế, đặc sắc nhất của giới xuất gia là “giới tiền bạc”. Bất giới là của đệ tử tại gia thọ trì, người thế tục chẳng thể không có tiền bạc, vì thế không chế một điều này, còn người xuất gia có thể làm được. Vì thế, một khi xuất gia phải thọ trì một điều giới này.

Nhưng người xuất gia của Phật giáo mỗi ngày một đông, thể chất của người xuất gia có người cường tráng cũng có người yếu đuối, tập tánh của người xuất gia có người cam đạm bạc, cũng có người không chịu nổi phong sương mưa nắng dãi dầu, thậm chí có người mang tập khí tham của rất nặng, không sức tích của cải thì không thể hành đạo tu trì.

Do đó, Đức Phật vì nhu yếu thực tế dần dần cho phép Tăng chúng xuất gia có chùa chiền, tịnh xá, tăng phòng, có sức tích đồ cần dùng cho cuộc sống, cũng khai mở ra cho phép được tiếp nhận của cải.

Nhân vì tiền tệ là sản vật của nền văn minh nhân loại, nó có thể làm môi giới cho sự đổi chác. Thí chủ cúng dường cho người xuất gia các thứ như quần áo, thức ăn, đồ nằm, thuốc thang. Nhưng trong nhà của thí chủ không thể là tiệm buôn vải, tiệm lương thực, xưởng chế tạo đồ dùng và nhà thuốc. Giả sử có mở tiệm cũng không hoàn toàn có đủ các thứ này. Nếu như hoàn toàn có đủ đi nữa, khi đem phẩm vật cúng dường người xuất gia cũng chưa ắt là thích hợp với nhu cầu. Do đó, sự nhận lấy tiền tệ đối với người xuất gia không thể tuyệt đối cấm ngăn được.

Nhân đây, vì lý do Tam bảo có thể tiếp thọ, vì lý do người khác có thể tiếp thọ, cho đến vì lý do chính mình có thể tiếp thọ, nhưng trên nguyên tắc vẫn không cho tự thọ, tự chứa cất, cho nên Đức Phật lại vì hàng đệ tử xuất gia chế một thứ pháp thuyết tịnh.

Pháp thuyết tịnh là mời một người thế tục làm chủ tịch, hễ thân nhận được tiền bạc bèn nói là thay người thế tục kia thân nhận, đây là của tịnh chủ kia chứ không phải của chính tôi. Nói như thế rồi có thể thân. Nhìn từ hình thức, pháp thuyết tịnh này giống như không cần phải có. Kỳ thật, nó có giá trị của sự tuân hành, vì người xuất gia ở trên bản chất tuyệt đối không được thọ nhận tiền bạc. Nhưng đây cũng là một phương tiện bất đắc dĩ, quyết chẳng nên nhận vì có pháp thuyết tịnh là tham lam không biết chán. Pháp thuyết tịnh có thể cảnh sách người xuất gia chẳng nên tiếp thọ tiền bạc quá nhiều. Nếu như cho rằng có pháp thuyết tịnh rồi tham cầu càng



nhiều càng tốt không thôi, ấy là đánh mất ý nghĩa của pháp thuyết tịnh. Vì thế, người xuất gia tốt nhất là không nên thọ nhận tiền bạc. Nhưng, nếu có nhu yếu như giữ tiền chi phí thuốc men lúc bệnh và chi phí sinh hoạt hằng ngày, thì tự nhiên không ngại gì dùng pháp thuyết tịnh để tiếp thọ tiền bạc.

Căn cứ sự quy định trong luật, người xuất gia là nương tựa chúng và sinh hoạt ở trong tăng đoàn, nhu yếu phẩm trong sinh hoạt của người xuất gia đều phải do Tăng đoàn sở tại (thường trụ) cung cấp. Vì thế, thường trụ tự viện có thể tiếp thọ tiền bạc, nhưng cũng bị hạn chế rất nghiêm khắc: Tỳ kheo không được chính tay mình cầm nắm, Sa di thì có thể cầm nắm, nhưng với người có tịnh nhân ngũ giới thì phải do tịnh nhân ngũ giới phụ trách tiếp thọ và bảo quản, cho đến bịt mắt người thế tục rồi dắt người ấy đến một chỗ chỉ định để tiền bạc vào đó. Điều này ngày nay không còn cách nào làm được. Như có thể giữ cho không tham cũng đã là khó rồi, chứ tuyện đối không giữ tiền bạc gần như là việc ít thấy.

Bây giờ, giải thích bốn chữ “sanh tượng vàng bạc”. Trong bốn chữ này, chủ yếu là hai chữ “sanh tượng” cần phải giải thích. Có hai lối giải thích:

1. “Sanh sắc là vàng, tợ sắc là bạc”: Vàng ròng nguyên chất gọi là “sanh sắc”, lấy bạc mà nhuộm thành màu vàng gọi là “tợ sắc”, tợ cũng có nghĩa là tượng.
2. Sanh, là chính ngay các vật báu như vàng bạc châu ngọc. Tượng, là dùng vàng bạc vật báu chế làm ra các món đồ vàng, đồ bạc, cho đến các món đồ quý do châu ngọc, san hô, mã não, thủy tinh, xa cừ, lưu ly, hổ phách, đồi mồi, đá hoa, ngà voi chế tạo thành.

Người xuất gia chẳng những không được cầm giữ vàng bạc tiền tệ, mà tất cả vật báu, đồ quý đều chẳng được cầm giữ, đương nhiên cũng không cho cất giấu và súc tích. Nhân vì đồ quý làm cho tâm tham đắm, một khi đối với vật bên ngoài sinh khởi tâm tham đắm, đó là tâm bị vật chuyển, chứ chẳng còn tự tại giải thoát được. Ở đây có một chuyện tích như sau: Thuở xưa, có một người xuất gia, vị ấy đã thấy suốt thế sự danh lợi, ở ẩn một mình nơi chỗ yên tịnh tu tập, đã chẳng viếng thăm ai và cũng không tiếp khách đến thăm. Nhưng vị ấy yêu thích và quý tiếc một chiếc bát đựng thức ăn. Có vị đạo nhân biết vị ấy còn một khuyết điểm này, bèn đến gõ vào chiếc bát của vị ấy. Khi nghe có người gõ cái bát của mình, vì sợ cái bát của mình bị người gõ bể, vị ấy liền vội vàng từ chỗ yên tịnh chạy ra, người khách gõ

bát bèn giáo huấn vị ấy: “Tôi biết ông tất cả đều buông bỏ hết, chỉ có cái bát này là chưa buông xuống được”.

---o0o---

### III. ĐẲNG VỊ VÀ CÁC LOẠI SA DI

Thời kỳ đầu tiên lúc Phật còn tại thế, trong Tăng đoàn không có Sa di. Sự xuất hiện của Sa di trong Phật giáo so với sự xuất hiện của Tỳ kheo ni sớm hơn một chút. Đại khái là lúc La Hầu La là con của Đức Phật theo Phật xuất gia mới bắt đầu có Sa di.

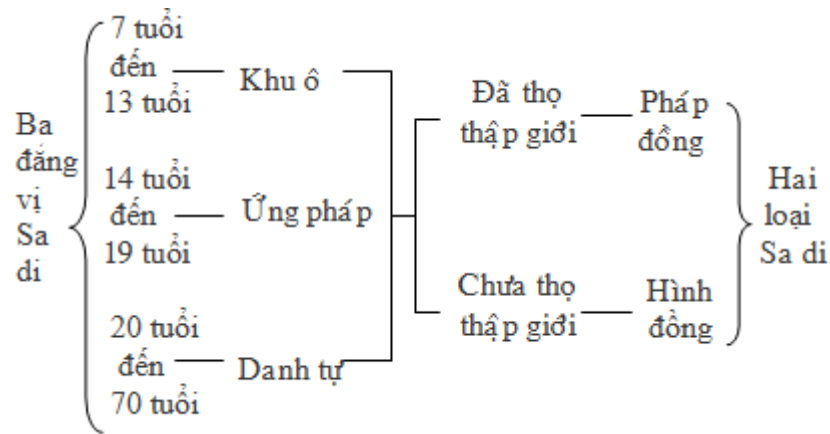
Tăng đoàn của người xuất gia Phật giáo cũng tương tự như tình hình của đại gia đình. Người xuất gia ra khỏi “nhà hữu vi” của thế tục, vào “nhà vô vi” của xuất thế. Trong cái gia đình vô vi không tạo nghiệp sinh tử này có nam, có nữ, có già, có trẻ, có lớn, có nhỏ dung hợp đối xử với nhau hòa thuận vui vẻ. Sự tiếp nhận Tăng đoàn của Sa di là nhân tài của Phật giáo, tăng thêm sự nối tiếp lực lượng mới sinh. Vì thế, phần tử Sa di lấy nhi đồng làm chủ yếu.

Nhưng có người tuổi đã 20 mới nhập Tăng đoàn, hoặc vì thầy trò chẳng đủ, hoặc vì y bát chưa đủ, hoặc nhân vì vật khác mà chưa có thể thọ trì Tỳ kheo giới, vẫn bị liệt vào số chúng Sa di. Còn có các cụ già từ 60 tuổi đến 70 tuổi, đến Tăng đoàn cầu xin xuất gia, Đức Phật cũng cho các cụ ấy cạo tóc nhưng không cho các cụ ấy thọ Tỳ kheo giới, vì thế các cụ ấy cũng bị liệt vào số chúng Sa di.

Chúng ta đã nói qua phần tử chủ yếu của Sa di là nhi đồng, nhưng cũng có hạn định là nhi đồng phải từ 7 tuổi trở lên và phải có năng lực làm công tác đuổi chim đuổi quạ trên sân phơi lúa mới được độ làm Sa di. Vì thế, trong luật quy định 7 tuổi trở xuống dù có năng lực đuổi quạ cũng không nên độ, 7 tuổi trở lên không có năng lực đuổi quạ cũng không nên độ. Trong luật cũng quy định người già tuổi dưới 70 có thể tự lo cho cuộc sống của mình, mới có thể xuất gia làm Sa di, 71 tuổi trở lên dù lo được hay không đều không được độ.

Nguyên nhân chủ yếu là các Tỳ kheo không có thời giờ và tinh lực nhiều để lo cho đệ tử quá già hoặc quá trẻ. Người quá già hoặc quá bé không làm sao chịu đựng nổi cuộc sống xuất gia, cũng không làm sao tự lo cho mình được, vì thế không cho họ xuất gia đủ thấy Tăng đoàn của Phật giáo lấy thanh niên làm chủ.

Do đó, thành phần của Sa di phân ra làm hai loại của ba đẳng vị. Ba đẳng vị là: 7 tuổi trở lên, 13 tuổi trở xuống gọi là Khu ô Sa di; 14 tuổi trở lên 19 tuổi trở xuống gọi là Ứng pháp Sa di. (Đây là hợp với tuổi Sa di yêu cầu vì họ có thể thuận với pháp hạnh Sa di mà làm, vì thế gọi là Ứng pháp Sa di); 20 tuổi trở lên, 70 tuổi trở xuống gọi là Danh tự Sa di. (Người 20 trở lên 60 tuổi trở xuống vốn có thể thành Tỳ kheo, chỉ vì nhân duyên chẳng đủ phải ở địa vị Sa di cho nên gọi là Danh tự Sa di). Còn hai chủng loại là cạo tóc nhuộm áo (cải trang) nhưng chưa thọ Sa di thập giới, gọi là Hình đồng Sa di (Hình thái tuy đồng Sa di nhưng vẫn chưa đủ tư cách của Sa di, vẫn còn bản chất của người tục, vì thế gọi là Hình đồng Sa di). Đã thọ Sa di thập giới gọi là Pháp đồng Sa di (Đây là chân thật Sa di, do thọ trì giới pháp Sa di mà thành Sa di, vì thế gọi là Pháp đồng Sa di). Nay đem ba vị và hai loại làm thành biểu đồ như sau:



---o0o---

### ***Chương 3 : Sa Di Nương Theo Thầy Và Sa Di Xuất Gia***

#### **I. NGƯỜI NÀO CÓ THỂ LÀM THẦY CỦA SA DI?**

Tại Trung Quốc, Sa di là sản vật của các ngôi chùa tự do con cháu truyền nhau từ đời này sang đời khác. Sa di, cũng chỉ có đương gia trụ trì của chùa tự mới đủ tư cách thế độ. Trong đại tông lâm của thập phương đạo tràng, thà rằng thân nhận Tỳ kheo giả mạo chưa đủ 20 tuổi thọ Tỳ kheo giới, chứ chẳng dung nạp Sa di nhỏ tuổi, để đề phòng nạn phe đảng đấu tranh.

Trong Tăng đoàn của Phật chế, người làm thầy thế độ Sa di không có đặc quyền về giai cấp. Sa di trong Tăng đoàn, bất luận nơi nào cũng đều được vui vẻ tiếp nhận, không có chỗ gọi là chùa tu của con cháu truyền nhau từ đời này sang đời khác, cũng không phân biệt là của tông lâm hay của thập phương đạo tràng. Phạm là đạo tràng của Phật giáo đều là thập phương thường trụ, người xuất gia đến một đạo tràng bất luận là lớn hay nhỏ, không có lý nào bị xem như người ngoài. Trụ ở chỗ nào thì có nghĩa vụ hộ trì đạo tràng chỗ đó. Sa di đi theo thầy thế độ, nhưng khi vào trụ ở một đạo tràng nào, ngoài việc phục tòng và hầu hạ vị thầy thế độ của mình còn phải chịu sự sai khiến và phân phối công tác của thầy Tỳ kheo chấp sự đạo tràng. Vì thế Sa di theo thầy đến một đạo tràng nào trụ, cũng tức là Sa di của đạo tràng đó. Trong Tăng đoàn lúc Phật còn tại thế, chỗ nào cũng đều có sự hiện hữu và hoạt động của Sa di, thậm chí ở trong Tăng đoàn không thể không có Sa di, nhân vì có những việc Tỳ kheo không được làm, Sa di có thể thay làm.

Vì tính cách trọng yếu của Sa di trong Tăng đoàn, nên chẳng phải vì họ tuổi nhỏ mà không được vui vẻ tiếp nhận.

Trên phương tiện tu chứng, Sa di cũng có thể tu chứng như Tỳ kheo, nghĩa là dù tuổi tác nhỏ nhưng cũng có thể chứng Tứ quả Sa môn. Vì thế, Đức Phật cũng khai thị mọi người chẳng nên khinh thị người xuất gia nhỏ tuổi là muốn mọi người phải tôn trọng người xuất gia tuổi nhỏ. Vì thế, cấp bậc của Sa di ở trong chúng xuất gia tuy nhỏ, cũng không bị sự kỳ thị của người lớn.

Lợi dưỡng trong Tăng đoàn, Sa di dường như được hưởng thụ quyền lợi ngang với Tỳ kheo, tỳ như trong Thập tụng Luật quyển 27 nói: “Sa di hoặc đứng hoặc ngồi, theo thứ tự được đàn việt bố thí nhiều ít, nên thuộc về Sa di”. Lại nói: “Các đàn việt khi cho không phân biệt, chia làm bốn phần, phần thứ tư cho Sa di”. Lại nói: “An cư phát y có phần cho Sa di, vật cần dùng tùy thân của Tỳ kheo cũng có phần cho Sa di; Nhân duyên y có phần cho Sa di, Phi thời y cũng có phần cho Sa di”.

Người độ Sa di xuất gia tuy không có đặc quyền giai cấp, nhưng có sự hạn chế trên tư cách. Kinh Đại Tỳ kheo Tam Thiên Oai Nghi nói: “Tỳ kheo giới đủ 10 năm mới được độ người, nếu chẳng biết ngũ pháp thì suốt đời chẳng được độ người”. Ngũ pháp là:

1. Thông hiểu sự lợi ích rộng của hai bộ giới Tỳ kheo, Tỳ kheo ni.

2. Giải quyết được nghi vấn và tội khinh trọng đáng phạm của đệ tử.
3. Đệ tử ở phương xa đủ sức khiến đệ tử quay về.
4. Phá được kiến chấp tà ác của đệ tử và răn dạy đừng làm điều ác.
5. Nếu đệ tử bệnh, chăm sóc được như cha nuôi con.

Lại nói: “Nếu người chẳng biết năm việc ấy thì suốt đời không được độ người. Nếu độ người đắc tội Đột kiết la”. Lại nói: “Tỳ kheo muốn độ Sa di phải có đủ năm việc:

1. Phải biết 4 bộ A Hàm.
2. Phải biết giới.
3. Phải biết kinh.
4. Phải có huệ.
5. Phải có đức”.

Lại nói: “Có năm điều:

1. Phải trì giới.
2. Phải không phạm giới.
3. Phải nhẫn nhục.
4. Phải hiểu được kinh.
5. Phải tự giữ tất cả”.

Nhân vì Hòa thượng thập giới của Sa di là thầy thế độ. Nếu như thầy thế độ chưa hoàn tục, chưa tử vong, cũng chưa đi phương xa, Hòa thượng truyền Cụ túc giới của Tỳ kheo cũng là thầy thế độ, vì tư cách thế độ Sa di cũng phải đồng với tư cách của vị vì người làm Hòa thượng Tỳ kheo giới. Trong Tăng Kỳ Luật quyển 28, có quy định 10 việc độ người giữa thầy trò: “Phật nói, từ nay có 10 pháp thành tựu mới cho độ người xuất gia thọ Cụ túc giới:

1. Trì giới

2. Học rộng A tỳ đàm (Luận)
3. Học rộng Tỳ ni (Luật)
4. Học giới
5. Học định
6. Học huệ
7. Có thể xuất tội và khiến cho người xuất tội
8. Có thể săn sóc bệnh và sai người săn sóc bệnh.
9. Đệ tử gặp nạn có thể sai người đưa đi.
10. Đủ 10 tuổi hạ”

Lại nói: “Ít nhất phải đủ 10 năm Tỳ kheo giới, và biết hai bộ giới Tỳ kheo, Tỳ kheo ni mới được độ người xuất gia”.

*Thiện Kiến Luật nói: “Nếu chẳng biết Luật, chỉ biết Tu đa la (Kinh), A tỳ đàm (Luận) thì chẳng được độ Sa di”*

Tổng hợp 3 bản luật đã nêu ở trên về những điều kiện cần phải có của thầy độ trò, có thể đưa đến kết luận: Vì người làm thầy độ Sa di, tốt hơn hết là đủ 10 đức như trong Tăng Kỳ Luật nói. Nếu không được như vậy, ít nhất cũng phải đủ hai điều kiện:

1. Tỳ kheo giới lạp phải đủ 10 năm.
2. Thông hiểu hai bộ Tỳ kheo, Tỳ kheo ni.

Nếu thiếu một trong hai điều kiện thì không đủ tư cách thế độ Sa di, nguyên nhân là chính mình chưa đủ 10 hạ rất khó thông suốt luật nghi. Nếu không thông hiểu hành trì tác pháp của luật nghi trong cuộc sống hằng ngày qua trì phạm khai giá, cấp bậc khinh trọng, thì lấy gì để răn dạy đệ tử? Điều này ở trong luật có tỷ dụ chính mình chưa rời vú mẹ làm sao có thể cho người khác bú?

Tỳ kheo cũng chỉ có thể thế độ Sa di, không được thế độ Sa di ni, vì chính Đức Phật cũng chưa từng đích thân độ người nữ xuất gia. Phật từng đích thân độ nhiều Tỳ kheo, và cũng độ hai người Sa di là Nan Đề và Da Xá nhưng chưa từng đích

thân độ một nữ chúng (Luận Tát Bà Đa, quyển 2); điều này trong luật có ghi. Ni chúng đầu tiên là do Bát Kính pháp mà xuất gia, về sau do ni chúng thế độ ni chúng. Vì thế trong văn Sa di ni giới có nói: “Tự chẳng phải Thánh Bồ tát, A la hán chẳng nên độ ni”. Người nữ có thể ở trong Phật pháp xuất gia, song vì phòng ngừa sự dần dần ái nhiễm, ngăn dứt tiếng chê bai, nên chẳng cho Tỳ kheo thế độ người nữ xuất gia. Tỳ kheo cũng chẳng được làm Hòa thượng của Tỳ kheo ni, chỉ có thể làm Yết ma A xà lê, Giáo thọ A xà lê của Ni chúng.

Sa di ni phải do Tỳ kheo ni thế độ, tư cách phải có của Tỳ kheo ni ấy đại khái cũng đồng như Tỳ kheo độ Sa di. Chỗ bất đồng là Tỳ kheo ni phải đủ 12 năm giới lập trở lên mới cho độ người xuất gia.

---o0o---

## II. QUY CỬ THẾ ĐỘ SA DI

Không luận Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, trừ những tư cách nói trên cần phải đầy đủ, còn phải cầu được sự đồng ý của đại chúng trong Tăng đoàn, vì thế trong luật có một thứ Yết ma xin độ Sa di (Sa di ni). Nếu muốn độ người xuất gia, trước tiên phải cầu xin trong Tăng đoàn, nếu như đại chúng trong Tăng đoàn thấy rằng người này đã có đủ 10 hạ, đã có năng lực răn dạy đệ tử, đã có đủ sức lo những nhu cầu cơm áo cho đệ tử, bèn chấp nhận. Bằng không thì không chấp nhận, không cho được độ người xuất gia. Nếu như đại chúng trong tăng đoàn chưa có thể tập hợp lại một chỗ, Tỳ kheo (hoặc Tỳ kheo ni) độ người phải đi từng phòng bạch cho đại chúng đều biết, được sự đồng ý của đại chúng rồi, sau đó mới được thế độ cho người.

Ở đây có 2 lý do:

1. Đã từng có Tỳ kheo tự mình không đủ tư cách làm thầy độ người mà làm thầy độ người, sau khi độ người chẳng thể răn dạy đúng như pháp, không đủ sức cung cấp nhu cầu cơm áo đúng như pháp, khiến cho người ngoài chê bai, vì thế cần phải được sự đồng ý của đại chúng và do đại chúng đánh giá tư cách của ông thầy độ người.

2. Đã từng có Tỳ kheo độ một đứa bé xuất gia mà chưa được sự đồng ý của cha mẹ đứa bé, cũng chưa được sự chấp nhận của đại chúng trong Tăng đoàn, cha mẹ của đứa bé vào tự viện hỏi, các Tỳ kheo khác đều không biết sự việc nên nói chưa thấy

đứa bé này. Thật ra, cha mẹ đứa bé đã phát giác ra con mình cạo tóc xuất gia rồi, do đó chê trách các thầy Tỳ kheo là người có đạo mà lại vọng ngữ. Vì thế Đức Phật quy định muốn độ người xuất gia, trước tiên cần phải được Tăng đoàn chấp nhận.

Số người được độ xuất gia cũng có hạn chế. Trong *Kinh Tỳ Ni Mũu quyển 8 có quy định như vậy*: “Đệ tử thọ Tỳ kheo Cụ túc giới rồi, trong 12 tháng phải dạy cho người đệ tử ấy tất cả pháp của một Tỳ kheo, rồi sau đó mới được cho một đệ tử khác thọ Cụ túc giới, nếu chưa đủ 12 tháng chẳng được cho thọ giới. Sa di thọ đại giới rồi, sau đó mới được nhận một Sa di khác”. Đây là nói khi đệ tử thứ nhất thọ Tỳ kheo giới, trong 12 tháng không được độ Sa di xuất gia, phải sau 12 tháng của người Sa di thứ nhất thọ Tỳ kheo giới, mới được độ người Sa di thứ hai. Cũng trong quyển 8 của Kinh này nói: “Sa di ni thọ giới Thức xoa ma na ni, trong 2 năm, không được độ một Sa di ni khác. Sau khi Thức xoa ma ni thọ Cụ túc (Tỳ kheo ni) giới rồi mới được độ Sa di ni khác. Tỳ kheo ni cũng phải như Đại Tăng (Tỳ kheo), trong 12 tháng phải dạy đệ tử tất cả những pháp phải làm, sau đó nếu Thức xoa ma ni muốn thọ Cụ túc giới, nên cho phép thọ Cụ túc giới”. Theo đây, điểm tương đồng với Tỳ kheo là trong một năm chỉ có thể cho một người đệ tử thọ Cụ túc giới, nhưng có chỗ không tương đồng là trong 2 năm chỉ có thể độ một đệ tử Thức xoa ma na ni, một đệ tử Sa di ni.

Trong Hành Sự Sao 4, quyển hạ, của Luật sư Đạo Tuyên nói: “Tứ Phần Luật không cho đồng thời nuôi hai Sa di”. Lại nói: “Trong Tăng Kỳ Luật không cho nuôi nhiều Sa di, chỉ cho nuôi từ một đến ba người là nhiều nhất”.

Quy định không cho đồng thời thể độ hai người Sa di xuất gia, có hai lý do:

1. Đã từng có một Tỳ kheo đồng thời nuôi hai Sa di, hai Sa di ấy do không hiểu biết, lại sinh tham dục đến đỗi hai người hành dâm với nhau. Vì phòng ngừa sự kiện tương tự như thế phát sinh, nên chỉ cho có một Sa di.
2. Đệ tử Sa di nhiều, sức dạy dỗ và cung cấp của thầy thể độ thường không thể lo tròn. Các đệ tử Sa di không được giáo dục và cung cấp đầy đủ chỉ làm lụy đến con em người và làm hại Phật giáo, vì thế chẳng được đồng thời nuôi nhiều Sa di. Song trong luật cũng có khai lệ: Nếu như vị thầy trí huệ cao sâu, phước lực thù thắng có đủ khả năng dạy dỗ dưỡng nuôi thì không ngại gì nuôi hai Sa di trở lên.

Trong luật có nói: “Bậc thầy phân làm 4 hạng:



1. Có pháp lại có cơm áo.
2. Có pháp mà không có cơm áo.
3. Có cơm áo mà không có pháp.
4. Không có pháp cũng không có cơm áo.

Vị thầy lý tưởng của đệ tử dĩ nhiên là vị Đại đức Tỳ kheo đã có pháp để học, lại có cơm áo để dùng. Đệ tử theo hầu dưới tòa của vị Tỳ kheo ấy chẳng nên ly khai. Nếu như Tỳ kheo có Phật pháp để học mà không có cơm áo để dùng cũng không nên ly khai, vì Phật pháp khó được, cơm áo dễ được. Nếu như Tỳ kheo chỉ có cơm áo nhưng không có Phật pháp thì chẳng đủ tư cách làm thầy. Đến như Tỳ kheo không có Phật pháp cũng không có cơm áo, quyết không nên theo thờ người ấy làm thầy.

Thật ra, người chỉ biết thu nhiều đồ chúng xuất gia mà tự mình lại không thể dạy dỗ đệ tử xuất gia đúng như pháp, ấy là có tội. Như trong Kinh Bồ tát Thiện Giới quyển 4 nói: “Chiên đà la (người hạ tiện làm nghiệp ác) và kẻ đồ tể tuy làm nghiệp ác nhưng không phá hoại chánh pháp Như Lai thì không nhất định phải đọa trong ba ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh). Làm thầy mà không dạy răn đệ tử là phá hoại Phật pháp, nhất định sẽ bị đọa trong địa ngục. Vì danh dự mà chứa nuôi đồ chúng gọi là tà kiến, là đệ tử ma”.

Vậy mà người xuất gia ngày nay có được bao nhiêu vị thông hiểu hai bộ luật? Như muốn hợp với quy định, cơ hồ không ai dám độ người thế tục xuất gia. Nếu tự mình không thể giáo dục đệ tử, thì ít nhất cũng phải nhờ người khác thay mình giáo dục. Do đó, sự xuất hiện của Phật học viện là rất hợp thời.

---o0o---

### III. NGHI THỨC CỦA SA DI XUẤT GIA

Sa di cần phải xuất gia, sau khi xuất gia và thọ thập giới, nếu chưa phải là một Pháp đồng Sa di, thì được gọi là Hình đồng Sa di.

Xuất gia có nghi thức xuất gia, các chùa tư ở Trung Quốc thu nhận người xuất gia nhưng rất ít khi cử hành nghi thức xuất gia, vì họ không biết phải cử hành nghi thức xuất gia như thế nào, cũng không hiểu được nghi thức xuất gia là đáng quý, đây là điều rất đáng tiếc!

Nghi thức tuy là sự biểu hiện hình thức, nhưng lại ảnh hưởng đến sự chuyển biến của tâm lý. Vì thế, không luận là một tôn giáo nào cũng đều có nghi thức của tôn giáo đó, cho đến tôn giáo tín ngưỡng của thời cổ sơ, tuy không có luân lý của tôn giáo, song họ lại lấy nghi thức tôn giáo làm trung tâm của tín ngưỡng. Nếu như chuyện phụng sự cho sự cử hành nghi thức mà không có giá trị luân lý của tôn giáo tín ngưỡng như là tôn giáo thời cổ sơ, đây là điều mà Phật giáo phản đối, như tăng lữ Bà la môn ở thời Đức Phật, chỉ biết nghi thức tôn giáo phiền phức mà không biết giá trị lý tánh của tôn giáo. Thậm chí Phật giáo của thời kỳ đầu vốn không có một nghi thức tôn giáo nào cả, nhưng về sau Tăng chúng đông nên cần phải có nghi thức. Nghi thức thế độ Sa di xuất gia hình thành sớm nhất cũng là từ việc La Hầu La xuất gia, cho đến toàn bộ giới luật đều do nơi sự cần thiết mà thành lập. Mỗi khi Đức Phật phát hiện ra một vấn đề liền làm một quy định cho đại chúng trong Tăng đoàn, thậm chí tùy theo sự phát triển của hiện thực mà phải đem quy định này tu chỉnh năm sáu lần, sau cùng mới thành một điều giới luật.

Nghi thức của Sa di xuất gia trong Hành Sự Sao 4, quyển hạ có quy định rõ ràng, đó là do Luật sư Đạo Tuyên căn cứ vào tư liệu của Tứ Phần Luật Độ Nhân *Kinh, Luận Thiện Kiến biên tập thành. Đầu tiên, nghi thức* này là do các thầy Tỳ kheo tùy tiện tiếp thọ Sa di xuất gia mà không thể dạy bảo đúng như pháp. Người được độ cũng không thể sinh hoạt ở trong Tăng đoàn đúng như pháp, vì thế mới quy định: Phải do đại chúng trong Tăng đoàn họp lại một chỗ vì người được độ bạch nhị yết ma, nghĩa là vị Tỳ kheo độ người ở trước đại chúng của Tăng đoàn đủ oai nghi ba lần xin, người Yết ma của đại chúng trong Tăng đoàn đem ý của Tỳ kheo xin độ người này tuyên bố một lần trước đại chúng, rồi lại nói hai phen trung câu đồng ý (đây gọi là bạch nhị yết ma). Nếu như trong đại chúng không có sự dị nghị, thì kể như im lặng nhận là đồng ý, Tỳ kheo độ người mới được thế độ Sa di.

Nhưng, Sa di xuất gia phải có hai thầy: Một vị là thầy thế độ cũng là Hòa thượng truyền giới, còn một vị nữa là Giáo thọ A xà lê. Vì thế, người xuất gia phải trước lễ thỉnh Hòa thượng, rồi Hòa thượng thay thế cho Sa di thỉnh A xà lê.

Người xuất gia sau khi thỉnh hai vị thầy xong, ở trong đạo tràng phải thiết lập sẵn hai tòa chuẩn bị cho hai thầy ngồi. Sau đó dùng nước thơm tắm gội, xong vẫn mặc y phục thế tục hướng về cha mẹ tôn trưởng của tục gia lạy từ biệt mỗi người, rồi quỳ xuống nói kệ:

*“Luu chuyển tam giới trung*

*Ân ái bất năng thoát*

*Khí ân nhập vô vi*

*Chân thật báo ân giả”*

(Trôi lặn trong ba cõi

Ân ái không thể thoát

Bỏ ân nhập vô vi

Là chân thật báo ân).

Nói kệ xong, cởi bỏ y phục thế tục, mặc tăng phục, vào đạo tràng đến trước Hòa thượng chấp tay. Hòa thượng nói về các tướng bất tịnh của thân người như lông, tóc, móng, răng, da ..., để cho người xuất gia ấy quán thân bất tịnh, như huyễn không thật, chán bỏ sinh tử mà quyết chí xuất gia. Kế đó, người xuất gia đến trước A xà lê, được Ngài dùng nước thơm rải lên đánh và đọc kệ tán thán:

*“Thiện tai đại trượng phu*

*Năng liễu thế vô thường*

*Xả tục thú nê hoàn*

*Hy hữu nan tư nghĩ”*

(Hay thay đại trượng phu

Hiểu thế gian vô thường

Bỏ tục hướng Niết bàn

Hy hữu khó nghĩ bàn).

Người xuất gia lễ thập phương chư Phật và tự nói kệ:

*“Quy y Đại Thế Tôn*

*Năng độ tam hữu khổ*

*Diệc nguyện chư chúng sinh*

*Phổ nhập vô vi lạc”.*

(Quy y Đại Thế Tôn

Hay độ ba cõi khổ

Cũng nguyện các chúng sinh

Đều nhập vô vi lạc).

Tiếp theo, A xà lê liền cạo tóc cho người xuất gia ấy. Nếu có Điền lễ, thì đồng tụng bài kệ xuất gia:

*“Hủy hình thủ chí tiết*

*Cát ái từ sở thân*

*Khí gia, hoằng Thánh đạo*

*Nguyện độ nhất thiết nhân”*

(Hủy hình giữ chí tiết

Cát ái từ mẹ cha

Bỏ nhà, hoằng Thánh đạo

Nguyện độ hết mọi người).

A xà lê phải để lại vài cọng tóc ở trên đỉnh người xuất gia, sau đó người ấy đến quỳ trước Hòa thượng. Hòa thượng cầm dao cạo tóc hỏi: “Hiện tại vì ông cạo tóc trên đỉnh được không?”. Sau khi người xuất gia đáp: “Vâng ạ!”, Hòa thượng bèn cạo tóc trên đỉnh, tiếp theo truyền trao ca sa. Người xuất gia phải đội trên đỉnh để thọ, thọ rồi giao lại cho Hòa thượng. Qua lại ba lần truyền trao ca sa, Hòa thượng bèn mặc cà-sa (y không có tướng điều) cho người xuất gia và nói kệ:

*“Đại tai! Giải thoát phục*

*Vô tướng phước điền y*

*Phi phụng trì giới hạnh*

Quảng độ chư chúng sinh”.

(Lón thay! Áo giải thoát

Y vô tướng phước điền

Mặc vâng làm giới hạnh

Rộng độ các chúng sinh).

Người xuất gia mặc cà-sa đi lễ Phật và đi quanh giới đàn ba vòng, tự nói kệ mừng:

*“Ngộ tai trị Phật giả*

*Hà nhân thùi bất hỷ?*

*Phước nguyện dĩ thời hội*

*Ngã kim hoạch pháp lợi”.*

(Nếu được gặp Đức Phật

Người nào không vui mừng?

Phước nguyện gặp đúng lúc

Con nay được pháp lợi).

Tiếp theo, người xuất gia lễ tạ hai thầy, rồi ngồi ở dưới tiếp thọ bà con ở trong gia đình thế tục đến chúc mừng.

Đây là nghi thức rất đơn giản, nếu như tinh lược chẳng làm, thật không biết nói sao! Nhưng trong *Ký Quy Truyện quyển ba của Tam Tạng Nghĩa Tịnh lại càng giản đơn hơn*, Ngài nói: “Tặng chúng chấp nhận rồi, Hòa thượng vì người xuất gia thỉnh A giá ly da (tức A xà lê) có thể ở chỗ vắng bảo người cạo tóc cạo râu cho người xuất gia, và bảo người ấy tắm rửa, rồi Thầy đích thân mặc áo quần để cho kiểm soát chẳng phải huỳnh môn. Kế đưa cho cái y bảo đội lên đầu mà thọ. Mặc pháp y xong liền trao bát cho. Đây gọi là xuất gia”. Ở đây có một điều là Hòa thượng mặc quần áo cho người xuất gia sau khi tắm gội xong là để kiểm tra người nam hoặc nữ, sinh lý có bình thường không? Nếu không bình thường, không được thế độ.

## **Chương 4 : Sa Di Thọ Giới Và Trì Phạm Oai Nghi**

### **I. THỨ LỚP CỦA SỰ THỌ GIỚI**

Sa di xuất gia sau khi thay đổi trang phục, cần phải bàn đến vấn đề thọ giới. Sa di giới tuy lấy thập giới làm chủ yếu, nhưng trước tiên phải thọ tam quy ngũ giới rồi sau đó mới thọ thập giới. Ngũ Phần Luật và ThậpTụng Luật đều nói: “*Trước truyền ngũ giới sau truyền thập giới*”. Luận Tát Bà Đa cũng nói: “Trước dùng ngũ giới điều phục thân tâm, lòng tin ưa dần dần tăng thêm, mới truyền thập giới. Nếu không thọ ngũ giới mà lại thọ ngay thập giới, vị tăng truyền giới đặc tiêu tội. Nhân vì thất chúng giới là tiệm thứ giới phải thọ theo thứ tự, không được một phen tiến vào cửa Phật xuất gia liền thọ Sa di thập giới; đây là e ở trên tâm lý, người thọ giới chuẩn bị không kịp. Nhưng cũng có người mang ý kiến ngược lại, cho rằng ngũ giới là giới tại gia, đâu cần sau khi xuất gia lại phải thọ ngũ giới này. Kỳ thật, thọ thêm một lần chẳng phải là càng tốt sao? Trong luật đã có quy định như thế tại sao lại sợ phiền? Lại nữa, giới luật của Phật giáo là y theo quan niệm luân lý của xã hội loài người làm cơ sở xuất gia, giới có quan hệ đến luân lý và cũng là một thứ thăng hoa của yêu cầu ấy, nếu trước tiên không bắt đầu từ việc thọ ngũ giới, ấy là không có nền tảng. Căn cứ trong Tứ Phần Giới Bản Tùy Giảng Biệt Lục của Đại sư Hoằng Nhất nói: “Cạo tóc xong, trước thọ ngũ giới điều phục thân tâm, suốt sáu tháng hầu hạ chúng tăng, lòng tin ưa dần dần tăng thêm... Đợi mãn hạn, Hòa thượng cho thọ thập giới”. Đây là càng nghiêm khắc hơn, trước thọ ngũ giới, sau nửa năm mới thọ Sa di thập giới.

Nhưng tại Trung Quốc, tiểu Hòa thượng vào chùa tu xuất gia rất ít khi cử hành nghi thức xuất gia đúng như luật, lại thiếu nghi thức thọ giới. Bất luận ngũ giới, thập giới, Tỳ kheo giới, toàn bộ đều giao vào tay của đạo tràng truyền giới chăm lo. Đạo tràng truyền giới của Trung Quốc cũng chỉ chiếu theo bộ sách “Truyền Giới Chánh Phạm” làm các việc xướng niệm, quỳ lạy trong mấy mươi ngày giống như diễn kịch y theo kịch bản làm một tuồng, kể là truyền giới đặc giới. Đạo tràng truyền giới chỉ chú ý sự quỳ lạy xướng niệm chỉnh tề đẹp mắt của số đông giới tử, mà không chú ý xem các giới tử có lãnh hội được ý nghĩa của sự thọ giới hay không? Có đặc giới hay không? Đến như tư cách của Giới sư có hợp với yêu cầu thấp nhất ở trong luật hay không, đó lại là điều không hỏi tới.

Nhân vì thầy thế độ của Trung Quốc không lo việc truyền giới căn cứ theo giới luật, thầy thế độ không phải là Thân giáo sư (Hòa thượng) mà chỉ đồng như Y chỉ sư hoặc Giáo thọ sư. Trên thực tế, Sa di thọ ngũ giới, thập giới là điều việc rất giản đơn. Tại sao các thầy thế độ của Trung Quốc lại bỏ một quyền lợi và nghĩa vụ thiêng liêng này?

---o0o---

## II. NGHI THỨC THỌ GIỚI CỦA SA DI THẬP GIỚI

Trong quyển Truyền Giới Chánh Phạm của Đại sư Độc Thế biên đính, Sa di giới là trình tự của nghi thức sơ đàn. Nhân vì muốn dùng để thích hợp với sự truyền giới tập thể, thế nên phô trương hình thức rất lớn, nghi tiết cũng rất phiền phức. Kỳ thật, hình thức thọ Sa di thập giới không cần phải lớn đến thế ấy. Theo trong luật, truyền thọ Sa di thập giới chỉ cần một vị Hòa thượng, một vị Giáo thọ sư là đủ. Trong Tát Bà Đa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa quyển 1 nói: “Lúc thọ thập giới, Hòa thượng vắng mặt, cũng đắc thập giới. Nếu lúc thọ giới Hòa thượng chết, nếu nghe biết chết, giới thọ không đắc”. Đây là ý nói khi chúng ta thọ thập giới, Hòa thượng có thể vắng mặt. Nếu Hòa thượng đã chết mà không biết Ngài chết, người thọ thập giới vẫn được đắc giới. Lúc thọ thập giới Hòa thượng ở trước mặt, cố nhiên là đúng như pháp; đặc biệt Hòa thượng đi vắng, chỉ cần có một A xà lê cũng thọ được thập giới. Đây là một Phật sự cực kỳ giản đơn mà chư Tăng Trung Quốc thời gần đây lại xem nó là Phật sự lớn, thật là việc nhỏ mà xem thành việc lớn!

Trong thiên Sa di Biệt Hành của Hành Sự Sao, Luật sư Đạo Tuyên đối với sự biên đính nghi thức thọ thập giới cũng giản đơn như thế, phân ra làm ba môn:

1. Nhân duyên thọ giới: Như thỉnh được hai thầy, người xuất gia trước thọ tam quy ngũ giới rồi hỏi giá nạn (tội ác chương giới).
2. Nói về giới thể: Dùng tam quy nạp thọ giới thể.
3. Nói về giới tướng: Tuyên nói điều văn của Sa di thập giới. Sau đó nói ngũ đức và thập số. Nghi thức thọ giới bèn viên mãn.

Nếu y chuẩn thông lệ của Phật sự Đại thừa, thêm phần phát nguyện hồi hướng là xong. Gần đây, Pháp sư Tục Minh chiêu theo trình tự này biên đính một nghi quỹ

thọ thập giới rất sáng sủa và giản dị thiết yếu, hiện được in trên sách “Giới Học Thuật Yếu” do Pháp sư Tục Minh trú tác, tôi xin chép ra đây để cùng tham khảo:

Cạo tóc và thọ ngũ giới rồi, người thọ giới ở trước Phật chí thành sám tội:

*Trước kia đã tạo các nghiệp ác*

*Đều do vô trí tham sân si*

*Từ thân miệng ý mà sinh ra*

*Nay đối trước Phật đều sám hối”.*

*(nói 3 lần, lạy 3 lạy)*

Sau khi sám tội, người thọ giới đến trước Hòa thượng Giới sư bái lễ, rồi quỳ gối chấp tay. Giới sư bèn hỏi giá nạn:

- Thiện nam tử lắng nghe! Bây giờ là lúc chí thành, lúc nói thật. Ta nay sẽ hỏi ông, ông phải đáp đúng sự thật.

- Ông có phạm biên tội chăng?

Đáp: Không.

- Ông có ô Tỳ kheo ni (Ni thì ô Tỳ kheo Tăng) chăng?

Đáp: Không.

- Ông có phải tặc trụ nhập đạo chăng?

Đáp: Không.

- Ông có phải huỳnh môn chăng?

Đáp: Không phải.

- Ông không phải giết cha chăng?

Đáp: Không phải.

- Ông không phải giết mẹ chăng?

Đáp: Không phải.



- Ông không phải giết A la hán chăng?

Đáp: Không phải.

- Ông không phải phá tạng chăng?

Đáp: Không phải.

- Ông không phải ác tâm làm thân Phật ra máu chăng?

Đáp: Không phải.

- Ông không phải là phi nhân chăng?

Đáp: Không phải.

- Ông không phải là súc sinh chăng?

Đáp: Không phải.

- Ông không phải người hai hình chăng?

Đáp: Không phải.

- Ông tên gì?

Đáp: Con tên...

- Hòa thượng của ông là ai?

Đáp: Đại Hòa thượng, thượng..., hạ...

- Ông bao nhiêu tuổi?

Đáp: Con... tuổi.

- Y bát của ông đầy đủ chăng?

Đáp: Đủ

- Cha mẹ (Ni thì thêm chồng) của ông có cho xuất gia không?

Đáp: Cho.

- Ông không phải là kẻ thiếu nợ người chăng?

Đáp: Không phải.

- Ông không phải là quân nhân, quân công hiện chức chẳng?

Đáp: Không phải.

- Ông là trưởng phu có các bệnh cùi, ung thư, tiểu đường, điên cuồng (Ni thêm vào hai đường tiểu tiện hợp chung, âm đạo nhỏ, đại tiểu tiện thường rỉ chảy, nước mũi, nước miếng chảy) chẳng?

Đáp: Không.

Hỏi xong giá nạn, Giới sư bèn nói với người thọ giới rằng:

- Lục đạo chúng sinh phần nhiều bị giới chướng, con người tuy được thọ, nếu có giá nạn cũng không được thọ. Ông không có giá nạn nhất định được thọ giới. Ông phải phát tâm tăng thượng thế độ tất cả chúng sinh. Giới là cội gốc của các thiện; hay làm chánh nhân của tam thừa. Giới là của báu trong Phật pháp hay hộ trì thiện pháp khiến chánh pháp trụ lâu ở đời ông nên nhất tâm lãnh thọ. Hãy bạch theo tôi:

- Con là... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con nay theo Phật xuất gia, Ngài... làm Hoà thượng. Như Lai chí chân Đẳng giác là Thế Tôn của con (nói 3 lần, lạy 3 lạy, bèn đắc giới).

Dưới đây là tam kết:

Con là... quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, Ngài... làm Hoà thượng. Như Lai chí chân Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con (nói 3 lần, lạy 3 lạy).

Đã phát giới rồi, tiếp theo là nói giới tướng và vấn đáp:

- Suốt đời không sát sinh là giới của Sa di (ni) có trì được không?

Đáp: Trì được.

- Suốt đời không trộm cướp là giới của Sa di (ni) có trì được không?

Đáp: Trì được.

- Suốt đời không được dâm là giới của Sa di (ni) có trì được không?

Đáp: Trì được.

- Suốt đời không vọng ngữ là giới của Sa di (ni) có trì được không?

Đáp: Trì được.

- Suốt đời không uống rượu là giới của Sa di (ni) có trì được không?

Đáp: Trì được.

- Suốt đời không đeo tràng hoa thơm, không xoa dầu thơm vào thân là giới của Sa di (ni) có trì được không?

Đáp: Trì được.

- Suốt đời không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, không cố ý đến xem nghe là giới của Sa di (ni) có trì được không?

Đáp: Trì được.

- Suốt đời không nằm giường lớn cao rộng là giới của Sa di (ni) có trì được không?

Đáp: Trì được.

- Suốt đời không ăn phi thời là giới của Sa di (ni) có trì được không?

Đáp: Trì được.

- Suốt đời không cầm giữ vàng bạc vật báu là giới của Sa di (ni) có trì được không?

Nói giới tướng xong, tiếp theo nói ngũ đức của Sa di. *Kinh Thỉnh Tăng Phước Điền* nói: *Sa di phải biết ngũ đức:*

1. Phát tâm xuất gia vì ôm lòng mộ đạo.
2. Hủy bỏ hình thể đẹp để ứng hợp với pháp phục.
3. Cắt đứt vĩnh viễn sự thân ái vì không có thân sơ.
4. Liều bỏ thân mạng vì tôn sùng đạo.
5. Chí cầu đại thừa vì độ mọi người.

Sa di phải biết thập số:

1. Tất cả chúng sinh đều y vào thức ăn (phá ngoại đạo chủ trương tự nhịn đói)

2. Danh sắc (phá ngoại đạo tự nhiên)
3. Tướng đau nhức (phá ngoại đạo chủ trương Phạm Thiên là nhân).
4. Tứ đế (phá vô nhân quả ngoại đạo).
5. Ngũ ấm (phá thần ngã ngoại đạo).
6. Lục nhập (phá nhất thức ngoại đạo).
7. Thất giác ý (phá ngoại đạo chủ trương không tu).
8. Bát chánh đạo (phá tà nhân ngoại đạo).
9. Cửu chúng sinh cư (phá sắc, vô sắc thiên chấp Niết bàn ngoại đạo).
10. Thập nhất thiết nhập (phá sắc không ngoại đạo).

Mười điều này quan hệ đến danh số pháp tướng, người sơ học không dễ gì hiểu nên tôi cũng lược bớt.

Sau cùng phát nguyện hồi hướng:

*Thọ giới công đức thù thắng hạnh*

*Vô biên thắng phước đều hồi hướng*

*Nguyện khắp các chúng sinh chìm đắm*

*Chúng sinh mười phương tịnh độ Phật*

*Thập phương tam thế tất cả Phật*

*Hết thầy Bồ Tát Ma ha tát*

*Ma ha Bát nhã Ba la mật.*

Phật sự thọ giới hoàn tất, người thọ giới lễ tạ hai thầy và tiếp thọ sự đánh lễ chúc mừng của thân bằng quyến thuộc và các cư sĩ xem lễ.

Hiện tại cần phải giải thích nội dung của giá nạn. Trong đó giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá tăng, làm thân Phật chảy ra máu, là tội ngũ nghịch ở trong thiên ngữ giới đã nói qua, không cần giảng lại.

Phi nhân là quý thần biến hóa. Súc sinh là rồng súc biến hóa. Hai hình là gồm cả hai bộ phận sinh dục của nam và nữ. Điều mười một từ “ông tên gì” trở xuống, văn nghĩa rõ ràng không cần giải thích. Cần phải giải thích là năm điều đầu tiên:

- Biên tội: Là chỉ người thọ Phật giới không xả giới mà lại phạm một trong bốn giới: Giết người, hành (tà) dâm, trộm cướp (5 tiền trở lên), vọng ngữ (tự xưng là Thánh hiền); bị bỏ ra ngoài biển lớn Phật pháp, không được thọ giới lại.

- Ô Tỳ kheo ni: Là chỉ cho người đã từng phá hoại giới phạm hạnh của Tỳ kheo ni thanh tịnh. Điều này ở trong Thiện Kiến Luật quyển 17 có nói kỹ càng: “Ở ba chỗ miệng, âm đạo, hậu môn” của Tỳ kheo ni hành dâm, đều gọi là hoại Tỳ kheo ni, nếu vượt ve, xúc chạm Tỳ kheo ni thì không chướng xuất gia. Nếu đem y phục thế tục rồi ép Tỳ kheo ni mặc rồi hành dâm cũng gọi là hoại Tỳ kheo ni, chẳng được xuất gia. Nếu Tỳ kheo ni thích mặc y phục thế tục hành dâm thì không chướng xuất gia. Người đã ô hoại Tỳ kheo thanh tịnh cũng thành giới chướng.

- Tặc trụ nhập đạo: Là chỉ cho người lúc còn ở thế tục đã từng nghe trộm pháp yết ma của Tỳ kheo (hoặc Tỳ kheo ni), gọi là tặc trụ, không cho xuất gia.

- Phá nội ngoại đạo: Chỉ cho người vốn là ngoại đạo đến trong Phật pháp cầu độ xuất gia, sau trở lại làm ngoại đạo, bây giờ lại đến trong Phật giáo cầu xuất gia nữa với mục đích là tìm lấy khuyết điểm của Phật giáo, sưu tập tư liệu của Phật giáo để làm công tác phá hoại Phật giáo, vì thế không cho xuất gia.

- Huỳnh môn: Vốn là chức vụ hoạn quan trong cung cấm đời Đông Hán. Kinh Phật dùng danh từ này để chỉ cho người lúc nam lúc nữ, người chẳng phải nam chẳng phải nữ, người vừa nam vừa nữ. Nếu thu nhận họ xuất gia thì không thể xếp họ vào hàng ngũ Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni được; vì thế, hạng người này không được xuất gia.

Thọ trì Phật giới đều có chướng giới, đều có điều kiện, nhưng điều kiện của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni rất nghiêm, yêu cầu rất cao, giới chướng rất nặng, giá nạn rất nhiều. Sa di, Sa di ni là cơ sở của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, vì thế trước khi thọ Sa di thập giới phải hỏi những giá nạn của sự xuất gia này.

---o0o---

### III. PHẠM VI VÀ TRÌ PHẠM CỦA SA DI GIỚI

Đoạn trước đã nói qua, Sa di giới tuy chỉ mười điều nhưng đối với Cụ túc giới của Tỳ kheo (Tỳ kheo ni) cũng được tùy tùng học tập và thủ trì. Ở chỗ này có một vấn đề là Sa di chưa thọ Cụ túc giới do đâu mà học Tỳ kheo giới? Vấn đề này dường như từ trước đến nay chưa có người hỏi tới. Tiểu chúng không được nghe thuyết giới và yết ma của đại chúng, vì thế Cổ đức phần nhiều đều nhận định người chưa thọ Cụ túc giới cũng không được duyệt học Đại giới, bằng không thì thành tặc trụ chướng thọ Đại giới, đã không được nghe cũng không được đọc, thì do đâu mà học tập? Cũng có người có thể từ trong sinh hoạt của Tăng đoàn thể nghiệm học hỏi, nhưng điều đó rốt cuộc không thành.

Thường thường Tỳ kheo mỗi nửa tháng nghe tụng giới một lần, cũng phải trải qua thời gian 5 năm mới có thể học tốt về giới luật, hà huống là Sa di. Vì thế tôi nghĩ, nguyên nhân người chưa thọ Cụ túc giới không được nghe giới, chủ yếu là phòng ngừa, nhân vì có Tỳ kheo phạm giới trong lúc thuyết giới yết ma phát lồ sám hối xuất tội, bị tiểu chúng hoặc người tục nghe rồi sinh ra tội khinh khi phỉ báng. Đến như điều văn giới tướng của Đại giới ít nhất đối với Sa di là có thể đọc, ngoại đạo và người tục không có chánh tín không nên cho họ đọc. Người thế tục ở các quốc gia Nam truyền có thể nghiên cứu Đại Luật, nguyên nhân khai lệ có lẽ cũng là căn cứ vào một quan niệm này.

Nhưng trong Tăng Kỳ Luật quy định Tỳ kheo nếu nói tên của ngũ thiên thất tụ cho người chưa thọ Cụ túc giới nghe, phạm tội Việt tỳ ni. Đây là một căn cứ có quyền lực, Tỳ kheo không nên cố động tiểu chúng và người thế tục xem Đại Luật.

Nhưng, Cụ túc giới đối với Tỳ kheo, tỳ kheo ni phân làm ngũ thiên thất tụ, cũng là 7 loại tội hạnh của 5 thứ tội danh; đối với Sa di, Sa di ni chỉ có một thứ tội danh gọi là Đột kiết la, phạm tội Đột kiết la của Đại giới là Đột kiết la, phạm tội Ba la di của Đại giới cũng là Đột kiết la. Duy phạm Đột kiết la của 4 giới căn bản đầu của thập giới đáng bị trục xuất ra khỏi tăng đoàn gọi là Diệt tẩn. Nếu phạm giới “Khởi ác kiến” (cho rằng Phật nói hành dâm không phải là pháp chướng đạo) trong tội Ba dật đề của Đại giới, Tỳ kheo khuyên can Sa di ấy ba lần mà vẫn không bỏ ác kiến, cũng bị trục xuất ra khỏi tăng đoàn. Nếu phạm các giới khác đều có thể dùng Đột kiết la sám trừ.

Nhưng căn cứ vào Thiện Kiến Luật quyển 17 nói: Sa di có 10 điều ác phải bị diệt tẩn. Những gì là mười? Sát sinh, trộm cắp, dâm dục, dối trá, uống rượu, hủy báng

Phật Pháp Tăng, tà kiến, hoại Tỳ kheo ni. Duy phạm 9 điều ác trước, nếu chí thành sám hối, khẩn thiết sửa lỗi, vẫn được thọ Tỳ kheo giới. Người “hoại Tỳ kheo ni” trong giá nạn là phạm 4 điều ác đầu trong 10 điều ác này, ở đây dường như nói: Phạm 4 biên tội, nếu chí thành khẩn thiết sửa lỗi tuy phạm biên tội vẫn có thể thọ Tỳ kheo giới.

Tiểu chúng tuy học Đại giới, nhưng cũng không phải là tùy học toàn bộ. Trong Thọ Giới Quy Tắc ghi ở *Ký Quy Truyện quyển 3 của Tam Tạng Nghĩa Tịnh* nói: “Chỉ cần nơi Luật tạng không phạm 12 điều. Những gì là mười hai?”

1. Không phân biệt y
2. Lìa y ngủ
3. Nhóm lửa
4. Túc thực
5. Hại sanh chủng
6. Bỏ đồ bất tịnh trên cỏ tươi
7. Tự leo lên cây
8. Cầm nắm vật báu
9. Ăn đồ ăn dư cách đêm
10. Đào đất
11. Không thọ thực
12. Nhỏ cỏ chặt cây”.

Lại nói: “12 điều này hai chúng Sa di, Sa di ni không trì không lỗi, còn chánh học nữ không trì 5 điều sau thì phạm”.

Ở đây cần phải giải thích thêm:

1. Tỳ kheo có 3 y, Tỳ kheo ni có 5 y, vì thế có phân biệt trong trường hợp nào nên mặc đắp y nào. Sa di chỉ có 2 mạn điều; một là y trên, hai là y dưới, không có phân biệt.

2. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni không được lìa 3 y ngũ, chủ yếu tại đại y. Sa di không có đại y vì thế không phạm.
  3. Tỳ kheo không được nhóm lửa nấu ăn, Sa di có thể nhóm lửa nấu cháo cho Tỳ kheo bệnh ăn cho đến nấu cơm cho đại chúng dùng.
  4. Tỳ kheo giả sử sau khi đã ăn bữa ăn chính từ sớm rồi, vẫn chưa đến chính Ngọ, thí chủ có đem đồ ngon đến cúng dường, trong bụng có thể ăn thêm cũng không được ăn nữa, đây gọi là “Túc thực”. Nếu như nhất định muốn ăn phải nhờ một Tỳ kheo khác chưa ăn no làm pháp dư thực bằng cách nhờ Tỳ kheo kia ăn trước một miếng rồi sau đó mình mới được ăn. Sa di tuổi nhỏ không chịu đói nỏi vì thế không bị sự hạn chế của túc thực.
  5. Sanh chủng là hạt giống và ngũ cốc, Tỳ kheo không được làm tổn hại, Sa di có thể thay đại chúng xử lý.
  6. Bất tịnh là chỉ cho các vật như bản như đại tiểu tiện và đàm dãi.
  7. Leo cây cao làm mất oai nghi.
- Hai điều trên được chế định là phòng ngừa người tục chê bai.
8. Tỳ kheo chẳng được cầm nắm vật báu, Sa di có thể thay đại chúng cầm giữ.
  9. Đồ ăn còn thừa để cách đêm gọi là tàn thực. Tỳ kheo chẳng được ăn lại, Sa di có thể ăn lại.
  10. Tỳ kheo không được đào đất và sai người đào đất. Sa di có thể vì đại chúng, vì Tam bảo đào đất.
  11. Các vật thực không do người khác đưa cho, Tỳ kheo không được ăn. Sa di không bị sự hạn chế này và làm người dâng vật thực cho Tỳ kheo.
  12. Mầm cây là loại cỏ cây, cỏ cây là chỗ quý thần nương ở, vì thế, Tỳ kheo không nhổ cỏ, không chặt cây. Sa di không bị sự hạn chế này.
- Chánh học nữ là dịch ý của Thức xoa ma ni, ở trong 12 điều này, 7 điều trước không trì không phạm, đây là chỗ bất đồng với Sa di và Sa di ni.



## IV. OAI NGHI CỦA SA DI VÀ SA DI NI

Quan hệ đến Sa di và Sa di ni, trong Đại Chánh Tạng có 5 bộ sách sau đây có thể dùng nghiên cứu tham khảo:

1. Sa Di Thập Giới Tinh Oai Nghi (1 quyển)
2. Sa Di Oai Nghi (1 quyển)
3. Kinh Phật Thuyết Sa Di Thập Giới Nghi Tắc (1 quyển)
4. Sa Di Ni Giới Kinh (1 quyển)
5. Sa Di Ni Ly Giới Văn (1 quyển)

Nhưng vì nội dung của năm bộ sách này trước sau trùng lặp, không có cương lĩnh thống nhất, người sơ học rất khó nắm được đầu mối, vì thế cuối đời nhà Minh có Đại sư Liên Trì chỉnh lý và biên tập thành một quyển Sa Di Luật Nghi Yếu Lược, về sau lại có Ngài Hoằng Tán làm chú thích thêm. Cuối đời nhà Minh còn có Đại sư Ngẫu Ích biên tập thành quyển Sa Di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu. *Quyển trước kỹ càng, quyển sau giản dị sáng sủa*, mỗi quyển đều có chỗ hay, đều có giá trị, đáng cho chúng ta tham khảo duyệt học. Hiện nay Đài Loan Ấn Kinh Xứ có bản đơn hành lưu động.

Trong Sa Di Thập Giới Tinh Oai Nghi nói: “Sa di 72 oai nghi gồm có 14 việc”. Trong Sa Di Ni Ly Giới Văn nói: “Oai nghi 70 sự kiện”. Trừ những oai nghi có quan hệ riêng cho nam nữ bất đồng ra, oai nghi của Sa di, Sa di ni phần nhiều tương đồng. Nay tôi xin đem một, vài oai nghi được xem là trọng yếu phân làm hai tổ nam nữ trích lục như sau:

### A. Oai nghi của Sa di

**1. Pháp thầy dạy Sa di: Phải kính Đại Sa môn, không** được kêu tên của Đại Sa môn. Lúc Đại Sa môn thuyết giới kinh không được lên nghe. Không được tìm điều hay dở của Đại Sa môn. Đại Sa môn có lỗi lầm không được nói với người khác. Không được nói xấu Đại Sa môn khi vắng mặt. Không được khinh dễ cợt cười cợt trước Đại Sa môn và nhái theo ngôn ngữ hình tướng của Ngài. Thấy Đại Sa môn phải lập tức đứng dậy, trừ khi đọc kinh, ăn cơm, công tác. Giữa đường gặp Đại Sa

môn, phải đứng nép qua một bên. Nếu lúc chơi đùa thấy Đại Sa môn liền phải ngưng ngay.

**2. Pháp Sa di thờ thầy: Phải xem thầy như cha, phải** dậy sớm. Muốn vào cửa phòng thầy trước phải búng ngón tay ba lần. Phải chuẩn bị đồ súc miệng rửa mặt cho thầy. Phải rải nước khi quét đất. Phải xếp y phục, dọn dẹp lau quét giường chiếu cho thầy. Thầy đi chưa về, không được bỏ phòng ra đi. Nếu có lỗi thầy răn dạy không được cãi lại, phải cúi đầu lắng nghe lời thầy và nghĩ nhớ để vâng làm. Đi ra phải đóng cửa lại cẩn thận.

**3. Pháp Sa di bạch thầy: Ngoại trừ 5 việc: Súc miệng,** uống nước, đại tiện, tiểu tiện và lễ kính tháp Phật trong vòng 49 tầm (mỗi tầm 8 thước tào) của phạm vi kiết giới, có làm việc gì đều phải bạch với thầy.

**4. Pháp Sa di nhập chúng: Phải học cho rõ, phải tập** làm việc. Phải vì chúng phục vụ. Phải vì Đại Sa môn mà đưa vật dụng. Phải lễ Phật. Phải lễ Tỳ kheo Tăng. Phải chào hỏi bậc Thượng tọa, Hạ tọa. Phải nhường chỗ ngồi cho bậc Thượng tọa, không được tranh dành chỗ ngồi, không được ở trên tòa ngồi kêu gọi cười giỡn. Không được luôn luôn đứng dậy đi ra ngoài. Nếu trong chúng có gọi đến tên mình thì liền dạ. Tỳ kheo chấp sự có sai làm việc gì trước phải bạch thầy.

**5. Pháp Sa di làm trị nhật: Phải tiếc vật của chúng** Tăng. Chẳng được ở giữa đường làm việc. Làm việc chưa xong chẳng được giữa chừng bỏ đi. Đang lúc làm việc, nếu bị thầy gọi phải thưa cho Tỳ kheo chấp sự biết. Phải phục tùng sự chỉ đạo và giáo lệnh của thầy Tỳ kheo chấp sự, chẳng được trái nghịch.

**6. Pháp Sa di vào phòng tắm: Phải cúi đầu vào nhà** tắm. Trong nhà tắm phải tránh chỗ của bậc Thượng tọa. Không được đùa giỡn tạt nước lên nhau. Không được tạt nước cho lửa tắt. Không được cười giỡn. Không được làm hư hại vật dụng trong nhà tắm. Không được dùng nước quá phí. Không được để nước và xà bông đổ vào hồ tắm.

**7. Pháp Sa di vào cầu xí: Muốn đại tiểu tiện phải đi** liền. Lúc đi, không được liếc ngó hai bên. Đến cửa cầu xí trước hết phải búng tay ba lần cho người bên trong biết, chẳng được hỏi thúc người trong cầu ra. Bước lên cầu tiêu rồi lại búng ngón tay ba lần nữa để cho quỷ thần ăn phần biết mà tránh. Không được cúi đầu nhìn xuống bộ phận sinh dục. Không được rặn lớn tiếng. Không được nhổ nước miếng

đàm dãi làm dơ vách. Không được vẽ lên vách hoặc dưới đất. Không được ngồi lâu trong cầu xí. Trong lúc đi cầu xí gặp người không làm lễ, phải lánh đường đi. Lúc ra khỏi cầu xí phải rửa tay, không được cầm đồ vật. Phải lấy nước rửa đường đại tiểu tiện, gọi là tẩy tịnh. Không tẩy tịnh không được lễ Phật. Phải dùng nước trong súc miệng, không súc miệng chẳng được tụng kinh.

**8. Pháp Sa di lễ thầy: Thầy tọa thiền không nên làm lễ, thầy kinh hành không nên làm lễ, thầy đang ăn không nên làm lễ, gặp bên tay trái thầy không nên làm lễ, không nên làm lễ thầy nằm bệnh, đất như không nên làm lễ.**

**9. Pháp Sa di vào nhà cư sĩ: Đến cửa nhà, phải tự xét** oai nghi của mình, cũng không được thấy người mà làm oai nghi. Nhà không có người nam không được vào cửa. Nhà có thờ Phật, lúc bước vào, trước tiên phải lễ Phật. Vào nhà, nếu ngồi, trước phải xem: Chỗ có binh khí không nên ngồi, chỗ có vật báu không nên ngồi, chỗ có y phục trang sức phụ nữ không nên ngồi. Không được ngồi nói chuyện một mình với người nữ ở chỗ có ngăn che. Không được cố đùa giỡn với trẻ con. Không được nói nhiều, không được đùa cợt. Phải ngồi yên lặng, phải ngồi ngay thẳng. Không được kết thân với cư sĩ làm cha mẹ chị em.

**10. Pháp Sa di vào chợ: Phải cúi đầu đi thẳng đến nơi** và đi thẳng về. Không được cùng người nữ trước sau đi theo nhau. Không được đi ngó qua ngó lại. Không được cố nhìn người nữ. Không được đến xem chỗ náo nhiệt. Mua đồ không được tranh dành đắt rẻ, không được ngồi trong cửa hàng của người nữ. Nếu bị người dành phải khéo lánh đi, đừng theo trả giá. Nếu đã mua vật ở chỗ A đắt, chỗ B tuy rẻ cũng không được bỏ chỗ A mà mua chỗ B, làm cho chỗ A sinh giận.

**11. Pháp Sa di vào chùa Ni: phải có đồng bạn vào** chùa Ni. Vào chùa trước phải lễ Phật. Nếu không có chỗ dành riêng cho khách thì không được ngồi. Không được thuyết pháp không hợp thời. Nếu từ chùa Ni trở về, không được nói sự đẹp xấu của chùa Ni. Không được thư từ qua lại với Ni. Không được nhờ may vá và giặt giũ quần áo.

## **B. Oai nghi của Sa di ni**

**1. Pháp Sa di ni đi ra ngoài: đi ra ngoài không được đi** một mình, phải cùng với Đại Ni hoặc 2, 3 Ni cùng đi. Nếu không có Ni phải cùng với thân tín Ưu bà di đồng

đi. Phải nhìn thẳng 6 thước (2m) phía trước nà đi. Không được đi cùng người nam hoặc theo sau đi chung đường.

**2. Pháp Sa di ni ngủ:** *Không được nằm ngửa, nằm sấp*, nằm nghiêng bên trái; phải nằm kiết tường nghiêng bên phải. Không được để lộ vai, ở trần. Không được đặt tay ở chỗ âm hộ.

**3. Pháp Sa di ni vào nhà cư sĩ:** *Không được vào phòng* của phụ nữ nói cười. Không được ngồi ăn dưới bếp. Không được cùng người giúp việc nói chuyện riêng. Không được đi một mình đến cầu xí. Không được lên chỗ cầu xí của người nam. Không được lấy tay trao đồ vật cho người nam, phải để ở trên đất (hoặc chỗ thích đáng) để người đó tự lấy. Không được đùa giỡn với trẻ con.

**4. Pháp sa di ni vào nhà tắm:** *Không được lỏa lồ tắm* chung với Ưu bà di. Không được bàn luận về việc tắm rửa. Không được cùng Ưu bà di kỳ cọ lẫn nhau. Không được tắm chung với trẻ con. Không được dùng nước rửa của người khác đã rửa. Không được tự nhìn chỗ kín của thân thể.

**5. Pháp Sa di ni vào chùa tăng:** *Phải theo Đại ni hoặc 2, 3 người* cùng đi. Vào chùa trước phải bạch Trì sự tăng. Không được cùng Tỳ kheo ngồi chung một nhà. Không được cùng Tỳ kheo ngồi chung một tòa. Không được cùng Tỳ kheo cười đùa. Không được ngồi nằm trong mền nệm của Sa di. Không được cùng Tỳ kheo ăn chung bát. Không được mặc làm y Tỳ kheo.

Trên đây là tóm lược oai nghi của Sa di , Sa di ni , thật ra cũng là toát yếu oai nghi của Tỳ kheo và Tỳ kheo ni. Sa di ni cũng phải đồng học những phần chung của oai nghi Sa di. Ngày lục trai, cư sĩ cũng nên học trì oai nghi Sa di. Đây là điều cần phải biết.

---o0o---

## ***Chương 5 : Thức Xoa Ma Ni***

### **I. TẠI SAO GỌI LÀ THỨC XOA MA NI?**

Thức xoa ma ni là dịch âm của Phạn văn Siksamàna. Trung Quốc có nhiều cách dịch, như Thức xoa, Thức xoa ma na, Thức xoa ma na ni, Thức xoa ma ni,

cũng đều chỉ cho một tên gọi này. Về ý nghĩa của nó, cự dịch là Học pháp nữ, tân dịch là Chánh học nữ.

Đây là Phật chế người nữ xuất gia phải trải qua quá trình Thức xoa ma ni này trước khi thành Tỳ kheo ni. Nhưng Thức xoa ma ni đã bị Phật giáo Trung Quốc từ lâu bỏ quên. Vì thế, thời gian gần đây đa số Phật giáo đồ đối với ý nghĩa của Thức xoa ma ni đã không hiểu, lại còn có hiểu lầm nữa. Có người cho rằng người nữ từ bé để tóc tu hành ở trong chùa là Thức xoa ma ni. Kỳ thật không đúng, người nữ chưa cạo tóc, chưa đổi trang phục chỉ là một loại cư sĩ. Cư sĩ phân làm bốn thứ nam nữ tại gia và tại chùa. Nam nữ tại gia gọi là cận sự nam, cận sự nữ. Nam nữ cư sĩ tại chùa gọi là cận trụ nam, cận trụ nữ. Vì thế, trình nữ để tóc tu hành tại chùa là một loại cận trụ nữ. Họ chỉ là một trong bốn chúng cư sĩ chưa tiện nhập vào giai đoạn của thân phận năm chúng xuất gia. Trung Quốc hiện có những người nữ ở trong chùa vẫn để tóc mặc đồ thế tục tự cho mình là người xuất gia, đó là do họ chẳng hiểu luật chế của Phật. Thật ra, họ vẫn còn là thân phận của người thế tục. Nước Thái Lan thuộc Nam truyền Phật giáo hiện tại không có phái nữ xuất gia, nhưng vẫn cho người nữ cạo tóc đắp mạn y ở trong tự viện tu hành, họ không có địa vị ở trong người xuất gia, vẫn y như cũ là thân phận người thế tục. Nhưng họ có thể cạo tóc đắp mạn y, hình tướng đã đồng Sa di ni. Điều này so với người Trung Quốc ở tự viện không cạo tóc cũng không đổi trang phục lại tự xưng là người xuất gia, thật là hiện tượng đáng được kính phục, đáng được noi theo.

Thức xoa ma ni là quá trình phải trải qua giữa Sa di ni và Tỳ kheo ni. Người nữ xuất gia nếu trước không trải qua hai giai đoạn Sa di ni và Thức xoa ma ni thì không thể tiến vào địa vị Tỳ kheo ni. Người nam xuất gia chỉ có hai giai đoạn Sa di và Tỳ kheo. Người nữ xuất gia nhiều hơn người nam một giai đoạn Thức xoa ma ni. Đây chẳng phải Đức Phật kỳ thị phái nữ hoặc thiên vị phái nam, chính vì do sự cần thiết của sự thật, phải thêm một giai đoạn Thức xoa.

Người nữ xuất gia thuở ban đầu là y cứ vào Bát kinh pháp thành Tỳ kheo ni, không trải qua Sa di ni, cũng không có Thức xoa ma ni. Về sau, người nữ xuất gia dần dần đông, phần tử phức tạp, trình độ bất nhất; có những người nữ xuất gia không bao lâu lại độ người khác xuất gia; do đó, vấn đề của thầy trò và yêu cầu của thầy trò phát sinh, vì thế, tối thiểu phải 2 năm giới lạp và thông hiểu giới luật mới có thể làm thầy độ ni. Có những Tỳ kheo ni độ người nữ tại tục xuất gia, một khi xuất gia liền cho thọ Tỳ kheo ni giới thành Tỳ kheo ni. Nhưng sau đó không được bao

nhiều ngày, người nữ ấy không quen với sinh hoạt xuất gia lại tự động hoàn tục một cách nhanh chóng. Do đó, yêu cầu kỳ hạn của quá trình xuất gia cũng phát sinh, vì thế cũng cần phải thọ Sa di giới. Lại có Tỳ kheo ni độ người nữ xuất gia nhưng chưa biết họ đã kết hôn hay chưa, không biết có mang thai hay không, sau khi họ xuất gia thành Tỳ kheo ni rồi lại có người bụng to ra mà sinh em bé, khiến cho người đời phỉ báng cho rằng Tỳ kheo ni phạm giới dâm. Do đó, Đức Phật phải thêm một giai đoạn Thức xoa cho người nữ xuất gia.

Giai đoạn của Sa di ni không bị thời gian hạn chế. Giai đoạn của Thức xoa ma ni hạn kỳ 2 năm vì trong thời gian 2 năm này: Một là rèn luyện tính tình của người nữ cho họ quen dần với sinh hoạt xuất gia. Hai là dùng để quan sát sinh lý của người nữ xem có thọ thai hay không. Có người cho rằng dùng thời gian 2 năm để quan sát người nữ có thai hay không dường như quá dài. Kỳ thật nói 2 năm, chứ trong Tăng Kỳ Luật quyển 39 nói: “Hai năm là 2 mùa mưa”, nghĩa là nói từ đầu mùa mưa năm nay đến cuối mùa mưa sang năm. Ở Trung Quốc, có thể giải là qua 2 cái tết chứ chẳng phải tròn đủ 2 năm. Tỷ như từ ngày 30 tháng chạp năm nay đến ngày mùng một tháng giêng sang năm; kể là 2 năm kỳ thật chỉ là 1 năm lẻ 2 ngày mà thôi, dùng thời hạn như thế để kiểm tra người nữ có thai hay không, đó chẳng phải là việc thích đáng sao? Đương nhiên, nếu dùng dụng cụ khoa học của ngày nay kiểm nghiệm đâu cần phải qua thời gian dài như thế. Duy nhìn về phương diện làm cho người nữ quen dần với sinh hoạt xuất gia, giai đoạn 2 năm Thức xoa vẫn là cần thiết, như trong *Tứ Phần Giới Bôn Tùy Giảng Biệt Lục của đại sư Hoằng Nhát nói: “Lục pháp tịnh tâm, hai năm tịnh thân. Trước là thử xem cái duyên thọ Đại giới, sau là để biết có thai hay không?”*

---o0o---

## II. TUỔI CỦA THỨC XOA MA NI

Về tuổi của Thức xoa ma ni, các bộ Quảng Luật biên chép đại khái đồng nhau, ước lược có thêm bớt. Trong *Tứ Phần Luật quyển 48* nói :”Cho đồng nữ 18 tuổi, 2 năm học giới; tuổi đủ 20 ở trong Tỳ kheo ni tăng thọ Đại giới. Nếu 10 tuổi đã từng lấy chồng, cho 2 năm học giới đủ 12 tuổi cho thọ đại giới. Đây là nói với người nữ chưa có chồng, 18 tuổi xuất gia thọ Sa di ni thập giới rồi tiếp theo trải qua giai đoạn 2 năm. Thức xoa ma ni để tiện học tập giới luật trọng yếu của sinh hoạt xuất gia, đến khi đủ 20 tuổi thọ Tỳ kheo ni giới hoàn thành giai đoạn cao nhất

của người nữ xuất gia. Nếu thiếu phụ 10 tuổi đã có chồng (người nữ ở Ấn Độ phát dục rất sớm, trên dưới 10 tuổi cưới gả, không phải là chuyện lạ ít có) cũng chỉ trải qua giai đoạn 2 năm Thức xoa, người này đến 12 tuổi được thọ giới Tỳ kheo ni trở thành Tỳ kheo ni. Người nữ so với người nam chồng trưởng thành hơn, tuy là thiếu phụ tuổi 12, thể chất và trí năng của họ có thể bằng với nam thành niên 20 tuổi. Vì thế trong luật cho người nữ đã từng lấy chồng đến 12 tuổi được thọ Tỳ kheo ni giới chứ chưa từng có ghi cho người nam dưới 20 tuổi được thọ Tỳ kheo giới.

Trong những Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Bí số *Tỳ nại da quyển 18 ghi chép có chút bất đồng. Phật nói* :”Nếu người nữ... tuổi đủ 12 hoặc 18 phải cho 2 năm Chánh học pháp mới truyền Cận viên (Tỳ kheo ni )”. Chỗ này nói 12 là bắt đầu 12 tuổi phải học pháp Thức xoa ma ni 2 năm, đến khi 14 tuổi mới thọ Tỳ kheo ni giới. Đây cùng với sự quy định của Tứ Phần *Luật nói từ 10 tuổi, trải qua giai đoạn 2 năm Thức xoa*, đến 12 tuổi thọ Tỳ kheo ni giới, sai biệt nhau 2 năm ! Rất cuộc sự ghi chép nào đúng hơn; cũng khó biết! Tôi nghĩ ở Ấn Độ thường sử dụng sự ghi chép của Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ vẫn còn bị coi là quá sớm, vì người nữ Trung Quốc 12 tuổi lấy chồng là điều ít thấy.

Sự ghi chép của Luận Tát Bà Đa đồng với Tứ Phần *Luật*: ”*Tuổi 12 được thọ Cụ túc giới, vì quen chịu nhà chồng sai khiến, nên chịu đựng nỗi cái khổ của sinh hoạt xuất gia*”.

Sự ghi chép của Kinh Tỳ Ni Mẫu quyển 8 đồng với *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ, nếu người nữ 10 tuổi đã có chồng, độ cho xuất gia thọ Sa di giới, sau khi đủ 2 năm được thọ Thức xoa ma ni giới, sau khi mãn 2 năm được thọ Cụ túc giới*.

Còn có một vấn đề là trong luật chỉ nói người nữ đã có chồng hoặc chưa có chồng, từ 18 tuổi về trước, nếu muốn xuất gia trước phải qua giai đoạn 2 năm Thức xoa ma ni, chứ chưa nói đến người nữ từ 20 trở lên xuất gia phải như thế nào? Căn cứ vào lý suy ra người nữ từ trên 20 tuổi đến dưới 58 tuổi, nếu đến trong Phật giáo cầu độ xuất gia cũng đều trải qua giai đoạn 2 năm Thức xoa. Bằng không thì hai vấn đề: Tập cho quen sinh hoạt xuất gia và xem có thai hay không, vẫn y nhiên tồn tại.

### III. NHỮNG GÌ LÀ PHÁP THỨC XOA MA NI?

Thứ bậc của Thức xoa ma ni tuy ở trên Sa di và Sa di ni, nhưng giới phẩm của họ vẫn là Sa di ni giới. Tuy ở trong Ni tăng bạch nhị yết ma (ở trong Ni tăng đoàn trước báo cáo một lần, rồi tuyên bố hai phen để trưng cầu đồng ý, gọi là nhất bạch nhị yết ma, gọi tắt là bạch nhị yết ma) truyền cho lục pháp, nhưng không có giới thể riêng để đắc. Vì thế, trong Nghiệp Sớ nói: “Học pháp nữ này không có giới luật, chỉ thọ biệt giáo thứ bậc hơn Sa di ni”. Nhân vì thọ Lục pháp nên thứ bậc hơn Sa di ni. Trong các thứ bậc của giới, đây là thứ bậc rất đặc thù, các thứ bậc giới khác đều có giới thể để đắc, duy có một thứ bậc này chỉ được thêm lục pháp mà thôi. Lục pháp này được gọi là pháp Thức xoa ma ni.

Những gì là pháp Thức xoa ma ni? Trừ nghiêm trì Sa di thập giới ra, còn có thêm lục pháp là:

1. Cùng với thân người nam (từ mí tóc trở xuống đầu gối trở lên) có tâm nhiễm ô xúc chạm người nam thành niên và biết người ấy đối với mình có tâm nhiễm ô.
2. Trộm của người 4 tiền trở xuống: Trị giá 4 tiền trở xuống cho đến một cây kim ngọn cỏ.
3. Cố giết mạng súc sinh: Cố ý giết hại dị loại chúng sinh khiến cho nó chết.
4. Tiểu vọng ngữ: Nói trái lại với điều mình thấy, nghe, hay, biết.
5. Ăn phi thời: Bóng mặt trời quá giữa Ngọ mà ăn.
6. Uống rượu: Cho đến một giọt dính vào môi

Thức xoa ma ni phạm 4 giới trước của Sa di thập giới (4 tội căn bản) bị trục xuất ra khỏi Tăng đoàn (diệt tẩn). Phạm bất cứ một pháp nào trong lục pháp đã nêu trên phải bạch nhị yết ma lại và thọ lại lục pháp 2 năm. Nếu phạm các giới khác, chỉ gọi là khuyết hạnh, hối cải liền trừ.

Trong Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Bí số Tỳ nại da quyển 8 có quy định về lục pháp hoặc lục tùy pháp của Thức xoa ma ni, nội dung cùng với Tứ Phần Luật quy định có hơi bất đồng. Nay chép lại như sau:

#### A. Lục pháp



1. Không được đi đường một mình
2. Không được qua sông một mình
3. Không được chạm vào thân người nam
4. Không được ở chung với người nam
5. Không được làm mai mối cưới gả
6. Không được che giấu Tỳ kheo ni phạm tội trọng

## **B. Lục tùy pháp**

1. Không được cầm vàng bạc thuộc về của mình.
2. Không được cạo lông chỗ kín (dưới nách và đường tiểu tiện).
3. Không được đào đất chỗ âm thấp hay sinh cỏ cây.
4. Không được cố ý nhổ cỏ chặt cây.
5. Không được do người đưa mà tự mình lấy thức ăn để ăn.
6. Không được ăn đồ ăn đã xúc chạm.

Trong Tăng Kỳ Luật quyển 39 nói:” Thức xoa ma ni 2 năm phải tùy thuận học 18 việc”. Nhưng trong Tăng Kỳ Luật chưa liệt kê lục pháp và cũng chưa liệt kê lục tùy pháp. Mười tám việc là:”Ăn uống dưới tất cả Tỳ kheo ni, trên tất cả Sa di ni. Đối với Thức xoa bất tịnh thực, Tỳ kheo ni tịnh. Đối với Tỳ kheo ni bất tịnh, đối với Thức xoa cũng bất tịnh. Được cùng Tỳ kheo ni ngủ đồng một phòng ba đêm, cùng Sa di ni cũng chỉ ba đêm. Được Tỳ kheo ni trao thức ăn, trừ hỏa tịnh năm thứ sanh chủng rồi, tự mình nhận thức ăn từ Sa di ni. Tỳ kheo ni không được nói với Thức xoa về Ba la đề mộc xoa (danh tự của giới ngũ thiên thất tự) của Tỳ kheo ni, chỉ được nói không được dâm, không được trộm, không được giết người. Không được nghe trộm Bồ tát, tự tứ. Đến ngày Bồ tát, tự tứ, đến trước Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ dưới chân, thưa như vậy: “Con.....thanh tịnh ức niệm trì”. Nói ba lần như vậy rồi lui ra. Bốn Ba la di sau (Tỳ kheo ni gồm có 8 Ba la di, so với Tỳ kheo ni thì còn có thêm 4 Ba la di sau) là:

1. Cùng với người nam có tâm nhiễm ô xúc chạm thân thể từ nách trở xuống, đầu gối trở lên.
2. Cùng với người nam có tâm nhiễm nắm tay nắm áo vào chỗ khuất, cùng đứng, cùng ngồi, cùng nói chuyện, cùng đi, thân dựa vào nhau, cùng hẹn hò.
3. Biết Tỳ kheo ni có tội trọng mà che giấu không nói cho người biết.
4. Thuận tòng cúng dường Tỳ kheo bị tăng cử tội mà không cho cộng trụ.

Nếu phạm một giới nào phải thọ lại lục pháp. Nếu phạm 19 Tăng già bà thi sa trở xuống (Tăng Kỳ Luật, Tỳ kheo ni có 19 giới Tăng tàn, Tứ Phần Luật chỉ có 17 điều ) tất cả làm pháp sám hối Đột kiết la. Nếu phá 5 giới: “Ăn phi thời, ăn vật, thường nhận vàng bạc và tiền, uống rượu, đeo tràng hoa, tùy theo ngày phạm phải bắt đầu học giới lại”.

Chúng ta thấy trong ba bản luật dẫn ở trên đều có sự quy định bất đồng. Nhưng ở Trung Quốc chỉ hoằng dương Tứ Phần Luật, nếu lấy sự quy định của Tứ Phần *Luật làm pháp thức cơ bản của Thức xoa ma ni* đương nhiên thích nghi hơn. Còn sự quy định của hai bản luật kia cũng không ngại gì tham khảo tuân hành, trì được thêm một vài giới đều là đáng mừng. Điều đáng tiếc là Phật giáo Trung Quốc trước mắt không có giai đoạn Thức xoa ma ni, thời xưa có trải qua hay không, tôi chưa từng thấy tài liệu ghi chép. Nói theo luật chế, phái nữ xuất gia nếu trước không trải qua 2 năm Thức xoa ma ni thì không được thọ Tỳ kheo ni giới. Giả sử thọ Tỳ kheo ni giới cũng không đắc giới. Vì thế, tôi rất ước mong chị em Ni chúng đại tâm có chí nguyện, có tuân thủ, có thành tín, có năng lực, phải nên vì sự trùng hưng luật thống và luật chế, nỗ lực một phen, không nên cầu thả lười biếng để vĩnh viễn làm đồ phụ thuộc không ra gì.

Nghi thức Thức xoa ma ni bạch nhị yết ma và thọ lục pháp cũng rất đơn giản, vì hiện nay Phật giáo Trung Quốc đã chẳng tuân hành nên không cần phải ghi ra. Nếu như một mai tuân hành, tự tìm trong luật bản ra ứng dụng cũng không khó.

---o0o---

#### IV. PHÁP HỐI TỘI

Sau cùng là hối tội, pháp sám hối của tội Đột kiết la. Tội Đột kiết la gồm có hai thứ: Một là cố ý phạm, hai là vô ý phạm. Vì thế, pháp sám hối cũng có hai thứ: Một là đối trước một vị Đại đức sám hối, hai là tự hối trách tâm sám.

Người sám phải đầy đủ oai nghi hướng về một vị Đại đức quỳ gối chấp tay bạch như vậy:”Đại đức ức niệm con là...sa di (ni) cố phạm tội Đột kiết la...nay hướng về Đại đức phát lồ sám hối, xin Đại đức ức niệm xót thương”. Đại đức thọ sám liền nói: “Tự trách lấy tâm nguoi”. Đáp: “Vâng”.

Tự trách tâm sám cũng nên đầy đủ oai nghi đến trước Phật đốt hương lễ bái, quỳ gối chấp tay bạch: “Con là sa di (ni)...làm phạm Đột kiết la. Nay phát lồ sám hối không dám làm nữa”. Cũng có người cho rằng lúc tự trách tâm sám không cần ở trước Phật, tùy lúc phạm tâm liền hối lỗi cũng được.

Thức xoa ma ni trừ việc phạm lục pháp có cách xử lý riêng, ngoài ra phạm các điều khác cũng chỉ có một tội Đột kiết la, phương pháp sám hối đồng với Sa di và sa di ni.

Tỳ kheo không được nhờ Tỳ kheo ni làm sám chủ để hướng về Tỳ kheo ni hối tội. Tỳ kheo ni phải hướng về Thượng tọa Tỳ kheo hoặc Tỳ kheo thanh tịnh đồng học đồng pháp mà hối tội. Còn Sa di địa vị dưới Tỳ kheo ni, lý đáng có thể hướng Tỳ kheo ni hối tội, nhưng Sa di là người theo Tỳ kheo và trụ ở tự viện của Tỳ kheo, nên cũng không cần phải bỏ chỗ gần đến chỗ xa hướng về Tỳ kheo ni hối tội.

---o0o---

## **Thiên thứ sáu : Tỳ Kheo Tỳ Kheo Ni Giới Cương Yếu**

### **Chương 1 : Khởi Nguyên Của Tỳ Kheo Và Tỳ Kheo Ni**

#### **LỜI MỞ ĐẦU**

Tỳ kheo giới và Tỳ kheo ni giới là đại giới trọng yếu trong Phật giới, vì thế cũng là một thứ Phật giới phong phú nhất. Nhìn từ góc độ trụ thế của Phật pháp, Tỳ kheo giới và Tỳ kheo ni giới trọng yếu hơn Bồ tát giới. Thế nên trong Đại Tạng Kinh Hán dịch có *Quảng bản Đại Luật của Tỳ kheo giới và Tỳ kheo ni giới* đến bốn năm trăm quyển, đó là chưa kể đến phần chú sớ, trứ thuật của Lịch đại Tổ sư. Hai năm đầu tiên tôi duyệt Luật tạng ở Đài Nam, tôi cũng đặt trọng tâm chú ý vào trong Quảng Luật của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni; nhưng trong quyển sách này chỉ giới

thiệu sơ lược về Tỳ kheo, Tỳ kheo ni giới. Nhân vì: Thứ nhất, đây là một quyển sách có tính cách phổ thông, độc giả phần đông là người tại gia, người tục vị tất tuyệt đối không được xem luật Tỳ kheo và Tỳ kheo ni; nhưng cũng không cần phải giới thiệu việc xuất gia một cách kỹ càng cho người thế tục. Thứ hai, nói một cách nghiêm chỉnh, trong hoàn cảnh Trung Quốc hiện đại, Tỳ kheo và Tỳ kheo ni đúng như luật đặc giới và đúng như luật trì giới, đó chẳng phải việc dễ dàng. Thật tâm mà nói, chính tôi cũng chưa thật xứng đáng là một “Tỳ kheo” của Tỳ kheo giới, thậm chí tôi cũng không phải là một Sa di đúng như pháp, tôi chỉ là một Ưu bà tắc hiện tượng xuất gia mà thôi, dẫu cho muốn thực hành đúng như luật cũng khó khăn biết bao! Vì thế, nội dung của thiên này tôi cũng không cố động độc giả chưa đầy đủ Tỳ kheo, Tỳ kheo ni giới đọc. Đương nhiên, tôi cũng không kịch liệt phản đối.

Đối với sự nghiên cứu Luật Tỳ kheo, Tỳ kheo ni tôi gân như dốc hết toàn bộ tinh lực trong mấy năm, đó là vì tôi muốn từ trong luật tìm ra nguyên nhân suy đồi của Phật giáo Trung Quốc và nhờ đó mà tìm ra phương án chấn hưng Phật giáo Trung Quốc. Vì thế tôi vừa đọc vừa ghi, vừa làm bút ký, khiến cho mỗi một vấn đề quy nạp thành một trung tâm làm thành một thiên tâm đặc và thêm vào đó ý kiến của mình. Phân tích ý kiến những vấn đề ấy cũng chính là làm mới lạ những vấn đề đã “chết” từ nhiều thế kỷ thành ra vấn đề hiện thực của chúng ta. Tôi thử làm sống lại luật điển, không vì cố chấp vào cổ xưa mà không biết canh tân. Bằng không, cũng không cần tôi phải tốn hao giấy mực, vì những trứ tác về Luật xưa nay đã có nhiều người làm rồi. Tuy tôi có cách nhìn của riêng tôi, nhưng vẫn không trái với luật điển, và có thể nói mọi điều ghi ra đều có căn cứ, độc giả có thể tra cứu đối chiếu. Độc giả đọc thiên này rồi có thể tham duyệt hai quyển “Phật Giáo Chế Độ và Sinh Hoạt” và “Phật Giáo *Thật Dụng Pháp*” *cũng của tôi chuyên giới thiệu về các vấn đề trọng yếu của Luật chế.*

---o0o---

## I. VÌ SAO GỌI LÀ TỶ KHEO, TỶ KHEO NI?

Tỳ kheo là dịch âm của Phạn văn Bhiksu, ý nghĩa chủ yếu là “Khất sĩ”. Trên theo “Nhu Lai” khát cầu Phật pháp để dưỡng dục huệ mạng của pháp thân, dưới hướng về người tục khát cầu cơm áo để nuôi sống sinh mạng của sắc thân, vì thế gọi là Khất sĩ. Ngoài ra còn có các nghĩa: Bố ma, Phá ác, Tịnh mạng, Tịnh trì giới.

Nhân vì xuất gia học Phật làm Tỳ kheo là muốn liễu thoát sinh tử, không còn bị sự khuấy nhiễu và chi phối của ma nghiệp cùng ma cảnh; ma vương bớt đi một ma dân để lợi dụng và chi phối; cho nên ma cảm thấy sợ hãi vì thế gọi là Bố ma. Tỳ kheo trì giới hay phá được phiền não ác nghiệp, vì thế gọi là Phá ác. Tỳ kheo không làm các nghề buôn bán, trồng trọt, thợ thuyền để mưu sinh, mà chỉ thanh tịnh khát thực để tự sống, vì thế gọi là Tịnh mạng. Tỳ kheo đem cả hình tướng, thọ mạng của suốt cuộc đời mình kiên trì giới luật thanh tịnh, vì thế gọi là Tịnh trì giới.

Đồng âm dịch khác của Tỳ kheo còn có Tỳ khuru, Bất sô, Bí sô. Trong chú sớ của Cổ đức Trung Quốc có người cho rằng Bí sô là tên của một loại cỏ, căn cứ vào truyền thuyết, loại cỏ này có năm đức tính đặc biệt:

1. Thở mát mềm mại.
2. Bò ra bên ngoài.
3. Hương thơm bay xa.
4. Trị được đau nhức.
5. Không tránh ánh sáng mặt trời.

Vì thế, lấy làm tên gọi của người xuất gia. Kỳ thật, theo sự nghiên cứu của các học giả thời gần đây, sự giải thích này chỉ là theo tưởng tượng, không chính xác. Bí sô là cừu dịch, Tỳ kheo là tân dịch, từ nguyên văn chữ Phạn dịch ra, chứ không có căn cứ vào tên loại cỏ nào cả. Lại có người nói “Đức tử Không Khuru” nên gọi là “Tỳ khuru”, lại càng không đúng.

Tỳ kheo ni là dịch âm của Phạn văn Bhiksuni ý nghĩa của nó cùng Tỳ kheo tương đồng, chỉ dùng âm “ni” biểu thị nữ tánh. Tỳ kheo ni cũng có nghĩa là nữ Tỳ kheo hoặc nữ khát sĩ. Trên phương diện dịch âm khác còn có Tỳ khuru ni, Bất sô ni, Bí sô ni.

Trong Phật giáo nói ba đời chư Phật đều có 7 hoặc 9 chúng đệ tử tăng tục nam nữ. Tỳ kheo đứng đầu 7 chúng. Tỳ kheo ni kế Tỳ kheo, đây là hai bậc chủ lực cốt cán trong Phật giáo đồ. Thời Đức Phật tại thế, hoạt động của Phật giáo lấy Đức Phật làm trung tâm. Sau khi Phật diệt độ, hoạt động của Phật giáo lấy người xuất gia làm trung tâm. Đệ tử tại gia lấy Tăng đoàn xuất gia làm trung tâm. Nếu như không

có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, sự trụ thế của Phật giáo sẽ mất đi giá trị của tôn giáo, mà chỉ có giá trị của triết học hoặc học thuyết văn hóa.

---o0o---

## II. SỰ XUẤT HIỆN CỦA TỶ KHEO VÀ TỶ KHEO NI

Trên thế giới, chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa về sự xuất hiện của Tỳ kheo và Tỳ kheo ni là do hơn 2.500 năm về trước, trong nhân loại xuất hiện một ngôi sao sáng, đó là Đức Phật Thích Ca Thế Tôn cứu người, cứu đời và cứu tất cả chúng sinh.

Phật giáo có những danh từ dùng theo ngữ vựng sẵn có của Ấn Độ với nội dung mới mẻ, như tên gọi của bốn chúng đệ tử, có điều dường như lấy từ một phương thức giống nhau mà ra. Tỷ như trong Ngũ Phần Luật có 11 thứ Tỳ kheo; trong đó, Khất Tỳ kheo không phải là Tỳ kheo đúng như pháp của Phật giáo. Nhưng chúng ta có thể khẳng định nghĩa bao hàm của 7 chúng Phật tử hoàn toàn bất đồng với đồ chúng ngoại đạo. Chính ngoại đạo cũng chưa có thể đem thứ bậc của đồ chúng họ phân ra được kỹ lưỡng và cẩn thận như thế.

Căn cứ trong Ngũ Phần Luật quyển 15 nói: Sau khi Phật thành đạo, đầu tiên ngài nhận sự cúng dường của hai người lái buôn tên Ly Vị và Ba Ly, rồi dạy hai người này thọ nhị tự quy y: Quy y Phật, quy y Pháp. Phật lại cho con gái của Bà la môn Tư Na là nàng Tu Xà Đà thọ nhị tự quy y. Nhân vì lúc ấy Đức Phật chưa độ 5 thầy Tỳ kheo nên chưa có Tăng bảo để quy y. Đủ thấy sự xuất hiện của Tỳ kheo sau Ưu bà tắc và Ưu bà di. Nhưng căn cứ vào sự ghi chép của Tứ Phần Luật Thọ Giới Kiền Độ, 7 chúng đệ tử Phật lấy Tỳ kheo làm thượng thủ, cũng vì Tỳ kheo xuất hiện rất sớm. Đó là lần chuyển pháp luân đầu tiên ở vườn Lộc dã. Trong lần đầu tiên truyền thánh giáo, Phật độ 5 người thị tòng theo Ngài xuất gia ở buổi đầu. Năm người thị tòng này do vua Tịnh Phạn phái đến vừa làm bạn với Thái tử vừa phục vụ Thái tử tu hành. Sau vì Thái tử bỏ sự khổ hạnh cực đoan, làm cho năm người thị tòng hiểu lầm cho rằng Thái tử thoái đạo tâm, vì thế họ khinh thị và ly khai Thái tử. Sau khi Thái tử thành đạo, Ngài nhớ lại năm Tỳ kheo này làm việc khổ nhọc, không kể lạnh nóng hầu hạ cúng dường, nên trước tiên độ năm người này. Đó là những Tỳ kheo được độ sớm nhất, cũng là năm vị Tỳ kheo có danh tiếng hơn hết.

Tỳ kheo ni trong 7 chúng Phật tử địa vị chỉ dưới Tỳ kheo, nhưng Tỳ kheo ni lại xuất hiện rất muộn. Ngày Đức Phật thành đạo cũng là ngày đản sanh của Tôn giả A Nan. Người nữ được xuất gia trong Phật giáo là do sự đồng tình của Tôn giả A Nan và Ngài đứng ra thỉnh cầu Đức Phật chấp nhận. Lúc ấy A Nan đã xuất gia thành Tỳ kheo đang làm thị giả theo bên cạnh Đức Phật. Sau khi thành đạo, Đức Phật thuyết pháp 49 năm, lúc Phật sắp nhập diệt, trong Căn Bản Tạng Sự quyển 37, A Nan cũng tự nói: “Tôi theo Phật hơn 20 năm”. *Kinh Trường A Hàm quyển 5* cũng nói: “Sau khi Phật thành đạo 25 năm, Ngài A Nan mới làm thị giả”. Do đây suy ra dưới tòa của Đức Phật có sự hoạt động của Tỳ kheo ni ít nhất cũng trễ hơn sự xuất hiện của Tỳ kheo hơn 20 năm. Nhưng trong Tứ Phần Luật San Bồ *Tùy Cơ Yết Ma Tùy Giảng Biệt Lục của Đại sư Hoằng Nhất* ghi: “Sau khi Như Lai thành đạo 14 năm. Di mẫu Ái Đạo cầu xuất gia”. Rốt cuộc như thế nào, còn đợi khảo chứng. Nhưng không có gì phải nghi, là bà Đại Ái Đạo, Di mẫu của Đức Phật là một vị đại Tỳ kheo ni sớm nhất và cũng nổi tiếng hơn hết. Căn cứ theo kinh nói: “Đương thời theo bà Đại Ái Đạo xuất gia một lượt có đến 500 người nữ thuộc giai cấp quý tộc dòng họ Thích”.

---o0o---

## II. TỖ KHEO VÀ TỖ KHEO NI ĐẦU TIÊN Ở TRUNG QUỐC

Người Trung Quốc biết có Phật giáo, các sử gia tin rằng bắt đầu từ vua Minh Đế đời Đông Hán niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 8 (65 TL). Trong 200 năm đầu, công tác truyền giáo đã phát triển nhanh chóng và phổ cập khắp nhân dân, giáo sĩ truyền giới hầu hết là Phạn Tăng từ Tây Vực sang. Sau khi người Trung Quốc tin Phật rồi, tuy cũng có ghi chép về sự truyền giới và thọ giới. Nhưng người Trung Quốc thành Tỳ kheo chính thức đúng như luật là vào đời Tào Ngụy niên hiệu Gia Bình năm thứ 2 (250 TL), do sau khi Ngài Đàm Ma Ca La từ Trung Thiên Trúc đến Lạc Dương của Trung Quốc kiến lập pháp Yết ma thọ giới.

Trung Quốc có Tỳ kheo ni là vào đời Lưu Tống niên hiệu Gia Nguyên năm thứ 7 (430 TL), có Sa môn của nước Kế Tân tên Cầu Na Bạt Ma đến Dương Châu. Lại, vào niên hiệu Gia Nguyên năm thứ 10 có Tăng Già Bạt Ma đến Dương Châu, đương thời có hai Tỳ kheo ni người nước Sư Tử (Tích Lan) trước sau đến, từ đó bắt đầu kiến lập luật thống của Ni giới Trung Quốc. Đủ thấy Tỳ kheo ni của Trung

Quốc xuất hiện trễ hơn Tỳ kheo 180 năm của lịch sử. Lúc ấy có hai bộ Tăng để truyền thọ Tỳ kheo ni giới hay không cũng rất khó suy định.

Những tư liệu kê trên rút ra từ Hành Sự Sao của Luật sư Đạo Tuyên. Căn cứ vào sự nghiên cứu gần đây của Pháp sư Trúc Ma nói: “Tại Trung Quốc, người nữ học Phật xuất gia rất sớm, chiếu theo bốn quyển Tỳ kheo ni Truyện của Pháp sư Bảo Sương đời Lương, trong ấy biên chép từ đời Tấn đến đời Lương có 74 ni được đưa vào truyện mà Thích Tịnh Kiểm là một Tỳ kheo ni đầu tiên ở Trung Quốc”. (Hải Triều Âm quyển 43, tháng 10). Chúng ta xem trong *Tỳ kheo ni Truyện thấy Tỳ kheo ni Tịnh Kiểm vào niên hiệu Kiến Hưng* đời Tấn Mẫn Đế (313-316), nhân vào trong một ngôi chùa ở cửa Tây cung thành nghe Sa môn Phát Thi giảng kinh rồi phát tâm xuất gia.

Nhưng không lý tưởng cho lắm, vì vị Tỳ kheo ni đầu tiên của Trung Quốc trực tiếp ở trong Tỳ kheo Tăng thọ Tỳ kheo ni giới. Tịnh Kiểm trước thọ thập giới nơi Sa môn Trí Sơn ở Tây thành; sau đó, vào niên hiệu Thăng Bình nguyên niên đời Đông Tấn Mục Đế (357 TL): “Đi thuyền đến đất Tứ, bốn người là Tịnh Kiểm... đồng đăng đàn theo Đại Tăng để thọ Cụ túc giới”. Thời đại này so với Hành Sự *Sao ghi chép sớm hơn 76 năm. Tịnh Kiểm phát tâm xuất gia*, 40 năm sau mới thọ Cụ túc giới, đủ thấy sự khó khăn của việc cầu giới.

Nếu từ trong Cao Tăng Truyện tìm căn cứ lịch sử Cao Tăng Trung Quốc lại sớm hơn 70 năm. Vì trong Lương Cao Tăng Truyện ghi vị Sa môn đầu tiên của Trung Quốc là Nghiêm Phật Điều. Trong Lương Cao Tăng Truyện quyển 1 nói: “Lúc ấy lại có Ưu bà tắc An Huyền, người nước An Tức”, “Cũng vào cuối đời Hán Linh Đế du lịch Lạc Dương”, “An Huyền và Sa môn Nghiêm Phật Điều cùng dịch Kinh Pháp Cảnh. An Huyền miệng dịch Phạn văn, Phật Điều bút thọ”, “Phật Điều vốn là người quê ở Lâm Hoài”.

Theo đoạn sử này chúng ta thấy Nghiêm Phật Điều là người Trung Quốc quê ở Lâm Hoài, nay thuộc Tây Bắc huyện Hu Di thuộc tỉnh An Huy. Vào cuối niên hiệu Hán Linh Đế, Phật Điều cùng với một cư sĩ tên An Huyền của nước An Tức cùng dịch Kinh Pháp Cảnh, thân phận của Nghiêm Phật Điều lúc ấy là Sa môn. Cuối niên hiệu Hán Linh Đế là năm 189 TL, vì thế so với Tào Ngụy niên hiệu Gia Bình năm thứ 2 (250 TL) sớm hơn 70 năm.



Nghiêm Phật Điều dù có sử khảo chứng là một vị Cao tăng đầu tiên của Trung Quốc, nhưng Phật Điều có phải là vị Tỳ kheo đầu tiên của Trung Quốc hay không, điều đó không được biết. Nhân vì Lương Cao Tăng Truyện khi đề cập đến Nghiêm Phật Điều vài câu trong truyện Chi Lôu Ca Sám, chỉ nói Phật Điều là Sa môn, chưa nói có phải là Tỳ kheo hay không.

---o0o---

## ***Chương 2 : Nguyên Do Và Chứng Loại Của Giới Luật Tăng Ni***

### **I. NGUYÊN DO CỦA GIỚI LUẬT**

Chúng ta đã nói giới luật của Phật giáo được chế định là do sự cần thiết thật sự. Việc hoàn thành của giới Tỳ kheo và Tỳ kheo ni cũng không phải là việc của một ngày. Trong Tăng đoàn Phật giáo buổi ban đầu vốn không có điều văn giới luật ghi thành văn, đệ tử xuất gia thời ấy đều có căn khí rất sâu, rất dày, thường thường đều ở ngay nơi hai ba lời khai thị của Đức Phật liền ngộ chứng được Thánh vị, thấp thì được pháp Nhãn tịnh, kiến đạo chứng Sơ quả, cao thì chứng thẳng Tứ quả A la hán. Như nói: “Sơ quả cày đất còn trùng lìa lưỡi cày 4 tác”, đây là đạo cộng giới do đạo lực của Thánh vị mà ra. Trong Tăng đoàn phần nhiều là đệ tử chứng Thánh quả, vì thế dưới đạo lực của Đạo cộng giới tự nhiên hợp với yêu cầu của giới nên không phạm tội. Đã không phạm tội nên không cần phải chế giới.

Căn cứ trong luật ghi chép, Ngài Xá Lợi Phất trước tiên thỉnh Phật chế giới, Đức Phật nói không phạm không chế. Trong Ngũ Phần Luật quyển 1 Phật nói: “Này Xá Lợi Phất! Trong chúng của ta chưa từng có pháp hữu lậu. Trong chúng này của ta người nhỏ nhất đắc Tu đà hoàn. Các Đức Phật Như Lai không vì chưa có pháp hữu lậu mà kết giới cho các đệ tử”. Đây cùng với Bồ tát giới bất đồng. Bồ tát giới là “Chư Phật pháp nhĩ”. Ba đời chư Phật đều do Bồ tát giới mà thành Phật. Bồ tát giới không do một vị Phật nào chế ra mà là chư Phật đồng chế, bản lai như vậy. Tỳ kheo giới là căn cứ vào sự cần thiết của sự thật để chế định, Đức Phật tuy biết cần phải chế những giới nào nhưng Ngài quyết chẳng chế định trước. Điều này có lý do: Một là biểu thị dân chủ, hai là tôn trọng nhân cách của các đệ tử. Nếu như không phạm mà chế, các đệ tử đương nhiên phải tiếp thọ, nhưng đó không phải xuất phát từ ý tứ của các đệ tử mà lại xuất phát từ sự cưỡng chế của Đức Phật. Phạm tội mới chế giới, đây là xuất phát từ sự nhất trí của đại chúng trong Tăng

đoàn. Từ trong luật chúng ta thấy Đức Phật chưa từng chủ động chế qua một điều giới, chẳng qua là vì do nơi người phạm lỗi lầm bị sự chê trách của người ngoài, rồi do các đệ tử thiếu dục, tri túc, thích hạnh đầu đà, biết hổ thẹn, trình bạch với Đức Phật. Đức Phật chế giới. Vì thuận theo yêu cầu của đại chúng, Đức Phật lại còn đem những điều giới Ngài đã chế ra tu chính hai ba phen, đây là biểu hiện tinh thần dân chủ một cách đầy đủ. Đức Phật tuyệt nhiên không muốn các đệ tử có lỗi lầm, các đệ tử hảo tâm xuất gia tự họ cũng không muốn trong Tăng đoàn có người phạm lỗi; đây là một thứ yêu cầu của tâm tự trọng. Nếu Đức Phật dự bị chế giới trước thì biểu thị sự khinh thường các đệ tử của Ngài và thấy chắc các đệ tử sẽ có lỗi lầm xuất hiện; đây là đối với Tăng đoàn dường như có nhiều lo lắng, thậm chí làm cho người chưa phạm tội cảm thấy như bị chồng thêm một lớp xiềng xích, và như thế là coi rẻ nhân cách của các đệ tử. Phạm lỗi lầm rồi mới chế giới, đó là nguyên nhân từ nơi phạm giới mới chế giới, chứ không phải Đức Phật cưỡng chế.

Tinh thần của Đức Phật chế giới nhìn trên bề mặt là ý của Đức Phật, nhìn từ thực tế là ý của đại chúng trong Tăng đoàn. Đức Phật chỉ là người chủ trì hoặc là người chứng minh trong quá trình chế giới. Giới là phương thuốc phòng ngừa sự hư đốn của đại chúng. Người ra toa hoặc hốt thuốc phòng ngừa sự hư đốn này là Đức Phật, người yêu cầu ra toa và xin hốt thuốc chính là đại chúng trong Tăng đoàn. Đức Phật là vị thầy thuốc khám bệnh cho chúng Tăng trong Tăng đoàn, đại chúng trong Tăng đoàn là người bệnh hoạn nhờ Phật chữa bệnh. Do đó, nếu người không bệnh mà ra toa hốt thuốc cho họ, họ sẽ nhất định mắng anh là xúc phạm đến họ. Người mắc bệnh nếu được trị liệu, người ấy sẽ cảm kích muôn phần, đây là tâm lý thông thường của chúng sinh.

Nhân đây chúng ta hiểu một cách sâu sắc rằng Đức Phật là một vị Đại Đạo Sư rất vĩ đại và từ bi. Phật cứu hộ tất cả chúng sinh, dụng tâm không có chỗ vi tế nào không đến; đã tôn trọng ý tứ đại chúng, lại luôn luôn hộ niệm đến khuyết điểm của chúng sinh. Nghĩ đến điều này khiến chúng ta cảm động rơi nước mắt.

Trừ Đại thừa Bồ tát giới là chư Phật đồng chế; giới Tỳ kheo Tỳ kheo ni của chư Phật chế không đồng nhau hết, chỉ có bốn điều đại giới căn bản: Hành dâm, trộm cướp, giết người, đại vọng ngữ là chư Phật chế đồng nhau. Như trong Thiện Kiến Luật Tỳ Bà sa quyển 8 nói: “Tất cả chư Phật đối với tội Ba la di không kết khác nhau. Bốn Ba la di không thêm, không bớt”. Trừ bốn điều này ra, chẳng những chư

Phật chế bất đồng, mà chúng ta cũng thấy trong các bộ Quảng Luật thu tập các điều giới khác cũng đều riêng có nhiều ít, thêm bớt.

Căn cứ vào sự ghi chép của Tăng Kỳ Luật, Đức Phật vì các Tỳ kheo chế một điều giới thứ nhất là giới dâm, đó là: “Đức Thế Tôn ở thành Tỳ Xá Ly, thành Phật 5 năm, nửa tháng thứ 5 của mùa Đông ngày 12 sau khi dùng bữa ăn giữa trưa, bóng mặt trời ngã về hướng Đông một người rươi, Phật chế giới cho con trai của Trưởng giả Da Xá Ca Lan Đà.

Điều giới thứ hai là giới trộm cướp: Thế Tôn ở thành Vương Xá, thành Phật 6 năm, nửa tháng thứ 2 của mùa Đông ngày mùng 10 sau bữa ăn trưa, bóng mặt trời ngã về hướng Đông hai người rươi, Phật chế giới cho con người thợ gốm tên Đạt Ni Ca, Bình Sa Vương và Tỳ kheo Phấn tạo y.

Điều giới thứ ba là giới sát sinh: Thế Tôn ở thành Tỳ Xá Ly, thành Phật 6 năm, nửa tháng thứ 3 của mùa Đông, ngày mùng 9 trước bữa ăn trưa, bóng mặt trời ngã về hướng Bắc, nhân Tỳ kheo tu tập bất tịnh quán đâm ra chán ghét sắc thân, nhờ ngoại đạo Lộc Trọng giết, mà chế giới.

Điều giới thứ tư là đại vọng ngữ: Thế Tôn ở thành Xá Vệ thành Phật 6 năm, nửa tháng thứ 4 của mùa Đông, ngày 13 sau bữa ăn trưa, bóng ngã về hướng Đông ba người rươi, vì nhiều Tỳ kheo đi vào xóm làng cùng nhau gọi là A la hán (để được tín thí cúng dường nhiều) và vì Tỳ kheo tăng thượng mạn mà chế giới”.

Trong các bộ Luật, chỉ có Tăng Kỳ Luật ghi rõ ràng ngày giờ tháng năm chế giới, mà cũng chỉ ghi được ngày giờ tháng năm chế giới của bốn điều giới Ba la di. Nhưng căn cứ vào Luật nói 12 năm đầu, chỉ có người phạm một giới chế một giới, chứ không có người tái phạm.

Như thế, chúng ta đã biết rõ Đức Phật vì Tỳ kheo chế giới là từ cuối mùa Đông của năm thứ 5 sau khi thành Phật. Điều này cũng nói lên cho chúng ta biết trong Tăng đoàn của Phật giáo đến năm thứ 5 trở về sau, phần tử dần dần phức tạp, có những người căn cơ hơi cạn tiến nhập vào Tăng đoàn Tỳ kheo phát sinh ra vấn đề, vì thế cần phải chế giới đề phòng sự hủ bại. Từ năm thứ 6 trở về sau, vấn đề càng nhiều, vì thế trong một thời gian ngắn không đầy 50 ngày trong cuối mùa Đông lại liên tiếp chế ra ba điều giới trọng. Do đó, sự chế ra Tỳ kheo giới có thể đứt đứt nối nối một mạch đến trước lúc Đức Phật nhập diệt mới đình chỉ. Dường như giới luật này

hoàn toàn căn cứ vào nhu cầu của tình huống thực tế đương thời đương xứ mà chế thành, nhưng không cùng với giới luật của chư Phật chế hoàn toàn giống nhau, cho nên cũng không thể đem toàn bộ điều văn của giới luật này hoàn toàn thích ứng với sinh hoạt Tỳ kheo trong thời đại và địa phương bất đồng. Vì thế, Đức Phật trong Ngũ Phần Luật quyển 22 đã nói: “Tuy là giới của ta chế, nhưng ở phương khác không cho là thanh tịnh thì đều không được dùng. Tuy chẳng phải giới của ta chế, nhưng ở phương khác phải nên làm thì không được chẳng làm”. Đây là Thánh giáo sáng suốt biết bao!

Đến như Tỳ kheo ni giới, trừ bộ phận đặc biệt Phật chế riêng cho phái nữ ra, đa số giới tương đồng và giới tương Tỳ kheo. Sự xuất hiện của Tỳ kheo ni giới đương nhiên sau Tỳ kheo giới rất xa.

---o0o---

## **II. LÀM THẾ NÀO HOÀN THÀNH THÂN PHẬN TỖ KHEO VÀ TỖ KHEO NI?**

Tỳ kheo và Tỳ kheo ni cố nhiên phải giữ gìn Tỳ kheo và Tỳ kheo ni giới. Nhưng thân phận và tư cách của Tỳ kheo và Tỳ kheo ni không phải do sự thủ trì Tỳ kheo và Tỳ kheo ni giới mà ra. Đức Phật thứ nhất, thứ hai, thứ ba (Phật Tỳ Bà Thi, Phật Thi Khí, Phật Tỳ Diệp La) trong 7 Đức Phật quá khứ không có kiết giới cũng không thuyết giới. Các Ngài cũng có 7 chúng đệ tử (nhưng sau khi Phật diệt độ, Phật pháp cũng tiêu mất). Năm năm đầu tiên sau khi Thích Ca Thế Tôn thành Phật chưa có chế giới, nhưng đã có rất nhiều đệ tử Tỳ kheo, đủ biết Tỳ kheo và Tỳ kheo ni không phải có ra là do nơi giới luật; trái lại, sự có mặt của Tỳ kheo và Tỳ kheo ni giới là do nhu yếu của Tỳ kheo và Tỳ kheo ni. Như vậy, thân phận hoặc tư cách của Tỳ kheo và Tỳ kheo ni làm sao hoàn thành? Ở đây cần phải nói đến chủng loại của Tỳ kheo và Tỳ kheo ni. Trước hết là nói về chủng loại của Tỳ kheo. Điều này trong các bộ luật cũng có ít nhiều bất đồng.

### ***A. Tứ Phần Luật có 11 thứ Tỳ kheo***

1. Tỳ kheo xin ăn.
2. Tỳ kheo trì y hoại sắc có cắt rọc.
3. Tỳ kheo phá ác.

4. Tỳ kheo thật.
5. Tỳ kheo kiên cố.
6. Tỳ kheo thấy lỗi.
7. Tỳ kheo do một lời thọ giới.
8. Tỳ kheo do hai lời thọ giới.
9. Tỳ kheo do ba lời thọ giới.
10. Tỳ kheo thiện lai.
11. Tỳ kheo đúng như pháp bạch tứ yết ma thọ giới.

***B. Căn Bản Tát Bà Đa Bộ Luật Nhiếp có 10 thứ Cận viên:***

1. Không có thầy, như Phật Thế Tôn.
2. Chứng trí, như trường hợp 5 vị Bí số.
3. Vấn tán, như trường hợp ông Ô Đà Bi.
4. Quy y như trường hợp Đại Ca Diếp.
5. Năm người, là trường hợp ở vùng biên địa, 5 vị Luật sư có thể truyền thọ giới cho người.
6. Mười người, là trường hợp tại nơi Phật pháp thịnh hành (trung phương) phải đủ 10 vị luật sư truyền giới cho người.
7. Thọ kinh pháp, như trường hợp Đại Thế Chủ.
8. Khiến sứ, như trường hợp cô Đạt Ma Trần Na.
9. Hai chúng, nghĩa là hai bộ tập hợp.
10. Thiện lai nghĩa là chính Đại sư (Phật) đích thân nói.

Trên đây, ba pháp: 7, 8, 9 là pháp thọ giới của Tỳ kheo ni, 7 pháp kia đều là pháp thọ giới của Tỳ kheo.

***C. Thập Tụng Luật có 10 thứ pháp thọ Cụ túc giới:***

1. Phật Thế Tôn tự nhiên không có thầy đấng Cự túc giới.
2. Năm Tỳ kheo đấng đạo tức đấng Cự túc giới.
3. Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp tự thệ liền đấng Cự túc giới.
4. Ông Tô Đà vì tùy thuận đấng Phật luận nên đấng Cự túc giới.
5. Biên địa do 5 vị tăng trì luật truyền đấng thọ Cự túc giới.
6. Tỳ kheo ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề thọ Bát kính pháp liền đấng Cự túc giới.
7. Bán Ca Thi Na sai sứ đấng thọ Cự túc giới.
8. Phật nói thiện lai Tỳ kheo đấng Cự túc giới.
9. Quy mạng Tam bảo rồi, ba lần xưng tôi theo Phật xuất gia tức đấng Cự túc giới.
10. Bạch tứ yết ma đấng Cự túc giới.

Trên đây, hai pháp 6 và 7 là pháp thọ giới của Tỳ kheo ni, 8 pháp kia là pháp thọ giới của Tỳ kheo.

#### ***D. Kinh Tỳ Ni Mẫu có 5 thứ pháp thọ Cự túc giới***

1. Thiện lai Tỳ kheo liền đấng thọ Cự túc giới.
2. Ba lời (tức tam quy ) liền đấng thọ Cự túc giới.
3. Bạch tứ yết ma tức đấng Cự túc giới.
4. Phật chấp nhận cho thọ Cự túc giới (Bát kính pháp) liền đấng thọ Cự túc giới.
5. Thọ Cự túc giới bậc thượng, lúc Phật tại thế không có người truyền giới mà chỉ trực tiếp ở bên Phật nghe pháp đấng quả A la hán.

#### ***E. Tứ Phần Luật có 8 thứ Tỳ kheo:***

1. Danh tự Tỳ kheo.
2. Tương tự Tỳ kheo.
3. Tự xưng Tỳ kheo.

4. Thiện lai Tỳ kheo.
5. Khất cầu Tỳ kheo.
6. Tỳ kheo mặc y cắt rọc.
7. Tỳ kheo phá kiết sử (dứt bật phiền não chứng A la hán).
8. Thọ đại giới bạch tứ yết ma, như pháp thành tựu được xứ sở Tỳ kheo.

Trên đây chỉ có ba thứ Tỳ kheo số 4, 7, 8 là thật Tỳ kheo đúng như pháp, năm thứ kia là giả chứ không phải là Tỳ kheo đúng như pháp. Tuy chủng loại Tỳ kheo trong năm bộ luật nêu trên đều có chút ít bất đồng, nhưng có thể quy nạp làm 10 loại:

1. Không có thầy.
2. Một lời.
3. Hai lời.
4. Ba lời.
5. Phá kiết sử.
6. Tự thệ.
7. Thiện lai.
8. Vấn tấn.
9. Luận đáp.
10. Bạch tứ yết ma ( bao hàm cả biên địa 5 vị Tăng truyền giới và trung phương 10 vị Tăng truyền giới).

Tỳ kheo đặc Cụ túc giới đại khái chẳng ra ngoài mười phương pháp này. Nhưng lúc Phật còn tại thế, thông thường sử dụng chỉ có Thiện lai Tỳ kheo và Bạch tứ yết ma Tỳ kheo. Tám loại kia là hạn cuộc vào căn tánh đặc thù của nhân vật, so ra Tỳ kheo phá kiết sử có nhiều hơn 7 loại Tỳ kheo kia. Ngoài ra, như trường hợp không có thầy thọ giới, chỉ có một mình Đức Phật; tự thệ thọ giới, chỉ có một mình Ngài Đại Ca Diếp; vấn tấn thọ giới, chỉ có một mình Ngài Ô Đà Di (tức là Ca Lưu Đà Di); tùy thuận đáp Phật luận thọ giới, chỉ có một mình ông Tô Đà. Đến như Thiện

lai Tỳ kheo chỉ dùng một mạch đến khi Đức Phật nhập diệt là dứt. Sau khi Phật diệt độ, chỉ có một phương pháp thọ giới của Bạch tứ yết ma thọ Tỳ kheo giới. Trong thời đại Đức Phật, Thiện lai và Bạch tứ yết ma đều dùng, đều làm, nhưng có một sự phân biệt: Đức Phật đích thân độ người xuất gia, Đức Phật chỉ nói một tiếng “Thiện lai Tỳ kheo”, người được độ nhờ túc căn của mình nương vào oai thân của Phật lập tức râu tóc tự rụng, ca sa hiện trên thân, bình bát nơi tay, nghiêm nhiên giống oai nghi Tỳ kheo của Thượng tọa lão tham. Nhưng đây cần phải là người túc căn sâu dày có thể lập tức chứng quả mới làm. Ý nghĩa của Thiện lai Tỳ kheo, căn cứ vào lý suy diễn phải có ba tầng:

1. Ông muốn xuất ly sinh tử, đến đây thật đúng thời cơ.
2. Ông đến làm Tỳ kheo thật là một việc rất tốt.
3. Ông đến xuất gia làm Tỳ kheo, Phật giáo vô cùng hoan nghinh ông.

Trong suốt cuộc đời Đức Phật, Ngài độ được bao nhiêu “Thiện lai Tỳ kheo”? Các vị đại đệ tử được Đức Phật độ ở thời kì đầu tiên gần như đều là Thiện lai Tỳ kheo, tỷ như năm người trong nhóm ông Kiều Trần Như, 30 người trong nhóm ông Mãn Từ Tử, Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp và 500 đệ tử. Đà Da Ca Diếp và 200 đệ tử, Ưu Ba Tư Na và 250 đệ tử, Đại Mục Kiền Liên và 250 đệ tử, con cháu dòng Vương thất Thích Ca 500 người, nhóm ông Bạt Độ Đế 500 người, nhóm quần tặc 500 người ( tư liệu này thấy trong *Ma ha Tăng Kỳ Luật*). *Do đây đủ thấy Thiện lai Tỳ kheo ở trong* Tăng đoàn đương thời là giai tầng lãnh đạo, cũng là thành phần chủ yếu.

Tỳ kheo của bạch tứ yết ma thọ Cụ túc giới, đó là các vị đệ tử Tỳ kheo của Đức Thích Ca độ cho các vị Tỳ kheo xuất gia đời thứ ba mới có. Nhân vì khu vực đất đai của Ấn Độ rất rộng, các đại đệ tử của Phật mỗi người giáo hóa một phương, mỗi phương đều có người cầu xin xuất gia, nếu phải lặn lội từ xa đến xin Phật độ thì quá phiền phức, thậm chí ở dọc đường phát sinh tai biến. Vì thế, Phật quy định các đệ tử Tỳ kheo cũng được độ người xuất gia thọ Cụ túc giới. Người thọ Cụ túc giới cần phải ở trong Tăng đoàn có 10 vị Tỳ kheo trở lên cầu được sự thông qua và thừa nhận nhất trí, mới được kể là Tỳ kheo hợp pháp. Bạch tứ yết ma nghĩa là một phen báo cáo, ba phen trung cầu sự im lặng chấp thuận. Trong 10 người chỉ cần có một người phản đối là Tăng không hòa hợp bèn không thành yết ma thọ giới và người thọ giới không đắc Cụ túc giới. Đây là một nghi thức giản đơn mà thiêng



liêng , mục đích là có được sự chấp thuận của Tăng chúng, chứ chẳng phải truyền thọ riêng tư. Tuy nhiên, trong Tăng đoàn lúc Phật còn tại thế, thọ Cụ túc giới cũng là Phật sự bình thường, thông thường đều lấy cơ hội thuyết giới mỗi nửa tháng để cử hành, vì đây là ngày quy định chư Tăng tập họp. Ngoài ra, các ngày an cư và tự tứ cũng đều là cơ hội tốt để truyền thọ Cụ túc giới.

Như trong Ngũ Phần Luật quyển 16 nói, Phật nói “Cho phép nhân ngày Bồ tát tự tứ, lúc Tăng tự tập họp, truyền thọ Cụ túc giới”. Hoàn toàn không giống như Phật giáo Trung Quốc phân thành Thiên tự, Giảng tự và Luật tự ; chỉ có Luật tự học luật, trì luật và truyền giới ; còn Thiên tự và Giảng tự không học, không trì, cũng không truyền giới. Điều này hình thành đương nhiên là do nhân tố của bối cảnh xã hội, chúng ta chẳng nên phiến trách, cho đến sự truyền giới của ngày nay lại cũng có chút lạm.

Chủng loại thọ giới của Tỳ kheo ni:

***A. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Bí Số Tỳ Naï Da có 5 thứ Bí Số Ni:***

1. Danh tự Bí số ni.
2. Tự nói Bí số ni.
3. Khất cầu Bí số ni (người nữ thế tục vì mưu cầu sinh sống).
4. Phá phiền não Bí số ni.
5. Bạch tứ yết ma Bí số ni.

(Hai loại thứ 4, 5 hợp pháp, ba loại kia đều phi pháp)

***B. Kinh Tỳ Ni Mẫu quyển 1, Tỳ kheo ni có 5 cách thọ Cụ túc giới:***

1. Theo lời thầy dạy thực hành (Bát kinh pháp) gọi là thọ Cụ túc giới.
2. Bạch tứ yết ma mà được thọ Cụ túc giới.
3. Sai sứ đại diện mà được thọ Cụ túc giới.
4. Thiện lai mà được thọ Cụ túc giới.
5. Thượng thọ Cụ túc giới (phá kiết sử).

Thật ra trong hai bản luật liệt kê Tỳ kheo ni hợp pháp chỉ có bốn loại: Phá kiết sử, Bát kính pháp, Sai sứ, Bạch tứ yết ma. Thiện lai Tỳ kheo ni, nếu chiếu theo lệ Đức Phật không đích thân tự độ ni (Luận Tát Bà Đa quyển 2); đây không phải Đức Phật đích thân độ mà là do đại đệ tử Tỳ kheo ni độ. Nhưng theo sự xuất hiện của Tỳ kheo ni sau Tỳ kheo 14 năm hoặc hơn 20 năm, Tăng đoàn Tỳ kheo lúc ấy đã có nghi thức bạch tứ yết ma độ người xuất gia, Tỳ kheo ni sao không làm theo? Không lẽ còn học theo phương pháp Phật độ Tỳ kheo mà dùng thiện lai độ Tỳ kheo ni? Vì thế, đây là một vấn đề còn đợi khảo chứng.

Ai là Tỳ kheo ni phá kiết sử? Chưa thấy văn tự ghi chép. Tỳ kheo ni dùng Bát kính pháp thọ Cụ túc giới chỉ có bà Đại Ái Đạo cùng 500 người nữ dòng học Thích. Sai sứ thọ, trên Phật giáo sử chỉ có một người là Đạt Ma Trần Na (Tập Sự quyển 32 dịch là Pháp Dự), hoặc Bán Ca Thi Ni, vì cô rất đẹp nhiều người nam nghe nói cô xuất gia muốn chặn đường phá cô, nếu cô từ chùa Ni đích thân đi đến chùa Tăng thọ giới thì không thể xuất gia được. Vì thế, Đức Phật đặc biệt cho người nữ đẹp tuyệt trần khi xuất gia nếu ngại dọc đường bị phá, có thể phái đại biểu đi qua chùa Tăng cầu được yết ma cũng đắc giới. Ngoài ra, các Tỳ kheo khác thọ Cụ túc giới đều ở trong hai bộ Tăng bạch tứ yết ma thọ. Trong hai bộ Tăng thọ là trước ở trong Tăng 10 Tỳ kheo ni bạch tứ yết ma mà thọ giới. Đắc giới là tại trong Tỳ kheo Tăng đắc. Nếu không tác bản pháp mà trực tiếp qua Tỳ kheo Tăng thọ Cụ túc giới, có thể đắc giới nhưng Giới sư đắc tội. Tỳ kheo ni giới Trung Quốc có từng kiến lập qua chế độ ở trong hai bộ Tăng thọ hay không, đến nay không làm sao tra cứu. Có sử để kê cứu đều là trực tiếp ở trong Tỳ kheo Tăng thọ. Giới sư Trung Quốc tuy trải qua nhiều đời do vì truyền Tỳ kheo ni giới mà đắc tội, nhưng cũng cam chịu, vì chưa có thể làm đúng pháp như luật.

Thọ Cụ túc giới là nói tiếp thọ toàn bộ Tỳ kheo giới hoặc Tỳ kheo ni giới. Sau khi thọ trì toàn bộ có thể bước lên Thánh vị thẳng đến quả A la hán và liễu thoát sinh tử. Không giống như thọ ngũ giới, bát giới, thập giới, chỉ là một bộ phận của giới chứ chưa đầy đủ toàn bộ giới như trong luật điển của Tân dịch không gọi là Cụ túc giới mà gọi là Cận viên. Viên là viên mãn tịch diệt, cũng là viên tịch, cũng là Niết bàn, cũng là liễu sinh thoát tử, cũng là bất sinh bất tử, cũng là chỉ cho cảnh giới của quả A la hán. Chữ “Cận” có thể giải theo hình dung từ, nghĩa là ranh giới của viên tịch, cũng có thể giải theo động từ, nghĩa là đi đến gần cảnh giới viên tịch. Nếu nói về công năng của Tỳ kheo ni giới, thì chữ cận của cận viên, dùng động từ giải thích lại đúng hơn.

Chúng ta có thể nhờ sự thọ trì và kiên trì Tỳ kheo giới hoặc Tỳ kheo ni giới để dần dần tiếp cận với viên tịch, và cũng từ tiếp cận với viên tịch sau cùng tiếp nhập vào viên tịch. Do đây, Tỳ kheo giới là cây cầu đưa chúng ta đến cảnh Niết Bàn. Viên tịch vốn là nghĩa của Niết bàn, nhưng mà sau này Tăng tử vong đều gọi là viên tịch, nếu nói theo luật thì đó là thay thế người chết vọng ngữ!

---o0o---

### ***Chương 3 : Nội Dung Và Sự Đồng Dị Của Tỳ Kheo Và Tỳ Kheo Ni Giới***

#### **I. CHỈ TRÌ VÀ TÁC TRÌ**

Giới luật là tiếng gọi chung của hai thứ loại biệt. Nói theo nghĩa rộng, Tỳ kheo giới cũng bao quát Tỳ kheo luật. Nói theo nghĩa hẹp, giới là giới, luật là luật; trong luật có bao hàm giới, nhưng trong giới không bao hàm luật. Vì trong Tỳ ni (luật) tạng có Ba la đề mộc xoa (Biệt giải thoát giới), còn Ba la đề mộc xoa không thể nhiếp hết Tỳ ni tạng.

Nói rõ hơn một chút, Tỳ ni bao gồm cả chỉ trì và tác trì, ba la đề mộc xoa duy chỉ có chỉ trì. Vì thế trì luật bao hàm trì giới, trì giới không bao hàm trì luật. Vì trì luật là việc cộng đồng của đại chúng trong Tăng đoàn, còn trì giới là việc của mỗi cá nhân Tỳ kheo. Trì giới gọi là chỉ trì không làm ác. Trì luật gọi là tác trì vì hay làm thiện. Việc của Tăng đoàn phải do đại chúng trong Tăng đoàn cùng chung giải quyết, cùng chung suy triễn, cùng chung trợ thành, vì thế cần phải hòa hợp ý kiến của đại chúng. Tổng hợp ý kiến của đại chúng hành sự tác pháp, đây là tinh thần của trì luật, gọi là tác trì.

Trong Luật tạng quy định điều văn giới tướng là giới, là chỉ trì; quy định các pháp yết ma là luật, là tác trì. Luật là giúp cho sự tiến hành của giới, luật còn là người giám đốc của sự thực hành giới. Tỷ như người muốn xuất gia trì giới, trước tiên phải cần pháp yết ma chứng minh, cấp cho tư cách và thân phận của Tỳ kheo xuất gia. Điều văn của giới, nếu trên sự thực hành gặp phải khó khăn cũng có thể dùng pháp yết ma để nghiên cứu giải quyết. Nếu như phát hiện một Tỳ kheo nào hoặc sinh hoạt của những Tỳ kheo nào vượt ra ngoài phạm vi của giới, liền phải làm yết ma cử tội, chiết phục đuổi đi, cho đến diệt tận (trục xuất ra ngoài Tăng đoàn). Vì thế, giới là phương thuốc phòng ngừa sự hư đốn của sinh hoạt Tỳ kheo, luật lại là phương thuốc phòng ngừa sự hư đốn của giới. Sinh hoạt của người Phật tử phải lấy

giới làm chủ yếu, muốn giải thoát sinh tử cần phải trì giới. Phật giáo muốn tồn tại lâu dài với thời gian cần phải trì luật. Một Tỳ kheo chân chánh không thể không trì giới. Một Tăng đoàn có triển vọng không thể không trì luật. Nếu như Tăng đoàn không trì luật được thì Tỳ kheo trì giới cũng không được bảo hộ. Theo nội dung của Tứ Phần Luật phân phối, 250 giới của Tỳ kheo và 348 giới của Tỳ kheo ni là chỉ trì, 20 thứ Kiên độ là tác trì. Trước là giới, sau là luật; trong giới cũng có luật, trong luật cũng có giới; đây là lấy điểm trọng yếu của nó, mà phân biệt.

Trên đây là điều mà Phật giáo Trung Quốc cần phải hiểu rõ, nhưng đáng tiếc là rất ít người hiểu được điều này.

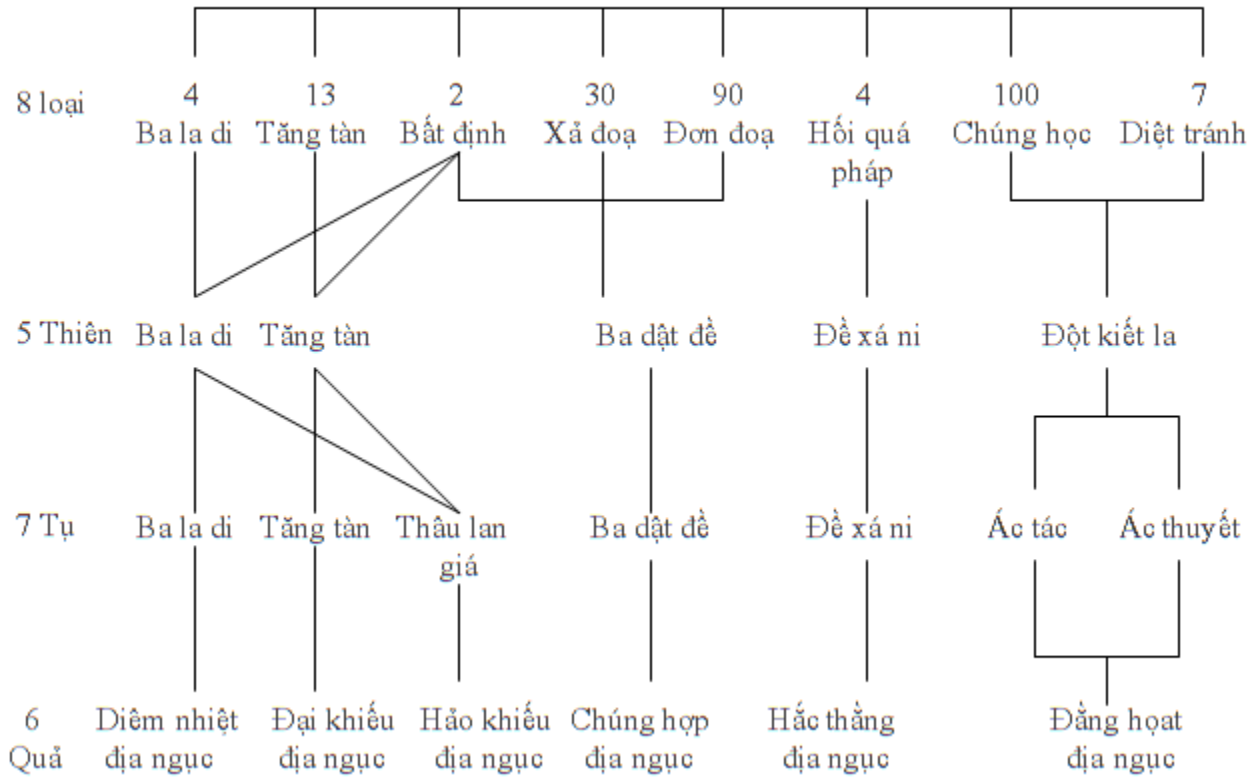
---o0o---

## II. TỖ KHEO GIỚI CÓ BAO NHIÊU?

Điều văn của Tỳ kheo giới trong các bộ Luật đều có thêm bớt, sự thêm bớt chủ yếu là những giới thuộc về oai nghi; đến điều văn của giới trọng và giới trọng bậc thứ, văn tự tuy có rộng nhiều hoặc sơ lược bất đồng, song điều lệ của giới mục đại khái tương đồng, vì thế đều nói Tỳ kheo 250 giới.

Tỳ kheo giới và Tỳ kheo ni giới thông thường phân làm ngũ thiên, thất tụ, cũng là 7 hạng tội danh của 5 thứ tội hạnh. Thật ra, 250 điều giới tướng của Tỳ kheo lại có 8 loại điều văn, 5 thứ tội hạnh, 7 hạnh tội danh, 6 thứ quả báo. Nay liệt kê trong biểu đồ như sau:

## 250 GIỚI



Vì những điều này là danh từ chuyên môn nên cần phải giải thích. Trên biểu đồ này có dịch âm của Phạm văn cũng có dịch nghĩa của Phạm văn, vì thế trước tiên cần phải đem âm nghĩa giới thiệu:

1. *Ba la di*, là dịch âm của Phạm ngữ: *Pàràjika*, cũng có người dịch là Ba la thi ca, nghĩa là tội khí (bỏ ra ngoài Phật pháp), là tội đoạn đầu (cắt đứt đầu), là tội thuộc không thể cứu.

2. *Tăng già bà thi sa*, là dịch âm của Phạm ngữ: *Sanghàvasésa*, dịch là tội Tăng tàn, là người bị tàn phế, là người bị tàn phế trong tịnh pháp của Tăng đoàn, tuy tàn phế mà còn có thể sám trừ để cứu.

3. *Bất tịnh*: Đây là không nhất định phạm tội danh của thứ tội danh nào, có thể phạm Ba la di, có thể phạm Tăng tàn, có thể phạm Ba dật đề, vì thế gọi là Bất định.

4. *Ni tát kỳ ba dật đề*: Đây là phức hợp ngữ của Phạm ngữ. Ni tát kỳ nghĩa là tận xả, Ba dật đề nghĩa là đọa, hợp lại gọi là Xả đọa. Đây là do giữ chứa đồ vật chẳng

nên giữ, chẳng nên chứa, quên mang đồ vật chẳng nên chẳng mang, trước phải đem món đồ ấy xả cho trong Tăng, sau đó dùng phương pháp sám tội để sám hối Ba dật đề.

5. Ba dật đề, là dịch âm của Phạn ngữ: *Pàyattika*, lại có người dịch là Ba dật đế ca và Ba dạ đề, có nghĩa là đọa, là chỉ cho tội đọa địa ngục, vì ở đây không có vật để xả vì thế thông thường gọi là Đơn đọa.

6. *Ba la đề đề xá ni*, là dịch âm của Phạn ngữ: *Pràtidésaniya*, có người dịch là Ba la xá ni, hoặc gọi tắt là Đề xá ni, nghĩa là “Hướng bị hối”. Tỳ kheo có 4 điều giới đặc định, sau khi phạm phải lập tức đối diện một người khác nói rõ lỗi lầm, vì thế còn gọi là pháp Hối quá.

7. *Thi sa ca la ni*, là dịch âm của Phạn ngữ: *Siksàkàrani*, cũng có người dịch là Thức xoa ca la ni, dị danh của Đột kiết la, nghĩa là nên học hoặc phải học, vì thế thông thường gọi là Ứng đương học.

8. Diệt tránh: Ở trong Tăng đoàn có sự phân tranh, cho đến đối với một vấn đề nào đó lúc hình thành hai phái bất đồng, ý kiến đối lập, thì dùng pháp Diệt tránh để giải quyết. Sự diệt tránh trong Tăng đoàn gồm có 7 phương pháp, chỉ có trong pháp Diệt tránh mới có chế hai phái yết ma của Tăng đoàn và lấy ý kiến của phái đa số làm ý kiến quyết định.

9. Thâu lan giá, là dịch âm của Phạn ngữ: *Sthulàayas*, có thể dịch là Đại chương thiện đạo, đại tội, thô ác, thô quá (lỗi thô), hoặc gọi là Trược trọng phạm; chủ yếu là do tội chưa thành của tội Ba la di và Tăng tàn sinh ra, nhưng cũng có độc lập sinh ra, vì thế phân ra hai loại: Tòng (Tha) sinh thâu lan giá và Độc đầu thâu lan giá; đẳng cấp khinh trọng xem ở chương thứ 5 của thiên này.

10. Đột kiết la, là dịch âm của Phạn ngữ: *Duskṛta*, còn có người dịch là Đột sắc cơ lý đa, Đột tất kiết lật đa, Độc kha đa. Trong đây gồm có hai thứ tội danh là Ác tác của thân nghiệp và Ác thuyết của khẩu nghiệp. Đây là những sơ suất lỗi lầm nhỏ trên cử chỉ và ngôn ngữ. Phạm vi của nó rất rộng, trong giới bản gọi là Chúng học giới.

Trong 10 thứ danh xưng của 8 loại điều văn, tội Ba la di không có pháp hối trừ, còn bản thân của pháp Diệt tránh là một thứ phương pháp giải quyết sự phân tranh. Nếu như nói giới là phương thuốc đề phòng sự hư đốn của đạo Giải thoát, thì pháp

sám hối là phương thuốc làm thanh khiết của đạo Giải thoát. Chưa từng nhiễm ô hư đốn, phải nên ngăn ngừa; nhiễm ô hư đốn rồi phải lập tức xử lý làm cho thanh khiết; đây là công dụng của pháp sám hối. Nhưng không nên hiểu lầm, pháp sám hối không phải là toàn năng hoặc vạn năng. Pháp sám hối đối với 4 tội Ba la di của giới căn bản là thương mà không thể giúp, pháp sám hối đối với tánh tội (bản lai là tội) cũng không có năng lực. Pháp sám hối chỉ có thể hồi trừ giới tội của sự phân giới, hoặc gọi là giá tội hoặc gọi là chế tội. Tỷ như giết súc sinh là tánh tội trong Tỳ kheo giới, không được giết súc sinh là giá tội. Tỳ kheo giết một súc sinh bị hai lớp tội, pháp sám hối chỉ có thể trừ được giá tội, tánh tội vẫn phải bị quả báo bồi thường sinh mạng. Điều này giống như một người vừa là đảng viên của một chính đảng, đồng thời lại là quan chức của chính phủ, nếu ông ta phạm pháp quốc gia, đương nhiên bị sự chế tài của kỷ luật đảng đồng thời cũng bị sự chế tài của luật pháp quốc gia. Sự chế tài của kỷ luật đảng không thay thế được cho sự chế tài của luật pháp quốc gia. Điều này đồng một lý với pháp sám hối của Phật giới, vì thế chúng ta tuyệt đối không nên cho rằng vì có pháp sám hối nên có thể mặc tình to gan lớn mật dám phạm giới. Tuy nhiên, trong Tỳ kheo giới có những điều giới đồng có cả hai tánh tội và giá tội, cũng có những điều giới chỉ có giới tội. Tánh tội ắt có giá tội, song giá tội chưa hẳn có tánh tội. Đến như, những tội nào là tội song trùng? Những tội nào là tội đơn nhất? Không phải là chỗ của sách này tường thuật. Đại khái phạm các giới dâm dục trộm cướp, sát sinh, vọng ngữ, hủy báng, đều gồm có tội song trùng của tánh tội và giá tội, phạm giới thuộc về oai nghi chỉ có một thứ giá tội.

Đến số giới điều của Tỳ kheo giới, thông thường nói là 250 điều. Tứ Phần Luật và Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Luật dịch xác điều là 250, và sự sắp xếp thiên tu cũng giống nhau, đều là : 4 tội khí, 13 Tăng tàn, 2 pháp Bất định, 30 tội Xả đọa, 90 tội Đơn đọa, 4 pháp Hồi quá, 100 pháp Ứng đương học (chúng học pháp của Căn Bản Hữu Bộ Luật hợp làm 43 điều, phân thành 100 điều), 7 pháp Diệt tránh.

Nhưng trong Ngũ Phần Luật có hơi bất đồng, cộng chung tính 259 giới: 4 tội khí, 3 Tăng tàn, 2 pháp Bất định, 30 Xả đọa, 91 Đơn đọa (so với Tứ Phần Luật thêm một điều giới khinh thầy, nhưng trong giới Bản chỉ có 90 điều), 4 pháp Hồi quá, 108 pháp Ứng đương học, 7 pháp Diệt tránh.

Thập Tụng Luật có 257 giới : 4 tội khí, 13 Tăng tàn, 2 pháp Bất định, 30 xả đọa, 90 Đơn đọa, 4 pháp Hồi quá, 107 (Giới Bồn là 113) Ứng đương học, 7 pháp Diệt tránh.

Tăng Kỳ Luật có 218 giới: 4 tội khí 13 Tăng tàn, 2 pháp Bất định, 30 xả đọa , 92 đơn đọa, 4 pháp Hồi quá, 67 Ứng đương học, 7 pháp Diệt tránh.

Giải Thoát Giới Kinh có: 4 tội khí, 13 Tăng tàn, 2 pháp Bất định, 30 Xả đọa, 90 Đơn đọa, 4 pháp Hồi quá 96 Ứng đương học, 7 pháp diệt tránh, cộng chung 246 giới.

Đến như văn tự của giới bồn lại có chỗ khác nhau, như Tứ Phần Giới Bồn có đến 6 bồn do kiết tập giới pháp bất đồng. Trong bồn luật này, giới điều của Ngũ *Phần Luật* nhiều hơn hết, giới điều của *Tăng Kỳ Luật* ít hơn hết, con số sai biệt của nó phần nhiều tại trong giới oai nghi của Ứng đương học, còn 7 hạng mục kia thêm bớt rất ít. Nhưng trừ 4 tội khí và 13 Tăng tàn ra, thứ tự điều văn của các bồn sắp xếp trước sau cũng không nhất trí. Đây là do cách nhìn của người biên tập các bộ mà ra. Đến như thứ tự trước sau của Đức Phật chế giới, trừ 4 tội khí thấy nói rõ trong *Tăng Kỳ Luật*, ngoài ra điều nào chế trước, điều nào chế sau, ngày nay cũng không thể nào tra cứu được; thật ra, đây cũng không phải là vấn đề trọng yếu.

Tỳ kheo giới rớt cuộc có bao nhiêu điều? Đây là vấn đề rất khó giải đáp. Nhân vì trong luật chép là do sự thật đã từng phát sinh ở đương thời mà chế, hễ có một sự kiện thì có một điều giới. Ngay trong đại hội kiết tập Luật tạng (biên tập và tụng ca), căn cứ vào giới luật Ngài Ưu Ba Ly đã từng nghe và nhớ được và biên tập ra Luật tạng thành văn lưu truyền hậu thế. Về sau, trải qua sự phân chia các bộ phái của Phật giáo, Luật tạng lại phân làm 5 bộ, tông chỉ tương đồng, nhưng nội dung có sự chọn lựa lấy bỏ bất đồng. Nói tóm lại, Tỳ kheo giới chưa chắc nhất định phải có đầy đủ 250 giới điều như trong Luật tạng, nhưng cũng chưa chắc chỉ có 250 điều này, thậm chí có thể nói Tỳ kheo giới là vô lượng vô số, vì tất cả oai nghi hành trì không có điều nào không thể không nằm trong phạm vi của Tỳ kheo giới. Nhân đây cũng có người đem 250 giới gồm hết 8 vạn 4 ngàn tế hạnh, vì 4 oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, mỗi oai nghi bao hàm 250 giới, thành 1.000 giới, qua lại ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại mỗi đời có 1.000 giới thành ra 3.000 giới. Đem 3.000 giới phối với 3 nghiệp của thân (sát sinh, trộm cướp, dâm dục) và 4 nghiệp của miệng



(nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, ác khẩu) thành 2 vạn 1 ngàn giới. Lại phối với 4 thứ phiền não: tham sân, si và đảng phần, thành ra 8 vạn 4 ngàn giới.

Đây là một số lý toán pháp của huyền học, trên sự thật, tuy không dùng phương pháp kế toán cố định này, nhưng điều có thể phát hiện để đem sát nhập vào Tỳ kheo giới vẫn còn rất nhiều, thật ra có thể nói số của oai nghi nhiều như cát bụi.

Ngược lại, trong 250 điều giới này lại có biết bao điều giới không phổ biến, không thích ứng được với mọi thời mọi nơi. Thật ra, ngay trong Đại Luật, Đột kiết la rất nhiều, mỗi một điều giới đều gồm có Đột kiết la, cho đến ở trong một điều giới có mấy thứ Đột kiết la. Trong Giới Bản nêu ra Đột kiết la của Ứng đương học bất quá là liệt kê những điều lớn mà thôi; ngoài ra, Đột kiết la chưa xuất hiện trong luật còn rất nhiều.

---o0o---

### III. SỰ ĐỒNG DỊ CỦA TỖ KHEO GIỚI VÀ TỖ KHEO NI GIỚI

Đã giảng qua số điều giới của Tỳ kheo, bây giờ giảng đến Tỳ kheo ni giới. Đoạn trên đã nói đại bộ phận của Tỳ kheo ni giới bản đồng với Tỳ kheo giới, nhưng vì sinh lý và tâm lý của người nữ và người nam có chút bất đồng nên có những điều giới Tỳ kheo không thích ứng với Tỳ kheo ni và Tỳ kheo ni cũng không thể không có những quy định đặc thù cho họ. Vì thế, Tỳ kheo và Tỳ kheo ni giới đã có đồng, cũng có khác.

Thông thường nói Tỳ kheo ni 500 giới, đây là một con số ước lượng. Thật ra, điều văn trong 5 bộ luật bản đều không đủ 500 giới, song căn cứ vào trạng huống và nhu cầu thực tế đâu phải chỉ có 500 giới?

Tỳ kheo ni giới của Tứ Phần Luật gồm có 348 điều: 8 tội khí (4 giới trước đồng với Tỳ kheo), 17 Tăng tàn (trong đó có 7 giới đồng với Tỳ kheo), 30 Xả đọa (trong đó có 18 giới đồng với Tỳ kheo), 178 Đơn đọa (trong đó có 69 giới đồng với Tỳ kheo), 8 pháp Hối quá (hoàn toàn khác Tỳ kheo), 100 pháp Ứng đương học (2 giới đi lặc thân và tiểu tiện trên rau cỏ tươi, đối với Tỳ kheo phạm Đột kiết la, Ni thì phạm Ba dật đề, ngoài ra hoàn toàn đồng nhau), 7 pháp Diệt tránh (hoàn toàn đồng với Tỳ kheo). Tính chung, đồng với Tỳ kheo giới 198 điều, khác Tỳ kheo giới 150 điều.

Tỳ kheo ni giới của Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Luật gồm có 354 điều: 8 tội khi, 20 Tăng tàn, 33 Xả đọa, 180 Đơn đọa, 11 pháp Hồi quá, 95 pháp Ứng đương học, 7 pháp Diệt tránh. Sự đồng dị của nó với Tỳ kheo giới đại khái cũng gần như Tứ Phần Luật và có chút thêm bớt.

Tỳ kheo ni giới của Ngũ Phần Luật gồm có 377 giới (trong Giới Bản liệt kê 381 điều): 8 tội khi ( 4 giới trước đồng với Tỳ kheo) 17 Tăng tàn ( trong đó có 5 giới đồng với Tỳ kheo), 30 Xả đọa ( trong đó có 18 giới đồng với Tỳ kheo), 207 Đơn đọa (Giới Bản liệt kê 210, trong đó có 68 giới đồng Tỳ kheo), 8 pháp Hồi quá hoàn toàn khác Tỳ kheo, 100 pháp Ứng đương học (đại tiểu tiện trên rau cỏ tươi, Ni phạm Ba dật đề, ngoài ra đều đồng với Tỳ kheo), 7 pháp Diệt tránh ( hoàn toàn đồng Tỳ kheo). Tính chung đồng với Tỳ kheo 210 giới, khác với Tỳ kheo 176 giới.

Tỳ kheo ni giới của Thập Tụng Luật gồm có 354 điều: 8 tội khi (4 giới trước đồng Tỳ kheo), 17 Tăng tàn (có 7 giới đồng Tỳ kheo), 30 Xả đọa ( có 19 giới đồng Tỳ kheo), 178 Đơn đọa (có 71 giới đồng Tỳ kheo), 8 pháp Hồi quá (hoàn toàn khác Tỳ kheo), 106 pháp Ứng đương học, 7 pháp Diệt tránh.

Tỳ kheo ni giới của Tăng Kỳ Luật gồm có 290 điều: 8 tội khi, 19 Tăng tàn, 30 Xả đọa, 141 Đơn đọa, 8 pháp Hồi quá, 77 pháp Ứng đương học, 7 pháp Diệt tránh.

*Giải Thoát Giới Kinh chỉ có một quyển, trong đó chỉ có Tỳ kheo giới, không có Tỳ kheo ni giới. Nhưng trong Ni giới của 5 quyển luật nêu ra cũng lấy số điều giới của Ngũ Phần Luật nhiều hơn hết, số điều giới của Tăng Kỳ Luật ít hơn hết. Nhưng tôi đã chỉ có 377 điều, chỗ gọi Tỳ kheo ni 500 giới bất quá là con số ước lượng đại khái mà thôi!*

*Hành Sự Sao quyển 1, trung, căn cứ Luận Minh Liễu nói: “Bốn vạn hai ngàn phước hằng hà sa chầy”, có nghĩa là giới có 4 vạn 2 ngàn. Nhưng cũng đem hai bộ Tăng Ni chia riêng ra theo thống kê: “Tỳ kheo giới ước lượng 250, bậc trung thì có 3 ngàn oai nghi, 6 vạn tế hạnh, rộng nhiều thì vô lượng. Tỳ kheo ni giới 348 giới, bậc trung thì 8 vạn oai nghi, 12 vạn tế hạnh, rộng nhiều cũng vô lượng”. Đây đều là pháp thống kê theo số lý huyền học, trên thực tế cũng chưa hẳn có định như thế.*

Ba la di và Tăng già bà thi sa của Tỳ kheo giới, trong các bộ luật đều đồng là 4 tội khi, 13 Tăng tàn, Tỳ kheo ni giới từ Tăng già bà thi sa, các bộ luật bản có chỗ bất đồng. Tứ Phần Luật là 17 Tăng tàn, Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Luật là 20

Tăng tàn, Ngũ Phần Luật cũng là 17 Tăng tàn. Tăng Kỳ Luật có 19 Tăng tàn. Đây là chỗ bất đồng của Tỳ kheo và Tỳ kheo ni giới.

Tỳ kheo giới cộng phân ngũ thiện, thất tụ; Tỳ kheo ni giới không có pháp bất định; chỉ có ngũ thiện, lục tụ. Đây là chỗ bất đồng của hai bộ: Tỳ kheo cùng người nữ, thân xúc chạm nhau bất luận là lớn nhỏ, chết sống, bất luận phần trên thân phần dưới thân, hễ có ý để thịt da xúc chạm nhau đều phạm Tăng tàn. Tỳ kheo ni cùng người nam thân xúc chạm nhau phải là người thành niên biết rõ đối với mình có tâm nhiễm ô, từ đầu gối trở lên, từ mắt trở xuống; cổ tay trở lên, cổ ý xúc phạm, phạm tội Ba la di. Đây là chỗ bất đồng của hai bộ.

Tỳ kheo biết Tỳ kheo kia có tội thô ác như 4 tội khí, 13 Tăng tàn, mà vì người kia che dấu không cử tội phạm Ba dật đề. Tỳ kheo ni biết Tỳ kheo ni kia phạm Ba la di không tự trình bày, chẳng ở trước Tăng đoàn cử tội thì phạm Ba la di. Đây là chỗ bất đồng của hai bộ.

Tỳ kheo cố chọc âm (như ngày nay người ta nói là thủ dâm) xuất tinh, phạm tội Tăng già bà thi sa, Tỳ kheo ni cố chọc âm xuất tinh (là chỉ cho chất nước nhờn ở trong âm đạo. Người nữ khởi niệm dâm, làm việc dâm, âm đạo bị vật xúc chạm đều có hiện tượng chảy nước. Luận Tát Bà Đa quyển 3 nói: “Người nữ xuất tinh không dễ như người nam”), phạm tội Ba dật đề. *Ngũ Phần Luật quyển 12* nói: “Tỳ kheo ni lấy tay vỗ âm hộ, phạm Ba dật đề; chảy đồ bất tịnh, phạm Thâu lan giá. Tăng Kỳ Luật quyển 40 cũng nói: Tỳ kheo ni dùng nước tống vào âm đạo, dùng vật đút vào âm đạo vì thỏa dục, phạm Thâu lan giá, xuất tinh cũng phạm Thâu lan giá. Đây là chỗ bất đồng của hai bộ (chú ý: Người nam thủ dâm quá nhiều sẽ thành bệnh lao, hoặc thần kinh suy nhược, di tinh. Người nữ chọc âm quá nhiều sẽ sinh bệnh bạch đới, broun tử cung, sa tử cung, kinh nguyệt không đều).

Tỳ kheo ăn ngũ tân như tỏi... phạm tội Đột kiết la, Tỳ kheo ni phạm Ba dật đề. Đây là chỗ bất đồng của hai bộ.

Tỳ kheo dùng hương xoa chà thân, phạm tội Đột kiết la, tỳ kheo ni phạm Ba dật đề. Đây là chỗ bất đồng của hai bộ.

Tỳ kheo đi lác thân phạm tội Đột kiết la. Tỳ kheo ni phạm tội Ba dật đề. Đây là chỗ bất đồng của hai bộ.

Những chỗ đồng dị tương tự như thế còn rất nhiều, còn có biết bao nhiêu điều chế riêng cho mỗi bộ của 2 bộ Tăng Ni, ở đây không thể nêu ra hết.

Chỗ bất đồng lớn hơn hết của Tỳ kheo ni giới là Bát kính pháp. Bát kính pháp là pháp Tỳ kheo ni xuất hiện sớm hơn hết; bà Đại Ái Đạo cùng 500 phụ nữ dòng họ Thích xuất gia là tiếp thọ Bát kính pháp của Phật chế mà thành Tỳ kheo ni. Về sau tuy có 500 điều Tỳ kheo ni giới, Tỳ kheo ni ngoài việc thọ 500 giới còn phải trì Bát kính pháp và lấy Bát kính pháp làm giới trọng tâm của Tỳ kheo ni giới. Tứ Phần Luật gọi là Bát kính pháp là tám pháp không được vượt qua, lại có người gọi là tám pháp không được vượt qua, lại có người gọi là tám pháp không được vi phạm. Đây là pháp Tỳ kheo ni không được không trì, cũng không thể không trì. Nay đem Bát kính pháp ghi trong Tứ Phần Luật Tỳ Kheo ni *Kiên Độ*, sao lục như sau:

1. Tuy là Tỳ kheo ni trăm tuổi, thấy Tỳ kheo mới thọ giới phải đứng dậy đón rước lễ bái và trải tòa sạch sẽ mời ngồi. Pháp này phải tôn trọng, cung kính, tán thán, suốt đời không được vượt qua.
2. Tỳ kheo ni không nên mạ lỵ, quở trách Tỳ kheo, không nên nói lời phi báng là phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Pháp này phải tôn trọng, cung kính, tán thán, suốt đời không được vượt qua.
3. Tỳ kheo ni không nên cử tội, tác ức niệm, tác tự ngôn cho Tỳ kheo, không nên ngăn người khác tìm tội, ngăn thuyết giới, ngăn tự tự. Tỳ kheo ni không được quở Tỳ kheo, Tỳ kheo được quở Tỳ kheo ni. Pháp này phải tôn trọng, cung kính, tán thán, suốt đời không được vượt qua.
4. Thức xoa ma na học giới rồi, đến Tỳ kheo Tăng xin thọ đại giới. Pháp này phải tôn trọng, cung kính, tán thán, suốt đời không được vượt qua.
5. Tỳ kheo ni phạm tội Tăng tàn, phải ở trong 2 bộ Tăng nửa tháng hành ma na đỏa (nghĩa là ý hỷ, hoặc duyệt chúng). Pháp này phải tôn trọng, cung kính, tán thán, suốt đời không được vượt qua.
6. Tỳ kheo ni mỗi nửa tháng phải cầu xin Tỳ kheo mà kiết hạ an cư. Pháp này phải tôn trọng, cung kính, tán thán, suốt đời không được vượt qua.
7. Tỳ kheo ni không nên ở chỗ không có Tỳ kheo mà kiết hạ an cư. Pháp này phải tôn trọng, cung kính, tán thán, suốt đời không được vượt qua.

8. Tỳ kheo ni tăng an cư xong phải qua trong Tăng cầu 3 việc tự tứ, Tỳ kheo Tăng đối với Ni từng hạ thấy, nghe, nghi (tội hạnh được biết từ ba tình hình thấy, nghe, nghi này đâu có thể tùy ý nói ra, gọi là Tam sự tự tứ). Pháp này phải tôn trọng, cung kính, tán thán, suốt đời không được vượt qua.

Trên thực tế, Tỳ kheo ni Trung Quốc ngày nay, dẫn cho người có đạo tâm lắng đi nữa cũng chỉ trì được hai ba điều trong Bát kinh pháp mà thôi. Ngoài ra đều là có quan hệ đến vấn đề của pháp yết ma hoặc pháp tác trì, vốn không làm sao tuân hành đúng như luật, do vì Bát kinh pháp trên Phật giáo sử Trung Quốc đến nay còn không tìm ra căn cứ xác thật của sự thực hành đúng như luật.

Thức xoa ma ni Trung Quốc dường như chưa từng có. Mỗi nửa tháng qua trong Tỳ kheo Tăng cầu giáo thọ, ngay từ đời Đường, Luật sư Nam Sơn Đạo Tuyên cũng đã nói: “Trong thời gần đây, phần nhiều chỉ thực hành pháp lược, bởi do pháp quảng bậc Thượng tọa có đức khó đủ”. Ni xin Tỳ kheo giáo thọ có hai phương pháp quảng và lược. Pháp quảng là sau khi nhận lời Tỳ kheo ni tăng thỉnh, trong Tỳ kheo tăng phải sai một vị Thượng tọa có đức sang chùa Ni giáo giới. Pháp lược là Ni tăng sai người đến thỉnh, trong Tỳ kheo Tăng chỉ nói: “Trong chúng đây không có người giáo hóa Ni, Ni chỉ tự cẩn thận chớ phóng dật”. Nói một lần là như thế, Ni đáp: “Y giáo phụng hành”, kể là xong pháp lược. Đời Đường đã chưa thực hành pháp quảng, đến đời Tống, Luật sư Linh Chi Nguyên Chiếu nói: “Ngày nay hai pháp quảng lược đều bỏ, chỉ có thể nghe biết, dùng để tương lai học tập thôi”.

Đến như Tỳ kheo Ni phải ở trong hai bộ tăng Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni xuất tội Tăng tàn, nhân vì Tỳ kheo Ni Trung Quốc thọ Cụ túc giới luôn luôn đều trực tiếp từ trong một bộ tăng Tỳ kheo cầu, thì trong 2 bộ tăng xuất tội Tăng tàn đương nhiên sẽ là điều không thể thấy. Kiết hạ, an cư và giải hạ, tự tứ ngày nay ở Đài Loan đã có Đại Đức tiến hành, song đáng tiếc là Tỳ kheo và Tỳ kheo ni đồng an cư tại một chùa, đồng tại một chùa tác pháp vẫn không phải là điều luật chế chấp thuận? Tỳ kheo Ni không được ở chỗ không có Tỳ kheo an cư, nhưng cũng không được cùng Tỳ kheo đồng ở một chùa an cư mà là ở gần chỗ Tỳ kheo an cư, đó là để tiện cho mỗi nửa tháng qua trong Tỳ kheo Tăng thỉnh người giáo thọ. Do đây kiểm thảo lại, các chị em Tỳ kheo Ni có đại tâm, phát đại nguyện có cảm tưởng thế nào? Cứ để nó hỗn loạn như thế, hay là ngẩng đầu lên nỗ lực chấn hưng? Điều này có quan hệ với mạng mạch của Phật giáo; lại là sự nghiệp lớn và vấn đề lớn có quan hệ đến tiền đồ của chị em Tỳ kheo Ni nữa!

---o0o---

## **Chương 4 : Giới Trọng Yếu Của Tỳ Kheo Và Tỳ Kheo Ni**

### **I. NHỮNG GÌ LÀ GIỚI TRỌNG YẾU?**

Vì nội dung của quyển sách có giới hạn nên không thể đem in toàn bộ Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni giới mỗi mỗi giới thiệu, ở đây chỉ đề xuất cương yếu, nêu ra đại khái, nếu độc giả có chí học giới, trì giới, tự có thể xem trong các Đại Luật.

Phật giới đều là trọng yếu, nhưng những giới nào so ra trọng yếu hơn? Đại sư Hoằng Nhứt có khai thị trong bộ *Tứ Phần Giới Bốn Tùy Giảng Biệt Lục của Ngài như* vậy: “Nói theo tiêu chuan thấp nhất, trong chi trì, 4 tội khí, 13 Tăng tàn, 2 pháp Bất định đều phải tịnh trì. Trong tác trì, kiết tăng giới, thọ giới, sám tội thuyết giới, an cư, tự tứ cũng dễ hành”. Lại nói: “Trong oai nghi như tánh tội (giới giết súc sinh, giới vọng ngữ) và những điều nước ta (Trung Quốc) chê trách hơn hết (các giới uống rượu, ăn phi thời và quan hệ với nữ Ni) đều phải trì, ngoài ra đều có phải tùy sức”. Đây là ý kiến rất quý báu. Về giới sát sinh và tiểu vọng ngữ trong oai nghi đã được giới thiệu qua trong thiên ngữ giới. Đến các vấn đề oai nghi của uống rượu, ăn phi thời, và nữ Ni, trong quyển “Phật giáo Chế Độ và Sinh Hoạt”, tôi đã viết 2 thiên “Quy chế ăn uống của Phật giáo” và “Nam nữ quan của Phật giáo” chuyên thảo luận những vấn đề này, ở đây không lặp lại. Nay cần phải giới thiệu là 4 pháp khí, 13 Tăng tàn, 2 pháp Bất định.

---o0o---

### **II. BỐN PHÁP KHÍ**

Pháp Ba la di của Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni tuy có nhiều ít bất đồng, nhưng chủ yếu là 4 giới căn bản:

1. Giới dâm, phân làm 2 thứ: Một là tự mình dâm người khác, hễ có tâm dâm dục nơi miệng và đường đại tiện của nam tánh, nơi âm đạo, đại tiện đạo và miệng của nữ tánh, cho đến ba chỗ của súc sinh và thầy chết hơn phân nửa chưa loại, nhập vào như đầu sợi lông, bèn phạm Ba la di. Hai là người khác dâm mình, bị oan gia hoặc cường bạo bức hiếp, hoặc trong khi ngủ người khác đến hành dâm, ngay lúc

nhập vào, đã nhập, lúc ra, trong ba thời có một niệm cảm thọ khoái lạc, phạm tội Ba la di. Tỳ kheo Ni thì đổi làm ba chỗ chủ động nhận người khác hành dâm nhập vào như đầu sợi lông thì phạm Ba la di. Bị người khác hiếp dâm, trong ba thời có một niệm cảm thọ khoái lạc cũng phạm Ba la di.

Nhưng tội nghiệp Ba la di của giới dâm cũng có chia ra khinh trọng. Đại sư Hiền Thủ Pháp Tạng trong Bồ tát Giới *Bốn Số phân thành 6 vị*: Ước cảnh (cao thấp), ước tâm (mạnh yếu), hợp biện (tâm cảnh), ước số (nhiều ít), ước xu hướng (ẩn hiện), ước tôn (đức của mình, của người) để nói về sự sai biệt khinh trọng của giới dâm. Ở đây chỉ lấy một vị ước cảnh để giới thiệu, các vị khác có thể theo đây suy ra mà biết. Cảnh có 10 thứ:

1. Thân chưa chết chưa loại.
2. Cùng quỹ giao thông.
3. Súc sinh.
4. Người.
5. Các người thân thuộc.
6. Chị em (anh em).
7. Hai chúng tại gia trì ngũ giới, bát giới.
8. Hai chúng xuất gia trì Đại giới.
9. Cha mẹ.
10. Thánh nhân như phạm La hán hoặc La hán Ni.

Đồng là phạm giới dâm Ba la di, nhưng trước khinh sau trọng, như dâm thân chết là tội khinh, dâm Thánh nhân là tội trọng, đây là ngay lúc thọ quả báo sẽ thấy rõ ràng.

1. Giới trộm cướp: Biết là vật có chủ mà khởi tâm trộm cướp, trộm lấy đồ vật trị giá 5 tiền trở lên rời khỏi chỗ cũ phạm tội Ba la di. Giới trộm cướp là một giới phức tạp hơn hết trong 4 giới Ba la di, trong các bộ luật đều có phân tích nhiều, đặc biệt ở trong Tăng Kỳ Luật phân tích kỹ càng. Giới trộm cướp gọi chung là “Không cho mà lấy”, nhưng có nhiều trường hợp bất đồng như: Tự tay mình lấy, đưa mắt

ra hiệu cho người khác lấy, bảo người lấy. Chúng loại, xứ sở, phương thức lấy đồ vật có đến 26 hạng mục: Mặt đất, trên mặt đất, nơi xe, nơi gánh, nơi trống không, ở chỗ trên, nơi thôn làng, nơi A lan nhã, nơi ruộng, xứ sở, nơi thuyền, nơi nước, qua đò, qua ải, không đóng thuế, lấy vật của người khác gửi, nước, nhánh dương (dùng đánh răng), trái cây, cỏ cây trong vườn, chúng sinh không có chân, chúng sinh 2 chân, chúng sinh 4 chân, chúng sinh nhiều chân, của cải chung, đồng khế ước, hầu hạ, giữ gìn, canh giữ đường trọng yếu. Ba la di của giới trộm cướp tuy đồng phạm, không cho mà lấy 5 tiền trở lên, nếu do sự bất đồng của vật chủ và vật thể thì nghiệp báo cũng riêng có khinh trọng bất đồng. Tỷ như trộm cướp của nhà giàu 5 tiền, người giàu sẽ không đau khổ quá nhiều; nếu trộm của người nghèo 5 tiền có thể làm cho người nghèo bị vô cùng khôn khổ. Tâm của người bị trộm buông xả, hay tham lam keo kiệt cũng khiến cho tội của người trộm có khinh trọng bất đồng.

2. Giới giết người: Cố ý giết người, biết rõ là người bị giết đã chết thì phạm tội Ba la di. Phương thức giết người phân ra có: chính mình đích thân giết, bảo người giết, hiện tướng (tỷ như gặt đầu, ra dấu bằng tay hoặc bằng mắt) giết, khen ngợi giết, viết thư sai giết, dùng công cụ giết (như đao hàm ám khí, bùa chú giết).

Tội ba la di giết người, nghiệp báo cũng có khinh trọng. Do vị đẳng vị cao thấp của người bị giết, phẩm cấp mạnh yếu của tâm người giết và trình độ của cách giết (thân, khẩu, ý nghiệp) được sử dụng bất đồng, nghiệp báo cũng có khinh trọng bất đồng, tỷ như đồng là giết người, tội giết người phổ thông nhẹ hơn giết người đã phát Bồ đề tâm. Nếu như giết cha mẹ, Sư trưởng, cho tới Thánh nhân, tội nghiệp còn nặng hơn giết người đã phát Bồ đề tâm. Như vì tâm tham mà giết người tội nhẹ hơn, do tâm sân giết người tội nặng hơn, do tâm tà kiến giết người (cho rằng giết người được phước, được sinh lên trời, hoặc cho rằng giết người không có quả báo) tội nghiệp lại càng nặng hơn.

3. Giới đại vọng ngữ: Dùng tâm dối gạt khiến người hiểu lời nói dối là chính mình được pháp hơn người như thánh nhân, như thiên định; lời lẽ, ý tứ rõ ràng; người nghe tin rằng thật và bị dối gạt, phạm tội Ba la di. Nếu dùng văn tự vọng ngữ, hoặc sai người khác thay mình vọng ngữ, hoặc hiện ra tướng để vọng ngữ, chỉ cần đạt được mục đích như thế, tức thành tội đại vọng ngữ.

Ba la di của đại vọng ngữ tội nghiệp cũng có khinh trọng. Dối gạt người ân và bậc tôn trưởng, phạm tội trọng. Dối gạt người bình thường, phạm tội khinh. Dối gạt vài



người cho đến một người thì tội khinh. Người bị gạt cực kỳ đau khổ thì tội khinh. Nếu vì danh dự cung kính mà đại vọng ngữ, rồi lại cho rằng đây là công đức và thường làm không dứt, phạm tội trọng. Vì lánh nạn khổ bức bách mà đại vọng ngữ thì tội khinh. Đương nhiên, Ba la di là mất Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni giới. Chỗ này gọi khinh là so sánh khinh ở trong quả báo của tội trọng, chứ không phải có nghĩa là ly khai giới trọng nhập vào giới khinh.

Bốn điều kể trên là 4 pháp khí, nếu phạm phá một điều nào trong 4 điều trên tức là bị bỏ ra ngoài biển lớn Phật pháp, suốt đời không được làm Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni nữa. Song, mỗi giới cũng có khai duyên:

1. Giới dâm: Nếu ngu không hay biết gì hết, người khác ở trên thân mình hành dâm, nếu bị cưỡng hiếp hành dâm mà không cảm thọ khoái lạc, nếu hoàn toàn không có ý dâm dục, nếu bị suy cuồng tâm loạn, đau khổ ràng buộc, đều không kể là phạm.

2. Giới trộm cướp: Nếu tướng là vật cho mình là vật phẩn tảo (ném bỏ), nếu tướng là của người thân (thân thiết không có phân biệt mình người), như thế không cho mà lấy đều không kể là phạm.

3. Giới sát: Nếu lúc ném dao, gậy, ngói, đã lỡ trúng nhằm người khác chết; hoặc lúc xây cất phòng nhà lỡ làm rớt cây, đá, gạch, ngói làm cho người ở dưới chết; nếu có lòng tốt xót đỡ người bệnh đi đứng ngồi nằm, người bệnh nhân đó mà chết; nếu không có tâm làm hại làm cho người khác chết đều không kể là phạm.

4. Giới đại vọng ngữ: Nếu người tăng thượng mạn (chính mình không có tâm dối gạt nhưng do sự hiểu lầm về thiên định) tự cho mình thật chứng pháp Thánh nhân, nếu là nhân duyên nghiệp báo, không nói là do tu mà đắc, hoặc nói đùa, hoặc nói trong chiêm bao, hoặc nói lầm, đều không kể là có tội.

---o0o---

### III. MƯỜI BA PHÁP TĂNG TÀN

Mười ba pháp Tăng tàn:

1. Cố chọc âm xuất tinh.

2. Xúc chạm người nữ.

3. Nói lời thô tục với người nữ.
4. Ngợi khen mình đòi cúng dường.
5. Làm mai mối cưới gả.
6. Không có thí chủ, tặng không xử phân mà làm nhà quá lượng (quá chiều dài 12 gang tay, chiều rộng 7 gang tay Phật).
7. Có thí chủ, tặng không xử phân mà làm nhà.
8. Vu báng người không phạm là phạm giới trọng một cách không căn cứ.
9. Lây chút tội khác vu báng người là phạm trọng giới không căn cứ.
10. Phá hòa hợp Tăng và còn chống lại lời khuyên can của Tăng đoàn.
11. Lập bè đảng, giúp phá tăng và chống lại lời khuyên can.
12. Làm như nhà người (mang lễ vật tặng biếu cho người cư sĩ) đến nỗi bị Tăng đoàn đuổi đi, rời chỗ này đi đến chỗ khác, tâm còn không phục, phỉ báng Tăng đoàn, chống lại sự khuyên can của Tăng đoàn.
13. Tánh xấu cự tuyệt lời dạy bảo của Tăng đoàn và chống lại lời khuyên can của Tăng đoàn.

Trên thực tế, trong 13 pháp tăng tàn, tại Phật giáo Trung Quốc ngày nay chỉ có giới chàm xúc người nữ, nói lời thô tục với người nữ, và làm mai mối cưới gả là trọng yếu. Đến như cố chọc âm xuất tinh là việc cá nhân, người xuất gia phạm thủ dâm là điều không nên, nhưng không đến nỗi nhân đây bị sự chê bai của người bên ngoài. Phương pháp cố chọc âm xuất tinh tuy nhiều, nhưng không ai dám công khai làm như thế cho người khác xem. Đương thời nếu không cố ý chọc âm, dù là xuất tinh, cũng không phạm giới. Phạm phu khó khỏi xuất tinh, dầu cho tâm dục sinh khởi xuất tinh, nếu không phải do có tâm làm cho xuất tinh cũng không phạm giới. Đến như người nữ chảy nước trong âm đạo, tình hình cũng giống như vậy. Đến như tự khen mình có đức mà đòi cúng dường dâm dục, tôi nghĩ là việc rất khó phát sinh vì đây là ý kiến quá điên đảo, rất ít người dám mở miệng nói ra. Đến như làm phòng nhà, hiện nay không bị sự hạn chế này nữa. Còn như vu báng phạm tội trọng cũng có thể xảy ra, nhưng trong xã hội hiện nay, nếu không có nhân chứng và vật chứng xác thật thì dễ gì làm cho người khác tin! Đến như phá Tăng và lập

phe đảng phá Tăng, ở Phật giáo Trung Quốc không có thực hành pháp yết ma thì không có chuyện đó xảy ra. Đến như làm như nhà người, người xuất gia đem lễ vật tặng biếu cho tín đồ, tại Trung Quốc thời đại pháp, đã là Trụ trì của của một đạo tràng thật khó tuyệt đối không đi trên con đường này. Tuy phải coi trọng một điều giới này, nhưng người Trụ trì của tự viện Trung Quốc nếu tặng biếu lễ vật cho người tục thì ai sẽ đuổi họ đi chỗ khác? Đến như tánh xấu chẳng nhận lời của Tăng đoàn can gián, ở trong hoàn cảnh không cử hành pháp yết ma, tự nhiên dùng cũng không được. Thật ra, trong 13 pháp Tăng tàn, hai điều số 6 và 7 cần phải dùng pháp yết ma cầu được Tăng chúng đồng ý xử phân. Bốn điều số 10,11,12,13 cần phải ở trong Tăng chúng ba lần can gián, ba phen yết ma mới thành lập được. Trong hoàn cảnh không cử hành pháp yết ma, 13 pháp Tăng tàn nhiều nhất chỉ có thể thực hiện được 7 điều mà thôi.

Như thế, chúng ta chỉ giới thiệu sơ lược ba điều giới: Chạm xúc người khác phái, nói lời thô tục với người nữ, làm mai mối cưới gả như sau:

### **A. Giới xúc chạm người khác phái**

Xúc chạm người nữ là giới của Tỳ kheo, nhận sự xúc chạm của người nam là giới của Tỳ kheo Ni. Sự nguy hiểm của việc xúc chạm người khác phái đặc biệt trọng đại, do vì sự cảm thọ của xúc chạm khiến cho tình dục nổi dậy, có thể sinh ra phản ứng không tốt cho sinh lý. Theo sự nghiên cứu, các bộ phận mẫn cảm hơn hết của thân thể của con người là: môi, vú, nách, eo, âm hộ, bộ phận trĩ độn là: lưng, hông, tóc: bộ phận trĩ độn hơn hết là móng, răng; ngoài ra như bắp vế, hông, bụng, cánh tay, gò má thuộc về bộ phận mẫn cảm loại kể. Nếu như người nữ tình cảm yếu đuối, một khi bị người khác phái vuốt ve các bộ phận mẫn cảm nhất, thường bị kích thích mất đi tất cả năng lực phản kháng. Nhân vì phàm phu chưa có thể ly dục, đối với người khác phái đều có một khao khát tình dục một cách bản sinh, một khi hai nhục thể tiếp xúc nhau sẽ có một sự cảm thọ lạ. Hiển nhiên đây là thuộc tác dụng phân biệt của tâm lý, người nữ cùng người nữ chạm xúc nhau thấy cũng bình thường, người nam với người nam chạm xúc nhau thấy cũng bình thường. Nếu như lúc mắt không thấy, hoặc lúc vô ý bị người khác phái xúc chạm mà cũng không biết là bị người khác phái xúc chạm, cũng thấy bình thường. Nếu như tôi là người nam biết rõ đối phương là người nữ ngày đêm tôi ái mộ, phản ứng tâm lý lúc xúc chạm sẽ đặc biệt mãnh liệt cho đến chỉ chạm một chút áo cũng sinh ra vọng tưởng mộng mơ. Cũng giống như thế, nếu tôi là người nữ gặp được một

chàng đẹp trai của lòng tôi luyến mộ, thì phản ứng tâm lý khi tiếp xúc chạm cũng sẽ đặc biệt mãnh liệt.

Người xuất gia cấm ngăn dâm dục, mục đích của sự cấm ngăn dâm dục vì giải thoát sự ràng buộc do dâm dục mà phải chịu sinh tử lâu dài này. Cấm ngăn dâm dục là công tác huấn luyện đoạn dục, ly dục. Từ sự cấm chỉ dâm dục, dần dần xa được dục sự, tiến lên một bước dần dần xa được dục niệm. Sau cùng có thể xa lìa cái lưới mê sinh tử do dâm dục cấu thành. Ngoài ra, người xuất gia cùng với người khác phái xúc chạm, dẫu cho tâm không có tà niệm cũng là việc dễ bị người bên ngoài chê bai.

Trước người giới nha phiến, không nên cho người ấy nghe đến mùi nha phiến; trước người giới rượu, không nên cho người ấy ngửi đến mùi rượu; trước một người giới cờ bạc, không nên cho người ấy vào sòng bạc. Bằng không rất khó giới trừ. Cũng như vậy, một người xuất gia đang giới dâm cũng không nên cho người ấy chạm xúc người khác phái hoặc bị người khác phái chạm xúc. Bằng không, công phu giới dâm có thể nhân đây bị sự khảo nghiệm mãnh liệt, người bị khảo nghiệm qua không nổi, có thể nhân sự uy hiếp này mà đưa đến phá phạm giới dâm căn bản. Vì thế, hành vi nhục thể của người xuất gia cùng người khác phái chạm xúc tuy chẳng phải là sự thật của dâm dục, nhưng do sự phản ứng của sự chạm xúc rất có thể đưa đến sự thật của dâm dục. Nguyên nhân người xuất gia không được xúc chạm người khác phái là như vậy. Nhân vì người nữ tâm chí yếu đuối, thể lực bạc nhược, không dễ gì kháng cự được sự uy hiếp và dụ dỗ của sức mạnh bên ngoài, cho nên đối với một giới xúc chạm này chế định rất nghiêm khắc. Tỳ kheo chạm xúc người nữ, phạm Tăng tàn. Tỳ kheo ni cùng người nam chạm xúc, phạm Ba la di. Đây không phải thiên vị Tỳ kheo, khinh rẻ Tỳ kheo ni, mà là bảo hộ giới thể Tỳ kheo ni an toàn. Vì thế, ngăn cấm rất nghiêm khắc. Nhưng bộ phận chạm xúc của Tỳ kheo và Tỳ kheo ni cũng có thêm bớt: Tỳ kheo ni từ đầu gối trở lên, từ mắt trở xuống, từ cổ tay trở lên, để trần nhận sự xúc chạm của người nam phạm Ba la di; vì từ đầu gối trở lên chính là bao quát hết tất cả bộ phận mẫn cảm. Sự chỉ định một bộ phận này là do tôi tham khảo các bản luật mà tổ hợp thành. Nhân vì, Tứ Phần Luật là từ đầu gối trở lên, từ nách trở xuống, cổ tay trở lên; *Hữu Bộ Luật* thì từ mắt trở xuống, từ đầu gối trở lên. Thập Tụng Luật nói: “Từ mí tóc trở xuống, cổ tay trở lên, ở y phục nhận sự xúc chạm phạm Ba la di”. Tứ Phần Luật “Từ nách trở xuống không bao quát được gò má và miệng”. Thập Tụng Luật: “Từ mí tóc trở xuống”, so sánh ra là thích đáng hơn hết. Trong Thiện Kiến Luật

quyển 7, đối với Tỳ kheo có quy định: “Cảm thọ sự khoái lạc của xúc chạm giữa miệng với miệng, phạm Tăng già bà thi sa”. Nếu chuẩn theo Tỳ kheo ni giới, hai miệng nam nữ hôn nhau, ít nhất là tội (chưa toại) Thâu lan giá của Ba la di.

**Thập tụng Luật quyển 42**, đối với Tỳ kheo ni thọ nhận sự xúc chạm, nói có 4 hạng:

1. Từ mí tóc trở lên, cổ tay trở xuống, đầu gối trở xuống, không có ý phục che, thọ nhận người nam chạm xúc, phạm Thâu lan giá; có ý phục thọ nhận người nam xúc chạm, có khoái lạc, phạm Đột kiết la.
2. Mí tóc trở xuống, cổ tay trở lên, đầu gối trở lên, cõi y phục thọ nhận chạm xúc, phạm Thâu lan giá.
3. Tỳ kheo ni có tâm dục nhiễm cho người nam có tâm dục nhiễm vuốt ve, ôm, đê, xúc, kéo, đều phạm tội Ba la di.
4. Mặt, cổ, ngực, hông, sống lưng, bụng, rún, chỗ đại tiểu tiện, đùi vế cho đến đầu gối, cõi y phục thọ nhận sự chạm xúc, phạm tội Ba la di; có ý phục thọ nhận sự chạm xúc, phạm Thâu lan giá.

Trong Tỳ kheo ni Hội Nghĩa nói: “Theo Tăng Kỳ Luật: Nếu Tỳ kheo ni tâm nhiễm ô muốn nhìn người nam, phạm tội trách tâm Đột kiết la. Nếu mắt thấy nghe tiếng, phạm đối thú Đột kiết la. Nếu thân thể hướng vào nhau, phạm Thâu lan giá”.

Đối với Tỳ kheo, trong Tăng Kỳ Luật quyển 28 nói: “Có tâm dục đi theo sau người nữ, mỗi bước đi phạm tội Việt Tỳ ni. Chân đạp người nữ, phạm Thâu lan giá. Nổi giận đánh người nữ, phạm tội Việt tỳ ni”.

Thiện Kiến Luật nói: “Tóc với tóc chạm nhau, móng với móng chạm nhau, phạm Thâu lan giá; nếu giác biết lẫn nhau, phạm Tăng già bà thi sa”.

Nhưng trong luật có chế, có khai, chẳng phải một khi xúc chạm với người khác phái đều kể là phạm tội trọng, tội tăng tàn. Biết rõ là người nữ, đem thân xúc chạm, chạm thân, thân động và cảm thọ khoái lạc, Tỳ kheo phạm Tăng tàn; thân động mà không cảm thọ khoái lạc, phạm tội Thâu lan giá. Dùng y phục chạm thân, đem thân chạm y phục, thân động, thọ khoái lạc hay không thọ khoái lạc đều phạm Thâu lan giá. Nghi là người nữ đem thân chạm thân, phạm Thâu lan giá; đem thân chạm y phục, phạm Đột kiết la.

Biết rõ là người nam thành niên đối với mình có tâm nhiễm ô từ đầu gối trở lên, mắt trở xuống, cổ tay trở lên, dùng thân chạm thân, Tỳ kheo Ni động thân cảm thọ khoái lạc, phạm Ba la di; không cảm thọ khoái lạc, thân động, phạm Thâu lan giá. Đem thân chạm y phục, dùng y phục chạm thân, ni đến xúc chạm vào người nam, phạm Thâu lan giá; người nam đến xúc chạm ni, ni cảm thọ khoái lạc, phạm Thâu lan giá. Nghi là nam đem thân chạm thân, phạm Thâu lan giá; đem thân chạm y, dùng y chạm thân, phạm Đột kiết la.

Không vì tâm dâm dục trao đồ vật cho nhau mà đụng chạm nhau không kể là phạm. Nếu lúc cởi trói cho nhau, đụng chạm nhau cũng không phạm; đùa giỡn đụng chạm nhau cũng không kể là phạm. Luật sư Linh Chi nói rằng: “Đùa giỡn đụng chạm nhau trái oai nghi, phải kết tội Đột kiết la”.

Trong Thập Tụng Luật quyển 3 nói: “Nếu tướng là mẹ, tướng là chị em, tướng là con gái, đụng chạm vào thân người nữ không phạm. Nếu cứu nguy nữ bị lửa đốt, nước cuốn, đao binh, hoặc té từ chỗ cao xuống, nan ác trùng, ác quỷ thì không phạm; không có tâm nhiễm xúc chạm, không phạm; người nữ bị nước cuốn, phải cứu, tuy tâm dâm khởi lên nhưng nắm một chỗ không buông, đến bờ rồi không nên chạm xúc nữa, chạm xúc nữa, đắc tội”. Trong Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Luật Bí số Tỳ nại da quyển 5 nói: “Nếu Bí số ni tự có tâm nhiễm cùng người nam có tâm nhiễm từ mắt trở xuống, đầu gối trở lên có tâm cảm thọ, thọ khoái lạc hai thân chạm xúc nhau nếu chạm xúc nhau cực độ, làm như thế Bí số ni này cũng đắc tội Ba la thi ca (Ba la di) không được cộng trụ”. Song lại nói: “Nếu bí số ni không có nhiễm tâm, người nam hoặc có nhiễm tâm hoặc không nhiễm tâm, ni xúc chạm, phòng ngừa tâm thì không phạm. Nếu ni có bệnh, người xoa thân, ni khởi tâm nhiễm đắc tội ác tác; không có tâm nhiễm, không phạm; và bị bệnh khổ làm bức ngặt thì không phạm.

Thập Tụng Luật cùng Hữu Bộ Luật đối với yêu cầu của giới chạm xúc rất rộng, Tát Bà Đa Bộ Luật Nhiếp quyển 3 nói: “Mẹ con, chị em có tâm cảm thọ khoái lạc xúc chạm vào thân của những người ấy, cũng đắc tội thô (Thâu lan giá); nếu không biết hổ thẹn, đắc tội Tăng tàn”.

Tăng Kỳ Luật cũng nói: “Nếu người nữ té xuống nước kêu cứu, tỳ kheo quán tướng là đất vớt lên, không phạm”. Lại nói: “Nếu nói biết cô khổ, nhưng cứ để mặc cho số mệnh của cô, cũng không phạm tội”.

*Thập Tụng Luật* vì cứu người, tuy có tâm dâm dục khởi, vẫn không kể là phạm. Tăng Kỳ Luật vì ngăn ngừa phá giới dâm, tuy thấy chết mà không cứu vẫn được vô tội. Đây là chỗ thêm bớt rất lớn. Nếu nói theo tinh thần Đại thừa, chúng ta nên nhận lấy quan điểm của *Thập Tụng Luật* và *Hữu Bộ Luật*. Nhưng nếu không cần yếu thì vẫn phải ngăn ngừa nghiêm khắc. Nhà Nho chủ trương giữa nam nữ phải “thọ thọ bất thân” (qua lại không thân) hiện nay đã phá sản, giữa người nam nữ xuất gia có đưa đồ vật qua lại cũng chẳng được quá thân cận; nếu do đưa đồ vật qua lại mà thân cận, do thân cận đi đến thân mật, từ thân mật sẽ sinh ra hậu quả đối với người xuất gia không thể tưởng tượng! Tuy nhiên như thế, nếu gặp bệnh đau, tại nạn Đức Phật cũng dạy các Tỳ kheo nam nữ phải cứu giúp lẫn nhau (*Hữu Bộ Luật quyển 33*).

Điều giới này dễ trì, da thịt tiếp xúc nhau sinh ra cảm thọ khoái lạc, Tỳ kheo phạm Tăng tàn, Tỳ kheo ni phạm Ba la di, chỉ cần có một tầng y phục vật dụng ngăn cách là không phạm tội này. Nhưng ở Trung Quốc ngày nay rất khó nói, trường hợp lên xe, xuống xe, mọi người chen lấn, người xuất gia ở trường hợp này khó tránh khỏi sự xúc chạm với người khác phái. Vào mùa hạ, người nam mặc áo sơ sài, người nữ phần nhiều mặc áo hở vai, hở lưng, người xuất gia cũng khó tránh khỏi sự xúc chạm với da thịt. Trong hoàn cảnh này, nếu muốn giữ gìn nội tâm tuyệt đối bình tĩnh cũng không phải là điều thanh niên nam nữ xuất gia của chúng ta phổ thông làm được! Người xuất gia Trung Quốc (ở nước Thái Lan người nữ tránh, nhường Tỳ kheo), chỉ có thể biểu thị sự không vừa ý, trừ phi mỗi người tự đề cao cảnh giác không nên cố ý đi tìm sự xúc chạm với người khác phái ra, cũng không có biện pháp nào tốt hơn.

## **B. Giới nói lời thô tục**

Bây giờ nói về giới nói về thô tục với người nữ. Điều này rất ít có cơ hội phạm, người xuất gia có tâm tự trọng, tâm hổ thẹn, sẽ không mở miệng thốt ra lời thô tục. Đồng thời, Tỳ kheo xúc chạm người nữ không hạn cuộc là sống chết, già trẻ, hoặc ngủ hoặc thức, một điều giới này phải là một người nữ hiểu biết được nghĩa vị của lời nói mà nói, mới thành tội Tăng tàn; và chủ yếu là nơi hai đường ở phần dưới thân thể mới phạm tội này. Nếu nơi các bộ phận khác của thân thể, chỉ phạm Thân lan giá. Nhưng trong Tăng Kỳ Luật quyển 5 nói: “Nếu dùng các phương thức: Khen, chê, nói, hỏi, cầu thỉnh, nhìn, mắng, nói thẳng để nói về dâm sự; dùng lời khen chê để nói về 14 chỗ là: hai môi, hai nách, hai vú, hai bên hông, bụng, rốn, hai

đùi, hai đường đại tiểu tiện, đều phạm tội Tăng tàn. Nhưng phương thức nói lời thô tục theo tôi thấy, người có tri thức cao phần nhiều dùng cách gián tiếp và cách nói nghĩa bóng, người tri thức thấp mới dùng cách nói trực tiếp và thô tục. Bất luận là dùng phương pháp nào nói, chỉ cần đối phương là người nữ và hiểu được nghĩa của lời nói, thì Tỳ kheo ấy phạm tội Tăng tàn. Hiểu nghĩa mà không hiểu ý vị thì đắc tội Đột kiết la. Tỳ kheo ni nói lời thô tục phạm Thâu lan giá. Nếu dùng văn tự viết ra, hoặc sai người thay thế nói, hoặc dùng văn tự viết ra, hoặc sai người thay thế nói, hoặc dùng tư thế và tay ra dấu nói, đạt thành đồng một mục đích, phạm tội Tăng tàn.

Thật ra điều giới này dễ trì, song phải cần thực hiện đến chỗ đã không nói với người nữ, cũng không nói với người nam; không nói với người khác phái, cũng không nói với người đồng phái. Nếu nói lời thô tục với người đồng phái, mỗi lời phạm một tội Đột kiết la, cho đến phải thực hiện đến điều được luật quy định là Tỳ kheo không được hỏi việc riêng kín của nữ ni.

Giới này cũng có khai duyên: Nếu vì người nữ nó bất định quán, nói đến 9 lỗ của thân thể con người thường chảy đồ bất tịnh thì không phạm. Hoặc lúc thuyết giới, nói đến hai đường đại tiểu tiện, không phạm. Hoặc người nữ không phải vì tâm dâm hỉ mà nói, không phạm, hoặc đùa giỡn nói, một mình nói, mau mau nói, trong chiêm bao nói, muốn nói lời này làm qua lời kia, đều không phạm.

Một giới này phải đủ 7 điều kiện mới phạm tội Tăng tàn, đó là đối với người nữ, tưởng là nữ, có tâm nhiễm, lời thô tục, tưởng là lời thô tục (cho rằng đây là lời thô tục), ngôn ngữ rõ ràng phân minh, người nghe hiểu rõ. Vì thế tôi cho rằng giới này dễ trì, nếu không trì được tốt giới này, bị chê bai cũng là một vấn đề nghiêm trọng, vì thế ở đây phải giới thiệu.

### **C. Giới làm mai mối cưới gả**

Giới làm mai mối cưới gả là một giới Tăng tàn hết sức phiền phức trong 13 pháp Tăng tàn này. Trong giới Tăng tàn của Tăng Kỳ Luật có một thiên nói về giới này rất dài. Ở đây nói người làm mai mối là chỉ cho người qua lại hai bên làm mai mối cưới gả, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam, nếu thành vợ chồng hoặc tư thông với nhau, cho đến trong khoảng chốc lát thì phạm Tăng già bà thi sa. Giới này phải đủ 6 điều kiện mới kể là phạm tội Tăng tàn: Là nam nữ của loài người, cho là nam nữ của loài người, làm mai mối cưới gả, cho



là làm mai mối cưới gả, lời nói rõ ràng phân minh, tiếp nhận lời của nam nữ cả hai bên qua lại truyền đạt. Nếu thiếu một bên không phạm tội Tăng tàn, chỉ phạm tội Thâu lan giá. Một giới này Tỳ kheo, Tỳ kheo ni đồng phạm tội Tăng tàn.

Trong Tứ Phần Luật Số nói: “ Lễ cưới gả hòa hợp sinh tử, thật trái với xuất ly, người xuất gia làm mai mối là trái với pháp thức; lại làm bận rộn, chướng ngại sự tu hành, bị sự chê bai, không khỏi thế gian trách móc, vì thế Phật chế giới”. Thời Phật tại thế có một vị Tỳ kheo tên Ca La, đối với việc mai mối cưới gả đặc biệt có phương pháp khéo léo, hễ ai được Ngài làm mai mối đều được thành công. Nhưng các nam nữ sau khi kết hôn, nếu cảm tình của vợ chồng đậm ấm thì nói tốt cho Tỳ kheo Ca La. Nếu vợ chồng bất hòa, gia đình không thuận, chồng chịu sự vất vả, vợ con bị ngược đãi, cả nhà tức giận mắng Tỳ kheo Ca La. Nhân đây Ngài bị người đời chê bai. Vì thế Đức Phật chế giới đệ tử xuất gia không được vì người tục làm mai mối cưới gả, nếu làm mai mối phạm tội Tăng tàn. Đồng thời, nếu vì cư sĩ mang thư tín, phải xem nội dung rồi mới mang đi để phòng trong thư có ý của nam nữ qua lại thông tin về việc mai mối, cũng không được làm tay sai qua lại cho cư sĩ, bằng không cũng phạm Đột kết la.

Nhưng giới này cũng có khai duyên: Nếu nam nữ trước đã kết hôn sau lại chia lìa, khuyên họ nên hòa hợp, thì không phạm. Nếu vì cha mẹ hoặc Ưu bà tắc, Ưu bà di dốc lòng tin Phật pháp, hoặc người bệnh, hoặc người bị giam trong ngục, xem nội dung của thư tín, biết không quan hệ đến việc mai mối cưới gả, vì họ mang thư đi không phạm. Nếu vì Phật, Pháp, Tăng, tháp, hoặc vì Tỳ kheo (Tỳ kheo ni) bệnh, xem nội dung thư tín xong, mang thư đi dùm cho họ không phạm.

Về một giới này, thời gần đây đến nay cần phải nghiên cứu, nhân vì tôn giáo không thể vượt ra ngoài sinh hoạt hằng ngày của quần chúng, bằng không, thì có thể bị gạt bỏ ra ngoài quần chúng. Đến trong sinh hoạt hằng ngày của quần chúng, hai điều được xem trọng là việc lớn hôn nhân và việc lớn sinh tử. Hình thái của Phật giáo luôn luôn thiên trọng vấn đề sinh tử, cho đến chỉ thiên về vấn đề độ người chết, đến nỗi bị người gần đây là La Gia Luân chê là tôn giáo của “Nhân tử quan”. Nghiên cứu bản chất của Phật giáo, quyết chẳng phải hạn cuộc ở việc độ người chết. Đức Phật ứng hóa ở nhân gian là vì cứu độ tất cả chúng sinh. Pháp môn độ người chết chỉ là phần phụ thuộc, chứ không phải chủ yếu. Phật giáo Trung Quốc đời sau lại làm đảo lộn gốc ngọn! Vì thế, mấy mươi năm gần đây cho đến nay, có một số Phật giáo đồ đề xướng cử hành nghi thức Phật hóa kết hôn. Từ trên yêu cầu

hiện thực mà nói, đây là gặp được phong trào của sự đề xướng. Trên nguyên tắc mà nói, Phật hóa kết hôn không trái với tinh thần Phật giáo, thậm chí còn hợp với tông chỉ của Phật giáo Đại thừa, từ trên cảm quan tôi cũng tán thành thanh niên nam nữ Phật giáo đờ, phải nên cử hành Phật hóa kết hôn. Phật hóa kết hôn là cơ sở của Phật hóa gia đình, cũng là mở đầu của sự Phật hóa gia đình. Có kiện toàn Phật hóa gia đình mới có sự Phật hóa con cái ưu tú. Có Phật hóa con cái ưu tú mới có thanh niên Phật giáo ưu tú. Nhân đó, Phật giáo mới có được sự tôn sùng và quy hướng của xã hội, mới đem được nghĩa lý và tinh thần của Phật giáo phổ biến đến mọi nơi trong xã hội. Đây cũng là tông chỉ của Phật giáo Đại thừa.

Nhưng nghi thức Phật giáo kết hôn cũng không phải không có người phản đối, lý do phản đối là vì điều này không hợp với điều kiện Phật chế, còn có tội là làm trái với điều Phật chế nữa, do vì điều thứ 5 của 13 pháp Tăng tàn là giới làm mai mối cưới gả, cho rằng tất cả có quan hệ đến dâm sự giữa nam nữ, người xuất gia đều không được tham dự. Trong sự Phật hóa hôn lễ ngày nay lại lấy Tỳ kheo làm người chứng hôn, vì thế bị kết tội là hành vi trái với Phật chế.

Điều này đúng lắm, vì trong Phật điển chúng ta không tìm được căn cứ cho phép Tỳ kheo làm người chứng hôn và cũng không tìm được cái tục lệ Phật hóa kết hôn.

Nhưng chúng ta phải nghiên cứu Tỳ kheo làm người chứng hôn có kể là làm mai mối hay không? Nếu nói theo nguyên tắc của Luật Tiểu thừa, Tỳ kheo lấy xuất ly sinh tử làm động cơ chủ yếu của sự giáo hóa. Hôn nhân là môi giới tăng trưởng sinh tử cũng là môi giới đưa đến dâm hạnh, vì thế cũng nên xa lìa, trường hợp này cũng không được tham dự thành người chứng minh hôn nhân.

Tỳ kheo làm người chứng hôn có phạm giới hay không? Nếu muốn tìm ra điều văn căn cứ của sự phạm giới thì cũng không tìm được, trong Luật vốn không có quy định điều này. Vì người chứng hôn là chỉ chứng minh sự kết hôn song phương của nam nữ thành vợ chồng, trừ phi người chứng hôn kiêm nhiệm người giới thiệu, mới cấu thành tội Tăng tàn của người làm mai mối, hai bên về sau dù kết hôn, tỳ kheo cũng không phạm tội làm mai mối.

Trong luật chỉ ghi một trường hợp về vấn đề quan hệ với Tỳ kheo có thể tham dự vào sự kết hợp vợ chồng: “Nếu nam nữ trước đã kết hôn với nhau, sau ly biệt, nên khuyên họ hòa hợp trở lại. Điều này không phải cho phép Tỳ kheo và Tỳ kheo ni làm người chứng hôn, mà là cho phép Tỳ kheo, Tỳ kheo ni làm cho nam nữ ly biệt

hòa hợp trở lại như thuở ban đầu khiến cho gia đình của họ không vì sự gây gổ đến nổi tan nát. Việc làm người chứng hôn cũng không thể viện dẫn một điều quy định này làm căn cứ.

Nhưng tôi tin rằng nếu cân nhắc khinh trọng theo Tỳ kheo, Tỳ kheo ni giới, làm người chứng hôn tuy không phạm tội Tăng tàn, nhưng ít nhất cũng phạm tội Đột kiết la. Nếu cân nhắc theo Đại thừa Bồ tát hạnh, làm người chứng hôn chỉ cần mục đích là thiện. Dẫu cho làm người chứng hôn là có tội, nhưng nếu tông chỉ của sự chứng hôn này là đạt thành mục đích Phật hóa xã hội tiến đến độ khắp chúng sinh thì vì độ chúng sinh mà chính mình tạo tội đọa xuống địa ngục, há chẳng phải là tinh thần của đạo Bồ tát sao! Vì vấn đề là Tỳ kheo dẫu không vì người tục chứng hôn, nam nữ muốn kết hôn họ vẫn cứ kết hôn.

Nhân đây lỗi nhìn của tôi như vậy:

1. Nếu người xuất gia vì gấp cầu giải thoát sinh tử thì không nên làm người chứng hôn.
2. Nếu người xuất gia vì thật tâm thực hành đạo Bồ tát thì không ngại làm người chứng hôn.
3. Nếu người xuất gia vì đã sợ tội ác của sinh tử lại nguyện Phật hóa nhân gian thì nên có một biện pháp chiết trung: Trong Phật hóa hôn lễ, mời một người tục làm người chứng minh trước khi hôn lễ tiến hành, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni vì tâm lang tâm nương thuyết pháp thọ tam quy y và làm thầy quy y nữa, quy y Tam bảo nhiều lần càng tốt.

---o0o---

#### **IV. HAI PHÁP BẤT ĐỊNH**

Hai pháp bất định là hai điều của Tỳ kheo giới không thể phán đoán nhất định. Điều thứ nhất là Tỳ kheo đơn độc cùng một người nữ ngồi tại chỗ khuất có ngăn che có thể làm việc dâm dục và nói những lời Phật pháp không cho nói. Điều thứ hai là Tỳ kheo đơn độc cùng một người nữ ngồi tại chỗ trống trải không thể làm việc dâm dục và nói những lời Phật pháp không cho nói. Hai trường hợp này nếu bị một nữ cư sĩ tuyệt đối đáng tin (chứng Sơ quả trở lên) phát hiện, người ấy

nói là phạm tội gì thì kể là phạm tội ấy. Tỳ kheo phạm tội cũng nên thật tình thừa nhận tự mình phạm tội gì nói phạm tội đó.

Trong điều thứ nhất, vì ở tại chỗ khuất có ngăn che có thể làm việc dâm dục, vì thế có thể phạm tội hành dâm Ba la di, có thể phạm tội Ba dật đề một mình ngồi với người nữ, vì thế gọi là pháp Bất định. Trong điều thứ hai, nhân vì ở chỗ trống trải không có thể làm việc dâm dục, vì thế có thể phạm một tội nào trong 2 tội xúc chạm của Tăng tàn và một mình ngồi cùng với người nữ của Ba dật đề, vì thế gọi là pháp Bất định.

Tóm lại, người xuất gia phải nên đặc biệt nhận chân về giới hạn giữa nam nữ, người xuất gia đơn độc ở một chỗ với người khác phái dù không phạm giới cũng bị chê bai.. Giống như quả phụ thanh xuân và xử nữ lớn tuổi có trình tiết hay không thường là đối tượng của người nhiều chuyện, Tăng Ni có thanh khiết hay không cũng rất bị sự chú mục của người khác. Vì thế, trong luật quy định Tỳ kheo một mình ngồi với người nữ cách nhau ít nhất phải hai tầm (18 thước Tàu), nếu có bạn thì không phạm.

Trọng tâm của giới xuất gia là giới dâm, những giới trọng yếu thì giới thiệu cũng chú trọng vào giới dâm. Trong 13 pháp tăng tàn, có 5 điều quan hệ đến giới dâm, phân làm 3 loại:

1. Chọc âm là tự mình đối với mình phạm
2. Xúc chạm, nói lời thô tục, tự khen mình, là tự mình đối với người khác mà phạm.
3. Làm mai mối là tự mình trợ giúp người khác mà phạm.

Năm thứ hành vi của giới dâm Tăng tàn tuy chưa cấu thành Ba la di của tự hành dâm dục, nhưng lại có sức mạnh đưa đến việc dâm dục. Vì thế, cả hai pháp bất định đều là giới vòng ngoài của giới dâm căn bản. Tác dụng của những giới dâm vòng ngoài là bảo vệ an toàn cho giới dâm căn bản. Giới dâm vòng ngoài được hình thành gồm có 3 lớp phòng tuyến bảo vệ giới dâm căn bản: Lớp thứ nhất là Đột kết la, lớp thứ hai là Ba dật đề, lớp thứ ba là Tăng tàn. Trọng điểm của chương này giới thiệu là nghiêng về giới Tăng tàn của phòng tuyến thứ ba.

Như đột phá phòng tuyến thứ ba thì công kích vào đại bản doanh Ba la di. Đương nhiên chỉ cần người xuất gia có đạo tâm hoặc tâm cảnh giác, người ấy rất khó phá ba lớp phòng tuyến. Nhưng nếu người không có chút lòng hổ thẹn công kích thẳng vào đại bản doanh của Ba la di, cũng là việc chỉ trong khoảnh khắc mà thôi!

---o0o---

## ***Chương 5 : Pháp Yết Ma Và Pháp Sát Hối***

### **I. PHÁP YẾT MA LÀ GÌ?**

Yết ma là dịch âm chữ Phạn: Karma, dịch ý là “Nghiệp”, nghĩa là thọ giới, thuyết giới, sám tội, và các thứ xử lý của Tăng sự; vì thế còn được giải là “Biện sự” hoặc “Tác sự”. Đây thuộc về giới tác trì.

***Hành Sự Sao quyển I, thượng, nói:*** “Minh Liễu Luận Sớ phiên dịch Sở tác là nghiệp, cũng phiên dịch là tác sự. Bách Luận gọi là sự, nếu tìm theo nghĩa, phiên dịch là “Biện sự”.

Huyền Ứng Âm Nghĩa quyển 14 nói: “Yết ma Trung Hoa dịch là Tác pháp biện sự”.

Nếu giải thích theo thuật ngữ hiện đại, pháp yết ma của Phật giáo là một thứ pháp nghị sự hoặc pháp hội nghị riêng của Phật giáo. Tính trọng yếu của pháp yết ma trong Phật giáo tương tự như tính trọng yếu của dân quyền được kiến thiết ở bước đầu của chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn. Không có pháp nghị sự kiện toàn chắc chắn sẽ khó sinh ra chế độ dân chủ lý tưởng, tăng đoàn Phật giáo hoàn toàn hợp được với tinh thần dân chủ là do công hiệu của pháp yết ma. Nội dung của chế độ dân chủ hiện đại là dân trị, dân hữu, dân hưởng. Mục đích của pháp yết ma trong Phật giáo là tạo thành lực chủng hòa kính: Thân hòa ở chung, miệng hòa không tranh cãi, ý hòa đồng vui, giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải, lợi hòa đồng chia đều. Từ trên nguyên tắc mà nói: Lực hòa kính của Phật giáo là sinh hoạt dân chủ của dân chủ tuyệt đối. Sự duy trì và bảo hộ một tinh thần dân chủ này là trách nhiệm và công năng của pháp yết ma. Thông thường nói: “Tăng sự, tăng đoán” cũng là lấy ý kiến và lực lượng của đại chúng trong tăng đoàn để giải quyết các việc trong đại chúng tăng đoàn, đoàn kết được đại chúng trong tăng đoàn là nhờ pháp yết ma, trừ khử ác nghiệp cũng phải nhờ pháp yết ma. Chủ tử của sự thành

thiện khử ác tuy là đại chúng trong tăng đoàn, nhưng đại chúng trong Tăng đoàn thành thiện khử ác được là nhờ pháp yết ma mà thành. Vì thế, một đoàn thể không có hội nghị quyết chắc không phải là đoàn thể của dân chủ, một Tăng đoàn không cử hành pháp yết ma không thể là Tăng đoàn của lực hòa kính. Tông lâm của Trung Quốc, thanh chúng có thể bình dầu ngã không cần đỡ dậy, mọi việc đều có các vị chấp sự của thường trụ phụ trách. Nhìn ở mặt thô, thì đây là vì thành tựu sự chuyên tâm tu hành của thanh chúng, thanh chúng của tông lâm là người an ổn, là người có phước. Song nhìn ở một góc độ khác, tất cả sự vụ của Tăng đoàn, hoàn toàn do một thiểu số chấp sự bao biện mà không cho thanh chúng tham dự, thậm chí chỉ do trung ương tập quyền của phương trượng giám viện, đó là điều không phù hợp với tinh thần lực hòa kính.

---o0o---

## II. PHÁP YẾT MA CÓ MẤY THỨ?

Chủng loại của pháp yết ma, phân ra có 101 thứ của 3 loại lớn:

1. Đơn bạch yết ma: Hoặc gọi là Bạch nhất yết ma, nghĩa là “Xướng ngôn”, đây là đối với việc không cần trưng cầu đồng ý, hướng về đại chúng tuyên cáo việc thường làm, quen làm và cần phải làm, nói lên một lần là thành. Gồm có 24 thứ.

2. Bạch nhị yết ma: Đây là tuyên cáo một lần, rồi nói lại một lần nữa để trưng cầu sự đồng ý của đại chúng. Gồm có 47 thứ.

3. Bạch tứ yết ma: Đây là trước tiên tuyên cáo một lần, ba lần trưng cầu đồng ý. Nếu như nhất bạch tam yết ma xong, trong đại chúng im lặng là biểu thị không có dị nghị mà tuyên bố yết ma đúng như pháp, nghị án thành lập nhất trí thông qua. Gồm có 30 thứ (chủng số danh mục xin tự tham duyệt yết ma của Luật Bộ).

Tinh thần của pháp yết ma so với trình tự nghị hội của hiện đại thì trang nghiêm và thiêng liêng hơn. Đề án nghị hội của hiện đại thông thường là 2 phần 3 số phiếu tán thành thì được thông qua, có khi chỉ cần có quá phân nửa là chuẩn, có khi chỉ cần hơn 3 phần 4 là chuẩn, nhưng rất ít khi nào yêu cầu nhất trí thông qua. Trong Tăng, chỉ cần có một người dị nghị là tăng không hòa hợp thì yết ma không thành. Chỉ có pháp yết ma Diệt tránh là đầu phiếu (bỏ thăm) lấy đa số biểu quyết.

Nhưng trong pháp yết ma cũng có quy định: Phạm, pháp yết ma đúng như pháp, như luật, không cho phép vô lý kinh chống mà phá hoại. Nếu một người vô lý kinh chống, phá hoại yết ma đúng như pháp, như luật, thì Tăng đoàn có thể làm pháp yết ma đối với một người ấy. Như có một tập đoàn nhỏ 4 người trở lên kinh chống làm yết ma riêng thì phạm tội phá yết ma tăng. Vì thế, pháp yết ma của Phật giáo là một thứ pháp nghị sự cực kỳ thiêng liêng và lại rất chu đáo tỉ mỉ. Tăng già Trung Quốc ngày nay không cử hành pháp yết ma, thật là một điều đáng than tiếc.

Sự quy định của pháp yết ma là dùng để phán đoán pháp yết ma có hợp với sự yêu cầu hay không. Sự quy định ấy phải đủ bốn điều kiện yết ma mới thành lập được. Bốn điều kiện ấy là:

1. Pháp: Tức là bản thân của pháp yết ma phải là xuất từ trong chủng loại của pháp yết ma. Pháp có ba loại: Tâm niệm pháp, đối thú pháp, chúng pháp.

2. Sự: Hoặc sự của phạm tội, hoặc sự của sám hối, hoặc sự của thọ giới, đó là những điều cần phải cử hành pháp yết ma. Sự có ba loại: Hữu tình sự, phi tình sự, tình phi tình hợp sự.

3. Nhân: Nhân số tham sự phải được quy định trong khi cử hành pháp yết ma nào đó, tức là số người. Người có 6 đại loại: Một người, 2 người, 4 người, 5 người, 10 người, 20 người.

4. Xứ: Cử hành yết ma cần phải có xứ sở, một xứ sở này gọi là giới. Giới có phân làm hai đại loại: Tác pháp giới và Tự nhiên giới. Tác pháp giới lại phân ra ba thứ: Đại giới, giới tràng, tiểu giới. Tự nhiên giới cũng phân ra có bốn thứ: Tụ lạc (xóm làng), lan nhã, đạo hành, thủy giới. Làm một chủng loại yết ma nào cũng điều có giới riêng dùng để quy định.

Bốn điều kiện này tôi hợp lại đưa ra một thí dụ. Tỷ như thọ giới: Bản thân của thọ giới là sự, nghi thức truyền giới là pháp, Hòa thượng là A xà lê, tham dự là nhân (người), giới tràng thọ giới là xứ. Nói về số người tham gia yết ma gồm có 6 loại:

1. Một người: Đây là Tâm niệm pháp, tỷ như Tỳ kheo tâm niệm tự trách, sám trừ lỗi phạm tội Đột kiết la. Thật ra, trường hợp này chưa nhập vào pháp yết ma.

2. Hai người: Đây là Đối thú pháp, một Tỳ kheo đối với một Tỳ kheo thanh tịnh khác nhau làm, như sám trừ tội Ba dật đề. Nói một cách nghiêm khắc thì trường hợp này cũng chưa nhập vào pháp yết ma.

3. Bốn người: Trừ không thể xuất tội tăng tàn thọ giới, biên địa thọ giới tự tứ ra, tất cả yết ma đều có thể bốn người thành tựu.

4. Năm người: Đây là số người tối thiểu của tự tứ yết ma và biên địa thọ giới yết ma. Trừ không thể xuất tội Tăng tàn và thọ giới ra, tất cả yết ma đều có năm người thành tựu.

5. Mười người: Trừ không thể xuất tội Tăng tàn ra, tất cả yết ma đều có thể thành tựu, chủ yếu là số người cần thiết để truyền giới Cụ túc.

6. Hai mươi người: Đây là số người tối thiểu để xuất tội Tăng tàn, và là số người có thể thành tựu tất cả yết ma.

Nhưng, phần tử được tham gia yết ma, trong Tỳ kheo tăng phải là Tỳ kheo thanh tịnh. Tỳ kheo phạm mà chưa sám trừ, không đủ số cũng không được tham dự. Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na ni, Sa di ni, cho đến tất cả người tục, dù không đủ số, cũng không được tham gia. Yết ma của Tỳ kheo ni, Tỳ kheo cũng không được tham dự.

Nhưng hai bộ Tăng Ni đều riêng có ba thứ yết ma tương đối thực hành:

1. Tỳ kheo có thể vì Ni chúng làm thọ giới yết ma, Ma na đỏa (Ni phạm tội Tăng tàn, làm 35 điều Tùy chúng ý) yết ma, xuất tội (Tăng tàn) yết ma.

2. Tỳ kheo ni có thể làm ba pháp yết ma đối với Tỳ kheo là không lễ bái, không cùng nói chuyện, không kính sợ. Giả như Tỳ kheo vô lý xúc nã Tỳ kheo ni, Tỳ kheo ni có thể dùng ba pháp yết ma này đối phó Tỳ kheo.

Chỗ bất đồng là: Tỳ kheo vì Tỳ kheo ni làm ba thứ yết ma, Tỳ kheo ni phải hiện diện trước Tỳ kheo; Tỳ kheo ni vì Tỳ kheo làm ba thứ yết ma, Tỳ kheo không cần phải hiện diện trước Tỳ kheo ni.

---o0o---

### III. PHÁP SÁM HỐI



Đại thừa giới chưa đến Phật quả, không thể tuyệt đối không phạm, không thể tuyệt đối thanh tịnh. Tiểu thừa giới chưa đến quả A la hán, không thể tuyệt đối thanh tịnh. Vì thế, phạm là Phật giới, trừ tội trọng ra, đều có phương pháp hối tội. Đây là phương tiện từ bi của Phật, nếu như tất cả giới chỉ có pháp phạm mà không có pháp hối thì không có một chúng sinh nào có khả năng học Phật, thành Phật.

Hai chữ Sám hối, Thiên Thai Chi Quán quyển 7 giải thích: “Sám là trình bày tội ác đã làm, hối là sửa đổi lỗi trước, từ nay về sau không làm nữa”. Trên thực tế, bốn ý của Sám hối cùng với sự giải thích trên có chút thêm bớt. Vì hai chữ Sám hối là hợp dịch âm nghĩa của Phạn ngữ: Ksamayati, dịch âm là Sám ma, dịch nghĩa là Hối quá, hợp thành Sám hối. Đã giữ âm lại thêm vào nghĩa.

Kim Quang Minh Kinh Văn Cú Ký quyển 3: hai chữ Sám hối là cùng nêu lên hai âm. Phạn ngữ Sám ma, Trung Hoa gọi là Hối quá”.

Nam Sơn Giới Sở quyển 1, hạ: “Sám hối, hối là tiếng Trung Hoa, sám là nói tắt của tiếng Ấn Độ, như tiếng Phạn vốn nói là Sám ma”.

Nam Hải Ký Quy Truyện quyển 2: “Cựu dịch là Sám hối, không quan hệ đến thuyết tội. Vì sao? Sám ma là âm tiếng Ấn Độ, nghĩa là tự phải nhận; Hối là chữ Trung Hoa nghĩa là truy hối; không có can hệ gì với nhau”.

Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da quyển 15, chú thích: “Nói sám ma, Trung Hoa định nghĩa là: Xin tha thứ, xin cho sửa lỗi, đổi diện xin lỗi. Nếu lỡ phạm người hiện diện, muốn xin người hoan hỷ, đều nói sám; bất luận lớn nhỏ đều đồng như thế. Nếu hối tội gọi là A bát đề xá na (Apati-désanà), A bát đề là tội, đề xá na là thuyết, đáng lẽ dịch là thuyết tội. Nói sám hối, sám là tiếng Ấn Độ, hối là Tiếng Trung hoa, chẳng phải xin tha thứ tội, cũng chẳng phải là thuyết tội, thật là khó phân biệt rõ”.

Nói theo nguyên ý, sám ma (xin dung thứ) cùng A bát đề đề xá na (thuyết tội) không thể hỗn hợp giải thích, cũng không thể hỗn hợp ứng dụng, nhưng ở Trung Quốc đã đem giới hạn của hai thứ này hỗn hợp lại một khối. Vì thế, nói đến sám tội cũng hàm có hối tội, nói đến hối tội cũng hàm có sám tội. Như tác pháp sám, thủ tướng sám, vô sanh sám đã được gọi là ba thứ hối pháp, cũng có thể gọi là ba thứ sám pháp.

Nhưng trong luật phần nhiều dùng pháp hối tội đại biểu cho hai chữ sám hối.

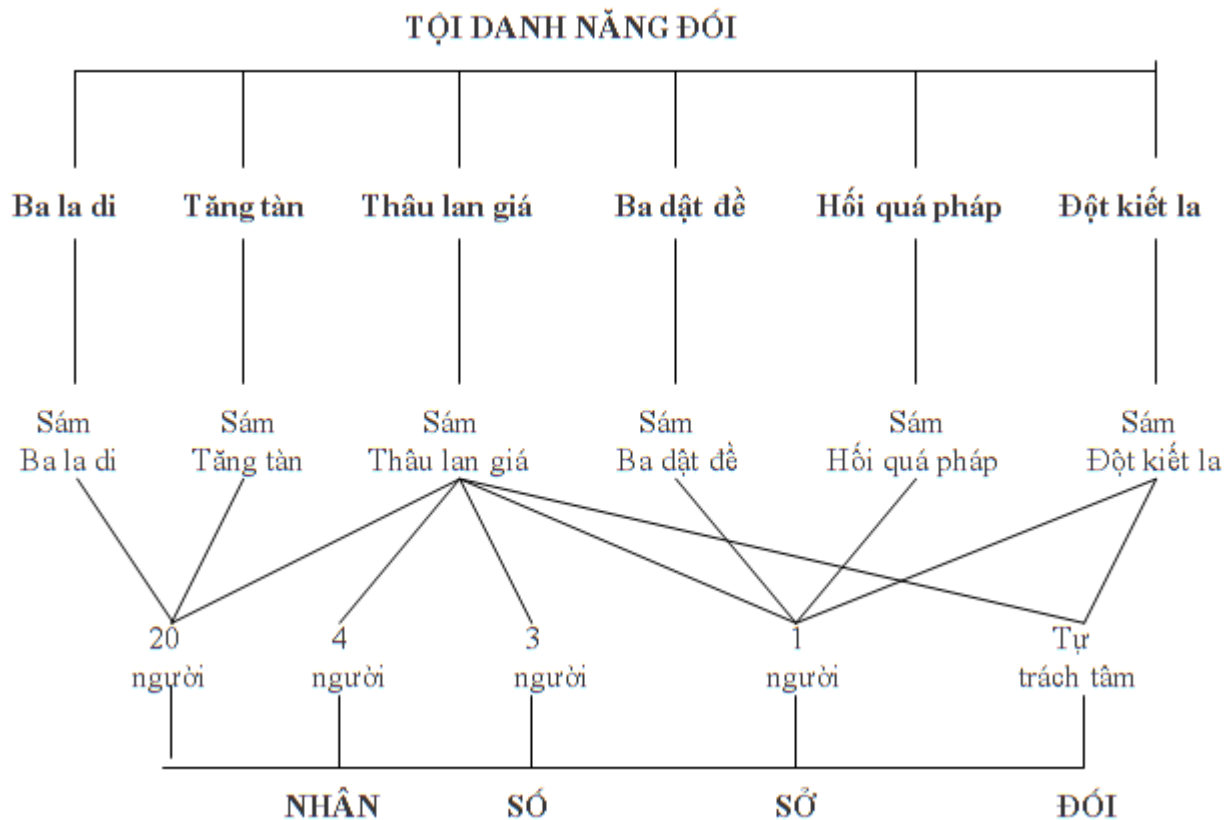
Pháp sám tội, trên thực tế cũng là một pháp yết ma. Pháp yết ma 101 thứ, địa phận thiết yếu không ra ngoài hai loại lớn là thành thiện và khử ác: Tỷ như thọ giới, thuyết giới, tự tứ, kiết tịnh địa, thọ y ca hy na, phân tọa cụ.v... đều là yết ma thành thiện. Lại như Khổ thiết, Khu tản, Biệt trụ, Ma na đỏa, hương bạch y sám hối (Tỳ kheo vô lý xúc não bạch y phải ở trong Tăng bạch nhị yết ma, do một Tỳ kheo khác làm bạn đồng đi qua chỗ của bạch y sám hối), cử tội Tỳ kheo..., đều là yết ma khử ác.

Pháp sám hối gồm có ba thứ và có thể hợp thành hai loại theo biểu đồ như sau:

Tác pháp sám diệt được giới tội mà không diệt được phiền não tánh tội. Thủ tướng sám diệt được phiền não tánh tội nhưng không diệt được vô minh chướng ngại trung đạo quán. Vô sanh sám diệt được vô thi vô minh. Tác pháp sám là pháp hối tội của Tỳ kheo và Tỳ kheo ni mà chương này cần phải giới thiệu, là tác pháp y theo sự quy định mà thuyết tội, hối tội. Thủ tướng sám tức là như trong Phạm Võng Bồ tát Giới Bản nói: “Phải dạy sám hối, ở trước hình tượng Phật, Bồ tát ngày đêm sáu thời tụng 10 giới trọng, 48 giới khinh, khẩn thiết lễ tam thế ngàn Phật, được thấy hảo tướng”. “Hảo tướng là thấy Phật đến xoa đầu, thấy ánh sáng, thấy bông hoa, các thứ tướng lạ, liền được diệt tội”. Hai pháp hối tội này đều là dùng sự thông đạt thành mục đích hối tội, vì thế gọi là sự sám. Vô sanh sám là chánh tâm ngồi ngay thẳng, thâm quán vạn pháp “Không, Như” mà lại tức tục, trung đạo hiện tiền, mở Phật nhãn, phá vô minh. Một sám pháp này nếu tu hành tối thiểu là từ cảnh giới Sơ địa trở lên. Vì thế, Thủ tướng sám đã khó quán thành công, Vô sanh sám càng khó quán thành công hơn. Thủ tướng sám và Vô sanh sám là pháp sám phổ thông của Hóa giáo, là thông dụng của Đại thừa, Tiểu thừa, cũng thông dụng cho cả hai chúng tăng tục. Tác pháp là sám pháp của thế giáo, là hạn cuộc nơi Tiểu thừa, chủ yếu đối với Tăng Ni, phụ đối với người tục. Nếu chỉ y theo sám pháp tội của Hóa giáo, tuy diệt tánh tội mà giới tội vẫn còn. Nếu chỉ y theo sám pháp sám tội của thế giáo, giới tội hiện tiền tuy diệt nhưng nghiệp đạo tánh tội từ vô thi đến nay vẫn còn. Vì thế, tốt nhất là hỗ tương ứng dụng cả ba thứ sám pháp: Thủ tướng, Tác pháp, Vô sanh; hiện tại chúng tôi muốn nói chính là Tác pháp sám, đây cũng là một pháp sám tội dễ được thành công nhất. Nay xin giới thiệu về Tác pháp sám.

Tỳ kheo và Tỳ kheo ni giới gồm có 6 thứ tội danh. Bởi vì tội Ba la di không thể dùng Tác pháp sám để hối trừ, vì thế tội danh năng hối chỉ có 5 thứ. Nhưng lại

không phải là phương thức một thứ tội danh đối với một thứ hối tội, mà trong đó có một thứ tội danh phải dùng 2 thứ cho đến 5 thứ phương thức hối trừ. Hiện tại liệt kê theo biểu đồ như sau:



Tội Ba la di, vốn chỉ có pháp phạm mà không có pháp hối, nhưng người lần thứ nhất phạm căn bản giới dâm, lập tức phát lồ, hướng Tăng đoàn lập tức tự thú tự bạch thống thiết cải hối, tuy mất giới Tỳ kheo và cũng mất thân phận Tỳ kheo mà không bị diệt tử. Sau khi ở trong 20 vị Tăng cầu hối, phải thọ trì 35 việc, thành Dự học Tỳ kheo (Thập Tụng Luật gọi là Dự học Sa di), suốt đời ở dưới Tỳ kheo thanh tịnh và trên tất cả Sa di, suốt đời mất hết tất cả Tăng quyền, không được tham gia bất cứ pháp yết ma nào, suốt đời hầu hạ phục dịch đại chúng Tỳ kheo.

Tội Tăng tàn có thể hối trừ, song cần phải ở trong 20 vị Tỳ kheo thanh tịnh xuất tội. Tỳ kheo Ni phải ở trong hai bộ Tăng và Ni tăng và Tỳ kheo tăng mỗi bộ 20 người xuất tội. Tỳ kheo phạm Tăng tàn nếu phú tàng (che dấu) một ngày, phải làm yết ma 6 đêm Ma na đọa, hành pháp Biệt trụ, trong thời gian này bị tước đoạt tất cả Tăng quyền, tùy thuận đại chúng, phục dịch đại chúng, hành 35 việc. Sáu đêm

hoàn tất, được ở trong 20 vị Tỳ kheo tăng thanh tịnh xuất tội Tăng tàn rồi trở lại thành Tỳ kheo thanh tịnh. Tỳ kheo ni phạm Tăng tàn, trước tiên làm nửa tháng Ma na đỏa, sau đó mới hướng vào trong hai bộ Tăng mỗi bộ 20 người để xuất tội. Đây là vì sự tiện lợi của mỗi nửa tháng Bồ tát, không đến nửa tháng, bất tiện qua trong Tỳ kheo tăng cầu hỏi xuất tội, vì thế cần phải nửa tháng Ma na đỏa.

Theo sự quy định này, hiện thời ở Trung Quốc đã không cử hành yết ma, phạm tội Tăng tàn cũng không làm sao sám trừ. Về sám hối tội Tăng tàn, không thể nói một cách đại khái như nhau được. Căn Bản Tát Bà Đa Bộ Luật Nhiếp quyển 4 nói: “Có sáu loại người phạm tội chúng giáo (tức Tăng tàn) đối trước một Bí sô thuyết trừ tội ấy được gọi là thanh tịnh.

1. Người trì khắp Kinh tạng.
2. Người trì khắp Luật tạng.
3. Người trì khắp Luận tạng.
4. Người tánh rất hổ thẹn, nếu nói lỗi của người ấy, người ấy ôm lòng hổ thẹn đến chết.
5. Bậc Thượng tọa già nhất trong chúng.
6. Người có đại phước đức”.

Hành Sự Sao quyển 4 nói: “Có 6 loại người phạm tội Tăng tàn được tâm niệm hối:

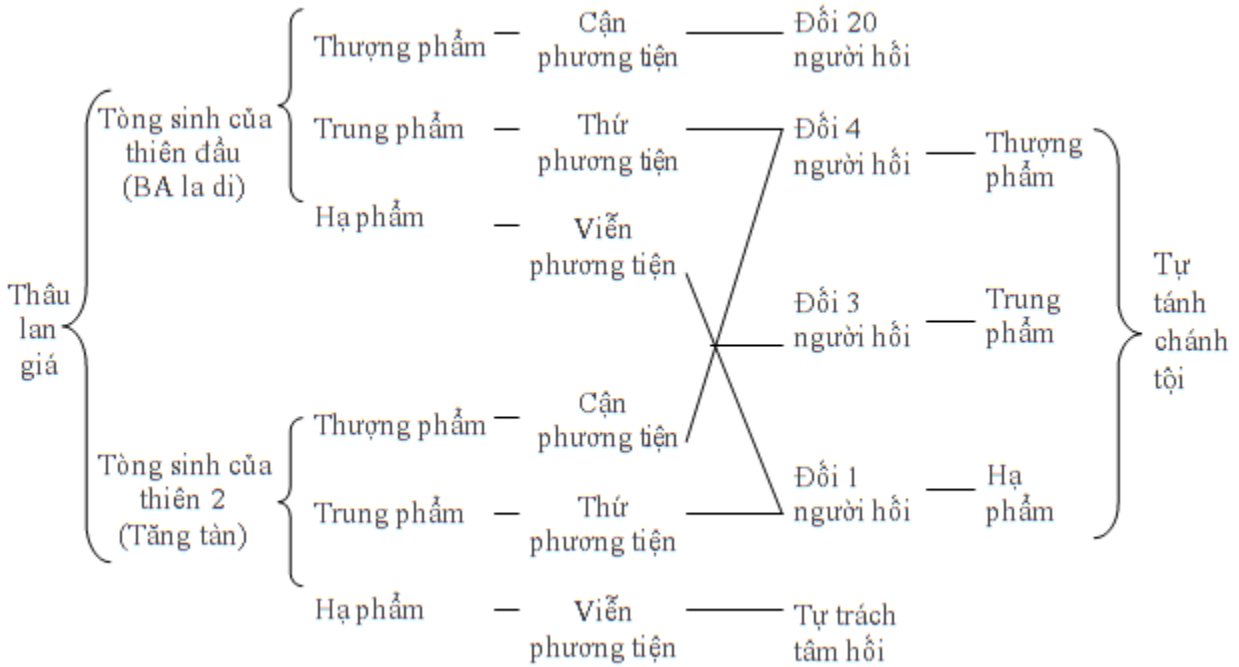
1. Thượng tọa phạm Tăng tàn, e bị mọi người sinh khinh mạn. Phật dạy: Nếu nhất tâm sinh niệm: Từ nay về sau không làm nữa, liền được thanh tịnh.
2. Bậc đại đức được nhiều người quen biết.
3. Người nhiều hổ thẹn, nếu bắt làm pháp ở trong 20 vị tăng xuất tội, người ấy thà xả giới.
4. Bệnh nặng không thể quỳ, không có sức lực để sám.
5. Trụ xứ không đủ 20 vị Tỳ kheo thanh tịnh, lúc đi qua nơi khác cầu hỏi tội, dọc đường bị giặc hại mà chết.

6. Chúng không thanh tịnh, qua nơi khác cầu chúng thanh tịnh hồi tội, dọc đường gặp giặc hại mà chết.

Sáu loại người này, Phật nói: “Nhất tâm sinh niệm, sám hối đúng như pháp là người được sinh lên trời”.

Người xuất gia ở Trung Quốc ngày nay, nếu đoàn thể sinh hoạt trên 20 người, tốt nhất là dùng pháp yết ma để hồi trừ tội Tăng tàn. Nếu như số người không đủ, không có cách nào cử hành pháp yết ma đúng như luật, thì cũng nên theo pháp đối một người sám hối hoặc dùng pháp tâm niệm, hồi trừ tội Tăng tàn. Trên thực tế, Tăng Ni Trung Quốc đã không biết dùng pháp yết ma để hồi tội.

Thâu lan giá là một thứ tội phức tạp hơn hết. Hành Sự Sao quyển 1, trung, nói: “Một tụ Thâu lan giá, tội thông cả chánh và tòng, thể gồm cả khinh trọng. Luật nêu 7 tụ mà 6 tụ đều hàm Thâu lan giá”. Đây là nói Thâu lan giá chia làm hai môn chánh và tòng: Chánh gọi là Độc đầu Thâu lan giá, Tòng gọi là Tòng sinh Thâu lan giá. Độc đầu là đơn độc thành lập. Tòng sinh là phụ thuộc vào 6 tụ kia mà thành lập, tội chưa thành của 6 tụ kia đều gọi là Tòng sinh Thâu lan giá. Trong 7 tụ, trừ 2 pháp Bất định không định phạm tội nên không có Thâu lan giá, 6 tụ kia đều có Thâu lan giá. Nhưng chánh có trọng cũng có khinh, tòng sinh cũng có trọng có khinh. Tòng sinh Thâu lan giá tuy trùm khắp 6 tụ, nhưng vẫn chủ yếu là Ba la di của thiên đầu và Tăng tàn của thiên thứ hai. Nhưng bất luận chánh tòng đều có thể phân làm ba phẩm: thượng, trung, hạ. Hiện tại đem số người đối hồi của ba phẩm chánh tòng liệt kê biểu đồ như sau:



Biểu đồ này là do tham khảo từ các luật bốn nêu ra, chính xác hay không chờ hỏi bậc cao minh, vì trong các bộ luật đối với vấn đề này đều có ý kiến khác nhau, thật khó tìm sự hoàn hảo nhất trí.

Phẩm vị phân pháp của Tòng sinh Thâu lan giá là căn cứ vào trình độ của tội chưa tội mà định: Tỷ như hành dâm là phải hai thân giao hợp với nhau mới thành tội Ba la di của thiên đầu; nếu khởi thân chuẩn bị hành dâm liền đình chỉ, là viễn phương tiện của thiên đầu, thành hạ phẩm tội. Nếu đã dùng tay vuốt ve đối phương chuẩn bị cởi y phục hành dâm rồi đình chỉ, là thứ phương tiện của thiên đầu, thành trung phẩm tội. Nếu đã cởi áo trong hai thân chạm nhau, nam căn sắp nhập vào nữ căn, lúc chưa nhập liền đình chỉ, là cận phương tiện của thiên đầu, thành thượng phẩm tội. Ba phẩm thượng, trung, hạ của tội Tăng tàn chưa tội có thể so với trên mà biết được, ở đây không cần nêu ra.

Đến Thâu lan giá của tự tánh chánh tội, hoặc Độc đầu Thâu lan giá cũng phân làm ba phẩm: thượng, trung, hạ; nội dung như sau:

- Thượng phẩm độc đầu: Trộm 4 tiền, giết phi nhân (quý thân biến hóa thành người), trộm đồ vật của phi nhân trị giá 5 tiền trở lên, ở phi đạo (trừ âm đạo, đại tiện đạo và miệng ra, các bộ phận khác trên thân thể) hành dâm.

- Trung phẩm độc đầu: phá yết ma tăng, trộm 3 tiền trở lên, chạm xúc người hai hình và huỳnh môn; cùng với tóc, móng của người nữ chạm xúc; cùng với người nữ, một người có y phục, một người không y phục chạm xúc; làm cho người khác chảy đồ bất tịnh (thủ dâm).

- Hạ phẩm độc đầu: Chứa lược dùng chải tóc, cạo lông ba chỗ (nách và đại tiểu tiện), dùng dầu tô thoa láng âm hộ, trần truồng đi, chứa bát bằng gỗ, mặc y ngoại đạo.

Sám tội Ba dật đề thông thường đối với một vị Tỳ kheo (Tỳ kheo ni) thanh tịnh thuyết tội, hối lỗi, tùy phạm có thể tùy hối. Nếu không có phương tiện nên đợi lúc nửa tháng thuyết giới sám hối.

Pháp hối quá là tùy phạm tùy hối, đối trước một người nói một lần liền được hối quá.

Pháp hối tội là Đột kiết la và Ba dật đề giống nhau. Nếu lỡ phạm tội Đột kiết la, tự trách tâm thống thiết, hối cải tội liền trừ diệt.

Còn có một điều quy định rất quan trọng là Tỳ kheo và Tỳ kheo ni không được nói tội ác của mình đã phạm với nhau để sám hối. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Luật Tạng quyển 32: “Phật nói Bí sô không được nói tội của mình với Bí sô ni, phải đối trước bí sô thanh tịnh đồng kiến giải phát lồ thuyết đối”.

Lại nói: “Bí sô ni không nên đến bên Bí sô phát lồ phải ở bên Bí sô ni thuyết tội”. Đến như Tỳ kheo ni phạm tội Tăng tàn phải ở trong hai bộ tăng xuất tội; ở trước Tỳ kheo Tăng, chỉ xuất tội mà không phải phát lồ thuyết tội”.

Các pháp yết ma và các pháp sám tội đều có nghi thức nhất định và lời tác bạch nhất định, vì giới hạn của tạng sách nên không thể biên chép lại đầy đủ.

Ở đây đem các loại địa ngục và số năm bị đọa do tội phạm giới ghi lại như sau:

1. Tội Ba la di: Đọa địa ngục Diệm Nhiệt 92 vạn 1 ngàn 6 trăm vạn năm.
2. Tội Tăng tàn: Đọa địa ngục Đại Hào Khiếu 23 vạn lẻ 4 trăm vạn năm.
3. Tội Thâu lan giá: Đọa địa ngục Hào Khiếu 5 vạn 7 ngàn 6 trăm vạn năm.
4. Tội Ba dật đề: Đọa địa ngục Chúng Hợp 1 vạn 4 ngàn 4 trăm vạn năm.

5. Tội Đê xá ni (Hối quá pháp): Đọa địa ngục Hắc Thằng 3 ngàn 6 trăm vạn năm.

6. Tội Đột kiết la: Đọa địa ngục Đẳng Hoạt 9 trăm vạn năm.

Đương nhiên các loại địa ngục này là nhất định, song số năm đọa địa ngục không nhất định, số năm ghi ra ở đây cũng chỉ là đại khái mà thôi. Nhân vì đồng là một thứ tội danh lại có rất nhiều cấp bậc của tội nghiệp, tỷ như Thân lan giá phân có ba phẩm thượng, trung, hạ; pháp hối tội có 5 phương thức, nếu như không hối thì số năm cảm thọ tội báo đương nhiên cũng không nhất định.

Thiên này đến đây đã xong, đọc giả nếu muốn hiểu sâu xin mời tự nghiên cứu các bộ Quảng Luật. Nếu không nghiên cứu Quảng Luật, tôi xin giới thiệu 4 bộ sách luật: Trùng Trị Tỳ Ni Sự Nghĩa Tập Yếu của Đại sư Ngẫu Ích, Tứ Phần Luật Tỳ kheo Giới Tướng Biểu Ký của Đại sư Hoàng Nhất, Tứ Phần Luật Tỳ kheo ni Giới Tướng Biểu Ký của Tỳ kheo ni Thắng Vũ, Tứ Phần Tỳ kheo ni Giới Bản Chú Giải của Tỳ kheo ni Phật Oánh. Tỳ kheo tốt nhất nên xem cả bốn bộ; Tỳ kheo ni nên xem 2 bộ sau, ít nhất cũng xem 1 bộ sau chót, vì Ni sư Phật Oánh là bác sĩ y khoa nên đối với phương diện vệ sinh về sinh lý của Ni chúng có sự hướng dẫn tận tường. Chị em Ni chúng của Phật giáo, nếu như đồng trình xuất gia, đối với vấn đề vệ sinh sinh lý phần nhiều không hiểu, có người bệnh, mắc cỡ không đến y sĩ điều trị. Vì thế, tôi chủ trương người xuất gia nam nữ đều phải hiểu về vệ sinh sinh lý học. Vấn đề sinh lý không phải là bí mật, chỉ có người cho rằng cấu tạo của sinh lý là bí mật, nên đối với vấn đề sinh lý mới càng cảm thấy quyến rũ làm mê người mà đến nỗi thành bệnh cho đến tạo thành tội ác. Do đó, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni cần xem bộ Tứ Phần Luật Tỳ kheo ni Giới Bản Chú Giải của Tỳ kheo ni Phật Oánh biên soạn.

---o0o---

## **Thiên thứ bảy : Bồ Tát Giới Cương Yếu**

### **Chương 1 : Thứ Lớp Và Cảnh Giới Của Bồ Tát**

#### **I. BỒ TÁT LÀ GÌ?**

Chúng ta thông thường đều được nghe xưng hiệu của Bồ tát, cho đến cũng có thể đem hai chữ Bồ tát làm lời khen tặng người khác. Vì thế, một từ Bồ tát có ấn tượng đối với một số người đã là cao quý, vĩ đại, mà cũng là bình dị gần gũi; đã là



thiên liêng không lường, cũng là giản đơn phổ thông. Kỳ thực, người chân chính hiểu được thứ lớp và cảnh giới của Bồ tát không có bao người. Còn người chưa từng nghe qua Phật pháp nhận tất cả những tượng thần, tượng quý đắp bằng đất, khắc bằng gỗ, đều gọi là Bồ tát, đây là quan niệm của người chưa biết được ý nghĩa của Bồ tát.

Bồ tát nguyên là dịch âm của Phạn văn của Ấn Độ: Bohisattva, dịch đủ là “Bồ đề tát đỏa” dịch ý là “Giác hữu tình”. Giác nghĩa là giác ngộ, giác liễu, giác tri, giác kiến. Hữu tình nghĩa là chúng sinh, chúng sinh là chúng duyên hòa hợp mà sinh, cũng có nghĩa là nhiều sinh mạng. Nhưng trong nhiều sinh mạng của chúng duyên hòa hợp, có động vật có tình ái và tình tánh, có thực vật cho đến khoáng vật v.v... không có tình ái và tình tánh.

Ở đây nói chúng sinh là chỉ cho sinh mạng có tình ái và tình tánh, vì thế gọi là hữu tình. Ba chữ “Giác hữu tình” gồm có bốn tầng của hai lớp ý nghĩa. Một lớp là hữu tình chúng sinh phát tâm, trên cầu vô thượng giác (Phật) đạo và cũng phát tâm khai hoá tất cả hữu tình chúng sinh đều đắc Vô thượng giác (Phật) đồng thời cũng muốn làm cho tất cả hữu tình chúng sinh đều ngộ kiến giác (Phật) tánh sẵn đủ của mỗi người. Hợp lại mà nói, trên cầu Phật đạo để tự giác, dưới hoá độ chúng sinh để giác tha, đây là ý nghĩa của Bồ tát.

Mục đích tin Phật, học Phật của chúng ta là mong muốn chúng ta thành Phật, nhưng cảnh giới Phật là chí cao vô thượng, rất tốt đẹp, rất lớn lao, rất sáng suốt, rất chân thật; hành trình của con đường thành Phật cũng rất gian nan và xa xăm. Một người từ khi bắt đầu tin Phật học Phật, phải trải quá trình thời gian ba-a tăng-kỳ kiếp và trăm kiếp, mới đạt đến mục đích thành Phật. Ở thế gian không có chân bảo giá rẻ; càng khó được, giá trị càng cao; thành Phật cũng vậy, Phật tuy khó thành nhưng rất cuộc cũng thành, nhưng phải trả giá một sự nỗ lực lớn lao. Giá trị này là Bồ tát hạnh hoặc Bồ tát đạo: Trên cầu Phật đạo, dưới hoá độ chúng sinh. Không ngừng tẩy rửa phiền não vô minh từ vô thi đến nay làm như Tự tánh giác (Phật) thể. Chính mình tẩy rửa phiền não vô minh, tăng trưởng trí tuệ, dùng trí tuệ này để tự chiếu soi mình và cũng để chiếu soi người khác; giúp cho người khác tẩy rửa phiền não vô minh, cũng có thể tăng trưởng phước đức của mình; dùng để lợi mình, cũng dùng để lợi người. Đây là đạo Bồ tát song tu song hành trí huệ và phước đức, cũng là theo từng giai đoạn tiến lên con đường thành Phật.

Do thực hiện con đường thành Phật mà được gọi là Bồ tát. Thành Phật đặc quả là do thực hành hạnh Bồ tát. Bồ tát đạo là chánh nhân của thành Phật, thành Phật là kết quả của Bồ tát đạo. Muốn thành Phật trước tiên phải hành Bồ tát đạo, hành Bồ tát đạo chắc chắn sẽ thành Phật.

---o0o---

## II. CẤP BẬC CỦA BỒ TÁT

Chính vì cái nhân thành Phật là Bồ tát đạo rất dài, rất xa, vì thế trong kinh Phật phân nó ra thành giai đoạn và thứ bậc. Cách phân biệt về cấp bậc của Bồ tát, theo Tông Thiên Thai gồm có bốn loại: Tạng, Thông, Biệt, Viên. Bồ tát của Tạng giáo thuộc loại căn khí nhỏ, không có phân cấp bậc. Nếu muốn luận về cấp bậc, chỉ có thể đem trình độ tu chứng của Bồ tát loại này so sánh với cấp bậc của Tiểu thừa mà thôi. A tăng kỳ kiếp thứ nhất là ở giai đoạn Ngũ đình tâm, biệt tướng niệm, tổng tướng niệm của Tiểu thừa Phạm phu vị. A tăng kỳ kiếp thứ hai tương đương với Noãn vị của Tiểu thừa Hiền vị. Mãn a tăng kỳ kiếp thứ ba tương đương với Đảnh vị của Tiểu thừa. Qua ba đại A tăng kỳ kiếp mới là giai đoạn tu nhân 32 tướng đại nhân, tiến lên từ Nhẫn vị vào Thế đệ nhất vị là thành Phật. Đây là nhân gian Phật thân sắc vàng một trượng sáu của phạm phu và Tiểu thừa. Trong quá trình tu hành, các Ngài không đoạn phiền não mà tu lục độ, còn bậc thánh Tiểu thừa đoạn phiền não mà không tu lục độ. Vì thế, các Ngài là Đại thừa Bồ tát chứ không phải là phạm phu và bậc thánh Tiểu thừa.

Bồ tát Thông giáo là loại căn khí chứng cả Tam thừa, lấy giai đoạn Thập địa khái quát thứ lớp của Tam thừa. Sơ địa là phạm phu của Sơ tín; Nhị địa là bậc Hiền; Tứ địa bằng với thánh nhân Sơ quả của Tiểu thừa; Ngũ địa bằng với Nhị quả Tiểu thừa; Lục địa bằng với Tam quả Tiểu thừa; Thất địa đồng với Tứ quả A la hán của Tiểu thừa; Bát địa đồng với Bích chi ca Phật vị của Tiểu thừa; Cửu địa từ “Không ra Giả”, đặc pháp nhân và tập khí sắp hết, vì thế gọi là Bồ tát địa; địa thứ mười là Phật địa. Thất địa trở về trước thông cả Tam thừa. Bát địa thông với Bích chi ca Phật. Tam thừa này tuy mỗi thừa đều riêng bất đồng, song lại có nhiều đặc tính chung, đồng quán Vô sinh, đồng chứng Vô học, đồng thoát khỏi Phần đoạn (tam giới) sinh tử, đồng nhập vào Hoá thành Niết bàn (không sinh tử), vì thế gọi là thông giáo.

Bồ tát của Biệt giáo là một loại chuyên nhiếp căn khí giới ngoại (ngoài tam giới), vì căn khí bất nhất cho nên gọi là Biệt giáo. Tất cả phân 52 cấp bậc, đây là cách phân cấp thông thường quen nói, cũng là một cách phân cấp mà chúng tôi cần phải giới thiệu kỹ càng.

Bồ tát của Viên giáo cùng Biệt giáo bất đồng, Biệt giáo là lần lượt tiệm tu, Viên giáo là nhất tâm trọn đủ, chỗ gọi là dùng viên văn, viên tu mà tu viên hạnh. Cấp bậc của Biệt giáo là riêng biệt và phải theo cấp tu chứng. Viên giáo tuy cũng có cấp bậc sai biệt của phàm phu, Hiền thánh, nhưng cấp nào cũng tương dung, bậc nào cũng tương nhiếp. Phàm phu vị (Ngoại phàm ngũ phẩm) của Viên giáo cũng được gọi là Phật, đó là Quán hạnh tức Phật.

Bậc Hiền vị (Nội phàm Thập tín) được gọi là Tương tự tức Phật, bậc Thánh (Thập trụ) vị được gọi là Danh tự tức Phật, còn phải trải qua Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, rồi đến Diệu giác vị mới gọi là Cứu cánh tức Phật. Sơ tín của Viên giáo cũng được gọi là thành Phật, nhưng đó chỉ là biết bốn tánh của chính mình là Phật, chứ không phải là Phật của cứu cánh viên mãn.

---o0o---

### III. NĂM MƯỜI HAI CẤP BẬC BỒ TÁT

Trong các kinh Đại thừa Bồ tát Giới có đề cập đến cấp bậc của Bồ tát, chỉ có Kinh Phạm Võng và Kinh Anh Lạc. Kinh *Phạm Võng quyển thượng lấy Tập chủng tánh, Trường dưỡng tánh và Tánh chủng tánh, Bất khả hoại tánh, Đạo chủng tánh, Chánh pháp tánh* để nói về cấp bậc thứ lớp của Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Phật địa; và Thập phát thú, Thập trưởng dưỡng, Thập kim cương, Thập địa để biểu đạt công năng tác dụng Hiền thánh của Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa. Văn tự của Kinh Phạm Võng tối tăm khúc mắc, rất khó hiểu, và lại có người cho rằng: Kinh mạo, không đủ làm tin (Điều này sẽ bàn kỹ ở đoạn sau), vì thế chúng tôi căn cứ vào *Kinh Anh Lạc để giới thiệu*.

Bồ tát trong Kinh Hoa Nghiêm cộng phân có 52 cấp bậc, trên thực tế có thể được gọi là Hiền và Thánh chỉ có 42 cấp bậc, lại vì một cấp bậc sau chót là Phật, nên cấp bậc Hiền thánh của Bồ tát chỉ có 41, cộng thêm mười cấp bậc phàm phu (giả danh) Bồ tát thành ra 51 cấp bậc.

*Kinh Anh Lạc cũng đem sáu giai đoạn lớn của Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đăng giác, Diệu giác phân thành sáu tánh vị là: Tập chủng tánh, Tánh chủng tánh, Đạo chủng tánh, Thánh chủng tánh, Đăng giác tánh, Diệu giác tánh, đại khái tương tự với Kinh Phạm Võng và có chút bất đồng. Các nhà Duy Thức thêm Tứ gia hạnh vị vào sau Thập hồi hướng thành ra 56, thông thường vẫn lấy cách phân của Hoa Nghiêm làm chủ yếu.*

Quá trình học Phật của chúng ta là ba A tăng kỳ kiếp vun trồng phước huệ, trăm kiếp tu tướng hảo. Đây là bắt đầu kể từ khi tiến vào Thập trụ của Hiền vị. Thập tín vị của giai đoạn phàm phu trước Hiền vị không được bao gồm trong ấy. Theo Kinh Anh Lạc nói: “Phật tử tu hành mười tâm này hoặc trải qua một kiếp, hai kiếp mới được nhập vào Sơ trụ vị”. Đây là nói từ lúc đầu tiên phát tâm tin Phật học Phật, tu hành liên tục không gián đoạn, phải trải qua từ một đến ba kiếp mới có hy vọng tiến vào cấp bậc Sơ trụ Bồ tát của Hiền vị, nhưng Luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Tu hành tín tâm trải qua một vạn kiếp”, nghĩa là: Từ lúc mới phát tâm đến tín tâm công đức thành tựu và tiến vào Sơ trụ vị, cần phải trải qua thời gian mười ngàn đại kiếp! Đây so với Kinh Anh Lạc nói, lâu xa hơn quá nhiều. Nhưng ở đây có một cách giải thích: Tâm chí của phàm phu là không kiên cố, không chân thật, vì thế trong mấy mươi năm của một đời người ngắn ngủi cũng khó làm đến tán tâm bất thoái, hoạt động của thân tâm phàm phu đều là thiện ác lẫn lộn, nửa tin nửa nghi, hà huống chúng ta ở trong dòng nước biển lớn sinh tử chìm nổi, lên xuống luân hồi không thôi! Đời này tin Phật, học Phật, nếu nguyện lực không kiên cố, tín tâm không chân thật, hành vi không thanh tịnh, ý niệm không chính xác, đời sau lại rất khó tin Phật pháp. Nhưng đã từng vun trồng nhân tố tin Phật, qua một thời gian tương đương sẽ hiển hiện lại, sẽ tin Phật, học Phật lại, giống như bỏ một hạt cát có màu vào trong một chum nước đục, rồi dùng cây gậy khuấy nó, hạt cát có màu ấy tất nhiên sẽ thường thường hiện ở trên mặt nước, lại thường thường chìm ở trong nước, và cơ hội hiển hiện ở trên mặt nước rất ít, còn cơ hội chìm trong nước rất nhiều, trừ phi lấy nó đem ra khỏi nước mới được một phen hiển hiện. Phàm phu tin Phật, học Phật, tình trạng cũng giống như vậy. Nhân vì tín tâm và nguyện lực của con người đều riêng có sai khác, vì thế, quá trình thời gian của sự học Phật cũng đều riêng có dài, ngắn, sai khác, bất đồng. Nói mười ngàn đại kiếp hoặc một, hai, ba kiếp, đó cũng chỉ là nói đại khái về đơn vị thời gian. Nếu như tín tâm kiên định, nguyện lực kiên cố, có thể ở trong một, hai, ba kiếp, cho đến chẳng cần một, hai, ba kiếp, cũng có thể tiến nhập vào Hiền vị của Sơ trụ. Vì thế, Viên giáo có nói:

Người thượng căn một đời liền nhập vào Sơ trụ vị (tương đương với Phật vị của Tạng giáo); trái lại, nếu như tín tâm bạc nhược nguyện lực không kiên cố, căn khí hạ liệt, giả sử trải qua mười ngàn đại kiếp cũng chưa chắc có thể tiến nhập vào cấp bậc Sơ trụ.

Nay đem 52 cấp bậc của 6 giai đoạn lớn chia ra trình bày như sau:

## **1. Thập tín vị**

Thập tín còn được gọi là Thập tín tâm, đó là: Tín tâm, Niệm tâm, Tinh tấn tâm, Huệ tâm, Định tâm, Bất thoái tâm, Hồi hướng tâm, Hộ pháp tâm, Giới tâm và Nguyện tâm.

Trong sự lần lượt thăng tấn của 10 cấp bậc này, Bồ tát phải điều phục kiến hoặc và tư hoặc của tam giới. Kiến hoặc là tất cả vọng kiến như ngã kiến và biên kiến. Tư hoặc là tất cả phiền não như những mê tình của tham, sân, si. Trong Thập tín vị này tuy không thể đoạn trừ sạch hết kiến hoặc, tư hoặc, nhưng phải điều phục nó, không cho nó tiếp tục gây họa. Bằng không, không thể nào nhập vào Hiền vị, hằng bị phiền não của tam giới trói buộc, vĩnh viễn trầm luân trong dòng nước xoáy lớn sinh tử của tam giới.

## **2. Thập trụ vị**

Thập trụ còn được gọi là Thập trụ tâm, đó là: Phát tâm trụ, Trị địa tâm trụ, Tu hành tâm trụ, Sinh quý tâm trụ, Phương tiện cụ túc tâm trụ, Chánh tâm trụ, Bất thoái tâm trụ, Đồng chân tâm trụ, Pháp vương tử tâm trụ và Quán đánh tâm trụ.

Trong Thập trụ vị này, Sơ trụ đoạn trừ kiến hoặc của tam giới nội, Đệ thất trụ đoạn trừ tư hoặc của tam giới nội, đến đây không còn bị các phiền não tham, sân, si làm mê hoặc; vì thế không còn tiếp tục gia tăng nghiệp lực sinh tử, được chứng nhập vào cảnh giới của Vị bất thoái. Đệ bát trụ trở lên đoạn trừ trần sa của tam giới nội, điều phục trần sa của tam giới ngoại. Trần sa là một thứ hoặc của ba hoặc (Kiến tư, Trần sa, Vô minh) của Tông Thiên Thai lập. “Kiến tư hoặc” chướng ngại đạo Niết bàn của chúng ta và khiến cho trầm luân sinh tử. “Trần sa hoặc” chướng ngại đạo Bồ đề hoá độ chúng sinh của chúng ta và khiến cho không thể thành Phật. Ở đây gọi Trần sa cũng tương tự như Tông Duy Thức gọi là Sở tri chướng. Do sở tri có chướng nên không thể thông đạt pháp môn độ chúng sinh nhiều như số trần sa (cát bụi), vì thế gọi là Trần sa. Trong 10 vị này dùng pháp quán tưởng “từ Giả nhập

Không” được thấy lý chân đế mà khai huệ nhãn thành Nhất thiết trí. “Không trí”biết suốt tất cả các pháp đều là tịch diệt nhất tướng, gọi trí đó là Nhất thiết trí. “Tịch diệt, Không, Như” là thật tướng của vạn pháp, vì thế gọi là lý chân đế.

### **3. Thập hạnh vị**

Thập hạnh còn gọi là Thập hạnh tâm, đó là: Hoan hỷ tâm hạnh, Nhiều ích tâm hạnh, Vô sân hận tâm hạnh, Vô tận tâm hạnh, Ly si loạn tâm hạnh, Thiện hiện tâm hạnh, Vô trước tâm hạnh, Tôn trọng tâm hạnh, Thiện pháp tâm hạnh và Chân thật tâm hạnh.

Trong Thập hạnh vị này, thứ lớp đoạn giới ngoại trần sa, dùng pháp quán tưởng “từ Không nhập Giả”, lấy lý tục đế mà khai thị pháp nhãn thành Đạo chủng trí. Đạo chủng trí còn được gọi là Đạo chủng huệ. Đạo cũng có thể hiểu là pháp môn. Pháp môn có vô lượng, Đạo cũng có vô lượng, trí tuệ thông đạt đạo vô lượng được gọi là Đạo chủng trí. Từ chân đế mà nói, thật tướng các pháp là “Không, Như, Tịch diệt”, nhưng muốn thể hội thật tướng các pháp cần phải từ Giả tục nhập vào Chân. Nhân vì sự tồn tại của chúng sinh là tồn tại ở trong giả tướng, hoặc tục đế của huyễn hữu hư vọng, lợi dụng trí huệ thông đạt vô lượng pháp môn này để tự cứu mình và cứu người, đó là từ “Không nhập Giả”, là thấy lý tục đế. Đoạn trước nói “Huệ nhãn” là chỉ cho thấy “lý chân đế” là trí tuệ biết thật tướng các pháp. Ở đây nói “Pháp nhãn” là chỉ cho đặc đến “lý tục đế”, là trí tuệ thông đạt pháp môn cứu độ chúng sinh.

### **4. Thập hồi hướng vị**

Thập hồi hướng vị còn gọi là Thập hồi hướng tâm, đó là: Cứu độ nhất thiết chúng sinh ly chúng sinh tướng hồi hướng tâm, Bất hoại hồi hướng tâm, Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng tâm, Chí nhất thiết xứ hồi hướng tâm, Vô tận công đức hồi hướng tâm, Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng tâm, Tùy thuận đẳng quan nhất thiết chúng sinh hồi hướng tâm, Như tướng hồi hướng tâm, Vô phược giải thoát hồi hướng tâm, Pháp giới vô lượng hồi hướng tâm.

Mười cấp bậc của Thập hồi hướng tâm này điều phục vô minh, tu tập trung quán. Ở đoạn trước đã nói vô minh cũng là một hoặc trong ba hoặc của Tông Thiên Thai lập ra: Kiến tư hoặc chướng ngại đạo Niết bàn, Trần sa hoặc chướng ngại đạo Bồ đề, Vô minh hoặc chướng ngại đạo Trung quán. “Bất chân bất tục; tức chân tức

giả” thấy thật tướng tịch diệt của chân đế, nhưng không kẹt vào trên một niệm của tịch diệt; thấy tục đế hư huyền, vì thế tùy thuận hoá đạo mà không nhiễm tục tình, đây là đạo lý trung quán. Vô minh là một thứ phiền não vi tế, dứt đi một phần vô minh liền chứng được một phần đạo lý trung quán. Thập hồi hướng vị chỉ là điều phục vô minh. Sơ địa trở lên mới có thể lần lượt đoạn vô minh. Vô minh từng phần đoạn trừ, Thánh vị từng địa lên cao, thẳng đến Đẳng giác Bồ tát đoạn hết một phần vô minh rồi mới vào Phật địa, thành Đẳng chánh giác. Vì thế, ngay trong Thập hồi hướng vị còn chưa chứng đắc Trung đạo quán, chỉ do điều phục vô minh mà tu tập trung quán. Nhưng từ Đệ bát trụ đến Thập hồi hướng viên mãn đã là tu hành trung đạo đến Đệ nhị bất thoái của ba bậc bất thoái, đây gọi là Hạnh bất thoái. Cũng là nói Đạo giải thoát sở chứng đã cùng với Trung đạo đệ nhất nghĩa để hợp nhất tương ưng mà thành.

Đến vấn đề thoái cùng bất thoái, Kinh Anh Lạc có nói như vậy: Nếu một kiếp, hai kiếp cho đến mười kiếp tu hành Thập tín, được vào Thập trụ, người này từ Sơ trụ đến Đệ lục trụ, nếu tu một độ thứ sáu Bát nhã ba la mật của lục độ, chánh quán hiện tiền, lại gặp được chư Phật, Bồ tát, thiện tri thức hộ niệm, tiến lên Đệ thất trụ thường trụ bất thoái. Lại nói: Nếu không gặp thiện tri thức hoặc một kiếp, hai kiếp cho đến mười kiếp thoái Bồ đề tâm; trong thời gian ấy, vì gặp nhân duyên xấu ác thoái nhập vào trong phàm phu không thiện không ác, không được gọi là Tập chủng tánh, thoái nhập vào ngoại đạo hoặc một kiếp hoặc mười kiếp cho đến ngàn kiếp làm đại tà kiến và ngũ nghịch, không có điều ác nào không tạo, đây là “Thoái tướng”. Do đây đủ thấy Bồ tát tu hành phải lấy Bát nhã (trí huệ) làm chủ yếu, không tu Bát nhã không thể nhập vào Đệ thất trụ vị, không nhập vào Đệ thất trụ vị thì khó bảo đảm bất thoái. Nếu một phen bị lui sụt tuy đến Lục trụ cũng có thể làm ác, ngàn kiếp không biết quay đầu.

## 5. Thập địa

Địa có nghĩa là hay sinh, hay chở; hay sinh ra ở vô lượng pháp môn của vô lượng công đức, hay chở vô lượng chúng sinh đến cứu cánh Phật địa. Địa nào cũng hay sinh, địa nào cũng hay chở; khả năng địa ở bậc trên rộng lớn hơn địa ở bậc dưới, thẳng đến cứu cánh Phật địa là đồng hư không khắp pháp giới rộng lớn không ngăn mé, cao sâu không giới hạn. Thập địa là: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện huệ địa và Pháp vân địa.

Từ Sơ trụ đến Thập hồi hướng cộng chung có 30 cấp bậc là Hiền giả vị của Bồ tát, thông thường gọi tắt là Tam hiền vị. Một niệm sau cùng của thập hồi hướng trước tiên phá một phần vô minh nhập vào Sơ địa. Thập địa tu tập Trung đạo quán, dùng Trung đạo quán phá một phần vô minh hiển một phần tam đức mà chứng Đệ tam bất thoái là Niệm bất thoái, khai Phật nhãn, thành Nhất thiết trí. Sơ địa trở lên là Thánh vị Bồ tát.

Sự phân biệt giữa Thánh vị và Hiền vị là có tu chứng Trung đạo quán hay không. Chỉ cần tu một phần Trung đạo quán là phá một phần vô minh, hiển một phần tam đức. Trí huệ phá trừ vô minh và hiển hiện tam đức được gọi là Phật nhãn. Ở đây nói Phật nhãn thật ra là chỉ cho trí tuệ thể chứng bất chân bất tục và tức giả tức chơn mà thôi. Thể chứng được đạo lý chân tục viên dung là khai mở Phật nhãn, nhưng đây tuyệt không phải chỉ nói trên cửa miệng, mà nhất định phải sau khi thân chứng tâm tánh triệt để mới kể. Biết được tất cả pháp, tất cả tướng “Không, Như, Tịch diệt”; lại biết được các thứ phân loại sai biệt của tất cả pháp, tất cả tướng, trí huệ của không hữu song chiếu chân tục viên dung như thế, gọi là Nhất thiết chủng trí. Kỳ thật, Trung đạo quán, Phật nhãn, Nhất thiết chủng trí đều là chỉ cho trí huệ hay phá vô minh hay hiển tam đức mà thôi. Hiển tam đức rồi mới nhập vào thánh vị.

Tam đức là bí mật tạng Đại Niết bàn, đó là: Thể chứng bản thể Phật tánh, gọi là Pháp thân đức; rõ biết tất cả pháp tướng đúng như thật, gọi là Bát nhã đức, xa lìa tất cả hệ phược được đại tự tại, gọi là Giải thoát đức. Vì thế sinh tử của Bồ tát từ Sơ địa trở về trước là do nghiệp lực quyết định, không được tự chủ. Sinh tử của Thánh vị Bồ tát từ Sơ địa trở lên là do nguyện lực của chính mình quyết định, có thể tự do làm chủ.

Niệm bất thoái là chỉ cho trình độ rõ biết bản thể của Sinh tử và Niết bàn, của Phiền não và Bồ đề. Sinh tử Niết bàn, Phiền não Bồ đề bất nhất, bất dị (không một, không khác), niệm niệm được cùng Phật trí tương ưng. Vì thế, Bồ tát từ Sơ địa trở lên có thể tự do hoá hiện, tuy là Bồ tát mà có thể phân thân trăm cõi, xuất hiện với tư thái Đức Phật giáo hoá chúng sinh hữu duyên. Nhưng muốn cứu cánh thành Phật còn phải trải qua các địa phá trừ vô minh, mỗi địa phân chứng trung đạo, mỗi địa hiển thêm tam đức, mỗi địa khai mở một phần Phật nhãn. Đến đệ thập Pháp vân địa phá thêm một phần vô minh nữa, tiến vào cấp bậc Đăng giác của Nhất sinh bổ xứ. Đăng giác nghĩa là tương đẳng với Phật nhưng còn có chút bất đồng. Đến vị



Đẳng giác Bồ tát, trừ Đức Phật ra không ai biết được chỗ bất đồng giữa Đẳng giác và Phật.

Chữ “Sinh” của Nhất sinh bổ xứ là chỉ cho còn có một phần biến dịch sinh tử chưa liễu thoát. Phạm phu và Bồ tát Hiền vị có sự sinh tử của xuất thai nhập thai mà lại già bệnh chết, gọi là Phần đoạn sinh tử. Bồ tát thánh vị từ Sơ địa (Kinh Anh Lạc nói từ Bát địa) trở lên thoát ly phần đoạn sinh tử của tam giới. Các Ngài mỗi khi phá một phần vô minh, tiến lên một tầng, cũng gọi là sinh tử, đó là Biến dịch sinh tử; chỉ còn một phần vô minh, chỉ còn tiến lên một bậc Đẳng giác Bồ tát nữa, thì gọi là Nhất sinh bổ xứ. Nhưng cũng có thể giải thích là còn có một lần bát tướng thành đạo: Từ cung tời Đâu Suất giáng sinh xuống nhân gian, nhập thai, xuất thế, xuất gia, thành đạo, thuyết pháp, Niết bàn, chẳng còn thọ sinh nữa.

Từ trên đã giới thiệu sơ lược về cấp bậc của Bồ tát, nếu muốn luận kỹ mỗi một cấp bậc đều có ý nghĩa bất đồng, vì giới hạn của nội dung quyển sách này chỗ này chỉ có thể trình bày như thế.

---o0o---

#### **IV. BIỂU ĐỒ GIẢI THÍCH VỀ CẤP BẬC TỪNG LỚP CỦA BỒ TÁT**

Để tiện cho độc giả ghi nhớ, chúng tôi đem kiếp số từng lớp và quả báo thế gian của các cấp bậc Bồ tát phân làm hai biểu đồ như sau:

## 1. BIỂU ĐỒ TỪNG LỚP VÀ THỜI GIAN TU HÀNH CỦA BỔ TÁT

|                       |                             |                   |   |  |   |   |   |  |                                      |   |  |
|-----------------------|-----------------------------|-------------------|---|--|---|---|---|--|--------------------------------------|---|--|
| 52 Cấp bậc Phạm Thánh | Phàm phu vị<br>(ngoại phạm) | Thập tín vị       | — | Tu thập tín, hành Thập thiện, ngũ giới, Bát giới, Lục độ                             | — | Qua 1,2,3 kiếp cho đến vạn kiếp               | — | Vạn kiếp đặt niềm tin                        | Trạng nghiệm vô thượng bồ đề đại đạo |   |  |
|                       |                             | Thập trụ vị       | } | Thường hành 8 vạn 4 ngàn Ba la mật, nhập Không giới, trụ Không tánh vị               | } | Đại<br>A<br>tăng<br>kỳ<br>kiếp<br>thứ<br>nhất |   |  |                                      |   |  |
|                       | Tam hiển vị<br>(nội phạm)   | Thập hạnh vị      | } | Cũng hành 8 vạn 4 ngàn Ba la mật, tiền nhập Ngũ uẩn pháp tánh không vị               |   |   | } | Đại<br>A<br>tăng<br>kỳ<br>kiếp<br>thứ<br>nhì |                                      |   |  |
|                       |                             | Thập hồi hướng vị | } | Học tập 100 vạn ức Ba la mật, nhập không, Vô ngã không, Bình đẳng vô biệt dị         | } | Đại<br>A<br>tăng<br>kỳ<br>kiếp<br>thứ<br>nhì  |   |  |                                      |   |  |
|                       | Thập thánh vị               | Sơ địa            | } | Xả hạnh phàm phu, sinh tại Phật gia, tu trung đạo, phá vô minh, thông đồng Phật địa  |   |   | } | Đại<br>A<br>tăng<br>kỳ<br>kiếp<br>thứ<br>nhì |                                      |   |  |
|                       |                             | Nhị địa           | } | Dùng chánh vô tướng nhập chúng sinh không, hiện vạn Phật thế giới lục thông biến hoá | } | Đại<br>A<br>tăng<br>kỳ<br>kiếp<br>thứ<br>nhì  |   |  |                                      |   |  |
|                       |                             | Tam địa           | } | Tu tập đạo Cổ Phật, đó là 12 bộ kinh và dùng pháp này độ chúng sinh                  |   |   |   |  |                                      | } | Đại<br>A<br>tăng<br>kỳ<br>kiếp<br>thứ<br>nhì |
|                       |                             | Tứ địa            | } | Trên quán công đức Phật, dưới quán lục đạo chúng sinh, từ bi hỷ xả độ chúng sinh     |   |   |   |  |                                      |   |  |

Về cách tính thời gian thành Phật, trong Phật điển có nhiều thứ, trong biểu đồ này là do bút giả căn cứ vào tư liệu tham khảo tổng hợp mà thành, chính xác hay không còn chờ bậc cao minh ấn chứng.

Kiếp là gọi tắt của chữ kiếp ba (kalpa) của Phạn ngữ, thông thường người Ấn Độ dùng làm đơn vị tính thời gian, vì thế ứng dụng của chữ kiếp rất là rộng rãi hàm nghĩa của kiếp cũng có ngắn, dài. Nhưng kiếp thường được giải thích như sau: con người thọ từ 8 vạn 4 ngàn tuổi cứ 100 năm giảm một tuổi, dần dần giảm đến con người thọ 10 tuổi, rồi lại từ 10 tuổi cứ 100 năm tăng lên một tuổi, dần dần tăng đến con người thọ 8 vạn 4 ngàn tuổi. Quá trình một thời gian một lần giảm, một lần tăng như thế, gọi là một tiểu kiếp, 20 tiểu kiếp là một trung kiếp, 4 trung kiếp là một đại kiếp. Thông thường trong kinh nói bao nhiêu kiếp là chỉ cho đại kiếp.

A tăng kỳ là dịch âm chữ Phạn: Asamkhyā, nghĩa là vô lượng số, đây là một thứ tên gọi con số lớn của Ấn Độ, nếu hỏi một A tăng kỳ là bao nhiêu? Có thể miễn cưỡng đáp: Lấy vạn vạn làm một ức, lấy vạn ức làm một triệu, thời gian một A tăng kỳ ước lượng là một ngàn vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu kiếp. Đây là

thời gian rất dài, nhưng theo cách tính của Kinh Anh Lạc lại có sự bất đồng, ở đây không cần nêu ra.

Dem 52 cấp bậc phối với ba kỳ trăm kiếp cũng có nhiều thuyết. Có thuyết phân chia theo thời gian, đem Thập tín vào trong A tăng kỳ kiếp thứ nhất đến Thập địa là mãn ba A tăng kỳ kiếp, lại thêm trăm kiếp tu 32 tướng, 80 vẻ đẹp. Một trăm kiếp này có phải ở trong giai vị Đẳng giác hay không, cũng không thấy trong kinh nói rõ, cứ suy lý thì có vẻ ở trong giai vị Đẳng giác. Có thuyết phân chia theo con số cúng dường chư Phật, như Đại sư Trí Giả căn cứ vào thuyết của Luận Trí Độ, Luận Câu Xá, Luận Bà Sa nói: Gặp bảy vạn năm ngàn Đức Phật là A tăng kỳ kiếp đầu tiên, lại gặp bảy vạn sáu ngàn Đức Phật là A tăng kỳ kiếp thứ hai, lại gặp bảy vạn bảy ngàn Đức Phật nữa là mãn A tăng kỳ kiếp thứ ba. Ba kỳ hoàn thành, lục độ tu xong, lại trải qua trăm kiếp tu nhân tướng hảo mới thành Phật quả. Nếu căn cứ vào thuyết của Kinh Hiền Ngu thì: A tăng kỳ kiếp đầu tiên cúng dường tám vạn tám ngàn Đức Phật, A tăng kỳ kiếp thứ hai cúng dường 9 vạn 9 ngàn Đức Phật. A tăng kỳ kiếp thứ ba cúng dường mười vạn Đức Phật.

Trên thực tế, số kiếp thời gian dài ngắn và cúng dường chư Phật nhiều ít, đều là căn cứ vào căn khí sâu cạn và trình độ nỗ lực của mỗi người mà định. Nếu căn khí sâu dày và lại nỗ lực không lười mỏi thì ba đại A tăng kỳ kiếp có thể sẽ không dài đến như thế. Nếu như căn khí cạn mỏng mà lại buông lung biếng nhác, ba đại A tăng kỳ kiếp còn dài hơn đã nói ở trên. Đến như cúng dường chư Phật nhiều ít lý cũng như vậy. Nếu kiên thành cúng dường, sống chết không thay đổi, suốt đời chăm lo thì công đức cúng dường một Đức Phật cũng rất lớn. Nếu như biếng nhác, tâm ý không thành kính, ngẫu nhiên cúng dường, trong suốt một đời cũng khó cúng dường được hai, ba lần. Như vậy, tuy cúng dường ngàn Phật, vạn Phật, công đức vẫn không nhiều. Vì thế, chúng ta học Phật không cần tính thời gian dài ngắn, chỉ cần hỏi mình có hết lòng hay không? Theo trong kinh nói, Thế Tôn Thích Ca cùng Bồ tát Di Lạc đồng thời phát tâm, vì Đức Phật Thích Ca tinh tấn nên thành đạo trước, ngài Di Lạc giải đãi cho nên đến sau, đây là một bằng chứng rõ ràng. Lại như Phật ở trên hội Pháp Hoa thọ ký thành Phật cho các đại đệ tử: Ma ha Ca Diếp phải phụng thờ ba trăm vạn ức Phật rồi sau mới thành Phật; Ca Chiên Diên phải cúng dường hai vạn tám ngàn ức Phật, sau mới thành Phật; Mục Kiền Liên phải cúng dường hai trăm vạn ức tám ngàn Đức Phật, sau mới thành Phật; trong đó, con số cúng dường chư Phật cũng đều bất đồng.

## 1. Biểu đồ nói về Bồ tát đoạn hoặc và quả báo thế gian (Xem trang bên)

Bồ tát vốn là xuất thế mà không lìa thế gian, vì đoạn phiền não nên phải xuất thế, vì độ chúng sinh nên phải ở thế gian. Bồ tát ở tại thế gian tự phải theo phước đức của mình cảm được quả báo thế gian. Nhưng đây chỉ là quả báo của thế gian đáng được của Bồ tát, không đồng với sự bắt buộc phải có quả báo thế gian, bởi vì Bồ tát cấp bậc càng cao thì phạm vi càng lớn và phẩm loại hoá hiện cao, cũng có thể hoá hiện thấp, như Bồ tát Đẳng giác được cảm quả báo Tam Giới Vương (vua tam giới) cũng có thể hoá làm vua của tam đồ, đến trong địa ngục, ngạ quỷ thì làm quỷ vương, đến trong súc sinh thì làm thú vương, trong loài người làm nhân vương, cho đến hoá làm Tam giới vương. Cho nên cũng không thể khẳng định Bồ tát một cấp bậc nào nhất định phải cảm được quả báo thế gian ở một đẳng cấp nào. Đẳng cấp của quả báo, mỗi cấp bậc đều có một hạn độ cao nhất, trong biểu đồ liệt kê là hạn độ cao nhất của quả báo của các cấp bậc mà thôi. Điểm này chúng ta cần phải hiểu rõ, đồng thời chúng ta từ trên trình độ của phần vị đoạn hoặc cũng có thể tự mình xét nét công phu tu trì của mình cứu cánh đã đến cấp bậc nào? Không nên quên lãng điều phục kiến hoặc tuy có kết quả là không bị thiên kiến, ngã kiến làm mê hoặc; cũng như điều phục tư hoặc tuy có kết quả là không bị tham, sân, si chuyển động, nhưng vẫn còn ở trong giai đoạn phàm phu của Thập tín vị mà thôi. Ngày nay có một vài người tự cho rằng mình tự khai ngộ, kiến đạo, nhập Hiền, xuất Thánh, tôi tin rằng đa số họ qua không nổi sự khảo nghiệm.

---o0o---

## V. BỒ TÁT HẠNH PHẢI NHƯ THẾ NÀO?

Được người gọi là Bồ tát là rất dễ dàng, chính mình muốn được gọi là Bồ tát cũng rất dễ dàng, nhưng muốn chân chính làm đến hành vi của Bồ tát thì khó lắm! Bồ tát tuy phân chia ra phàm phu và Hiền Thánh, không cần Bồ tát mới phát tâm làm được như Bồ tát thánh vị, nhưng mục tiêu của Bồ tát hạnh vẫn là một, ước vọng của Bồ tát đạo là tương đồng. Chúng ta tuy chưa từng đạt đến mục tiêu nhưng chẳng nên không có ước vọng. Nhân đây tôi xin trích một đoạn văn trong Bồ tát Nội Giới Kinh để tham khảo: “Bồ tát đạo rất khó, ta (Phật) đã không tiếc thân mạng hy sinh rất nhiều để cứu tế chúng sinh.

Làm một vị Bồ tát dĩ nhiên không được làm ác và tạo tội nhưng vì cứu độ chúng sinh cũng quyết không sợ vì cứu chúng sinh mà chính mình phải làm ác tạo tội.

Lúc nghiệp báo của đời trước đến, hoặc lúc chủ nợ đến đòi, Bồ tát chỉ vui vẻ đón rước mà không sợ hãi, bởi vì lúc đó tội nghiệp của mình sớm được tiêu trừ.

Làm một vị Bồ tát thọ trì Phật pháp là phải sống hoàn toàn như pháp, thọ Phật giới rồi phải sống thanh tịnh đúng như luật.

Bồ tát phải có tín tâm kiên cố mới được cứu cánh thành Phật, phải học rộng các thứ tri thức trong ngoài mới có thể tùy thuận giáo hóa chúng sinh một cách rộng lớn; phải dùng tâm từ bi, lời nói dịu dàng khi đến gần gũi chúng sinh, không nên trái lại làm tổn thương người khác.

Bồ tát tuy không ngại gì sống chung với vợ con, nhưng phải xem như ngăn ngừa oan gia, cẩn thận đề phòng vợ con phá hoại đạo niệm của mình. Tuy cẩn thận đề phòng vợ con như nuôi oan gia, mà không bao giờ được đem thái độ oan gia đối đãi với vợ con, phải thường có lòng thương yêu và săn sóc.

Bồ tát phải xem người nữ như kẻ dữ, rắn độc, nhưng cũng không sợ sự phá hoại và dao động của ái dục, vì tâm địa của Bồ tát thanh tịnh như hoa sen, tuy sinh ở trong bùn nhơ nhưng không dính bùn nhơ. Bồ tát là người ly dục, xa dục, tuy vì độ chúng sinh mà vào trong trần tuyến ái dục, nhưng lại không nhân đây mà bị ái dục làm nhiễm ô.

Bồ tát ở một mình trong núi sâu không cảm thấy sợ hãi. Tuy vẫn sinh hoạt với vợ con trong gia đình mà vẫn xem như sống một mình trong núi sâu. Tâm thường vui vẻ, an tịnh, không có tư tưởng phân biệt thống khổ và an lạc.

Làm một vị Bồ tát chân chính phải có thể vào nước không chìm, vào lửa không cháy, có người muốn xin óc não liền cho người ấy óc não, có người muốn xin mắt thì cho người ấy con mắt, có người muốn xin mũi liền cho người ấy cái mũi, có người muốn xin vành tai thì cho người ấy vành tai. Giả sử đem thân cho cọp ăn cũng không tiếc thân mạng. Chỉ có như thế mới là công đức tôn quý của hàng Đại sĩ Bồ tát”.

Kinh văn trích dịch ở trên có thể là dịch chưa được hay theo nguyên ý, độc giả nếu có khả năng có thể tự tìm nguyên bản kinh văn đối chiếu. Kinh này in trong Đại Chánh *Tạng tập thứ 24, trang 1031 – 1032.*

Bồ tát được thuật trong đoạn văn trên phần nhiều là chỉ Thánh vị, chứ chẳng phải hàng phàm phu có thể làm đến. Trên thực tế, như trong Kinh Anh Lạc nói, phàm phu của Thập tín vị là “Danh tự Bồ tát” hoặc “Giả danh Bồ tát”, đến Sơ địa rồi mới là “Thiệt Bồ tát vị” (nổi ngôi vị Bồ tát) trở thành Bồ tát chân chính. Nhưng đã nguyện làm Phật thì phải mong làm Thánh, làm Hiền, để sau cùng đạt đến trình độ của Thánh vị.

---o0o---

## ***Chương 2 : Nội Dung Và Phân Biệt Của Bồ Tát Giới***

### **I. BỒ TÁT GIỚI LÀ GÌ?**

Sau khi chúng ta đã hiểu rõ ý nghĩa về Bồ tát tiếp theo đây cần phải thảo luận về vấn đề Bồ tát giới, bởi vì lý do của Bồ tát xung là Bồ tát chẳng phải vô cơ, cũng không tự mình cho mình là Bồ tát, người khác là Bồ tát. Danh từ Bồ tát xuất phát từ Phật pháp, như muốn thành Bồ tát tự nhiên phải cầu điều ấy nơi Phật pháp. Nói một cách giản đơn Bồ tát là do thọ Bồ tát giới mà ra. Lại, vì thế, Bồ tát giới là cái nuôi dưỡng dục tam thế chư Phật.

Vậy Bồ tát giới là gì? Giới của Bồ tát thọ, gọi là Bồ tát giới. Muốn làm Bồ tát trước tiên phải thọ Bồ tát giới, như trong Kinh Phạm Võng nói: “Bồ tát giới là bản nguyên của chư Phật, là căn bản của Bồ tát, là căn bản của đại chúng Phật tử”. Người không hành Bồ tát đạo tuy tìm Phật nhưng vĩnh viễn không thể thành Phật. Muốn hành Bồ tát đạo phải thọ Bồ tát giới. Vì thế, Bồ tát giới là nguyên nhân căn bản của tất cả chư Phật thành Phật, cũng là chỗ căn bản của Bồ tát để thành Bồ tát. Một từ “Phật tử” trong các kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa giải thích rất nhiều, căn cứ vào kinh luận Đại thừa cho rằng phải là Bồ tát mới có thể nhân vì có chủng tử thành Phật mới xưng là Phật tử. Tỷ như Kinh Lăng Già gọi Bồ tát Đệ bát địa là Tối thắng tử, Luận Phật Tánh gọi Bồ tát Sơ địa là Phật tử. *Kinh Phạm Võng nói người phát bồ đề tâm thọ Bồ tát giới* đều được gọi là Phật tử. Căn cứ vào quan điểm của Tiểu thừa như Tứ Phần Luật cho rằng: Người tiếp nhận vào biển lớn Phật pháp, dù là Tiểu thừa, cho đến chỉ thọ tam quy ngũ giới của Tiểu thừa, đều là Phật tử. Chúng ta có thể thấy, Đại thừa lấy chủng tử thành Phật làm Phật tử. Nay giảng Đại thừa Bồ tát giới, chỗ gọi là “Căn bản của Phật tử” đương nhiên là chỉ căn bản của chủng tử thành Phật.

Trong Kinh Phạm Võng lại nói: “Tất cả người có tâm đều nên thọ Phật giới, tức nhập vào địa vị chư Phật, vì đồng bậc Đại giác, chân thật là Phật tử”. Bồ tát giới là nguyên nhân căn bản của tất cả chư Phật thành Phật. Vì thế, từ trên nhân vị nói, gọi là Bồ tát giới; từ trên quả vị nói, gọi là Phật giới. Cho nên, trong điều thứ 41 của Kinh Phạm Võng còn gọi: “Bồ tát giới là Đại giới của ngàn Phật”, ý muốn nói ngàn Phật ở trong kiếp Trang Nghiêm thời quá khứ do thọ trì Bồ tát giới mà thành Phật, ngàn Phật ở trong kiếp Tinh Tú thời vị lai cũng thọ trì Bồ tát giới mới được thành Phật, cho đến suy ra ngàn Phật của quá khứ tam thế tam kiếp, ngàn Phật của vị lai tam thế tam kiếp, ngàn Phật của quá khứ vô lượng tam thế tam kiếp. Tóm lại, tất cả chúng sinh, tất cả Bồ tát, tất cả chư Phật, không một ai không do thọ trì Bồ tát giới mà được thành Phật. Do đây đủ biết sự lớn lao của công năng Bồ tát giới không thể nghĩ bàn.

---o0o---

## II. NỘI DUNG CỦA BỒ TÁT GIỚI

Bồ tát giới đáng tôn đáng quý là do vì nó bao hàm và còn vượt hơn tất cả giới. Bồ tát giới là Ba la đề mộc xoa (Biệt giải thoát giới), ngoài giới của 7 chúng Ưu bà tắc, Ưu bà di, Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na ni, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni. Thân phận của Bồ tát có thể trong 7 chúng, cũng có thể ở ngoài 7 chúng. Ưu bà tắc, Ưu bà di được thọ Bồ tát giới, cho đến Tỳ kheo, Tỳ kheo ni cũng được thọ Bồ tát giới, đây là trong 7 chúng thọ thêm Bồ tát giới. Theo Kinh Phạm Võng nói: “Chỉ cần hiểu được lời nói của Pháp sư đều được thọ giới”. Vì thế, súc sinh cho đến người biến hoá như quỷ thần đều có tư cách thọ Bồ tát giới và được gọi là Bồ tát, đây là đơn thọ Bồ tát giới ngoài 7 chúng. Những Bồ tát đơn thọ này, trên trình độ phát tâm mà nói, tuy vượt qua 7 chúng của Tiểu thừa, nhưng những người ấy không có địa vị trong 7 chúng, nên cũng không được đặt trước 7 chúng. Bởi vì thứ tự của Phật chế, lấy 7 chúng làm chuẩn chứ không lấy Bồ tát làm chuẩn.

Nội dung của Bồ tát giới là Tam tụ tịnh giới, cộng chung chỉ có ba câu nhưng lại bao quát hết pháp môn tự độ, độ tha, trên cầu thành Phật, dưới hoá độ chúng sinh. Ba câu này là:

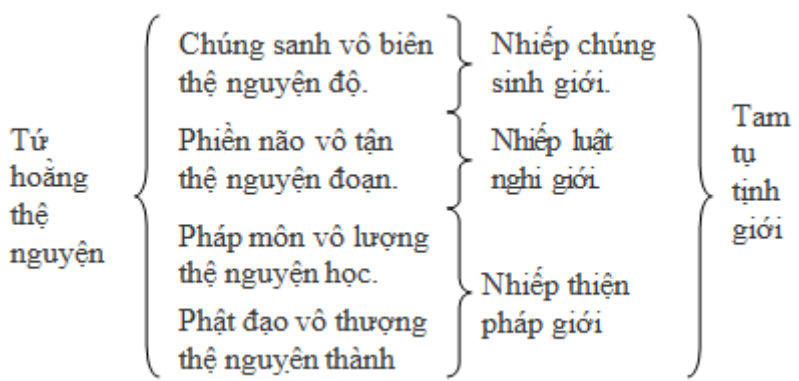
1. Trì tất cả tịnh giới, không một tịnh giới nào chẳng trì.
2. Tu tất cả thiện pháp, không một thiện pháp nào chẳng tu.

3. Độ tất cả chúng sinh, không một chúng sinh nào chẳng độ.

Trong kinh, Phật gọi Tam tụ tịnh giới này là Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiều ích hữu tình giới. Tam tụ tịnh giới nghĩa là tập hợp tất cả Phật pháp vào ba môn lớn: Trì luật nghi, Tu thiện pháp, Độ chúng sinh làm cấm giới để thọ trì. Trong 7 chúng của Tiểu thừa thì làm ác là có tội, không tích cực tu thiện không có tội, sát sinh là có tội, không tích cực cứu hộ sinh mạng cũng không có tội. Vì thế, Tiểu thừa chỉ tích cực bỏ ác, tiêu cực làm thiện, tích cực giới sát, tiêu cực cứu hộ sinh mạng. Bồ tát giới thì phải tích cực bỏ ác làm thiện, cũng phải tích cực giới sát, cứu hộ sinh mạng, đem không tu thiện và không cứu hộ sinh mạng liệt vào phạm vi của cấm giới, nhân đây Bồ tát giới không những bao hàm tất chúng giới mà còn vượt hơn tất chúng giới.

Nội dung của Tam tụ tịnh giới có thể nói là bao hàm hết thảy: Nhiếp luật nghi giới hàm dung tất cả giới luật và oai nghi của Đại thừa, Tiểu thừa; Nhiếp thiện pháp giới bao hàm 8 vạn 4 ngàn pháp môn xuất ly; Nhiều ích hữu tình giới bao quát từ bi hỷ xả hoằng nguyện và tinh thần rộng độ tất cả chúng sinh.

Vì thế, Tam tụ tịnh giới cũng bao quát cả tinh thần của Tứ hoằng thệ nguyện.



Nội dung của Bồ tát giới là Tam tụ tịnh giới. Tinh thần của Tam tụ tịnh giới là pháp môn học Phật tích cực, làm tất cả điều thiện, đầy đủ các đức, bao hàm muôn pháp thảy đều không sót, không công đức nào không thành tựu.

---o0o---

### III. CHỦNG LOẠI CỦA BỒ TÁT GIỚI



Bồ tát giới là Biệt giải thoát giới ngoài thất chúng giới, vì thế người thọ thất chúng giới rồi cố nhiên được thọ thêm Bồ tát giới, người chưa từng thọ thất chúng giới cho đến người không đủ tư cách thọ thất chúng giới cũng được thọ Bồ tát giới. Cho nên, tính chất của Bồ tát giới cũng tương tự như Bát giới. Bát giới cũng là một thứ Biệt giải thoát giới ngoài thất chúng giới, điều này trong thiên Bát Quan Giới Trai đã có nói đến.

Nhưng, trong Bồ tát giới có điểm tương tự với Bát giới là Đốn lập giới, lại có điểm bất đồng với Bát giới mà tương tự với Tiệm thứ giới của thất chúng giới. Do đó, chủng loại của Bồ tát đại thể phân ra làm hai tính chất: Một loại là Bồ tát giới đốn lập có thể đơn thọ, một loại là Bồ tát giới tiệm thứ, thọ thêm sau khi đã thọ tam quy ngũ giới.

Từ xưa đến nay, trong Tạng Kinh đã thu tập Bồ tát *Giới Bản* hoặc *Bồ tát Giới Kinh dịch thành Hán văn*, gồm có 6 loại:

1. Kinh Bồ tát Anh Lạc Bản Nghiệp.
2. Phạm Võng Kinh Bồ tát Giới Bản.
3. Du Già Luận Bồ tát Giới Bản.
4. Bồ tát Địa Trì Kinh Giới Bản.
5. Bồ tát Thiện Giới Kinh Giới Bản.
6. Ưu bà tắc Giới Kinh Giới Bản.

Nếu phân loại theo Đốn, Tiệm, thì Kinh Anh Lạc, *Phạm Võng* thuộc loại *Đốn lập*. *Kinh Anh Lạc quyển hạ* nói: “Người mới hành đạo Bồ tát, hoặc trong tín nam, tín nữ các căn không đủ, huỳnh môn, dâm nam, dâm nữ, nô tỳ, người tiến hóa đều thọ đắc giới”. Đủ thấy chẳng hạn cuộc nơi loài người đều được thọ Bồ tát giới. Kinh Phạm Võng quyển hạ cũng có nói: “Người thọ Phật giới, không kể là Quốc vương, Vương tử, bá quan, tể tướng, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, 18 cõi phạm Thiên, Thiên tử 6 tầng trời cõi Dục, thứ dân, huỳnh môn, dâm nam, dâm nữ, nô tỳ, bát bộ quỷ thần, thần kim cang, súc sinh, cho đến người biến hóa, hễ hiểu được lời của Pháp sư đều thọ đắc giới”, mà không nói chẳng thọ thất chúng giới thì không được thọ Bồ tát giới, chỉ cần nghe hiểu lời của Pháp sư giảng về nội dung của giới pháp Bồ tát, già

sử người chưa từng tiếp xúc với Phật pháp cũng có thể thọ giới, đắc giới. Vì thế nói đây là Đốn lập.

Còn 4 loại Giới Kinh: Du già, Địa Trì, Thiện Giới, Ưu bà tắc là thuộc về Tiệm thứ giới. Kỳ thật nguyên bản chữ Phạn của 4 bộ này chỉ có 2 thứ, vì Du già, Địa Trì, Thiện Giới đều thuộc đồng bản dịch của phẩm Bồ tát Địa trong Luận Du già sư địa, vì thế đồng một hình thức, chỉ cần nêu ra một loại là gồm cả ba.

Như trong Thiện Giới Kinh nói: “Bồ tát Ma ha tát nếu muốn thọ trì Bồ tát giới, trước tiên phải tịnh tâm thọ tất chúng giới”. Điều này nói rõ ràng: Bồ tát giới không được đơn thọ hoặc đốn thọ, trước tiên phải thọ toàn bộ hay thiếu bộ của tất chúng giới, hoặc một phần của một chúng giới rồi sau đó mới được thọ Bồ tát giới.

Bồ tát giới của Ưu bà tắc Giới Kinh vốn là Đại thừa giới của người tại gia chứ chẳng phải là Bồ tát giới. Đây cũng là một loại Tiệm thứ giới rất khó được thọ của Đại thừa giới. Trước khi thọ giới phải theo thứ tự lớp cúng dường cha mẹ, sư trưởng, vợ con, hiện tại tri thức, nô tỳ, đạo nhân xuất gia, và hỏi chín thứ giá nạn: Gia thuộc không cho, thiếu nợ người khác, thân tâm có bệnh, ô tịnh phạm hạnh, làm tội ngũ nghịch, trộm pháp tặc trụ, khó phân biệt phái nam hay phái nữ, giết người có tâm đạo, vọng ngữ trước chúng. Nếu phạm một điều thì không được thọ giới. Trước khi thọ Bồ tát giới 6 trọng, 28 khinh, phải thực hành tam quy ngũ giới. Tuy đã thọ ngũ giới, cũng phải trải qua 6 tháng xem xét, rồi ở trong 20 Tỷ kheo tăng làm pháp yết mà thọ giới. Đủ thấy ở đây không phải không phân phẩm loại mà thọ được Bồ tát giới. Tại sao phải nghiêm khắc như thế? Trong phẩm Thọ Giới của Kinh này quyển ba nói: “Giới Ưu bà tắc này làm căn bản của Sa di thập giới, Đại Tỷ kheo giới, Bồ tát giới, cho đến A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Chí tâm thọ trì Ưu bà tắc giới sẽ được vô lượng lợi ích của các giới ấy”. Đây là nói bản thân của Ưu bà tắc giới là căn bản của Sa di giới, Tỷ kheo giới, Bồ tát giới; thọ Ưu bà tắc giới rồi mới được vô lượng lợi ích của Sa di giới, Tỷ kheo giới, Bồ tát giới.

Nói đến vấn đề giới tại gia và giới xuất gia, chúng ta cần phải phân biệt nói thêm. Căn cứ vào tinh thần của Bồ tát giới mà nói, đã là Bồ tát đều phải đoạn trừ dâm dục, hoặc vì phương tiện độ chúng sinh mà có hành vi dâm dục, song không được có niệm dâm. Tiểu thừa trọng giới hạnh, Bồ tát trọng giới tâm, Bồ tát tại gia của Thánh vị vì bi tâm độ chúng sinh mà không ngại hành dâm, tuyệt không đồng với phàm phu vì tham luyến khoái lạc dâm dục nên hành dâm. Vì thế, tinh thần căn

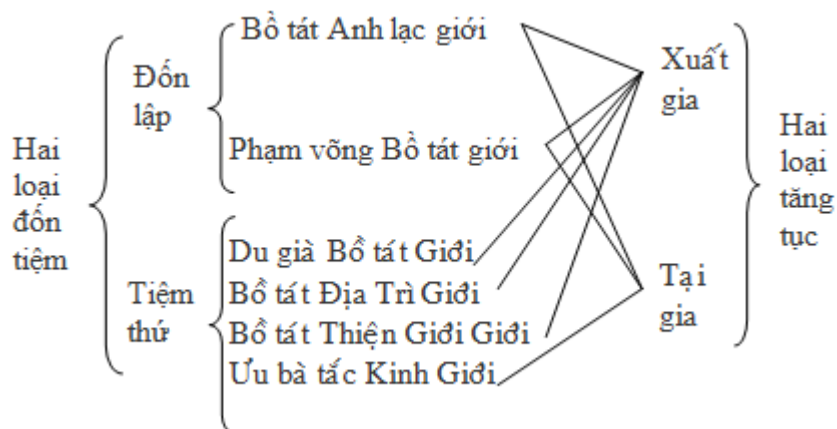
bản của Bồ tát giới là đoạn dâm, đã đoạn dâm thì sự phân biệt tại gia, xuất gia cũng chỉ là hình tướng hóa hiện bất đồng mà thôi. Nhưng trong 6 loại Bồ tát Giới Bản do nơi đối với cơ nghi bất đồng nên có sự phân biệt tại gia, xuất gia và thiên khinh, thiên trọng.

Sự phân biệt tại gia và xuất gia là lấy giới dâm làm tiêu chuẩn. Giới dâm của Kinh Anh Lạc là “không được cố dâm”. Du già Giới Bản nói: “Bồ tát xuất gia không được hành phi phạm hạnh”. Bồ tát tại gia “thấy có nữ sắc, lúc đó tâm không dính mắc, dù làm pháp dâm dục mà tâm của Bồ tát vẫn tiếp tục không dính mắc”, “nếu thỏa mãn dâm dục của người nữ kia một cách tự tại rồi thì khéo dùng phương tiện dẫn dắt khiến cho người nữ kia vun trồng thiện căn”, “Bồ tát trụ tâm từ mãn hành phi phạm hạnh”.

Giới khinh của Địa Trì Kinh Giới Bản tuy giới mục đồng với Du già Giới Bản, chỉ riêng chưa liệt kê điều văn tánh giới nói về phương tiện khai phạm 7 chi của thân miệng (sát sinh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ), vì thế xem đồng như chỉ có giá mà không có khai. Trong giới khinh của Thiện Giới *Kinh Giới Bản có nêu ra: Giới vào nhà bạch y chẳng* được thuyết pháp, giới đồng đi một đường với Tỳ kheo ni, giới chứa đồ vật của bạch y, giới giường cao quá tám ngón tay, đều thuộc giới hạnh của người xuất gia. Giới trọng của Ưu bà tắc Giới Kinh là giới Tà dâm, giới khinh là giới Phi thời phi xứ hành dâm.

Từ những điều văn đã nêu ra ở trên, chúng ta có thể phân biệt một cách đại khái: Anh Lạc và Phạm Võng là đoạn dâm mà chẳng phải tuyệt không dâm hạnh, lấy người xuất gia làm chủ và kiêm cả tâm hạnh tại gia; Du già thì gồm cả tại gia và xuất gia; Địa Trì và *Thiện Giới thì xuất gia; Ưu bà tắc Giới Kinh thì tại gia.*

Nay đem tính chất của 6 loại giới bản này lấy đôn lập và tiệm thứ, xuất gia và tại gia liệt kê theo biểu đồ như sau:



Ở đây chúng tôi cần phải nói thêm: Tinh thần căn bản của Bồ tát giới là tuyệt đối ly dục, song không ngại gì thị hiện có vợ con mà hành phạm hạnh, vì thế, có thể hiện hình tướng tại gia; Ưu bà tắc giới là căn bản của Bồ tát giới, nhưng không phải là Bồ tát giới, chỉ thuộc về Đại thừa giới, người đã thọ Đại thừa giới, thực hành lục độ, cho nên cũng có thể gọi là Bồ tát tại gia. Đây là điều cần phải biết rõ.

Căn cứ theo sự phân loại của Luật sư Linh Chi: “Bồ tát giới có hai tông, một là tông Hoa Nghiêm bộ, hai là Pháp Hoa bộ” (Chi Uyển Di Biên, quyển 2). Ngài cho rằng Phạm Võng gồm cả hai môn đón tiệm, thuộc Hoa Nghiêm bộ; Thiện Giới Kinh tiệm thứ thọ, thuộc Pháp Hoa bộ. Biểu đồ bút giả liệt kê ở trên cũng chỉ là phân biệt đại thể mà thôi.

---o0o---

#### IV. NGUYÊN DO CỦA BỒ TÁT GIỚI

Nói đến nguyên do của Bồ tát Giới có thể phân biệt làm ba loại: Anh Lạc và Phạm Võng là một loại; Du Già, Địa Trì, Thiện Giới là một loại; Ưu bà tắc Giới Kinh riêng thành một loại. Nay phân ra thuật như sau:

##### 1. Loại Anh Lạc, Phạm vãng

Có người cho rằng Kinh Phạm Võng thuộc Hoa Nghiêm bộ: Phật mới thành Chánh giác ở Diệu Quang Đường tụng ra Phạm Võng. Thái Hiền Cổ Tích Ký nói:

“Diệu Quang Đường, Kinh Hoa Nghiêm gọi là Phổ Quang Đường, nhân Phật phóng quang mà đặt tên, tại nước Ma Già Đà nơi đạo tràng tịch diệt, cách cây bồ đề 3 dặm”. Đủ biết Phạm Võng Giới, Phật thuyết trong nước Ma Già Đà dưới

quyền cai trị của vua Tần Bà Sa La, cách cây bồ đề của Phật thành đạo chỉ có 3 dặm.

Duyên khởi thuyết pháp của Kinh Anh Lạc cũng là: “Một thuở nọ, Đức Phật trở lại nước của vua Bình Sa tức là Tần Bà Sa La, nơi thành Chánh giác dưới cội Bồ đề Ngài ngồi lại chỗ cũ, lại phóng ra 42 tia sáng”. Sau khi phóng quang, Ngài nói cảnh giới 52 ngôi vị Bồ tát, tiếp theo ở quyển hạ, Ngài nói về phương pháp thọ giới của Thập Vô Tận Tạng Giới. Thời gian nói Kinh *Phạm Võng* tuy sớm hơn Kinh *Anh Lạc*, nhưng địa điểm phóng quang trước khi nói kinh thì giống nhau. Kinh *Phạm Võng* cũng trước phóng quang minh, kể nói về ngôi vị của Bồ tát, rồi đến quyển hạ nói điều văn giới tướng của 10 trọng, 48 khinh. Chỗ không đồng nhau là Kinh Anh Lạc không có phương pháp thọ giới, nhưng Anh Lạc và Phạm Võng vẫn còn nhiều chỗ đồng nhau.

*Phạm Võng Giới Kinh* là một loại *Bồ tát Giới Kinh* được lưu thông rộng rãi ở Trung Quốc hơn hết. Nhưng đối với vấn đề chân ngụy của Phạm Võng là việc đã có từ xưa, các nhà kinh lục cựu thời đã đem Phạm Võng liệt vào loại nghi phẩm. Theo bài tựa *Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới* nói: “*Kinh này gồm có 112 quyển, 61 phẩm*”. Trong *Bồ Tát Giới Bản Số* quyển 1 của Đại sư Pháp Tạng nói: “Nếu luận về bản đầy đủ, Ngài La Thập tương truyền, nói Tây Vực có 61 phẩm 10 vạn bài tụng, dịch đủ thành 300 quyển”. Vì *Đại Bộ của Kinh Phạm Võng 2 quyển thượng, hạ của Trung Quốc* là do Ngài Tam Tạng La Thập miệng tụng phẩm thứ 10 là phẩm *Bồ Tát Tâm Địa Pháp Môn* của toàn bộ *Kinh Phạm Võng*. Nhưng văn tự của quyển thượng rất khó giải thích, văn của bài tựa và hậu ký cũng có khả nghi, điều văn giới tướng cũng rất khó hiểu, đến nỗi bị các học giả cho là người Trung Quốc ngụy tạo. Tuy nhiên đây là một bộ *Bồ Tát Giới Kinh* rất được hoan nghinh, vì thế trải qua nhiều thời đại có nhiều sự tranh luận. Thời gần đây, Đại sư Thái Hư cũng có một bài “*Phạm Võng Kinh và Thiên Bát Kinh Quyết Ấn*”, Ngài cho rằng: “*Văn tự của Kinh Phạm Võng quyển thượng nói về Thập phát thú, Thập địa cùng với nửa quyển thứ 7 đến quyển thứ 9 của Kinh Đại thừa Kim Cương Tánh Hải Mạn Thù Thất Lý Thiên Tý Thiên Bát Đại Giáo Vương nói về 40 tâm vị thập phát thú v.v...* văn tự rõ ràng hơn và ý nghĩa đồng với phẩm *Tâm Địa* của *Kinh Phạm Võng quyển thượng*”, và Ngài nói: “*Chỗ nói Kinh Phạm Võng 112 quyển hoặc Kinh Thiên Bát để chứng minh có Phạn văn căn cứ, thì có thể bỏ được cái ý kiến nghi nó là ngụy tạo*”. Đây là kiến giải chủ trương *Kinh Phạm Võng là chân thật chứ không phải ngụy*. Nhưng theo ý kiến của Pháp sư Tục Minh lại có một lối nhìn riêng,

Ngài nói:”Do nơi văn của bài tựa và hậu ký có nhiều dấu tích giống nhau, dường như không phải của Ngài Tăng Triệu viết, cho nên có người nghi kinh này không phải do Ngài La Thập dịch, lại nghi bài tựa không phải do Ngài Tăng Triệu viết, do nghi bài tựa nên càng nghi kinh!”. Lại nói: “Kinh Phạm Võng quyển thượng, xét về văn tự cùng với các kinh sách do Ngài La Thập phiên dịch không hợp, tra cứu lại thì thấy có một đoạn văn nghĩa tương đồng với Kinh Thiên Bát Đại *Giáo Vương dịch vào đời Đường. Nhưng vì ngoài hai kinh ấy ra còn thiếu những chứng cứ khác, nên khó luận đoán như thế nào*” (xem Giới Học Thuật Yếu). Căn cứ vào sự khảo chứng của Pháp sư Tục Minh, Ngài nhận rằng văn bài tựa và hậu ký của Kinh *Phạm Võng là có vấn đề. Kinh văn quyển thượng cũng chẳng phải là của Ngài La Thập dịch, và suy đoán theo hình thức, Ngài cho rằng Kinh Phạm Võng chắc chắn cũng có căn cứ của Đại Bản, đồng thời Ngài cũng nói: “10 trọng 48 khinh của Phạm Võng giới không phải như tương truyền nói là một phần của phẩm Tâm Địa Pháp Môn, mà từ trong các phẩm của Đại Bản trích ra”. Một phát minh này rất đáng quý!*

Tôi cũng muốn bổ sung vào một chút ý kiến: Đoạn trước đã nói, chỗ tương đồng của Phạm Võng và Anh Lạc rất nhiều, cả hai đều là đốn lập giới, đều ở tại nước Ma Già Đà gần Bồ đề đạo tràng, một lúc nói ra đồng là nói 10 điều giới trọng như nhau. Vậy chúng ta có thể tin rằng Kinh Phạm Võng của bản dịch hai quyển là do chịu ảnh hưởng hình thức của Kinh Anh Lạc và phụ thêm vào quyển thượng của bản một quyển. Lại, nhân trong quyển hạ Kinh Phạm Võng đối với tên gọi chung có 42 vị Hiền thánh Bồ tát là Thập phát thú, Thập trưởng dưỡng, Thập kim cương, Thập địa, là dùng một bộ phận của Kinh Thiên Bát làm quyển thượng của Kinh Phạm Võng. Nhưng ở đây cũng có vấn đề là Kinh Phạm Võng của bản hai quyển *Lịch Đại Tam Bảo Kỳ của Phí Trường Phòng (Đời Tuy, niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 17)* đã có rồi. Kinh *Thiên Bát do Tam Tạng Bất Không đời Đường dịch ra, điều này trên thời gian bị đảo ngược, cũng có thể cho rằng Kinh Thiên Bát hoặc đồng một tính chất của bản chữ Phạn đã đến Trung Quốc sớm hơn.*

Ngoài ra, Pháp sư Tục Minh còn cho rằng Phạm Võng giới có thể do từ trong tác phẩm của Đại Bản trích ra, đây là thường lệ của giới Thanh văn. Như tôi thấy trong Ưu bà tắc Giới Kinh của Đại thừa giới: Sáu giới trọng và 28 giới khinh đều tập trung vào một phần của phẩm Thọ Giới, đủ thấy hình thức của luật Đại thừa và luật Thanh văn có chỗ bất đồng, vì thế đây là vấn đề còn đợi nghiên cứu. Đồng

thời, 10 điều giới trọng của Kinh Anh Lạc cũng là nói một cách tập trung chứ không phải giải thích.

Nhưng mặc dầu như thế nào, tính tồn tại và tính chân thật của Bồ Tát giới là điều không thể phủ nhận. Bồ Tát giới tại Tây Vực cũng đã sớm lưu hành, nhưng trong Bồ Tát Giới Bản Số của Pháp Tạng nói: “Lại nghe ở Tây Vực, các chùa Tiểu thừa lấy Ngài Tân Đầu Lô làm Thượng tọa, các chùa Đại thừa lấy Ngài Văn Thù Sư Lợi làm Thượng tọa, khiến đại chúng đều trì Bồ Tát giới, yết ma thuyết giới đều tác Bồ Tát pháp sư, Luật tạng thường tụng không dứt”.

## 2. Loại Du già

Trong loại Du già bao quát ba loại: Du già, Địa Trì, *Thiện Giới*. *Ba loại giới bốn này đều là cùng một phẩm* của Luận Du Già Sư Địa, nhưng có nhiều bản dịch khác nhau, cùng có thể do lỗi nhìn của dịch giả bất đồng hoặc do bản Phạn các Ngài thấy bất đồng, vì thế mà có tường tận hay giản lược, hoặc thiên trọng hay thiên khinh bất đồng. Tuy nhiên, lai lịch loại *Du già này không thể hoài nghi, chỗ bất đồng lớn nhất* của loại Du già và loại Anh Lạc, Phạm Võng là duyên khởi và sự tỏ thành của Giới Kinh. Anh Lạc, Phạm Võng là do chính miệng Phật nói ra, còn cuối Du già Giới Bốn có nói về loại Du già như sau: “Các việc khởi ra như thế này: Bồ tát học xứ (giới) trong các Kinh Phật đã tùy cơ rải rác tuyên nói, đó là y luật nghi giới, Thiện pháp giới và Nhiều ích hữu tình giới, nay nói Luận Bồ Tát này là nói tổng hợp”. Nói một cách khác, loại Du già là do Bồ Tát Di Lặc căn cứ vào các kinh Phật nói rải rác những gì quan hệ đến bộ phận của giới luật góp nhặt biên tập thành. Vì thế, đồng là Bồ Tát giới của Phật nói, loại trước trực tiếp hình thành, loại sau gián tiếp biên thành. Đây chỗ không đồng nhau ở trên nguyên nhân thành lập, nhưng vẫn đều là Bồ Tát giới Phật nói.

## 3. Loại Ưu bà tắc Giới

Đây là do trưởng giả Thiện Sanh cầu Phật, hỏi pháp, rồi do chính miệng Phật nói ra, gồm có 7 quyển 28 phẩm, rất hợp với căn khí của người tại gia cho đến ngoại đạo đương thời. Đây là một bộ kinh điển rất hay, lịch trình từ một người tục mới phát tâm tin Phật thẳng đến thành Phật đều được chỉ dẫn kỹ càng. Nhưng từ trên nhân duyên thọ giới, đặc giới mà nói, thì đây là một thứ Đại thừa giới rất khó thọ, khó đắc.

---o0o---

### **Chương 3 : Giới Trọng Và Giới Khinh Của Bồ Tát Giới**

#### **I. SAO GỌI LÀ GIỚI TRỌNG VÀ GIỚI KHINH?**

Sự phân biệt của giới trọng và giới khinh là ở sự bất đồng của “căn bản” và “chủng loại”, hoặc sự bất đồng của “tánh tội” và “giá tội”. Căn bản của tất cả giới gọi là căn bản giới như: Sát sinh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ, là căn bản của tất cả giới. Từ trên mỗi một thứ căn bản sinh ra các tiểu giới đồng loại, gọi là Chủng loại giới, tỷ như đánh chúng sinh là chủng loại của giới sát, làm tổn tài vật của người là chủng loại của giới trộm cướp, xúc chạm người khác phái là chủng loại của giới dâm, nói lời vô vị là chủng loại của giới vọng ngữ. Tuy phạm loại tương tự sát sinh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ mà chưa đạt đến trình độ tội đã thành của sát sinh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ, bất luận thọ giới hay không thọ giới, hễ tạo thành sự thật đều là một thứ tội ác; vị lai nhất định bị quả báo, vì bản tánh của nó là tội hạnh, là chánh nhân của nghiệp báo, vì thế gọi là Tánh tội. Lại, nếu không cố gắng hết sức cứu độ chúng sinh, người không thọ Bồ tát giới không kể là phạm giới, không có tội. Người thọ Bồ tát giới rồi, do sự quy định trong giới, không đem sức cứu hộ chúng sinh thì có tội, vì thế gọi là Giá tội.

Lại như người không thọ Bồ tát giới không học kinh luật Đại thừa thì không có tội, còn người thọ Bồ tát giới rồi không thể không học kinh luật Đại thừa, đây là ngăn cấm không được như thế, vì thế gọi là Giá giới.

Công đức của thọ giới, trì giới rất lớn. Thọ giới mà không trì giới, tội lỗi cũng rất lớn. Có thưởng có phạt là lý tất nhiên. Thọ trì một giới có công đức một giới, phạm phá một giới cũng có tội lỗi của phạm phá một giới. Công đức thọ trì giới trọng lớn, tội lỗi của phạm phá giới trọng là rất lớn. Vì thế, trước và sau khi thọ giới, chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng về nội dung của giới trọng giới khinh.

Đến như xưng danh của giới trọng, giới khinh, các loại bổn đều riêng có xưng hô bất đồng. Nói về giới trọng, Kinh Anh Lạc gọi 10 điều giới trọng là “Thập bất khả hối”, Kinh Phạm Võng gọi là “Ba la di”, Du Già Giới *Bổn* gọi là “*Tha thắng xứ*”, *Ưu bà tắc Giới Kinh* gọi 6 điều giới trọng là “Lục trọng pháp”.



Nói về giới khinh, Kinh Phạm Võng gọi là “khinh cấu”, *Kinh Địa Trì* gọi là: “Đột kiết la”, *Du già dịch là Ác tác*, cũng gọi là “Vi việt”, Ưu bà tắc Giới Kinh gọi là “Thất ý tội”.

Đây là những danh xưng căn cứ vào cộng dụng của giới tội và phần lượng của tánh tội mà lập ra, danh xưng tuy khác nhau nhưng tội được chỉ định là một. Kinh Anh Lạc nói: “Thập trọng có phạm không có hối”; phạm giới khinh: “Được cho hối quá đối thú hối diệt tội”. Phạm 10 giới trọng không có phương pháp sám hối trừ tội, vì thế gọi là bất khả hối. Phạm giới trọng như người bị chặt đầu không thể dùng thứ thuốc nào của Phật pháp cứu trị được, vì thế gọi là tội Đoạn đầu. Ba la di dịch từ âm chữ Phạn: Pàràjika, nghĩa là Đoạn đầu. Phạm giới trọng tức là bị pháp đối địch của người bên ngoài chiến thắng, vì thế gọi là Tha thắng xứ.

Phạm giới khinh gọi là tội nghiệp cấu, so với giới trọng nhẹ hơn, vì thế xưng là khinh cấu. Đột kiết la dịch âm từ chữ Phạn: Duskurta nghĩa là ác tác hoặc ác thuyết. Phạm giới khinh là chống trái và vượt ra phạm vi tâm hạnh của người tu trì, vì thế gọi là “vi việt”. Phạm giới khinh là do vọng niệm gây ra, trái với ý nguyện của người thọ giới tu trì, vì thế gọi là “Thất ý”.

---o0o---

## II. NỘI DUNG CỦA GIỚI TRỌNG

Từ trên bản chất và nguyên tắc, căn bản giới của Đại thừa, Tiểu thừa tương đồng. Từ trên cấp độ và tác dụng, căn bản của Đại thừa và Tiểu thừa có sai biệt. Bốn giới căn bản lớn của Tiểu thừa Thanh văn là sát sinh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ. Mười giới trọng lớn của Đại thừa Bồ tát bao hàm sát sinh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ. Đây là chỗ đồng và khác của Đại thừa, Tiểu thừa. Điểm xuất tương đồng, trên hiệu dụng bất tương đồng.

Trong 6 loại giới bản của Đại thừa Bồ tát giới, đối với sự trình bày và sắp xếp điều mục giới trọng cũng đều riêng có sai biệt. Kinh Anh Lạc và Kinh Phạm Võng có 10 điều giới trọng đồng nhau, *Du Già Giới Bản* có 4 điều, *Kinh Địa Trì* có 4 điều, *Thiện Giới Kinh* có 8 điều, *Ưu bà tắc Giới Kinh* có 6 điều. Nhưng *bất luận* 4 điều, 6 điều, 8 điều đều ở trong phạm vi 10 điều. Nay đem giới mục giới trọng của 6 loại giới bản liệt kê đối chiếu như sau: (trang bên)

Nội dung của giới trọng Bồ tát giới là Nhiếp luật nghi giới của tam tụ tịnh giới, tuy chỉ có 10 điều mà thật đã bao quát tất cả luật nghi giới.

| BIỂU ĐỒ ĐỐI CHIẾU GIỚI MỤC GIỚI TRỌNG CỦA 6 LOẠI BỒ TÁT GIỚI BỒN |                             |                         |                             |                        |                             |                              |                             |                             |                             |                            |                       |
|--|-----------------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|
| AN LẠC KINH GIỚI BỒN   |                             | PHẠM VĨNG KINH GIỚI BỒN |                             | DU GIẢ BỒ TÁT GIỚI BỒN |                             | BỒ TÁT ĐỊA TRÍ KINH GIỚI BỒN |                             | BỒ TÁT THIỀN GIỚI KINH GIỚI |                             | BỒ TÁT ƯU BÀ TẮC KINH GIỚI |                       |
| Số điều  | GIỚI MỤC                    | Số điều                 | GIỚI MỤC                    | Số điều                | GIỚI MỤC                    | Số điều                      | GIỚI MỤC                    | Số điều                     | GIỚI MỤC                    | Số điều                    | GIỚI MỤC              |
| 01   | Giới sát sinh               | 01                      | Giới sát sinh               |                        |                             |                              |                             | 01                          | Giới sát sinh               | 01                         | Giới sát sinh         |
| 02   | Giới cô vọng ngữ            | 02                      | Giới trộm cướp              |                        |                             |                              |                             | 02                          | Giới trộm cướp              | 02                         | Giới trộm cướp        |
| 03   | Giới cô dâm dục             | 03                      | Giới dâm dục                |                        |                             |                              |                             | 03                          | Giới dâm dục                | 03                         | Giới đại vọng ngữ     |
| 04   | Giới cô trộm cướp           | 04                      | Giới vọng ngữ               |                        |                             |                              |                             | 04                          | Giới vọng ngữ               | 04                         | Giới tà dâm           |
| 05   | Giới bán rượu               | 05                      | Giới bán rượu               |                        |                             |                              |                             |                             |                             | 05                         | Giới bán rượu         |
| 06   | Giới nói lời tứ chúng       | 06                      | Giới nói lời tứ chúng       |                        |                             |                              |                             |                             |                             | 06                         | Giới nói lời tứ chúng |
| 07   | Giới cô xan tham            | 07                      | Giới tự khen mình chê người | 01                     | Giới tự khen mình chê người | 01                           | Giới tự khen mình chê người | 05                          | Giới tự khen mình chê người |                            |                       |
| 08   | Giới cô giận hờn            | 08                      | Giới cô xan tham            | 02                     | Giới cô xan tham            | 02                           | Giới sèn tiếc               | 06                          | Giới tham tiếc không bỏ thí |                            |                       |
| 09   | Giới tự khen mình chê người | 09                      | Giới cô giận hờn            | 03                     | Giới cô giận hờn            | 03                           | Giới cô giận hờn            | 07                          | Giới giận hờn không nguôi   |                            |                       |
| 10   | Giới phi bang Tam Bảo       | 10                      | Giới phi bang Tam Bảo       | 04                     | Giới phi bang Bồ tát tạng   | 04                           | Giới phi bang Bồ tát tạng   | 08                          | Giới phi bang Bồ tát tạng   |                            |                       |

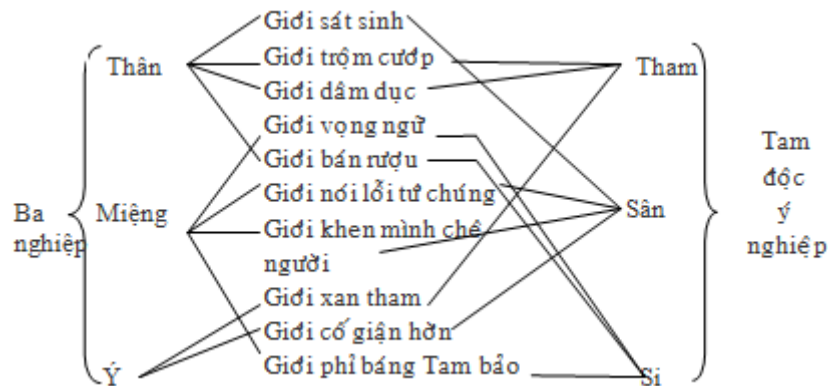
Từ đây trở xuống chúng tôi lấy Phạm Võng Bồ tát Giới *Bồn* làm *đối tượng giới thiệu chủ yếu nghiên cứu* đến các loại Bồ tát Giới *bồn* khác.

Mười điều giới trọng của Bồ tát giới được phân ra là thuộc về ba loại thân, miệng, ý. Trong Tiểu thừa giới, thân miệng phạm giới có tội, tâm ý phạm giới vô tội, tâm ý phạm giới cũng không thành phạm giới. Thế nên đã chẳng phải lấy ý nghiệp làm giới khinh, cũng không lấy ý nghiệp làm giới trọng. Nhưng trong Đại thừa giới chẳng những tâm ý vi phạm là có tội, thậm chí còn liệt vào tội nặng.

Thật ra, hai nghiệp thân miệng thành tội hạnh, chủ yếu là do dự mưu kế hoạch và sự thao túng của ý nghiệp; do sự phát động của ý nghiệp mà thành hai nghiệp thân miệng có ác có thiện và cũng có không ác không thiện. Trong giới hiện tại ngăn cấm là ý thuộc về nghiệp ác, đó là ba độc tham, sân, si, rất nổi tiếng và rất đáng sợ.

Mười giới trọng của Bồ tát có thể khái quát làm ba nghiệp, ba nghiệp có thể quy nạp vào một ý nghiệp bị tam độc thống trị.

Đây là từ trọng tâm của 10 giới trọng phân biệt, nếu phân tích kỹ càng thì trong mỗi giới đều có thành phần của ba nghiệp. Hiện tại muốn dễ hiểu nên phân tích đại khái như sau:

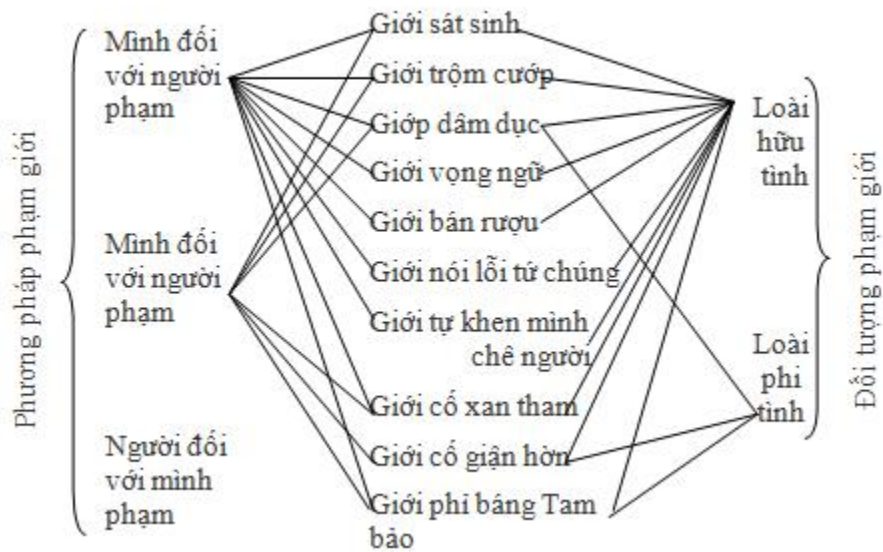


Nhìn trên biểu đồ này, sự sinh ra 10 giới trọng của Bồ tát giới chỉ vì mỗi nguyên nhân, đó là đối phó với ý nghiệp làm ác mà điều phục tam độc làm hại. Chúng sinh chúng ta sợ dĩ bị trầm luân trong biển sinh tử của lục đạo, mê mộng trong đêm dài triền miên cũng là ý nghiệp bất thiện mà bị tam độc làm hại.

Phương pháp phạm giới của 10 điều giới trọng phân làm ba loại: có loại tự ,mình đối với người khác mà phạm, có loại chính mình đối với mình mà phạm, có loại người khác đối với mình mà phạm.

Đối tượng phạm giới của 10 điều giới trọng phân làm hai loại: một là hữu tánh, hai là loại phi tánh.

Căn cứ vào phương pháp và đối tượng của sự phạm phá 10 điều giới trọng có thể liệt vào biểu đồ như sau:



Biểu đồ này cần phải nói thêm cho rõ:

Phạm giới đặc tội đều là do làm cho chúng sinh khác bị tổn hại hoặc phiền não mà ra, vì thế phương pháp phạm giới chủ yếu của 10 điều giới trọng là tự mình đối người phạm. Nhưng cũng có 5 điều là có thể mình đối với chính mình phạm, tỷ như chính mình giết mình là phạm giới sát; có người thân thể mềm mại có thể dùng miệng nút sinh thực khí của chính họ để được khoái lạc thì phạm giới dâm; ba điều là xan tham, giận hờn và phi báng Tam bảo, so theo đây có thể biết. Người khác đối mình phạm chỉ có một điều giới dâm, lúc nhập, đã xuất, xuất ra, chỉ cần sinh khởi tâm cảm thọ một niệm khoái lạc dâm dục thì kể là phạm giới.

Đối tượng của sự phạm giới vốn lấy chúng sinh hữu tình làm đối tượng chủ yếu của sự đặc tội. Nhưng có ba điều có thể từ trên sự thật phi tình đặc tội, tỷ như gian dâm với thân chết chưa hoại; đã là thân chết thuộc về vật thể phi tình không có tri giác, nhưng vẫn có thể ở trên thân chết chưa hoại để đạt đến mục đích thọ lạc của việc hành dâm. Vì thế trên vật phi tình đặc tội trọng của phạm giới dâm. Hai điều giới: cố giận hờn và phi báng Tam bảo, có thể theo đây suy ra mà biết.

Nhưng đối với sự giải thích điều văn giới trọng, vì không có Kinh Phạm Võng của Đại Bồn làm căn cứ nên nhà chú sớ từ xưa đến nay phần nhiều không có được quan niệm thống nhất. Từ trên đại thể nói, các bản chú sớ Kinh Phạm Võng của các nhà chia làm hai phái Tân và Cựu, Cựu sớ lấy Bồ tát Giới Sớ của Đại sư Trí

Giả tông Thiên Thai là chủ yếu, các chú sớ của Ngài Minh Khoáng đời Đường, Liên Trì, Ngẫu Ích, Hoàng Tín cuối đời Minh đều thuộc một hệ Cựu sớ.

Tân sớ thì lấy Bồ tát Giới Bản Sớ của Đại sư Hiền Thủ Pháp Tạng làm đầu; Nghĩa Tịch Sớ, Thái Hiền *Cổ Tích Ký đời Đường* đều là hệ Tân sớ. Điểm bất đồng lớn nhất của Tân sớ và Cựu sớ là sự phân biệt đối với điều văn của 10 điều giới trọng. Cựu sớ đại thể lập luận theo Thanh văn giới, cho rằng chỗ chỉ trong điều văn của điều giới trọng có trọng cũng có khinh, nói khinh để so với trọng, tỷ như giết người phạm tội trọng, giết chúng sinh dị loại phạm tội khinh; trộm 5 tiền trở lên phạm tội trọng, trộm 5 tiền trở xuống phạm tội khinh, đại vọng ngữ phạm tội trọng, tiểu vọng ngữ phạm tội khinh. Nhưng theo Tân sớ mà nói, cho rằng giới trọng của Bồ tát giới trọng hơn Thanh văn, vì thế “cho đến loài vật có sinh mạng cũng không được cố giết”, “cho đến vật của quý thân, vật có chủ, vật của kẻ trộm cướp, tất cả tài vật: một cây kim, ngọn cỏ không được cố trộm”, “Cho đến thấy nói không thấy, không thấy nói thấy, thân tâm vọng ngữ”, nếu phạm đều đắc tội Ba la di.

Duy nói theo thông thường, phần nhiều lấy Cựu sớ làm chuẩn, nhân vì Du già Giới Bản khai có 7 chi nhánh tội, Kinh Văn Thù Vân thì cho rằng hễ khởi tâm niệm sát sinh, trộm cướp, dâm dục vọng ngữ đều phạm giới Bồ tát Ba la di tội. Hai đàng nói khác nhau, đó là theo hàng Bồ tát Thánh vị mà nói, chứ hàng Bồ tát mới phát tâm quyết khó làm đến trình độ này. Nếu không như vậy thì cơ hội Bồ tát phạm tội trọng thật rất nhiều. Nhưng cũng nên lấy quan điểm của Tân dịch là sợ hãi để cảnh giác, vì từ trước đến nay chúng ta không có một người hiểu rõ một cách đúng đắn về điều văn của giới Phạm Võng chỉ dạy với ý nghĩa gì.

Đến số điều giới trọng của các loại Bồ tát Giới Bản tại sao có nhiều có ít? Điều này ở trong Bồ tát Giới Bản Sớ của Đại sư Pháp Tạng có nói như vậy: trong Kinh Phạm Võng này vì lý do là tất chúng đệ tử cùng chung thọ trì, vì thế nên nói cụ thể 10 điều giới trọng. Kinh Thiện Sanh đặc biệt nói cho hai chúng đệ tử tại gia, vì thế đem 6 điều trước của 10 điều giới trọng làm giới trọng. Lại vì người tại gia đối với tội lỗi, tội hạnh của bán rượu cho người và nói dối tứ chúng đặc biệt dễ phạm đến, vì thế ngoài 4 giới trọng căn bản ra, còn thêm hai điều giới này, thành 6 điều giới trọng. Bốn điều giới sau trong 10 giới trọng, sự phạm tội của người tại gia nhẹ hơn, vì thế không chế làm giới trọng của người tại gia. Nhưng 4 điều sau đối với người xuất gia tội lỗi thiên trọng. Hai điều thứ 5 và thứ 6 đối với người xuất gia

không quá nghiêm trọng, vì thế Địa Trì và Du già Giới Bản chỉ liệt bốn điều sau làm giới trọng.

Lại vì trong 10 điều giới trọng, 4 điều trước đối Đại thừa, Tiểu thừa đều là giới trọng. Hai điều thứ 5 và thứ 6 đối với người tại xuất gia đều là giới trọng. Bốn điều sau chót chỉ có Đại thừa Bồ tát mới thành giới trọng.

Đó là sự giải thích của Đại sư Pháp Tạng nhưng tôi còn thấy có một ý kiến bổ sung. Bởi vì Anh Lạc và *Phạm Võng thuộc Đốn lập giới*, vì thế trừ giới mục đặc biệt của Bồ tát ra, còn phải liệt vào giới mục căn bản hoặc cơ sở chung cho cả tất chúng, do đó thành 10 giới. *Du Già, Địa Trì là tiệm thứ giới*, là đã thọ qua cộng thông giới của cơ sở tất chúng, vì thế chỉ nêu bốn giới sau của Bồ tát đặc biệt thiên trọng là đủ. Đến *Ưu bà tắc Giới Kinh* tuy cũng thuộc về tiệm thứ giới nhưng trong đó có nói rõ: “Ưu bà tắc là căn bản của Sa di thập giới. Đại Tỳ kheo giới, Bồ tát giới cho đến A nậu đa la tam miệu tam bồ đề”. Nhân vì đây là căn bản của tất cả giới, vì thế phải liệt kê bốn giới căn bản trước, lại vì là Đại thừa giới nên phải thêm hai điều thứ 5 và thứ 6 làm giới trọng. Sáu giới trọng của *Ưu bà tắc Giới Kinh* thêm vào 4 giới trọng của *Du già Giới Bản* vừa vãn thành 10 điều giới bản của Anh Lạc và Phạm Võng. Đến như giới trọng của *Thiện Giới Kinh* là 4 điều trước thêm 4 điều sau thành 8 điều cũng công nhận rằng đúng như lời Đại sư Pháp Tạng nói: “Hai điều thứ 5 và thứ 6 đối với người xuất gia không nghiêm trọng lắm”. Vì thế trong ba loại giới bản: *Du Già, Địa Trì và Thiện Giới Kinh* tại sao lại đem 4 điều trước liệt vào thành 8 điều thì không được biết, cũng có lẽ đây là do ý của người dịch chăng?

---o0o---

### III. NỘI DUNG CỦA GIỚI KHINH

Nội dung của giới khinh của Bồ tát cũng là Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình của Tam tụ tịnh giới. Đây cũng là từ trên phần đại thể, nêu luận kỹ, bất luận giới trọng giới khinh, mỗi giới đều nhiếp vào thành phần của Tam tụ tịnh giới.

Căn cứ vào Bồ tát Giới Bản Số của Ngài Nghĩ Tịnh nói: Kinh Anh Lạc nói Nhiếp luật nghi giới là 10 Ba la di, Nhiếp thiện pháp là 9 vạn 4 ngàn pháp môn, Nhiếp chúng sinh giới là từ, bi, hỷ, xả. Lại nói: “Trong 48 giới khinh của Phạm Võng, 30

giới trước phần nhiều là nhiếp thiện, 18 giới sau phần nhiều là lợi sinh”. Đây cũng là từ trên phần đại thể mà nói. Vì về Bồ tát giới, điều văn của Phạm Võng Bồ tát Giới là đặc biệt hơn hết, trong giới trọng có thành phần của giới khinh, trong giới khinh có thành phần của giới trọng, cho đến trong điều văn của một điều của giới cũng bao quát nhiều loại và ý tứ không nối tiếp quán thông. Vì thế, phân loại nhất định như thế nào thật là điều rất khó.

Căn cứ vào sự nghiên cứu của Đại sư Pháp Tạng thì *Phạm Võng Giới Kinh trong khinh có mang trọng* và trong một gồm có nhiều, nay nêu ra như sau:

#### **A. Trong khinh mang trọng, có 6 điều:**

1. Điều thứ 11, trong giới đi thông sứ mạng cho hai nước hiệp hội quân trận có hai điều khinh trọng: Vì người làm sứ đưa tin, phạm tội khinh; nhân đây hai bên đánh giết nhau, phạm tội trọng sát sinh.

2. Điều thứ 14, trong giới phóng hỏa thiêu đốt làm tổn hại tài vật, gồm có hai điều khinh trọng: Thiêu đốt là phạm giới khinh, tổn hại tài vật của người thì phạm giới trọng trộm cướp.

3. Điều thứ 17, trong giới cậy thế lực quyền tởi gồm có hai điều khinh trọng: Cậy thế lực quan quyền, phạm giới khinh; cưỡng lấy tài vật của người, phạm giới trọng trộm cướp.

4. Điều thứ 25, trong giới tri chúng vụng về gồm có điều khinh trọng: Làm tri chúng vụng về, phạm giới khinh; tổn thất tài vật của Tam bảo, phạm giới trọng trộm cướp.

5. Điều thứ 30, trong giới trái với cấm giới, làm điều quấy, gồm có hai điều khinh trọng: Giả tuồng kính mến, phạm giới khinh; tự mình huỷ báng Tam bảo, phạm giới trọng.

6. Điều thứ 32, trong giới chứa điều phi pháp gồm có hai điều khinh trọng: Chứa cân non, giả thiếu, phạm giới khinh; lấy tài vật của người, phạm giới trọng trộm cướp.

#### **B. Trong một có nhiều, gồm 10 điều:**

1. Điều thứ 12, trong giới buôn bán có 3 điều: 1. Bán người lành, 2. Bán tôi tớ, lục súc, 3. Bán quan tài, ván cây để dựng thân người chết.

2. Điều thứ 20, trong giới không cứu hộ sinh mạng có 2 điều: 1. Cứu sinh mạng khỏi bị giết, 2. Ngày người thân chết, giảng pháp để cứu khổ cho người chết.

3. Điều thứ 23, trong giới khinh người mới cầu học có 2 điều: 1. Oai nghi thọ giới, 2. Pháp sư ỷ thị, mình hiểu kinh luật Đại thừa và kết bạn với quốc vương v.v... không đáp lời hỏi của tân học Bồ tát.

4. Điều thứ 29, trong giới làm nghề ác tổn hại chúng sinh có 6 điều: 1. Buôn bán nam sắc, nữ sắc, 2. Tự tay làm đồ ăn, tự xay tự giã, 3. Xem tướng bàn mộng, 4. Bùa chú phép thuật, 5. Phương pháp nuôi ó, 6. Hòa hợp thuốc độc.

5. Điều thứ 30, trong giới trái với cấm giới làm quấy có 4 điều: 1. Phỉ báng Tam bảo, 2. Làm mai mối cưới gả, 3. Sáu ngày trai mỗi tháng, ba tháng trường trai mỗi năm sát sinh, 4. Tâm tưởng đến trộm cướp.

6. Điều thứ 32, trong giới chứa đồ phi pháp, có 6 điều: 1. Chứa dao, tên v.v..., 2. Chứa cân non, giả thiếu, 3. Ỗ vào thế lực lấy tài vật của người, 4. Ác tâm trói buộc người, 5. Phá hoại thành công của người, 6. Nuôi mèo, chồn, heo, chó.

7. Điều thứ 33, trong giới xem nghe làm ác có năm điều: 1. Không được xem đấu chiến nhau, 2. Không được cố nghe âm nhạc, 3. Không được đi xem hát, 4. Không được bói xử, 5. Không được làm tay sai cho kẻ trộm cướp.

8. Điều thứ 37, trong giới có vào chỗ có nạn, có 3 điều: 1. Đầu đà, 2. Bồ tát, 3. An cư mùa Hạ, mùa Đông phải đúng như pháp, không vào chỗ có nạn.

9. Điều thứ 39, trong giới nên giảng hay không giảng có hai điều: 1. Giáo hóa người kiến lập chùa tháp, tăng phòng, 2. Dạy khi gặp nạn nên giảng thuyết kinh luật Đại thừa.

10. Điều thứ 40, trong giới thọ giới không đúng nghi thức có điều: 1. Oai nghi thọ giới, 2. Tăng không lạy tục.

Từ trong 16 điều của hai loại lớn: Trong kinh mang trọng và trong một gồm nhiều này, chúng ta có thể biết giới khinh của Phạm Võng tuy chỉ có 48 điều, kỳ thật cộng chung có 79 giới. Xin hãy đếm xem: trong 6 điều “mang trọng” thành 12,



trong 10 điều “gồm nhiều” thành 35, và 32 điều thành lập đơn độc, tổng cộng lại không phải là 79 giới sao? Nếu cộng 10 giới trọng vào thì thành 89 giới tương kính trọng của *Kinh Phạm Võng*.

Giới kính rớt cuộc có bao nhiêu điều, căn cứ theo Đại sư Pháp Tạng có 10 thứ nội dung bất đồng như sau:

1. Du già có 44 giới.
2. Hai kinh Địa Trì, Thiện Giới tuy có hơi thêm bớt, nhưng vẫn đồng với Du già.
3. *Bồ tát Nội Giới Kinh* có 42 giới.
4. *Kinh Thiện Sanh (Ưu bà tắc Giới)* trừ 6 điều trọng ra, riêng có 28 giới kính.
5. *Kinh Phương Đẳng* trừ 24 thứ giới ra còn có 25 thứ chế không nên làm.
6. *Kinh Phạm Võng* có 48 giới.
7. Nếu tìm kỹ nội dung văn tự giới kinh của Phạm Võng, hoặc trong một giới có nhiều thứ giới, luận chung gần một trăm giới.
8. Như Phạm Võng dẫn văn trong phẩm “Bát Vạn Oai Nghi nói”, thì có 8 vạn thứ giới.
9. Theo như Nhiếp Luận, bản dịch đời Lương dẫn *Kinh Tỳ Nại Da Cù Sa La* nói *Bồ tát giới* có 10 vạn thứ sai biệt.
10. Nếu theo Luận Trí Độ nói, ít thì có 8 vạn, nhiều thì có số như trần sa (cát bụi).

Ngoài ra còn thấy Kinh Dược Sư nói “Bồ tát 400 giới”, nhưng chưa thấy nêu ra điều mục của 400 giới.

Trên thực tế, nội dung của Bồ tát giới bao gồm tất cả, không thể dùng chữ số điều văn để liệt kê, nếu có phạm vi để liệt kê thì thành hữu hạn, chẳng thể xứng danh tánh, như lý. Nội dung của Bồ tát giới phải vô cực, vô hạn. Vì thế, Luận Trí Độ phải nói: “Nhiều như số cát bụi”, là lý này vậy. Điều văn nêu ra trong các loại giới kinh chỉ là thô, là thiết yếu, là hiển, là nêu đại cương mà thôi. Vì thế, chúng ta chẳng cần nghiên cứu theo cách so sánh nội dung các điều văn và vấn đề giới mục nhiều ít, mà chỉ cần các điều văn này là tâm hạnh của Bồ tát mới phát tâm phải y theo làm cho đúng không được xao lãng, không được không học. Để tiện cho đọc

giả tham khảo, nay đem giới mục giới kinh của năm loại giới bồn liệt vào biểu đồ đối chiếu như sau:

| BIỂU ĐỒ ĐỐI CHIẾU GIỚI MỤC GIỚI KINH CỦA NĂM LOẠI GIỚI BỒN |                                     |                        |  |   |  |  |                                |   |
|--|-------------------------------------|------------------------|--|---|--|--|--------------------------------|---|
| PHẠM VỌNG KINH GIỚI BỒN                                    |                                     | DU GIÁ BỒ TÁT GIỚI BỒN |  | BỒ TÁT ĐỊA TRÌ KINH GIỚI BỒN  | BỒ TÁT THIỆN GIỚI KINH GIỚI BỒN  |  | BỒ TÁT ƯU BÀ TÁC KINH GIỚI BỒN |   |
| Điều số  | GIỚI MỤC                            | Điều số                | GIỚI MỤC                               | GIỚI MỤC  | Điều số  | GIỚI MỤC                                   | Điều số                        | GIỚI MỤC  |
| 01   | Giới khinh mạn Sư trưởng            | 01                     | Giới tâm xan tham không cúng Tam bảo   | 01. Giới khinh của trì Địa Trì Kinh cũng 43 điều trừ cách dịch văn tự có khác chút ít, ngoài ra thứ tự điều mục của nội dung đều đồng với Du Già Giới Bồn | 01   | Giới không cúng tháp tượng kinh quyển      | 01                             | Giới không cúng đường cha mẹ Sư trưởng          |
| 02   | Giới uống rượu                      | 02                     | Giới tham danh lợi                     |   | 02   | Giới tham đắm lợi dưỡng                    | 02                             | Giới ưa thích uống rượu                         |
| 03   | Giới ăn thịt                        | 03                     | Giới không kính người đồng pháp có đức |   | 03   | Giới không kính người đồng học có đức      | 03                             | Giới không săn sóc bệnh khổ                     |
| 04   | Giới ăn đồ ngũ tân                  | 04                     | Giới không ứng cúng thọ nhận           |   | 04   | Giới không theo thứ lớp thọ giới           | 04                             | Giới thấy người xin không cho                   |
| 05   | Giới không cử tội bảo người sám hối | 05                     | Giới không thọ của bồ thí quý giá      |   | 05   | Giới không thọ đàn việt cúng thí           | 05                             | Giới chẳng đón rước lễ bái bậc tôn trưởng       |
| 06   | Giới không kính hình pháp           | 06                     | Giới chướng pháp thí                   |   | 06   | Giới vào nhà bạch y không được thuyết pháp | 06                             | Giới chẳng thấy người phá giới tâm sinh kên mạn |
| 07   | Giới không nghe kinh luật           | 07                     | Giới chướng vô úy thí                  |   | 02. Chỗ bất đồng trong Địa Trì Kinh với Du Già Giới Bồn là giữa điều thứ 9 và điều thứ 10 chưa nói |  |                                |   |

|    |   |    |                                     |   |    |  |    |  |
|----|---|----|-------------------------------------|---|----|--|----|--|
| 08 | Giói trái bỏ chánh theo tà              | 08 | Giói cùng Thanh Văn học chung       | điều vẫn là vi phương tiện lợi người có khác, Bồ tát được khai 7 chi tánh tội | 08 | Giói khinh mạn chúng pháp phí                                  | 08 | Giói không đi nghe pháp                                      |
| 09 | Giói không săn sóc bệnh khổ             | 09 | Giói cùng Thanh Văn không học chung |   | 09 | Giói chướng vô úy thí  | 09 | Giói thọ vật dụng của Tăng                                   |
| 10 | Giói chứa đựng cụ sát sinh              | 10 | Giói tham pháp tà mạng              |   | 10 | Giói vì người khác xin y tự mặc                                | 10 | Giói uống nước có trùng                                      |
| 11 | Giói làm sứ vào quân trận               | 11 | Giói dao động đùa giỡn              |   | 11 | Giói không thọ y quý giá                                       | 11 | Giói đi một mình chỗ hiểm                                    |
| 12 | Giói buôn bán tổn thương lòng từ        | 12 | Giói nói điên đảo pháp Bồ tát       |   | 12 | Giói mặc nhận là Hiền thánh                                    | 12 | Giói ở một mình trong chùa Ni                                |
| 13 | Giói phỉ báng người không căn cứ        | 13 | Giói không minh oan sự phỉ báng     |   | 13 | Giói cười đùa phi pháp không quở                               | 13 | Giói vì tiền của đánh người                                  |
| 14 | Giói phóng hoả                          | 14 | Giói làm hình phạt khó sở           |   | 14 | Giói vọng xưng Bồ tát không thích Niết bàn, không sợ phiền não | 14 | Giói đem đồ ăn thừa thí cho tứ chúng                         |
| 15 | Giói dạy giáo lý trái tông chỉ Đại thừa | 15 | Giói báo thù                        |   | 15 | Giói không minh oan sự phỉ báng                                | 15 | Giói chứa nuôi mèo, chồn                                     |
| 16 | Giói vì lợi mà tiếm pháp                | 16 | Giói không hỏi lỗi tạ tội           |   | 16 | Giói không khiêm tốn xin lỗi                                   | 16 | Giói chứa nuôi bất tịnh thí                                  |
| 17 | Giói cậy thế lực quyền tới              | 17 | Giói không thọ sám hối              |   | 17 | Giói giận hờn không bỏ   | 17 | Giói không chứa 3 y, bát, tích, trượng                       |
| 18 | Giói vô trí làm thầy                    | 18 | Giói giận hờn không bỏ              |   | 18 | Giói cùng đi một đường với Tỳ kheo ni                          | 18 | Giói làm ruộng không tìm chỗ trống trồng có đất nước sạch sẽ |

|    |   |    |   |    |   |    |   |
|----|---|----|---|----|---|----|---|
| 19 | Gioi khinh khi người hiền                   | 19 | Gioi nhiem tâm trị chúng                      | 19 | Gioi không từ Ni không phải bà con nhận thức ăn | 19 | Gioi buôn bán bằng cân non, gĩa thiếu               |
| 20 | Gioi không cứn chúng sinh                   | 20 | Gioi ngũ phi thời                             | 20 | Gioi nhiem tâm trị chúng                        | 20 | Gioi phi thời, phi xứ hành dâm                      |
| 21 | Gioi không lòng từ, thù oán                 | 21 | Gioi nói nhảm nhí mất thời giờ                | 21 | Gioi ngũ phi thời                               | 21 | Gioi thương mãi không đóng thuế                     |
| 22 | Gioi khinh người khinh pháp                 | 22 | Gioi biêng nhác không toạ thiền               | 22 | Gioi nói nhảm nhí mất thì giờ                   | 22 | Gioi phạm luật chế quốc gia                         |
| 23 | Gioi khinh người mới cần học                | 23 | Gioi không trìn ngũ cái làm chướng thiền định | 23 | Gioi tâm khinh mạn không hỏi thầy chỉ dạy       | 23 | Gioi đực thức ăn mới không cúng dường Tam bảo trước |
| 24 | Gioi trái bỏ Đại thừa, hướng theo Tiểu thừa | 24 | Gioi tham đắm tịnh lự                         | 24 | Gioi không đòi trị tâm dục                      | 24 | Gioi Tăng không cho mà tự thuyết pháp               |
| 25 | Gioi làm tri chúng ỳ ụng về                 | 25 | Gioi không học pháp Tiểu thừa                 | 25 | Gioi không học pháp Thanh văn                   | 25 | Gioi đi trước 5 chúng xuất gia                      |
| 26 | Gioi đãi khách trái phép thức               | 26 | Gioi bỏ Đại thừa theo Tiểu thừa               | 26 | Gioi bỏ Đại thừa theo Tiểu thừa                 | 26 | Gioi cúng Tăng không đều phần                       |
| 27 | Gioi nhận thỉnh riêng                       | 27 | Gioi bỏ nội điển học ngoại điển               | 27 | Gioi bỏ nội điển học ngoại điển                 | 27 | Gioi nuôi tâm                                       |
| 28 | Gioi cô biệt tình Tăng                      | 28 | Gioi chuyên tập dị luận                       | 28 | Gioi không tin pháp Đại thừa                    | 28 | Gioi đi đường thầy ngừ bệnh bỏ đi                   |

|    |                                    |    |  |    |   |
|----|------------------------------------|----|--|----|---|
| 29 | Giới làm nghề ác<br>tôn chúng sinh | 29 | Giới không tin<br>pháp Đại thừa                | 29 | Giới tức giận khen chê                          |
| 30 | Giới trái cảm giới<br>làm quấy     | 30 | Giới thương<br>ghét khen chê                   | 30 | Giới không đi nghe<br>pháp                      |
| 31 | Giới thầy nguy<br>không cứu        | 31 | Giới kiêu mạn<br>không nghe<br>chánh pháp      | 31 | Giới khinh chê Pháp<br>sư                       |
| 32 | Giới chứa đồ làm<br>việc phi pháp  | 32 | Giới khinh chê<br>Pháp sư                      | 32 | Giới không làm bạn<br>trợ giúp                  |
| 33 | Giới thầy nghe sự<br>làm ác        | 33 | Giới không làm<br>bạn trợ giúp                 | 33 | Giới đánh Pháp sư                               |
| 34 | Giới kiên trì giữ<br>tâm           | 34 | Giới không đi<br>săn sóc bệnh                  | 34 | Giới không tùy thuận<br>tâm chúng sanh          |
| 35 | Giới không phát<br>Đại nguyện      | 35 | Giới chẳng vì<br>tuyên thuyết<br>chương ái ngữ | 35 | Giới không săn sóc<br>người bệnh                |
| 36 | Giới chẳng tự<br>phát thế          | 36 | Giới có ân<br>không báo đáp                    | 36 | Giới không khuyên can<br>người ác               |
| 37 | Giới cố vào chỗ<br>nạn             | 37 | Giới hoạn nạn<br>không an ủi                   | 37 | Giới chứa đồ vật của<br>bạch y                  |
| 38 | Giới ngồi trái tôn<br>ty trật tự   | 38 | Giới mong cầu<br>không cho                     | 38 | Giới thọ thực đựng<br>trong đồ bằng vàng<br>bạc |
| 39 | Giới nên giảng<br>không giảng      | 39 | Giới nhiếp<br>chúng không thi                  | 39 | Giới thọ ân không nhớ                           |

|    |                                    |    |   |    |  |  |  |
|----|------------------------------------|----|---|----|--|--|--|
| 40 | Giới thọ giới không đúng nghi thức | 40 | Giới không tùy tâm hữu tình chuyển      | 40 | Giới có ân không báo đáp                   |  |  |
| 41 | Giới không có đức mà dối làm thầy  | 41 | Giới không tùy hỷ tán thán              | 41 | Giới hoạn nạn không an ủi                  |  |  |
| 42 | Giới phi xứ thuyết giới            | 42 | Giới không tùy hành oai chiết phục      | 42 | Giới nuôi chúng không cấp thí cho tứ chúng |  |  |
| 43 | Giới cô huỷ cấm giới               | 43 | Giới không tùy hiện thân lực chiết phục | 43 | Giới không tùy hỷ tán thán                 |  |  |
| 44 | Giới không kính kinh luật          |    |   | 44 | Giới gài ròng cao quá 8 ngón tay           |  |  |
| 45 | Giới không giáo hoá chúng sinh     |    |   | 45 | Giới không tùy hành oai chiết phục         |  |  |
| 46 | Giới thuyết pháp trái nghi thức    |    |   | 46 | Giới không tùy hiện thân lực               |  |  |
| 47 | Giới phi pháp lập chế              |    |   |    |  |  |  |
| 48 | Giới tự hoại nội pháp              |    |   |    |  |  |  |

---o0o---

## ***Chương 4 : Truyền Thọ Và Điều Kiện Của Bồ Tát Giới***

### **I. KHỞI NGUYÊN CỦA GIỚI PHÁP BỒ TÁT**

Kinh Phạm Võng là nhân Phật vì Diệu Hải Vương và một ngàn người Vương tử thọ giới pháp Bồ Tát mà ra. Đây là pháp thọ giới Bồ Tát trước nhất. Chúng ta ở nhân gian có giới bổn này là do Bồ Tát Xá Na, sau khi tu hành giới này rồi thành Phật ở trong thế giới Liên Hoa Đài Tạng; vì muốn lợi lạc tất cả chúng sanh nên chính mình đem giới bổn tụng ra truyền thọ cho Hóa thân Phật. Đức Thế Tôn Thích Ca xuất hiện ở địa cầu này là một trong thiên bá ức Hóa thân Phật của Xá Na, do Hóa thân Phật tùy theo cơ nghi chúng sinh ở thế giới này phương tiện tụng ra.

Tại Ấn Độ, Bồ tát bắt đầu thọ giới từ lúc nào và cách thọ như thế nào, không làm sao tra cứu được! Theo truyền thuyết, Đức Thích Ca truyền cho Ngài Di Lặc, Ngài Di Lặc truyền xuống cho hơn 20 vị Bồ tát lần lượt truyền nhau, rồi do pháp sư La Thập truyền sang Trung Quốc. Pháp truyền thọ Bồ tát giới ở Trung Quốc gồm có hai dòng chính:

- Dòng thứ nhất là *Phạm Võng Bồ Tát Giới của Ngài Cưu Ma La Thập, song chỉ tụng ra hai quyển (?)*, đương thời hơn 800 người như Sa môn Huệ Dung, Đạo Tường v.v... thỉnh pháp sư La Thập truyền thọ Bồ tát giới. Kinh này là Kinh sau rớt trong số các Kinh luật do Ngài La Thập dịch. Ngài tụng kinh này ra, Đạo Dung v.v...bút thọ, không giống như sự phiên dịch các kinh luận khác của Ngài là: "Ngài tay cầm quyển chữ Phạn, miệng dịch kinh văn". Chính vì không có bản chữ Phạn mà chỉ do Ngài La Thập tụng, để tự bút thọ, nên khiến cho người đời nghi là kinh ngụy tạo. Kinh này sau khi tụng ra chưa kịp tu đính nhuận sắc và hoàng dương, thì Ngài La Thập qua đời. Toàn bộ nghi thức truyền thọ Bồ Tát giới đương thời đã sớm thất lạc, cho nên cũng rất khó khảo cứu tân tường.

- Về Đại Bản của Kinh Phạm Võng chưa được truyền đến Trung Quốc, trải qua nhiều đời có tương truyền một sự tích. Theo truyền thuyết, lúc Ngài Tam Tạng Chân Đế từ Ấn Độ sang Trung Quốc có mang theo bản Phạn văn của một bộ Đại Bản Phạm Võng, nhưng thuyền đi trên biển Nam Hải chở nặng quá muốn chìm, Ngài ném bớt đồ trên thuyền xuống mà thuyền vẫn còn muốn chìm, sau cùng Ngài phải ném bộ Phạm Võng Bồ Tát Luật Bản thuyền mới nổi lên và tiếp tục hành trình. Nhân đây Ngài than: "Đất Hán không có duyên với Bồ Tát giới luật, thật đáng buồn!". Đây cũng là một vấn đề của Phạm Võng Giới Bản, *thực hư như thế nào không được biết!*

- Nhưng pháp truyền thọ của Phạm Võng Bồ Tát giới dường như một vị truyền cho một vị, vì thế chỉ nói Đức Thích Ca truyền A Dật Đa (Di Lặc), rồi truyền xuống hơn 20 vị Bồ tát lần lượt truyền nhau, rồi do Pháp sư La Thập truyền sang Trung Quốc. Điều này so với việc 800 người như Huệ Dung, Đạo Tường v.v...đồng thời hưởng về Pháp sư La Thập cầu thọ Bồ Tát Giới dường như là bất đồng. Nhưng cũng không thể đoán định. Nói là A Dật Đa truyền lại hơn 20 vị Bồ Tát rồi do Pháp sư La Thập truyền sang Trung Quốc, cũng có thể là do tương truyền hơn 20 đời.

*Dòng thứ hai là Bồ Tát Giới Bản kinh của Tam Tạng Đàm Vô Sám truyền dịch, đây cũng rút ra từ bộ Du già. Nhân vì nội dung của Bồ Tát Giới Bản kinh này, như Đại sư Pháp Tạng nói: “Nay riêng lưu hành Địa Trì Giới Bản, ở phần đầu có đặt bài kệ quy mạng”.*

Ở đây cũng có một sự tích, trong Bồ Tát Giới Sớ của Đại sư Pháp Tạng có thuật như vậy: “Lúc Tam Tạng Đàm Vô Sám ở Tây Lương Châu, có sa môn Pháp Tấn v.v... đến cầu Đàm Vô Sám truyền thọ Bồ Tát giới và thỉnh phiên dịch Giới Bản..., Ngài nói: “Người nước này (Trung Quốc) tánh nhiều giáo hoạt, lại không tiết tháo, đâu có đủ sức làm pháp khí của đạo Bồ Tát”, bèn không truyền giới. Pháp Tấn v.v... cầu xin mãi không được nên ở trước tượng Phật lập thệ, khổ nhọc cầu giới, bảy ngày vừa mãn, mong thấy Đức Di Lạc đích thân truyền giới và giới bản, Pháp Tấn đều tụng được ,sau khi thức dậy liền đến gặp Đàm Vô Sám. Thấy tướng của Pháp Tấn lạ, Đàm Vô Sám khen: “Đất Hán cũng có người”, rồi dịch Giới Bản một quyển cùng với Giới Bản của Pháp Tấn tụng trong mộng,văn nghĩa đồng nhau”.

Nhưng trong truyện Đàm Vô Sám của Lương Cao Tăng truyện quyển 2 lại thuật hơi khác, nay sao lục lại như sau để cùng tham khảo: “Ban đầu Sám ở Cô Tàng, có Sa môn Trương Dịch, Đạo Tấn muốn thọ Bồ tát giới. Sám nói: “Hãy sám hối!”. Tấn chí thành sám hối 7 ngày 7 đêm,ngày thứ 8 đến Sám cầu thọ giới, Sám bèn thỉnh linh nổi giận,Tấn bèn suy nghĩ: “ Đó là nghiệp chướng của mình chưa tiêu”. Tấn gắng sức 3 năm tu chuyên tu thiền định, mộng thấy Đức Phật Thích Ca và các Đại sĩ truyền Bồ Tát giới cho mình,đêm ấy cùng với hơn 10 người cảm mộng như Tấn thấy. Tấn đến chỗ Sám để nói, còn cách nhau mười bước, Sám trông thấy, kinh ngạc, đứng dậy nói: “Lành thay, Lành thay! Đã cảm giới rồi, ta sẽ làm chứng cho ông”. Rồi Ngài ở trước tượng Phật nói giới tướng cho Tấn nghe:

Lương Cao Tăng Truyện cùng với Đại sư Pháp Tạng thuật có sai khác, nhưng có một sự thật rõ ràng là Đàm Vô Sám làm chứng sư cho Sa môn đất Hán thọ giới Bồ tát.

Dòng pháp của Đàm Vô Sám về sau lưu hành ở Trung Quốc rất rộng.Vì thế, Lương Cao Tăng Truyện quyển 2 nói tiếp: “Lúc ấy, Sa môn Đạo Lãng nổi tiếng ở Quan Tây, ngay đêm Tấn cảm giới, Lãng cũng chung mộng, nhưng tự ty giới lập



nên cầu làm pháp đệ. Thuở đó hơn 1000 người từ Pháp Tấn thọ giới. Truyền thọ pháp này cho đến ngày nay đều bắt đầu từ Đàm Vô Sám:.

Nhân nay, trong Bồ tát Giới Sớ của đại sư Trí Giả nêu ra pháp thọ giới là Phạm Võng, Địa Trì, Cao Xương, *Anh Lạc, Tân Soạn, Chế Chỉ*. Trong 6 bản pháp thọ giới này có 2 bản quan hệ với Tam Tạng Đàm Vô Sám, một là Địa Trì Bản Thọ Giới Pháp, hai là *Cao Xương Bản Thọ Giới Pháp*. Địa Trì Bản là do Đàm Vô Sám dịch, Cao Xương Bản là do Ngài Tăng Tuân người Cao Xương của phái Đạo Tấn làm ra. Nam triều, cuối niên hiệu Nguyên Gia đời Tống Văn Đế có Pháp sư Huyền Sướng tuyên pháp truyền thọ Bồ tát giới đại khái tương tự với Cao Xương Bản, gọi là *Sướng Pháp Sư Bản*. Do đó đủ thấy, dòng Bồ Tát Giới do Ngài Tam Tạng Đàm Vô Sám truyền ở Trung Quốc có lực lượng rất lớn mạnh.

Nói đến Kinh Địa Trì của Ngài Đàm Vô Sám dịch khiến chúng ta tìm đến vấn đề lai lịch của Kinh Địa Trì và giới pháp của kinh này. Theo Giới Sớ của Đại sư Trí Giả thuật như sau: “Tương truyền Kinh Địa Trì là do Ngài Di Lặc thuyết, nguyên bản là Phật Đấng Minh thuyết, Bồ Tát Liên Hoa Tạng thọ trì lần lượt thuyết hóa hơn 30 vị Bồ Tát, sau có Bồ Tát Y Ba Lạc ứng tích truyền hóa sang cõi này, nhưng Kinh Địa Trì do Ngài Đàm Vô Sám dịch, nên nghi Ngài tức là Y Ba Lạc, trong phẩm thứ tư của Kinh Địa Trì này có nói về thọ giới”.

Điều này cùng với đoạn trước nói Du Già Giới Bản là do Bồ Tát Di Lặc biên tập những điều giới Phật nói tản mác trong kinh mà thành, dường như có thêm bớt. Nhưng Du Già và Địa Trì đồng xuất phát từ một nguồn, nên vấn đề Đàm Vô Sám là vị Cao tăng đầu tiên tại Trung Quốc truyền thọ một hệ Bồ tát giới pháp của Địa Trì, và Bồ tát giới của hệ Đàm Vô Sám tại Trung Quốc hình thành lực lượng rất lớn mạnh cũng là một sự thật, không cần phải bàn cãi.

Tóm lại Phạm Võng Bồ tát giới của Ngài La Thập truyền và Địa Trì Bồ tát giới do Ngài Đàm Vô Sám truyền, chẳng những là hai dòng lớn của Trung Quốc mà ở tại Ấn Độ cũng là hai dòng lớn. Phạm Võng là từ Ngài Di Lặc truyền xuống hai mươi vị Bồ tát và đến Trung Quốc, Địa Trì là từ Bồ tát Liên Hoa Tạng và đến Trung Quốc. Đây không phải chứng minh ngay từ đầu là hai dòng lớn ư? Nhưng đến đời sau ở Trung Quốc pháp thọ giới của Bồ tát giới lại do ba hệ: Anh Lạc, *Phạm Võng, Du Già hội quy tổng hợp thành một pháp thọ giới* toàn bích, như cuối đời nhà

Minh có “*Bồ tát Giới Truyền Giới Chánh Phạm*” do luật sư Độc Thê Kiến Nguyệt biên tập, là một bộ sách gộp nhặt từ các bộ sách khác mà thành.

---o0o---

## II. ĐIỀU KIỆN CẦU THỌ BỒ TÁT GIỚI

Vì Bồ tát giới có sự bất đồng của đốn lập và tiệm thứ, lại có sự bất đồng của tại gia và xuất gia, nên đối với điều kiện cầu thọ Bồ tát giới cũng đều riêng có sự bất đồng của khoan dung và nghiêm khắc. Nhưng cần phải có đủ điều kiện chủ yếu đó là:

1. Phải có cái thiện của sự cảm giới.
2. Phải không có cái ác của chương giới.

**Điều kiện chủ yếu nhất: “Phải có cái thiện của sự cảm giới”.**

Cái thiện của sự cảm giới phân làm hai thứ là Bồ tát chủng tánh và Phát Bồ đề nguyện.

1. ***Bồ tát chủng tánh***: Chỉ cho căn tánh đại thừa, như Kinh Địa Trì nói: “*Trụ vô chủng tánh Bồ đặc* già la (sát thủ thú-hữu tình chúng sanh), vì không chủng tánh tuy có phát tâm và gia hạnh nhưng nhất định không thể viên mãn Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đó là nói: người không có căn tánh Đại thừa tuy có phát tâm cầu thọ Bồ tát giới nhưng không thể thực hành đúng như thật đạo Bồ tát. Bỏ mình vì người, quên mình mà lợi người, là tinh thần Bồ tát của căn tánh Bồ tát, nếu như không có tinh thần này thì không làm sao đến mục đích thành Phật.

2. ***Phát Bồ đề nguyện, hoặc gọi là phát Bồ đề tâm***.

Như ngày nay ở trong cửa Phật, bất luận bảo người làm việc gì, đều phải nói: “Xin ông phát tâm”. Đây tuy không phải kể là sai, nhưng lại đem hai chữ phát tâm lạm dụng quá độ, lại dùng hai chữ “phát tâm” không phân biệt thiện ác, nguyện làm thiện cố nhiên là phát tâm, muốn tạo ác cũng kể là phát tâm. Kỳ thật, bản ý của phát Bồ đề nguyện là chỉ cho ý chí nỗ lực tinh tấn làm thiện, bỏ ác. Nếu có căn tánh Đại thừa này mà không có chí nguyện kiên cường để thành tựu nó cho được viên mãn, thì dù có căn tánh Đại thừa thì cũng là vô dụng. Giống như có một khúc gỗ tốt, có thể làm thành đồ dùng quý giá, nhưng nếu như không gia công chế tác

thì khúc gỗ tốt cũng chỉ là khúc gỗ mà thôi. Vì thế trong Kinh Địa Trì nói: “Nếu không phát tâm, không tu gia hạnh, tuy có kham nhậm nhưng không chóng chứng Vô thượng Bồ đề”.

Căn cứ vào Bồ tát Giới Bốn Sứ của pháp sư Nghĩa Tịch nói, nội dung cái thiện của sự cảm giới còn có một quy định là phải đầy đủ ba duyên mới thành, tức là: “Thắng chủng tánh, Thắng hạnh nguyện và Thắng hạnh tâm. Thắng chủng tánh đồng với Bồ tát chủng tánh. Thắng hạnh nguyện đồng với phát Bồ đề nguyện. Thắng hạnh tâm gồm có 10 thứ yêu cầu:

1. Sinh tâm đối với Vô thượng Bồ đề.
2. Suốt đời lia ác tri thức, gần thiện tri thức.
3. Suốt đời hồi quá, tùy hỷ khuyến thỉnh (Phật pháp), hồi hướng (chúng sinh) tăng trưởng Phật đạo.
4. Suốt đời đem hết năng lực cúng dường Tam bảo.
5. Suốt đời đọc tụng biên chép kinh điển Phương Đẳng vì người giải nói.
6. Tùy sức cứu hộ cho đến một niệm sinh lòng xót thương đối với người cô độc, nghèo khổ, hoặc phạm giới luật.
7. Suốt đời bỏ sự biếng nhác, phát khởi tinh tấn siêng cầu Phật đạo.
8. Lúc ở trong trần lao ngũ dục sinh ra phiền não hay tìm cách chế phục.
9. Nếu lúc đối với Vô thượng Bồ đề sinh tâm lui sụt, sinh tâm tham đắm pháp Tiểu thừa, phải tìm cách diệt trừ.
10. Xả bỏ tất cả sở hữu, không tiếc thân mạng.

Ba duyên: Thắng tánh, Thắng nguyện, Thắng tâm, phối hợp với kham nhậm, gia hạnh, đại Bồ đề, tức gọi là Bồ tát tam trì. Nay đem nội dung cái thiện của cảm giới liệt vào biểu đồ như sau:

Thông thường lúc cầu giới, vị pháp sư chỉ hỏi hai câu: “Ông là Bồ tát chăng? Ông đã phát Bồ đề tâm chưa?”. Đây cũng là thủ tục phải trải qua để hỏi về Bồ tát chủng tánh và phát Bồ đề nguyện, còn 10 thứ yêu cầu của Thắng hạnh tâm thì rất ít hỏi đến. Nhưng lý ra người cầu thọ Bồ tát giới phải tự thệ đầy đủ 10 thứ yêu cầu của Thắng hạnh tâm này.

Chính vì trước khi thọ giới phải có cái thiện của cảm giới, mà thật ra chúng sanh từng học Phật thì không thể biết cái gì gọi là cái thiện của cảm giới. Nhưng theo Phạm Võng và Anh Lạc nói: “Chúng sinh nào hiểu được lời của Pháp sư đều thọ đắc giới”. Vì thế điều giới kinh thứ 45 phải nói: “Nếu Phật tử thường khởi tâm đại từ bi, hoặc vào tất cả thành ấp, nhà cửa, thấy tất cả chúng sanh, phải tâm nghĩ, miệng nói: “Các người là súc sanh phát Bồ đề tâm”. Bồ tát vào tất cả chỗ núi rừng, sông ngòi, vườn rừng đều khiến cho tất cả chúng sinh phát Bồ đề tâm”. Đây là công đức giáo hóa khiến cho tất cả chúng sinh biết cái thiện của cảm giới. Kinh Anh Lạc quyền hạ cũng nói: “ Nếu có người muốn đến thọ giới Bồ tát, Pháp sư trước tiên vì họ mà giảng giải, đọc tụng, khiến cho người ấy tâm khai ý giải, sinh lòng ưa thích, sau đó mới truyền thọ”.

Căn cứ vào đó, trước khi truyền giới Bồ tát, Pháp sư giảng giải Bồ tát giới. Bằng không cái thiện của cảm giới chưa biết rõ, chưa biết đầy đủ, làm sao mà đắc giới? Pháp sư truyền giới ngày nay chỉ mê tín tấn hương (đốt sọ trên thân thể) cho đó là cái thiện của cảm giới, thật bất hạnh thay!

“Cái thiện của cảm giới” như nhuộm vải, trước hết phải có tính chất có thể nhuộm (căn tánh) và cái yêu cầu cần phải nhuộm (phát tâm) mới có thể đem màu sắc nhuộm lên vải được.

**Điều kiện chủ yếu thứ hai: “Phải không có cái ác của chướng giới”.**

Những gì là cái ác của chướng giới? Các chướng đó là: phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng. Đây là ba chướng ngại lớn ngăn cản chúng sinh liễu sinh thoát tử, hành Bồ tát đạo

Trong pháp thọ giới của Bồ tát giới, chỉ hỏi thất nghịch (so với ngũ nghịch chướng Tỳ kheo giới thêm hai tội thất nghịch: giết Hòa thượng và A xà lê). Thất nghịch thuộc về nghiệp chướng, hề phạm một tội nào trong tội thất nghịch đều không thọ Bồ tát giới, đây là cái ác chủ yếu của chướng giới.

Kỳ thật trong ba chương, chương nào cũng đều thành giới chương của Bồ tát. Nay đem tình hình của ba chương giới căn cứ theo Giới Số của Ngài Nghĩa Tịch soạn thuật, phân biệt giới thiệu như sau:

### **1. *Phiền não chương có 4 thứ:***

a/ Phóng dật: phóng dật thành tánh, tạm thời khó sửa đổi, vì thế không được thọ giới.

b/ Tự không thiện xảo và theo bạn ác, vốn không tưởng đến thọ giới.

c/ Bị người khác ràng buộc: người bị bậc tôn trưởng, chồng, chủ nhân, vua, giặc, oan gia cầu thúc, thân tâm chẳng được tự do, vì thế chẳng được thọ giới.

d/ Sinh hoạt cùng khổ: luôn luôn bị sự sinh hoạt chi phối lo lắng, vì thế không rảnh rang nghĩ đến thọ giới.

### **2. *Nghiệp chương có 2 thứ:***

a/ Thất nghịch: là thất giá. Trong Kinh Phạm Võng nói: làm thân Phật ra máu, giết cha, giết mẹ, giết Hòa thượng, giết A xà lê, phá Yết ma tăng và Chuyên pháp luân tăng, giết Thánh nhân (Tiểu thừa La hán, Đại thừa Địa thượng Bồ tát).

b/ Thập trọng: là 10 điều thứ giới trọng của Anh Lạc và Phạm Võng

### **3. *Báo chương có 4 thứ:***

a/ Địa ngục.

b/ Nga quý.

c/ Trong loài súc sinh không hiểu được lời của Pháp sư.

d/ Bắc cầu lô châu và người bầm tánh hạ liệt không tin nhân quả, ý chí bạc nhược.

Về ý nghĩa của ba chương này cần phải nói thêm: phiền não chương tuy có bốn thứ chương giá nạn, Pháp sư Nghĩa Tịch đối với điều này giải thích như vậy: “vì không quyết định, nên chẳng phải như thất giá quyết định không đắc giới”, cũng là nói phiền não chương có thể chương giới nhưng chẳng phải tuyệt đối chương giới.

Tội thất nghịch trong nghiệp chương là không sám hối, người phạm tội thất nghịch bất luận sám hối hay không, hiện đời đều không được đắc giới. Như điều giới khinh

thứ 41 của Phạm Võng nói: nếu hiện thân có thất giá (nghịch), Sư chẳng nên cho thọ giới. Điều giới khinh thứ 40 cũng nói: Bồ tát Pháp sư không được cho người phạm tội thất nghịch hiện đời này thọ giới”. Lại nói: “ Nếu đủ thất nghịch thì hiện đời không đắc giới”.

Trên thực tế, tội thất nghịch không phải ai ai đều có thể phạm đến được. Sinh sau Phật diệt độ không làm thân Phật chảy máu được. Trừ người xuất gia đã thọ giới Sa di trở lên thì không có Hòa thượng để giết (nhưng ngoại đạo Ấn Độ cũng có Hòa thượng, Hòa thượng ni). Người tục chưa quy y Phật giáo, không có A xà lê để giết. Người tại gia không đủ tư cách phá tăng. Trừ Tỳ kheo ra không có người có thể phá Chuyển pháp luân tăng, Tỳ kheo ni chỉ có thể phá Yết ma tăng chứ không thể phá Chuyển pháp luân tăng. Tăng có cơ hội giết Thánh nhân không phải là dễ. Thời nay, trọng yếu hơn hết là hai tội nghịch: giết cha, giết mẹ: người xuất gia thì có thêm giết Hòa thượng và giết A xà lê thành bốn tội nghịch là thuộc chủ yếu. Nhưng vì tuân theo quy chế, lúc hỏi vẫn hỏi cả thất nghịch.

Đền như phạm 10 giới trọng, được hay không được thọ giới lại, căn cứ vào Giới Sớ của pháp sư Nghĩa Tịch có bốn thuyết bất đồng:

1. Bốn điều giới trước trong 10 giới trọng là căn bản tánh tội, hễ phá thì đồng như tội thất nghịch dù sám hối hay không sám hối, hiện đời cũng không đắc giới. Còn 6 điều giới sau, nếu có phạm mà sám thì không chướng giới.

2. Nhưng trong điều giới khinh thứ 40 của Phạm Võng nói: Nếu người phạm thập trọng phải dạy người ấy sám hối cho đến một năm, cần phải thấy hảo tướng. Hảo tướng như Phật đến xoa đầu, thấy ánh sáng, thấy bông hoa, các thứ tướng lạ, thì được diệt tội. Sau khi diệt tội được thọ giới lại.

3. Phạm 4 giới trọng trước, sám hối cần phải thấy hảo tướng, thấy hảo tướng thì được thọ giới lại, không thấy hảo tướng không được thọ giới lại. Phạm 6 giới trọng sau, dù không sám hối vẫn có thể thọ lại và đắc giới lại.

4. Phạm 10 giới trọng không sám hối đều là giới chướng, sám hối đều được thọ giới lại.

Nhưng, trong Kinh Anh Lạc lại nói: “10 giới trọng, có phạm không có hối, nhưng được thọ giới lại”. Đây là nói: phạm 10 giới trọng là không có pháp hối quá, nhưng phạm giới mất giới vẫn có thể sau khi mất giới xin thọ giới lại.

Báo chướng trong pháp thọ giới cũng chưa liệt vào “Giá nạn”. Đồng thời, Kinh Anh Lạc nói: “Lục đạo chúng sinh thọ đắc giới, chỉ hiểu lời nói của Pháp sư liền đắc giới, không mất”. Kinh Phạm Võng cũng nói: “Hễ nghe được ý tứ của ngữ ngôn của Pháp sư thuyết pháp, tất cả chúng sinh đều được thọ đắc giới. Trên thực tế, vấn đề “Hiểu lời của Pháp sư” cũng khó đối với nhiều chúng sinh. Chúng sinh do nghiệp báo bị đọa trong địa ngục, nạ quý, chịu khổ không ngừng, khó có cơ hội và năng lực nghe pháp. Đến như súc sinh lợi căn hiểu được tiếng nói của Pháp sư không phải không có, nhưng rất ít có. Người Bắc cầu lô châu vốn không tin Phật pháp. Nhân loại trong thế giới này của chúng ta cũng có nhiều người không dám tin Phật hoặc không muốn tin Phật. Đây thuộc về quả báo chướng ngại đến cùng một lượt với đời sống. Nhưng trong súc sinh có chúng sinh hiểu lời nói, trong địa ngục có chúng sinh tội nhẹ, trong nạ quý cũng có chúng sinh có phước. Những chúng sinh này đều có thể thọ Bồ tát giới, vì thế báo chướng đối với việc thọ Bồ tát giới mà nói, cũng không phải quyết định không được đắc giới. Nhưng chúng ta phải biết, đây là một môn của giới chướng.

Cái ác của chướng giới như bệnh khuẩn có sức kháng dược tánh cực mạnh, nếu loại khuẩn bệnh này còn ở trong thân thể con người thì uống thuốc bổ đều không công hiệu và không làm sao bổ ích được. Tính chất của tội thất nghịch khó trị liệu, đại khái có thể so sánh với vi khuẩn ung thư trong giới y học ngày nay.

Nay đem các điều kiện chủ yếu của sự cầu thọ Bồ tát giới liệt vào đồ biểu như sau:

---o0o---

### III. VẤN ĐỀ THẦY TRÒ CỦA BỒ TÁT GIỚI

Nhân vì Bồ tát giới vốn có nhiều thứ, nên vấn đề thầy trò cũng đều riêng có bất đồng. Trong đó, yêu cầu của Kinh Anh Lạc là rộng rãi hơn hết: “Về vấn đề này, thì vợ chồng, lục thân đều làm thầy truyền giới cho nhau”. Đó nói là: phạm là người đã thọ Bồ tát giới rồi, bất luận tăng tục, giả sử vợ chồng và lục thân tại gia cũng có thể truyền thọ giới pháp Bồ tát cho nhau. Nhưng theo sự giải thích của Pháp sư Nghĩa Tịch: “Giới tại gia có thể như Kinh, năm chúng xuất gia cần phải đủ đức (mới được truyền thọ)”.

Yêu cầu của Ưu bà tắc Giới Kinh rất nghiêm khắc: mãn 6 tháng gần gũi bậc trí giả xuất gia, bậc trí giả lại phải hết lòng xem xét bốn oai nghi (đi, đứng, ngồi, nằm)

của người này, nếu biết người này làm được như lời dạy..., qua 6 tháng xong, hòa hợp tăng chúng, đủ 20 người tác bạch yết ma”, mới có thể truyền Đại thừa ngũ giới và Bồ tát giới 6 trọng 28 khinh.

Theo pháp truyền giới của Phạm Võng do Ngài La Thập truyền, nói: Thầy phải là Bồ tát xuất gia đầy đủ năm đức:

1. Kiên trì tịnh giới
2. Mười năm giới lạp
3. Khéo hiểu luật tạng
4. Có công phu tu thiền
5. Trí tuệ sâu, biện tài vô ngại

Lại nói còn có 4 đức:

1. *Đồng pháp Bồ tát: biểu thị không phải là người học Tiểu thừa.*
2. Đã phát đại nguyện: biểu thị không phải là người chưa phát Bồ đề tâm.
3. Có trí lực: biểu thị đối với văn nghĩa của Kinh luật hiểu được, trì được.
4. Nôi ngữ biểu đạt nghĩa, có khả năng truyền dạy: biểu thị có khả năng dùng ngôn ngữ biện luận rõ ràng, thuyết pháp dạy người khiến cho mở thông tâm trí.

Trong Kinh Địa Trì nói: “Cần phải giới đức nghiêm minh, khéo hiểu tam tạng, có thể làm cho người phát khởi tâm kính tin mới có thể làm thầy cho người cầu thọ Bồ tát giới”.

Trong Thiện Giới Kinh lại đòi hỏi kỹ lưỡng hơn: nếu người bất tín, chẳng nên theo thọ giới, người bồn xên tham lam, người không biết đủ, phá giới, ô giới, không kính trọng giới, người thích tham sân, người không nhẫn nhục, người không có khả năng ngăn tội lỗi của người khác, người biếng nhác, giải đãi, ham hưởng thụ thú vui thế gian, thích nói chuyện đời, cho đến không có một niệm nghĩ đến Tam bảo, nghi ngờ, ngu si tăm tối không đọc tụng được Bồ tát pháp tạng (Kinh tạng), Bồ tát ma di (Luận tạng) và sinh phỉ báng, người như thế không nên theo thọ giới”.

Do đây đủ thấy muốn làm một Giới sư Bồ tát giới thật không phải dễ.



Đến như thái độ của một vị Bồ tát Pháp sư, trong Kinh Phạm Võng còn có yêu cầu:

1. Điều giới khinh thứ 22: “ Nếu pháp sư tự ý mình hiểu Kinh luật, Đại thừa học giới, kết bạn cùng với quốc vương, thái tử, bá quan, mà tâm học Bồ tát đến cầu hỏi hoặc nghe Kinh, nghĩa luật, lại vì tâm khinh ghét, tâm ngã mạn mà không giải đáp, đây là phạm khinh cầu tội”.

2. Điều giới khinh thứ 40: “Lúc cho người thọ giới không được lựa chọn, tất cả quốc vương, vương tử, đại thần, bá quan, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tín nam, tín nữ, dân nam, dân nữ, mười tám Phạm thiên, thiên tử sáu cõi Dục, người không căn (không có sinh thực khí), huỳnh môn, nô tỳ, tất cả quỷ thần đều được thọ giới”

3. Điều giới khinh thứ 41: “Bậc thầy giáo giới phải ở trong pháp Bồ tát giới này mỗi mỗi đều hiểu rõ. Nếu không hiểu Kinh luật Đại thừa hoặc khinh hoặc trọng, tưởng phải chẳng phải, không hiểu đệ nhất nghĩa đế, tập chủng tánh, trưởng dưỡng tánh, bất khả hoại tánh, đạo chủng tánh, chánh pháp tánh. Trong đó, bao nhiêu quán hạnh xuất nhập, 10 chi thiền, tất cả hành pháp mỗi mỗi không hiểu ý nghĩa trong các pháp này. Vì lợi dưỡng, vì danh tiếng, ác cầu, đa cầu, vì tham lợi, tham nhiều đệ tử mà dối hiện thông hiểu tất cả Kinh luật, và mong muốn cúng dường đó là tự dối mình cũng là gạt người khác, cố truyền giới cho người, phạm khinh cầu tội”.

4. Điều giới khinh thứ 46: “Pháp sư Tỳ kheo không được đứng thuyết pháp cho tứ chúng nghe. Lúc thuyết pháp, Pháp sư phải ngồi tòa cao, hương hoa cúng dường, tứ chúng nghe pháp phải ngồi dưới thấp.

Trong Kinh Địa Trì và Kinh Anh Lạc đều nói chỉ có một vị Giới sư. Trong điều giới khinh thứ 41 của Phạm Võng lại nói: “Thấy người muốn thọ giới phải thỉnh hai sư; Hòa thượng, A xà lê. Hai sư phải hỏi...” đủ thấy phải có hai vị pháp sư, nhưng trong pháp thọ giới của Phạm Võng cũng chỉ có một sư. Trong Tỳ Ni Hậu Tập Vấn Biện của Đại sư Ngẫu Ích có nói như vậy: “Nếu theo kinh văn dường như cần phải hai sư. Nhưng Anh lạc, Địa Trì đều chỉ một sư. Lại, pháp thọ giới của Phạm võng truyền từ Ngài La Thập ghi trong Nghĩa Sớ cũng chỉ có một sư. Chỗ nói thỉnh hai sư, là thỉnh Phật, Bồ tát. Chỗ nói: phải cúng dường hai sư đúng như pháp và giết hai sư hành tội nghịch cũng có thể là chỉ hai sư của giới Tỳ kheo”. Ý kiến này của Đại sư Ngẫu Ích là căn cứ vào Giới Sớ của Đại sư Trí Giả. Nhưng Đại sư Trí Giả đối với hai vấn đề này còn có nghi vấn, Ngài nói: “Văn lại nói: hai

sư phải nói: Ông có phạm thất giá không? Dường như không phải chỉ Phật”. Điều này Đại sư Ngẫu Ích chưa có giải nói và cho đến ngày nay cũng chưa được giải rõ!

Xét theo nội dung của pháp thọ giới Bồ tát, vị Hòa thượng của Bồ tát giới là Phật Bổn Sư trên địa cầu này, sau Phật Thích Ca, trước Phật Di Lặc thì Thích Ca là Phật Bổn sư của chúng Tỳ kheo, vì thế Thích Ca là đấng giới Hòa thượng của Bồ tát giới. Bồ tát Văn Thù là Yết ma sư, Bồ tát Di Lặc là giáo thọ sư, tất cả Như lai làm tôn chúng, tất cả Bồ tát Ma ha tát là đồng học. Vị Bồ tát pháp sư chỉ phụ trách giáo giới, khai phát và ở bên cạnh làm chứng, vì thế trong điều kinh thứ 41 của Phạm Võng gọi Bồ tát pháp sư là “Trí giả”. Ngài Đàm Vô Sấm truyền Bồ tát giới cho Đạo Tấn, cũng chỉ là “làm chứng” mà thôi.

Còn “hai sư” của “hai sư phải hỏi” làm sao giải thích? Tôi nghĩ chỉ có một cách giải thích là do sự lầm lẫn trong quá trình sao chép truyền bá tạo thành, hoặc có thể vì chép Kinh đem hai chữ “Pháp sư” viết lầm ra hai sư. Trừ cách giải thích này ra, không có cách giải thích hợp lý về ý nghĩa của hai chữ “Hai sư” này muốn chỉ.

Nhưng đối với hai chữ hai sư này, các nhà chú giải cũng có nhiều ý kiến khác nhau:

1. Đại sư Pháp Tạng nói: “Ở đây có 2 nghĩa: Một là thỉnh hai sư thọ Bồ tát giới như thọ Sa di thập giới. Hai là thỉnh Bổn Sư Thích Ca Phật làm Hòa thượng, Sư đích thân truyền giới làm A xà lê”. Ngài Pháp Tạng tiếp theo nêu luận chứng: “Thiện Giới Kinh nói: Sư có 2 loại: một là không thể thấy được, tức là Phật, Bồ tát tăng; hai là có thể thấy được, đó là Giới sư; từ hai sư này đấng Bồ tát giới”. Phổ Hiền Quán Kinh thỉnh ba sư là ở trong Sư không thể thấy mà thỉnh, trong Du già thỉnh một sư là chỉ cho sư có thể thấy.

2. Pháp sư Nghĩa Tịch nói: Làm Thọ giới sư cho người phải chánh chế Hòa thượng, vì trước sau thân giáo là Hòa thượng... Lại phải có một người làm Yết ma sư, còn dạy thỉnh thêm một người là A xà lê ... nghĩa là đồng giới pháp thọ Sa di của Thanh Văn.

3. Trong Thái Hiền Cổ Tích Ký nói: Phải dạy thỉnh hai sư, Hòa thượng là gốc của đấng giới, A xà lê là nhân duyên của đấng giới. Phổ Hiền Quán Kinh nói: thỉnh ba sư là vì cần kính trọng. Du già chỉ thỉnh có một sư, vì một người có khả năng làm được nhiều việc.

Trên thực tế, ý kiến của các vị Cổ Đức đều có chỗ đáng quý. Nhưng đối với câu: “Hai sư phải hỏi” đều được giải thích được ổn thỏa. Bất luận là giới sư có thể thấy hay không thể thấy, thọ giới quyết không thể chỉ cho Phật, Bồ tát không thể thấy, cũng không thể liên tưởng đến Thân giáo Hòa thượng và Yết ma A xà lê. Riêng nói với Bồ tát, trừ Giáo giới sư là người hiện tiền lúc thọ giới, Hòa thượng Phật và Bồ tát A xà lê không thể thấy, nhưng cũng không cần Tỳ kheo Pháp sư thay thế Phật và Bồ tát làm Hòa thượng và A xà lê, và cũng không thay thế được.

---o0o---

## ***Chương 5 : Phương Pháp Thọ Bồ Tát Giới***

### **I. CHUNG LOẠI CỦA SỰ THỌ BỒ TÁT GIỚI**

Căn cứ vào Kinh Anh Lạc quyền hạ nói: “Thọ giới có ba thứ: một là ở trước Phật. Bồ Tát hiện tại đấng chân thật thượng phẩm giới. Hai là sau khi Phật, Bồ Tát diệt độ, trong vòng ngàn dặm có người đã thọ giới Bồ Tát, thỉnh người ấy làm Giới sư truyền giới cho mình, trước hết phải đánh lễ và thưa như sau: “Thỉnh Đại Tôn giả làm thầy truyền giới cho con”. Người đệ tử ấy được chánh pháp giới là trung phẩm giới. Ba là sau Phật diệt độ, lúc trong vòng ngàn dặm không có Pháp sư, phải ở trước hình tượng Phật, Bồ Tát quỳ gối chấp tay tự thọ giới là hạ phẩm giới”.

Căn cứ vào điều giới khinh thứ 23 của Phạm Võng nói: “Sau Phật diệt độ, người hảo tâm muốn thọ Bồ Tát giới ở trước hình tượng Phật, Bồ Tát tự thọ giới, phải ở trước Phật sám hối 7 ngày, thấy hảo tướng thì đắc giới. Nếu không được thấy hảo tướng thì phải sám hối 21 ngày đến một năm, cho đến khi thấy hảo tướng rồi mới ở trước tượng Phật, Bồ Tát thọ giới. Nếu không thấy được hảo tướng thì tuy trước tượng Phật thọ giới cũng không đắc giới. Nếu hiện tiền ở trước vị Pháp sư đã thọ Bồ Tát giới, không cần phải thấy hảo tướng. Vì có sao? Vì Pháp sư này, sư truyền thọ, vì sinh tâm kính trọng nên đắc giới. Nếu trong ngàn dặm không có thọ giới sư thì trước hình tượng Phật, Bồ Tát thọ giới, nhưng cần phải thấy hảo tướng”.

Tổng hợp các điều của Anh lạc, Phạm Võng điểm đại đồng mà có tiểu dị. Anh Lạc nêu ra ba thứ pháp thọ giới: Từ Phật hiện tiền thọ, là thượng phẩm; sau Phật diệt độ từ thầy thọ, là trung phẩm; không thầy tự thọ, là hạ phẩm. Phạm Võng tuy chưa đề cập từ Phật hiện tiền thọ, nhưng chỉ biểu thị rõ ràng “Sau Phật diệt độ” có hai cách: ở trước thầy thọ và tự thọ. Thật ra cũng ám chỉ một phương pháp ở thời Phật

hiện tiền thọ. Nhưng trong Anh Lạc, tự thệ thọ chưa nói tới cần phải thấy hảo tướng mới đắc giới, bằng không, thì không đắc giới.

Đây cũng là một vấn đề làm cho các vị Cổ đức cảm thấy cần phải tìm cách giải thích. Nhưng tự thệ thọ giới cần hay không cần phải thấy được hảo tướng, cuối đời Minh, Đại sư Ngẫu Ích trong bộ Tỳ Ni Hậu Tập Vấn Biện có một giải thích chiết trung, Ngài nói: “người cầu giới nên tự xét, nếu có thể niệm cùng bi trí tương ứng, trên gánh vác Chánh pháp, dưới thương xót chúng sinh, thì có thể tuân theo Anh Lạc, Địa Trì, giả sử không gặp thầy, phải cầu hảo tướng. Nếu hiện có minh sư, tâm lại kiêu mạn không theo minh sư cầu thọ giới, lại hướng về hình tượng Phật, Bồ Tát cầu đây là điều mà hai Kinh Anh Lạc, Phạm Võng không cho, ngũ hồi (là pháp sám hồi do Đại sư Trí Giả lập ra gồm 5 mục: 1. Sám hồi, 2. Khuyến thỉnh, 3. Tùy hỷ, 4. Hồi hướng, 5. Phát nguyện) trọn không thành công.

Căn cứ vào Giới Sở của Đại sư Trí Giả, đem phương pháp thọ giới phân làm ba loại:

### **1. Đối chư Phật thọ giới, có 2 thứ:**

a- Chân Phật: Như Diệu Hải Vương và ngàn người con từ Xá Na Phật thọ Bồ Tát giới.

b- Tượng Phật: Như tượng Phật bằng vàng đồng, gỗ, đá, đất, hoa v.v... trong ngàn dặm không có thầy, được hướng về tượng Phật cầu được thấy hảo tướng để tự thệ thọ giới.

### **2. Đối thánh nhân thọ giới, cũng có hai thứ:**

a- Chân Thánh: Thập địa Bồ Tát và Đẳng giác Đại sĩ lúc hiện tiền có thể đối với các Ngài là duyên phát giới.

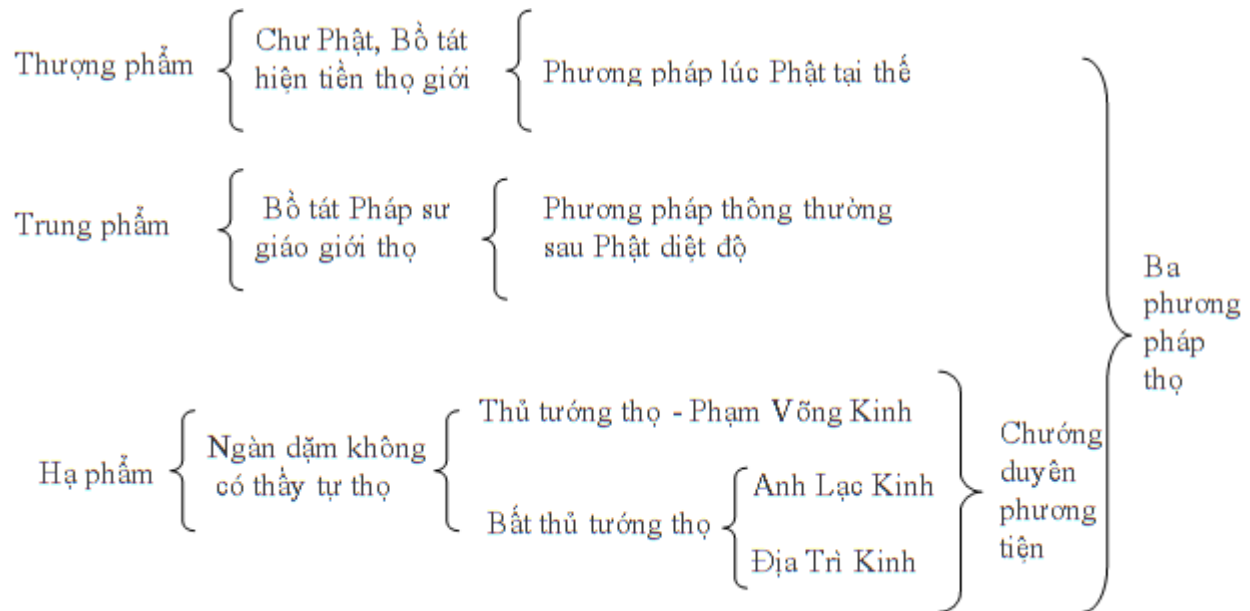
b- Tượng Thánh: Tức hình tượng Bồ Tát; nếu chỉ dùng hình tượng Bồ Tát e thành ra cái lỗi khinh thường. Kinh Địa Trì chỉ nói tượng Phật, chưa nói tượng Bồ Tát; trong Kinh Phạm Võng, Anh Lạc nói: Phật, Bồ Tát là ý nói bên Phật có Bồ Tát.

### **3. Đối phàm phu Pháp sư thọ giới**

Sau khi Phật diệt độ, nếu người muốn cầu thọ Bồ Tát giới, tuy có hai pháp thức: Từ thầy thọ và tự thệ thọ, nhưng thật ra lấy từ thầy thọ giới làm chính, làm gốc. Tự

thệ thọ giới là một pháp phương tiện bất đắc dĩ. Nếu như không coi ai ra gì, cho rằng không có người nào đủ tư cách làm Giới sư cho mình mà tự thệ ở trước hình tượng Phật, Bồ Tát thọ, thì rất khó đắc giới.

Nay đem chủng loại của sự thọ Bồ Tát giới liệt vào biểu đồ sau:



Bồ Tát giới cũng giống như ngũ giới có thể thọ toàn bộ hay tùy phần. Điều này xuất xứ từ trong Kinh Anh Lạc quyển hạ. Có người thọ 1 giới gọi là nhất phần Bồ Tát, cho đến 2 phần, 3 phần, 4 phần, 10 phần gọi là Cụ túc thọ giới. Điều này trong Thái Hiền Phạm Võng Cổ Tích Ký quyển hạ nói rõ hơn: “Một phần thọ, tùy theo ý thích của người thọ lãnh nhận được hoặc thọ một giới hoặc nhiều đều được thành giới, gọi là Bồ Tát. Còn giới Thanh văn, bắt buộc thọ trì tất cả, nếu thọ một phần không được gọi là Tỳ Kheo, nghĩa là nếu muốn hiện thời đắc A la hán viên mãn quỹ tắc, kiến lập học xứ, thì phải thọ đủ thập giới và Cụ túc giới. Bồ Tát không như vậy, nghĩa là không phải hiện đời thành Phật, vì phải trải qua vô số đại kiếp tu hành. Tuy chỉ cần hiểu lời nói của Pháp sư, chỉ thọ một giới còn hơn tất cả công đức của Nhị thừa. Công đức của La hán chỉ vì tự thân, đối với hữu tình không có ân phần. Một giới Bồ Tát vì độ tất cả chúng sinh, không một chúng sinh nào không mang ân”. Đây là đạo lý đối với tùy phần thọ trì Bồ Tát giới đã rõ ràng rồi. Công đức của Bồ Tát là từ phần của tất cả chúng sinh mà được, như trì một giới sát thì ở trong phần tất cả chúng sinh đều được công đức của bất sát, thế nên công đức lớn. Tiểu thừa giới chỉ vì tự thân chẳng thọ sinh tử, chỉ nghĩ đến sinh tử của chính

mình, chứ không phải nghĩ vì chúng sinh, cho nên công đức nhỏ. Thành Phật là một sự nghiệp vĩ đại của nhiều kiếp, Bồ Tát đạo là nhân thành Phật, thế nên Bồ Tát không cần hiện đời thành Phật, tùy phần thọ giới không có quan hệ. La hán có thể hiện đời tu chứng, do đó không thể tùy phần thọ giới. Đương nhiên Bồ Tát giới hoan nghinh chúng sinh mãn phần thọ giới, mãn phần thọ là thọ hết tất cả giới pháp của Tam tụ tịnh giới.

---o0o---

## II. PHÁP TỰ THỆ THỌ GIỚI

Trong Bồ Tát Giới Thọ Tùy Cương Yếu Biểu của Đại sư Hoằng Nhất nói: “Văn tự thệ thọ giới thấy trong Luận Du Già sư địa, Phạm Võng cần phải thấy hảo tướng. Nếu y theo Kinh Chiêm Sát Bốn Nghiệp và Luận Du Già là có thể thọ ngay”. Về vấn đề cần thấy hảo tướng hay không, đã thảo luận ở tiết trên.

Tự thệ thọ giới, phương pháp thọ như thế nào? Nay đem “Bồ Tát Anh Lạc Tự Thệ Bồ Tát Ngũ Trọng Giới Pháp” do Đại sư Hoằng Nhất y kinh soạn ra, tôi xin chép ra đây để cùng tham khảo.

### 1. Lễ kính Tam Bảo

(Nhất tâm kính lễ, quá khứ thế tận quá khứ tế nhất thiết Phật.

(Nhất tâm kính lễ, vị lai thế tận vị lai tế nhất thiết Phật.

(Nhất tâm kính lễ, hiện tại thế tận hiện tại thế nhất thiết Phật.

(Nhất tâm kính lễ, quá khứ thế tận quá khứ tế nhất thiết Pháp.

(Nhất tâm kính lễ, vị lai thế tận vị lai tế nhất thiết Pháp.

(Nhất tâm kính lễ, hiện tại thế tận hiện tại tế nhất thiết Pháp.

(Nhất tâm kính lễ, quá khứ thế tận quá khứ tế nhất thiết Tăng.

(Nhất tâm kính lễ, vị lai thế tận vị lai tế nhất thiết Tăng.

(Nhất tâm kính lễ, hiện tại thế tận hiện tại tế nhất thiết Tăng.

### 2. Thọ tứ y

Từ nay đến tận vị lai tế thân quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, quy y Pháp giới (nói 3 lần).

### **3. Hối tội**

(Nếu hiện tại, thân, miệng, ý tội thập ác nguyện tuyệt đối không phạm, tận vị lai tế.

(Nếu vị lai, thân, miệng, ý tội thập ác nguyện tuyệt đối không phạm, tận vị lai tế.

(Nếu quá khứ, thân, miệng, ý tội thập ác nguyện tuyệt đối không phạm, tận vị lai tế.

Sám hối như vậy rồi, ba nghiệp thanh tịnh như lưu ly trong ngoài chiếu sáng (nói 3 lần).

(Phát tứ hồng thệ nguyện)

### **4. Tự thệ thọ giới**

“Con là ...bach thập phương Phật và đại địa Bồ Tát,con học Bồ Tát ngũ trọng giới (nói 3 lần).

### **5. Nói giới tương**

(Từ nay cho đến thành Phật, trong khoảng này, không được cố sát sinh. Nếu có phạm, không phải là hạnh Bồ Tát, mất 42 pháp Hiền thánh; không được phạm, trì được không?

Được. (Tự đáp)

(Từ nay cho đến thành Phật, trong khoảng thời gian này không được cố vọng ngữ. Nếu có phạm, không phải là hạnh Bồ Tát, mất 42 pháp Hiền thánh, không được phạm, trì được không?

Được. (tự đáp)

(Từ nay cho đến thành Phật, trong khoảng này không được cố dâm. Nếu có phạm, không phải là hạnh Bồ Tát, mất 42 pháp Hiền thánh, không được phạm, trì được không?

(tự đáp): Được.

(Từ nay cho đến thành Phật, trong khoảng này không được cố bán rượu. Nếu có phạm, chẳng phải là hạnh Bồ Tát, mất 42 pháp Hiền thánh, không được phạm, trì được không ?

(tự đáp) : Được.

### 1. Tán thán giới đức.

Thọ giới rồi vượt qua tứ ma, thoát cái khổ tam giới, đời đời không mất giới này, thường theo người hành trì cho đến thành Phật.

(Hồi hướng)

Một pháp tự thệ thọ giới này của Đại sư Hoàng Nhất có thể là do sự tham khảo pháp thọ giới Bồ Tát của Đại sư Ngẫu Ích chiếu theo các Kinh Phạm Võng, Anh Lạc, Địa Trì trùng định mà ra, nhân vì phương thức biên đính của hai pháp thọ giới này đại thể tương đồng, chỉ khác ở tường tận hay sơ lược, và Đại sư Hoàng Nhất lấy tài liệu của Kinh Anh Lạc làm chủ yếu.

---o0o---

## III. PHÁP NƯƠNG THEO THẦY THỌ GIỚI

Nghi quỹ nương theo Bồ Tát Pháp sư thọ giới, từ ngài Tam Tạng La Thập và ngài Đàm Vô Sấm đến nay, các nhà tham khảo tổng hợp biên đính hơn 10 loại. Trong Giới Sớ của Đại sư Trí Giả đã nêu ra 6 loại : Phạm Võng, Địa Trì, Cao Xương, Anh Lạc, Tân Soạn, Chế Chỉ, ngoài ra còn có bản của Pháp sư Huyền Sướng chưa liệt vào trong 6 loại này. Về sau lại có Pháp sư Nghĩa Tịch, Luật sư Linh Chi Kiến Nguyệt, Đại sư Ngẫu Ích đều có biên đính. Đến ngày nay, gần đây có Pháp sư Tục Minh biên đính một pháp thọ giới. Pháp sư Tục Minh rất suy tôn pháp thọ giới của Đại sư Ngẫu Ích, Ngài nói :”Nghi quỹ truyền Bồ Tát giới nhiều đời biên đính, thấy lưu hành đến đời nay được hơn 10 loại, đại để đều lấy các Kinh Anh Lạc, Phạm Võng, Du Già Giới Phẩm và Bản cổ Cao Xương tổng hợp thành. Bồ Tát Giới Sớ của Thiên Thai đưa ra 12 môn, Đại sư Trạm Nhiên có “Thọ Bồ Tát Giới Nghi” thứ lớp hoàn toàn đồng, văn cú hơi khác. Đại sư Ngẫu Ích có “Trùng Định Thọ Bồ Tát Giới Pháp” ghi trong bộ Luật Yếu Hậu Tập, đáng được xem là giản dị, vừa chừng, được lưu hành nhưng không phổ biến, thật ít thấy nghe” (xem Giới Học Thuật Yếu).



Nhưng trong Bồ Tát Giới Thọ Tùy Cương Yếu Biểu nói : “Các Sư nêu ra nghi quỹ bất đồng, Nghi quỹ của Luật sư Linh Chi soạn là hay và hoàn bị hơn hết, được ghi chép trong Chi Uyển Di Biên”.

Bút giả tự xét không cao minh bằng Cổ đức và chư hiền đồng thời, nên không dám biên đính một pháp thọ Bồ Tát giới mới. Tuy nhiên, luận theo chỗ cần thiết, pháp thọ giới viết bằng văn ngôn không hợp với sự vận dụng của người thời nay. Bởi vì nội dung của văn ngôn trong khi thọ giới không dễ gì nghe qua một lần mà hiểu, nên thọ giới cũng không được đặc giới. Nhưng tôi vẫn dám hạ bút biên đính nghi quỹ thọ giới theo văn ngữ thể. Do đó chỉ giới thiệu cho độc giả xem pháp thọ giới được người tôn sùng để cùng tham khảo và vận dụng.

### **1. Truyền Thọ Bồ Tát Giới Chánh Phạm**

Bộ này do Luật sư Kiến Nguyệt cuối đời Minh biên đính. Ngài nói trong văn Kinh Bồ Tát Anh Lạc Bồ Nhiệp và Di Lạc Bồ Tát Sở Thuyết Bồ Tát Giới Yết Ma đều nói, cho nên nay hội hợp thêm vào nghi quỹ để tuân hành có căn cứ. Chỉ vì bộ này hành văn quá dài, quá nhiều, cho nên đây là một thứ nghi quỹ dùng thích hợp cho giới tràng lớn thọ giới tập thể, cũng là một loại pháp thọ giới lưu thông rất rộng trong thời gian gần đây. Vì văn nghĩa quá dài, ở đây chỉ ghi lại môn loại của nó như sau:

1. Phu tòa kết đàn giới.
2. Pháp thỉnh sư nhập đàn.
3. Pháp lễ kính Tam Bảo.
4. Pháp chánh thỉnh sư.
5. Pháp khai đạo giới.
6. Pháp thỉnh Thánh.
7. Thọ tứ bất hoại tín.
8. Pháp sám hối quá.
9. Pháp phát nguyện.
10. Pháp phát giới thể.

11. Pháp duyên giới tướng.

12. Kết tán hồi tướng.

## **2. Thọ Đại Thừa Bồ Tát Giới Nghi**

Đây là loại nghi quỹ được Đại sư Hoàng Nhất khen là “hay đẹp và hoàn bị hơn hết”. Bộ này do luật sư Linh Chi Nguyên Chiêu soạn, được thu thập vào Chi Uyển Di Biên quyển 2. Trước nghi quỹ thọ giới có chừng hai ngàn chữ thuyết minh phân biệt khai thị về nguyên do và chủng loại của Bồ Tát giới và nói về ý nghĩa của giới pháp, giới thể, giới hạnh, giới tướng. Về nội dung của nghi quỹ thọ giới, chưa đem giới tướng của 48 giới kinh vào, so với Truyền Giới Chánh Phạm là thiếu, nhưng trừ điều văn của 10 giới trọng đã liệt ra, giới khinh chỉ nói sơ lược ba điều : một là giới uống rượu, hai là giới ăn thịt, ba là giới ăn ngũ tân. Đây cũng có thể thấy duyên cớ Luật sư Linh Chi đặc biệt coi trọng ba điều giới khinh có quan hệ đến sự ăn uống này.

Theo tôi thấy, nội dung bộ nghi quỹ của Luật sư Linh Chi biên đính đích xác là rất “hay đẹp và hoàn bị”. Văn tự giản dị, nội dung đầy đủ, gần như đem các thứ yếu nghĩa và nghi tiết của Bồ Tát giới bao quát hết vào trong. Chỗ bất đồng lớn của nghi quỹ này với Truyền Giới Chánh Phạm là sự phô bày giới tràng đã có thể dùng cho nhiều người đồng thọ, cũng có thể dùng cho một người thọ. Đối với nhân số Giới sư cũng chủ trương chỉ thỉnh một vị A xà lê giáo giới thôi. Truyền Giới Chánh Phạm đồng như Tỳ kheo giới, phải thỉnh Tam sư đăng đàn, ở giữa là Bồ Tát Pháp sư, hai bên là 2 vị A xà lê, đây là căn cứ theo Phổ Hiền Quán Kinh. Vì thế, nghi quỹ của Luật sư Linh Chi không có thiết trí hình thức lớn lao. Còn có một điểm bất đồng nữa là Truyền Giới Chánh Phạm liệt kê 12 môn, Luật sư Linh Chi chỉ nêu ra 10 môn. Vì nội dung quá nhiều ở đây chỉ giới thiệu cương mục của 10 môn:

1. Cầu sư truyền pháp.

2. Thỉnh Thánh chứng minh.

3. Cầu Phật gia hộ.

4. Sách đạo khuyến tín.

5. Phát lồ sám hối.

6. Thỉnh sư cầu xin giới.

7. Lập thế hỏi giá nạn.

8. Gia pháp nạp thế.

9. Thuyết tướng thị giới.

10. Thán đức phát nguyện.

3. Trùng Định Thọ Bồ Tát Giới Pháp.

Đây là pháp thọ giới Bồ Tát do Đại sư Ngẫu Ích biên đính, nội dung giản đơn mà thiết yếu, đáng tiếc là ít được lưu thông, lại ít có người ứng dụng, cho nên tôi đem toàn văn sao lục như sau để truyền bá rộng và ước mong có người ứng dụng. Nghi quỹ này đối với xã hội ngày nay thì tiếc kiem được thời gian mà lại thọ giới đúng như pháp, thật là điều rất quý! Dưới đây là nguyên văn, phần trong dấu ngoặc là lời bạch của nghi quỹ, nguyên bản không có dấu ngoặc, dùng chữ nhỏ để chú, hiện tại vì phương tiện ấn loát nên đổi lại cùng dấu ngoặc, mong độc giả thông hiểu.

(Nếu các Bồ Tát muốn học Bồ Tát Tam tụ tịnh giới, hoặc tại gia, hoặc xuất gia trước hết đối với Vô thượng Bồ đề phát hoàng nguyện rồi, xét kỹ cầu Bồ Tát Pháp Sư công đức đầy đủ, có trí, có lực, trước lễ thầy, trích áo bày vai hữu, quỳ gối chấp tay cung kính, thỉnh như sau):

(Đại đức úc niệm, con là ... ở chỗ Đại đức xin thọ tất cả tịnh giới Bồ Tát, duy trong chốc lát không từ lao nhọc xót thương cho con được thọ (nói 3 lần).

(Đã thỉnh sư rồi, đi đến trước tượng đốt hương thành kính, hoặc thanh chúng cử bài Hương tán, hương tán xong nhất tâm cung kính, hướng thập phương Tam bảo chí thành lễ bái):

(Nhất tâm đánh lễ quá khứ thế tận quá khứ tế nhất thiết chư Phật.

(Nhất tâm đánh lễ vị lai thế tận vị lai tế nhất thiết chư Phật.

(Nhất tâm đánh lễ hiện tại thế tận hiện tại tế nhất thiết chư Phật.

(Nhất tâm đánh lễ quá khứ thế tận quá khứ tế nhất thiết tôn Pháp.

(Nhất tâm đánh lễ vị lai thế tận vị lai tế nhất thiết tôn Pháp.

(Nhất tâm đánh lễ hiện tại thế tận hiện tại tế nhất thiết tôn Pháp.

(Nhất tâm đánh lễ quá khứ thế tận quá khứ tế nhất thiết Hiền thánh.

(Nhất tâm đánh lễ vị lai thế tận vị lai tế nhất thiết Hiền thánh.

(Nhất tâm đánh lễ hiện tại thế tận hiện tại tế nhất thiết Hiền thánh.

(Mỗi câu lạy một lạy, kể đến lại khiêm hạ cung kính, quỳ gối đối trước tượng Phật, chắp tay thỉnh sư):

(Duy nguyện Đại Đức xót thương truyền cho con tịnh giới Bồ Tát.

(Thỉnh rồi chuyên niệm một cảnh, trưởng dưỡng tịnh tâm, suy nghĩ như vậy: Tôi nghĩ chẳng bao lâu sẽ đắc vô tận vô lượng đại công đức tạng. Bây giờ, Giới sư phải hỏi rằng):

(Thiện nam tử lắng nghe: Ông phải là Bồ Tát không?

Đáp: Phải.

(Phát bồ đề nguyện không?

Đáp: Đã phát.

(Thiện nam tử lắng nghe! Các ông nay muốn ở chỗ ta thọ chư Bồ Tát tất cả học xứ, thọ chư Bồ Tát tất cả tịnh giới, nghĩa là Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới, Nhiêu ích hữu tình giới. Học xứ như thế, quá khứ tất cả Bồ Tát đã đủ, vị lai tất cả Bồ Tát sẽ đủ, khắp mười phương hiện tại tất cả Bồ Tát hiện đang đủ.

Đối với học xứ này, đối với tịnh giới này, quá khứ tất cả Bồ Tát sẽ học, khắp 10 phương hiện tại tất cả Bồ Tát đang học, ông thọ được không ?

Đáp: Thọ được

(Ba lần hỏi đáp như vậy xong, kể đó phải nói)

(Phật tử phải thọ tứ bất hoại tín.

(Từ đây trở xuống, ba tiết: Quy y, hồi quá, phát nguyện đều phải tự nói. Nếu không tự nói được, Sư phải dạy nói):

(Từ nay cho đến tận vị lai tế, thân quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, quy chánh pháp giới (nói 3 lần).

Phật tử! kể đây phải sám hối tam thế tội :

(Nếu quá khứ, thân, miệng, ý, tội thập ác, nguyện cứu cánh không khởi, tận vị lai tế.

(Nếu hiện tại thân, miệng, ý, tội thập ác, nguyện cứu cánh không khởi, tận vị lai tế.

(Nếu vị lai, thân, miệng, ý, tội thập ác, nguyện cứu cánh không khởi, tận vị lai tế.

(nói 3 lần)

Phật tử! Hối quá như thế rồi, ba nghiệp thanh tịnh như tịnh lưu ly trong ngoài chiếu sáng. Kể đó phát tứ hoằng thệ nguyện:

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

Pháp môn vô thượng thệ nguyện học.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

(nói 3 lần)

Phật tử đã phát tứ hoằng thệ nguyện xong, tôi sẽ vì ông bạch ba phen chứng minh thọ giới. Ông nên nhất tâm lắng nghe và tác ý tư duy. Phải biết: Bạch lần đầu xong, mười phương thế giới diệu thiện giới pháp do tâm nghiệp lực thủy đều chấn động. Bạch lần thứ hai xong, mười phương thế giới diệu thiện giới pháp như mây như lọng phủ che trên đỉnh ông. Bạch lần thứ ba xong, mười phương thế giới diệu thiện giới pháp từ đỉnh của ông chảy vào thân tâm sung mãn chánh báo, tận vị lai tế hằng làm Phật chủng. Đây là vô tác giới thể, vô lậu sắc pháp, do thiện tâm tăng thượng của ông cảm được, thế nên ông phải chí thành đánh thọ.

(Bấy giờ người thọ giới quỳ gối như cũ. Giới sư đứng dậy đối trước tượng Phật, cung kính cúng dường khắp 10 phương hiện tại Tam Bảo, đánh lễ chấp tay bạch như vậy):

( Ngưỡng khả thập phương vô biên vô tế. Phật Bồ Tát trong các thế giới. Nay trong đây hiện có Bồ tát... ở chỗ Bồ tát tôi nói 3 lần thọ Bồ tát giới, tôi vì làm chứng. Duy nguyện thập phương vô biên vô tế chư Phật Bồ tát trong các thế giới là bậc chân thánh đệ nhất, hiện hoặc không hiện thân bậc Giác ngộ ở chỗ tôi đây tác chứng cho việc thọ giới Bồ tát ( nói 3 lần )

(Kế đó Giới sư ngồi lại tòa nói giới tướng của thập trọng và khuyên trì):

Thiện nam tử lắng nghe! Bồ tát có 10 vô tận giới, nếu có phạm, chẳng phải hạnh Bồ tát, mất 42 pháp Hiền thánh, ông nên thọ trì:

§ Từ thân này cho đến thân Phật, trong khoảng này không được cố sát sinh, trì được không?

Đáp: được

§ Từ thân này cho đến thân Phật, trong khoảng này không được cố trộm cướp, trì được không?

Đáp: được

§ Từ thân này cho đến thân Phật, trong khoảng này không được cố dâm, trì được không?

Đáp: được

§ Từ thân này cho đến thân Phật, trong khoảng này không được cố vọng ngữ, trì được không?

Đáp: được

§ Từ thân này cho đến thân Phật, trong khoảng này không được cố bán rượu, trì được không?

Đáp: được

§ Từ thân này cho đến thân Phật, trong khoảng này không được cố nói dối của Bồ tát tại gia, xuất gia, trì được không?

Đáp: được

§ Từ thân này cho đến thân Phật, trong khoảng này không được cố tự khen mình chê người, trì được không?

Đáp: được

§ Từ thân này cho đến thân Phật, trong khoảng này không được cố xan tham, trì được không?

Đáp: được

§ Từ thân này cho đến thân Phật, trong khoảng này không được cố giận hờn, trì được không?

Đáp: được

§ Từ thân này cho đến thân Phật, trong khoảng này không được cố phi báng Tam bảo, trì được không?

Đáp: được

§ Phật tử! Thọ 10 vô tận giới rồi, người thọ giới vượt qua tứ ma, thoát khỏi tam giới, đời đời không mất giới này, giới này thường theo người hành trì cho đến thành Phật. Phải biết tịnh giới này của Bồ tát đã thọ là tối thắng vô thượng, vô lượng vô biên đại công đức tạng đi theo, đệ nhất tối thượng thiện tâm ý lạc phát khởi, hay trừ diệt hết thảy các ác hạnh của tất cả hữu tình; tất cả biệt giải thoát luật nghi đối với Bồ tát luật nghi giới này trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một số phần, kế phần, toán phần, dụ phần, cho đến ô ba ni sát đàm phần (dịch là cận thiếu, nghĩa là vi trần, là phần cận thiếu của sắc) cũng chẳng bằng một, vì nhiếp thọ tất cả đại công đức.

(Người truyền và thọ Bồ tát giới đều đứng dậy và đánh lễ thập phương Tam bảo, thanh chúng đồng tụng):

Thọ giới công đức thù thắng hạnh

Vô biên thắng phước đều hồi hướng

Nguyện khắp các chúng sinh chìm đắm

Chóng qua cõi Phật Vô Lượng Quang

Thập phương tam thế hết thầy Phật

Tất cả Bồ tát Ma ha tát

Ma ha Bát nhã Ba la mật

( Lễ Tam bảo xong , người thọ giới Bồ tát phải lễ tạ Giới sư và chư đại chúng rồi cung kính lui ra )

---o0o---

## LỜI BẠT

Xét thấy Tỳ kheo thọ giới, Luật có định pháp thức năm bộ tuy khác, nhưng phần lớn đồng, chỉ có chút phần nhỏ khác, cho nên phải chuyên tuân theo bộ Tứ Phần, bỏ bớt phần rườm rà. Pháp thọ Bồ tát giới, kinh luận đều riêng khác Phạm Võng, Anh Lạc, Địa Trì, Thiện Giới, và Tâm Địa Quán tùy theo trường hợp riêng biệt, tân tường hay sơ lược khác nhau. Thế nên chế chỉ, giáo hành v.v.. mỗi loại giữ ý riêng của mình, lập theo khoa điều, tuy văn từ đẹp đẽ, ý nghĩa tinh tường, nhưng hoặc nghĩa vì văn mà ẩn, nên không thẳng tắt bằng kinh luận. Ngày nay, pháp thọ giới của Phạm Võng đã thất truyền, chỉ còn bóng dáng sơ sai. Duy có Địa Trì, Anh Lạc là y nguyên. Tôi châm chước ba bộ hội thành một pháp thức khiến cho rõ ràng, giản dị, để người truyền, người thọ đều được dễ dàng, khỏi vướng phải cái lỗi rườm rà.

Trên đây là toàn văn của pháp thọ Bồ tát giới do Đại sư Ngẫu Ích trùng định. Vì tôi nhận thấy đây là một loại nghi quỹ rất thiết yếu trong số những nghi quỹ thọ giới Bồ tát do Cổ đức biên định nên tôi không ngại nhọc mà sao lục toàn bộ ra đây đồng thời vì muốn độc giả hiểu rõ điểm xuất phát và mục đích của sự biên đính kia, nên tôi cũng sao lục cả lời bạt sau văn thọ giới.

Sau cùng tôi muốn giới thiệu một loại pháp thọ Bồ tát giới của người gần đây do Pháp sư Tục Minh biên đính cũng giản đơn, thiết yếu. Pháp thọ giới của Đại sư Ngẫu Ích còn có khuyết điểm là chưa có liệt vào một môn “Vấn giá nạn”, nên chỉ có cái thiện của cảm giới mà không hỏi cái ác của chướng giới, trừ phi việc ấy trước đã phạm tội thất nghịch; bằng không thì không thể được. Trong pháp thọ giới của Pháp sư Tục Minh biên đính tất cả phân làm 12 môn, “Vấn giá nạn” là một môn trong số ấy. Đây là điều đáng nhận lấy.



## ***Chương 6 : Sau Khi Thọ Bồ Tát Giới***

### **I. TRÌ PHẠM VÀ ĐẶC THẤT CỦA BỒ TÁT GIỚI**

Đã thọ Bồ tát giới rồi, phải hiểu rõ vấn đề đề trì phạm và đặc thất. Chỗ bắt đồng lớn nhất của Bồ tát giới là Thanh văn (Tiểu thừa) giới có hai điểm: Một là đối tượng trì giới, hai là thời gian thọ trì.

Chương trước đã nói sơ lược, Bồ tát tuy trì một giới, công đức còn lớn hơn Tiểu thừa trì cụ túc giới, vì mỗi giới của Bồ tát là “Vô tận giới”. Trì một giới tức là ở trên phần của tất cả chúng sinh được công đức trì giới cũng vô tận; vì thế, sự lớn lao của công đức thọ trì Bồ tát giới không có pháp nào tỷ dụ được. Thế nên, Kinh Anh Lạc quyền hạ nói: “Pháp sư hay ở trong tất cả quốc độ giáo hóa một người xuất gia thọ Bồ tát giới, phước của Pháp sư này hơn tạo 8 vạn 4 ngàn tháp”.

Lại nói: “Người thọ giới này được vào trong số Bồ tát ở cõi chư Phật, vượt qua cái khổ ba kiếp sinh tử” Lại nói: “Có mà phạm, còn hơn không có không phạm. Có mà phạm gọi là Bồ tát, không có không phạm gọi là ngoại đạo”.

Đủ biết công đức giáo hóa người khác xuất gia thọ Bồ tát giới so với công đức tự mình thọ Bồ tát giới lại càng lớn hơn. Có người cho rằng thọ giới cố nhiên công đức rất lớn, tội lỗi của phạm giới cũng rất lớn, chỉ sợ thọ giới rồi mà không thể kiên trì giữ gìn cho không phạm, vì thế không dám thọ giới, nhưng ở đây đã nói rõ: “Có mà phạm còn hơn không có không phạm “Tại sao vậy? Đây là công đức tác dụng của Bồ tát giới, bởi vì trì giới là giữ gìn đối với tất cả chúng sinh. Tỷ như phạm giới sát sanh, giả sử mỗi ngày giết, lúc nào cũng giết, cũng không thể giết hết chúng sinh; giết một chúng sinh chỉ ở trên thân một chúng sinh đắc tội. Vì thế lại nói: “Có phạm gọi là Bồ tát, không phạm gọi là ngoại đạo. Lại gọi Bồ tát giới là “42 pháp Hiền thánh”, nghĩa là Bồ tát của 42 ngôi vị (30 Hiền vị thêm 12 Thánh vị ) là do thọ trì Bồ tát giới mà được. Vì thế Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giới là gốc Vô thượng Bồ đề”. Kinh Phạm Võng nói: “Chúng Bồ tát nhiều như vi trần do giới này thành Chánh giác”.

Vấn đề thứ hai là thời gian thọ trì, Tiểu thừa giới có năm thứ nhân duyên xả, mất giới thể: 1. Mạng chung (chết), 2. Hai hình (bộ sinh dục nam nữ biến tánh), 3. Đoạn thiện căn , 4. Tác pháp (đối với Tỳ kheo đồng pháp hiểu lời nói cho đến một

người tục tuyên bố xả giới), 5. Phạm giới trọng (phạm 4 giới căn bản). Nhưng Bồ tát thì bất đồng. Bồ tát giới không phải là “suốt đời thọ trì” mà là tận vị lai tế thọ trì, vì thế mạng chung không xả giới. Bồ tát không cự tuyệt người tánh tội và biến tánh, vì thế, người hai hình không mất giới. Bồ tát giới chỉ có hai trường hợp mất giới: Một là phạm giới trọng, hai là cố ý xả Bồ đề tâm. Phạm giới trọng có hai loại: Một là phá trọng giới, là do thượng phẩm phiền não triền phạm (như cố ý giết người), hai là ô trọng giới, là do trung phẩm phiền não triền phạm (như lầm giết người, không cố ý mà ngộ sát). Phá trọng giới thì mất Bồ tát giới, ô trọng giới còn có thể y pháp sám hối. Nói về thượng phẩm phiền não triền phạm, trong Luận Du già nói: “Nếu Bồ tát hủy phạm bốn pháp tha thắng xứ, luôn luôn hiện hành, không biết hổ thẹn, lại còn rất ưa thích, cho đó là công đức, phải biết đây gọi là thượng phẩm triền phạm”. Cố xả bỏ đại Bồ đề tâm tức là tuyên bố với người khác rằng: Tôi không làm Bồ tát nữa hoặc không tin có Bồ tát hạnh, hoặc cho rằng Đại thừa không hay bằng Tiểu thừa và không học pháp Đại thừa cho đến không tin Phật pháp mà tin ngoại đạo. Đây đều thành nhân duyên xả Bồ tát giới.

Ưu bà tắc Giới Kinh quyển 7 nói : “Xả giới có 6 loại: 1. Lúc đoạn thiện căn, 2. Lúc được 2 căn nam nữ, 3. Lúc xả thọ mạng (chết), 4. Lúc thọ ác giới (như phát thệ làm chức nghiệp hung thủ), 5. Lúc xả giới, 6. Lúc xả thân Dục giới”. Nhưng chúng ta đã nói qua, Ưu bà tắc giới không thể xem là Bồ tát giới, vì thế nó có một cách nói riêng biệt.

Trên thực tế, Kinh Anh Lạc nói : “Bồ tát giới là có phạm không mất”. Sau khi đã thọ Bồ tát giới, đời đời cho đến thành Phật đều vĩnh viễn theo nhau, bởi vì giới thể là một thứ vô lậu sắc pháp (thể vật chất), không hình trạng, không biểu tượng. Sau khi nó được huân trên bản tánh lý thể của chúng ta, chỉ có thể bị ngăn che chứ không thể bị thất lạc. Nói phạm giới trọng thì mất giới là nói vì bị ngăn che của pháp ác mà mất đi công năng của giới thể, chứ không phải là giới thể trên bản tánh lý thể của chúng ta bị thất lạc, đây là điều cần phải hiểu rõ. Vì thế, Kinh Phạm Võng cho người phạm mười giới trọng ở trước tượng Phật sám hối tội lỗi, thấy hảo tướng được thọ giới lại. Kinh Anh Lạc nói thẳng: Mười giới trọng có phạm, không có sám hối, nhưng được cho thọ lại”. Du già cũng nói: “Từ thượng phẩm triền phạm pháp tha thắng xứ như trên, mất giới luật nghi, phải thọ lại”. Ở đây sở dĩ bảo “thọ lại” là nhờ sức Phật, Bồ tát bên ngoài dẫn phát giới thể đã được huân từ trước khiến cho khôi phục lại công năng của giới lực mà thôi.

Chính vì Bồ tát giới là tận vị lai tế thọ trì, nên sau khi chuyển sinh, đa số chúng sinh tuy không nhớ được mình đã tận thọ giới, dù công năng của giới đã ẩn mất, nhưng giới thể ấy vẫn tồn tại trong tánh thể, vì thế vẫn có thể gặp duyên mà “tăng ích thọ giới” (thọ giới nữa). Nếu như chuyển sinh mà không có duyên thọ lại cho đến cũng không nhớ mình đã từng thọ, công năng của giới thể này vẫn sẽ có cơ hội hiển hiện, chỗ gọi là thiện căn, thì đây cũng chính là một thứ thiện căn.

Nhưng Kinh Anh Lạc nói: “Giới thể của Bồ tát phạm thánh, đều lấy tâm thể, thể nên tâm tận thì giới cũng tận, tâm vô tận thì giới cũng vô tận”. Có người thấy thế bèn cho rằng: Giới thể là tâm pháp (tinh thân) mà không phải sắc pháp (vật chất). Sự thật không phải vậy, nói tâm tận và vô tận là chỉ Bồ đề tâm, xả Bồ đề tâm là tâm tận, công năng giới thể cũng tận; phát đại Bồ đề tâm là tâm vô tận, công năng giới thể cũng vô tận. Cho nên tôi cho rằng: Phạm trọng giới là giới thể của ta bị ngăn che, xả bỏ Bồ đề nguyện mới là đem vô lậu sắc pháp của giới thể xóa mất

---o0o---

## II. PHÁP HỎI QUÁ CỦA BỒ TÁT

Phạm trọng giới, Kinh Anh Lạc nói: “Có phạm, không có hồi” là không thể hồi quá. Điều giới khinh thứ 41 của Kinh Phạm Võng nói: “Nếu phạm 10 giới trọng phải sám hối: ở trước hình tượng Phật Bồ tát ngày đêm 6 thời tụng 10 giới trọng, 48 giới khinh, siêng năng khó nhọc, lễ lạy tam thế ngàn Phật cầu được thấy hảo tướng. Nếu 7 ngày, 14 ngày, 21 ngày cho đến 1 năm phải thấy hảo tướng. Hảo tướng là thấy Phật đến xoa đầu, thấy ánh sáng, thấy bông hoa, các tướng lạ bèn được diệt tội”. Về Phạm giới khinh thì *Kinh Phạm Võng* nói: “*Nếu phạm 48 giới khinh, đối thú sám hối diệt*”.

Phương pháp sám hối giới trọng chỉ thấy một thứ như thế. Sám hối giới khinh, Phạm Võng chỉ nói: “Đối thú sám”. Anh Lạc cũng chỉ nói: “Được cho đối thú sám hối diệt tội” Còn làm thế nào để đối thú sám hối? Điều văn của Du già Giới Bản có nói như sau:

*“Nếu có vi phạm, phải đứng như pháp mau mau hồi trừ để được thanh tịnh trở lại.*

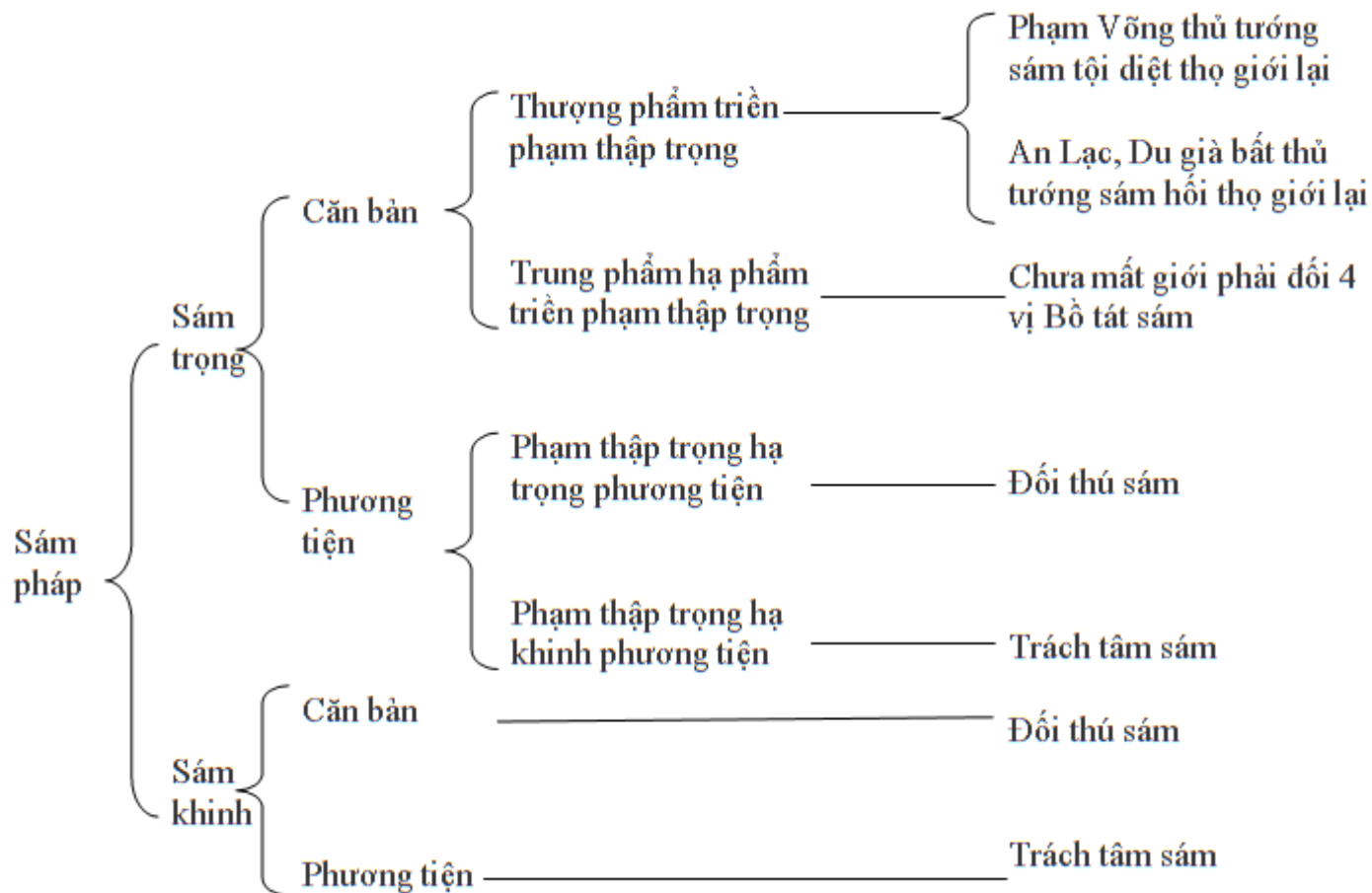
*Như vậy, tất cả điều Bồ tát vi phạm phải biết đều thuộc về ác tác, phải hướng về Bồ đặc già la (hữu tình chúng sinh) có năng lực, dùng lời nói biểu đạt được nghĩa, hay giác, hay thọ Đại thừa, Tiểu thừa mà phát lồ sám hối diệt tội.*

*Nếu trung phẩm triền phạm pháp tha thắng xứ như trên, phải đối trước ba Bồ đặc già la, hoặc nhiều hơn số đó, phải làm như pháp phát lồ trừ ác, trước phải thuật lại việc đã phạm, và bạch như vậy :”Trưởng lão! Chuyên chí”; hoặc nói: “Đại đức! Con tên là...vi phạm pháp Bồ tát Tỳ nại da, như pháp thuật lại sự việc phạm tội ác tác. “Ngoài ra, như pháp Bí số phát lồ sám hối diệt tội ác tác, cũng phải nói như vậy.*

*Nếu hạ phẩm triền phạm pháp tha thắng xứ như trên và những sự vi phạm khác phải phát lồ trước một Bồ đặc già la, pháp sám hối cũng giống như trước*

*Nếu không tùy thuận Bồ đặc già la để phát lồ hối trừ tội đã phạm, bây giờ Bồ tát đem tâm ý ưa thích thanh tịnh , khởi tâm tự thệ: Tôi sẽ quyết định phòng giữ đương lai không phạm lại nữa. Như vậy đối với tội phạm, được thanh tịnh trở lại”.*

*Căn cứ vào sự thuyết minh này và bộ Bồ tát Giới Thọ Tùy Cương Yếu Biểu của Đại sư Hoằng Nhất, pháp hồi quá của Bồ tát có thể liệt vào biểu đồ như sau:*



Bất luận giới trọng hay giới khinh, phạm giới đều có hai tội căn bản và phương tiện bất đồng. Căn bản là tội đã toại, còn phương tiện là chuẩn bị hoặc tiến hành phạm giới mà chưa hoàn thành sự thật phạm giới. Đối tượng của hồi tội, tốt nhất là chúng Bồ tát thanh tịnh đồng pháp; nếu không có Bồ tát đối với Tiểu thừa Tỳ kheo sám hồi cũng được. Sám pháp phân làm ba loại :Một là đối với 4 người (Du già giới *Bổn nói 3 người )hoặc 4 người trở lên sám. Hai là đối với một người sám. Ba là tự trách tâm sám .*Những lời tác bạch đối với 4 người sám và 1 người sám đồng. Vì thế, lời tác bạch sám hồi phân làm hai loại: một là đối với người bạch sám, hai là tự một mình bạch sám.

### 1. Sám pháp đối người

Lúc sám phải đủ oai nghi, quỳ gối chấp tay bạch với người thọ sám:

Chư Đại đức nhất tâm niệm, con là...cổ (nói tên giới đã phạm) phạm Ba la di tội. Nay hướng Đại đức phát lồ sám hối không dám làm nữa, xin Đại đức ức niệm cho con (nói 3 lần).

Sám hối chủ hoặc người thọ sám quả trách rằng: “Tự trách tâm ông, sinh nhàm là”.

Người sám đáp: Xin vâng.

## **2. Sám pháp trách tâm**

Người sám phải đủ oai nghi, sinh tâm hổ thẹn, đối với chính mình tự bạch: “Con là....cổ (nói tên giới đã phạm) phạm Ba la di, khinh phương tiện (hoặc khinh cầu tội), con nay trách tâm hối quá”. (nói 1 lần).

Nếu có phạm giới phải tùy phạm tùy hối. Nếu như việc gấp hoặc số người không đủ, ở mỗi nửa tháng thuyết giới Bồ tát cần phải sám hối cho thanh tịnh. Bằng không, có phạm bất tịnh mà nghe thuyết giới bèn thành tội phú tàng. (che giấu).

Thiện Giới Kinh nói: “Nếu Tỳ kheo phạm Ba dật đề không thẹn, không hối, nghe Bồ tát giới đắc tội Thâu lan giá. Nếu phạm Thâu lan giá không thẹn, không hối, nghe Bồ tát giới thì đắc tội Tăng tàn.

Nếu phạm Tăng tàn, không thẹn không hối, nghe Bồ tát giới thì đắc tội Ba la di. Đây là duyên có Bồ tát phú tàng, tội nặng hơn bốn tội. Đây là một lệ của Bồ tát giới nặng hơn Thanh văn giới, và đây cũng là một sự kiện mà người thọ Bồ tát giới không thể không biết.

---o0o---

## **III. THUYẾT GIỚI BỒ TÁT CỦA BỒ TÁT**

Cuối đời Minh, Luật sư Hoàng Tán trong Phạm Võng Lược Sớ nói:

“Bồ tát không có pháp yết ma, lúc Bồ tát thọ giới cũng không có yết ma” Lại nói: “Bồ tát thuyết giới không gọi là thuyết giới yết ma, chỉ gọi là thuyết giới Bồ tát”. Lại nói: “Người có tội chưa sám và người chưa thọ Bồ tát giới đều không cho cùng làm Bồ tát”.

Pháp yết ma là một thứ pháp nghị sự riêng có của Thanh văn tăng, cũng là một thứ quỹ tắc Tăng đoàn trụ trì, Phât pháp trụ thế. Bồ tát có trách nhiệm hóa độ thế gian, có trách nhiệm hộ trì Phât pháp mà ít có trách nhiệm chủ trì Phât giáo. Nếu như Bồ tát Tỳ kheo thì vẫn lấy thân phận Tỳ kheo trụ trì Phât giáo, chứ không phải thân phận Bồ tát trụ trì Phât giáo

Bồ tát là dịch âm của Phạn ngữ: Posadha, có nghĩa là thanh tịnh tam nghiệp và trưởng dưỡng công đức còn có nghĩa là Tịnh trụ. Thuyết giới nửa tháng một lần Đại thừa, Tiểu thừa giống nhau, nhưng Tiểu thừa gọi là Yết ma, Đại thừa gọi là Bồ tát.

Kinh Phạm Võng nói: “Phật bảo các Bồ tát rằng: Nay ta cứ mỗi nửa tháng tự tụng giới pháp chư Phật, các ông và tất cả Bồ tát phát tâm cũng tụng”. Lại nói: “Nếu người thọ Bồ tát giới không tụng giới này thì không phải là Bồ tát, không phải chúng tử Phật”. Điều giới kinh thứ 37 của Phạm Võng cũng nói: “Nếu ngày Bồ tát, tân học Bồ tát mỗi nửa tháng Bồ tát, lúc tụng 10 giới trọng 48 giới kinh phải ở trước hình tượng Phật, Bồ tát, một người Bồ tát, một người tụng; nếu hai người, ba người cho đến trăm ngàn người cũng một người tụng. Người tụng ngồi cao, người nghe ngồi thấp”. Điều giới kinh thứ 38 lại nói: “Phải ngồi thứ tự đúng như pháp, người thọ giới trước ngồi trước, người thọ giới sau ngồi sau”. Đây là nói tân học Bồ tát phải nửa tháng Bồ tát, vì sám tội để thanh tịnh tam nghiệp, nhờ tụng giới mà trưởng dưỡng công đức. Nhưng đối với sự tụng giới không hạn cuộc nửa tháng một lần, có thể mỗi ngày tụng cho đến luôn luôn tụng, tối thiểu là nửa tháng tụng một lần, nếu không tụng thì “Không phải là Bồ tát, chẳng phải là chúng tử Phật”.

Về pháp Bồ tát của Bồ tát giới, đại khái đồng với thuyết giới yết ma của Thanh văn. Nếu đông người, vị Đương trì đánh bảng hợp chúng, Duy na kiểm điểm số người, rồi bảo người chưa phát tâm Bồ tát, chưa thọ Bồ tát giới ra. Kế đó thỉnh Thượng tọa dâng hương, lên tòa .Kế tiếp hỏi có phạm, không phạm .có hối, không hối, rồi thỉnh người tụng rành rẽ, âm thanh rõ ràng lên tòa cao tụng giới. Nghi tiết đầy đủ có thể tham khảo pháp Bồ tát ghi trong Thiên Thai Bồ tát Giới *Sớ quyển hạ của ngài Minh Khoáng*. Nếu như một người tụng, Bồ tát xuất gia phải đắp 3 y cà-sa cửu điều, thất điều, ngũ điều. Sau khi ở trước Phật dâng hương lễ bái xong, quỳ gối trước Phật để tụng, hoặc ngồi tụng , đây là việc rất dễ làm.

Đối với vấn đề tụng giới của Bồ tát Tỳ kheo và Bồ tát tại gia, trong Giới Sớ của Ngài Nghĩa Tịch có nói: “Bồ tát Tăng Ni nửa tháng phải hai bên Bồ tát tụng hai bản Đại, Tiểu; không tụng phạm tội khinh cấu, Bồ tát tại gia nếu trong nhà có tịnh thất nửa tháng phải tự tụng. Nếu không có tịnh thất, mà trong 1 do tuần (10 km đến 15 km) có tự viện, tịnh xá làm Bồ tát Bồ tát phải qua nghe, nếu không đi nghe, phạm khinh cấu. Nếu trong nhà huyên não và trong 1 do tuần không có Bồ tát Bồ tát tập hội thì không phạm”.

Thiên này viết đến đây là kết thúc, do tài hèn sức kém, tuy viết hơn 4 vạn chữ mà vẫn chưa trình bày được hết nội dung của Bồ tát giới. Chúng tôi chỉ mong độc giả đọc xong thiên này có một khái niệm tổng quát về Bồ tát giới.

Ở Trung Quốc chú sớ nhiều đời nghiên cứu về Bồ tát giới phần đông lấy Phạm Võng Kinh Giới Bản làm chủ yếu, hiện còn Phạm Võng Chú Sớ trong Đại Chánh Tạng và Tục Tạng chữ Vạn có ước chừng 20 loại, độc giả nếu thích có thể căn cứ vào kết cấu bố cục của thiên sách này chỉ dẫn để tự nghiên cứu thêm.

---o0o---

Hết

---

<sup>1</sup> *Chánh Lượng Bộ* xuất phát từ *Độc Tử Bộ* thuộc *Thượng Toạ Bộ*.